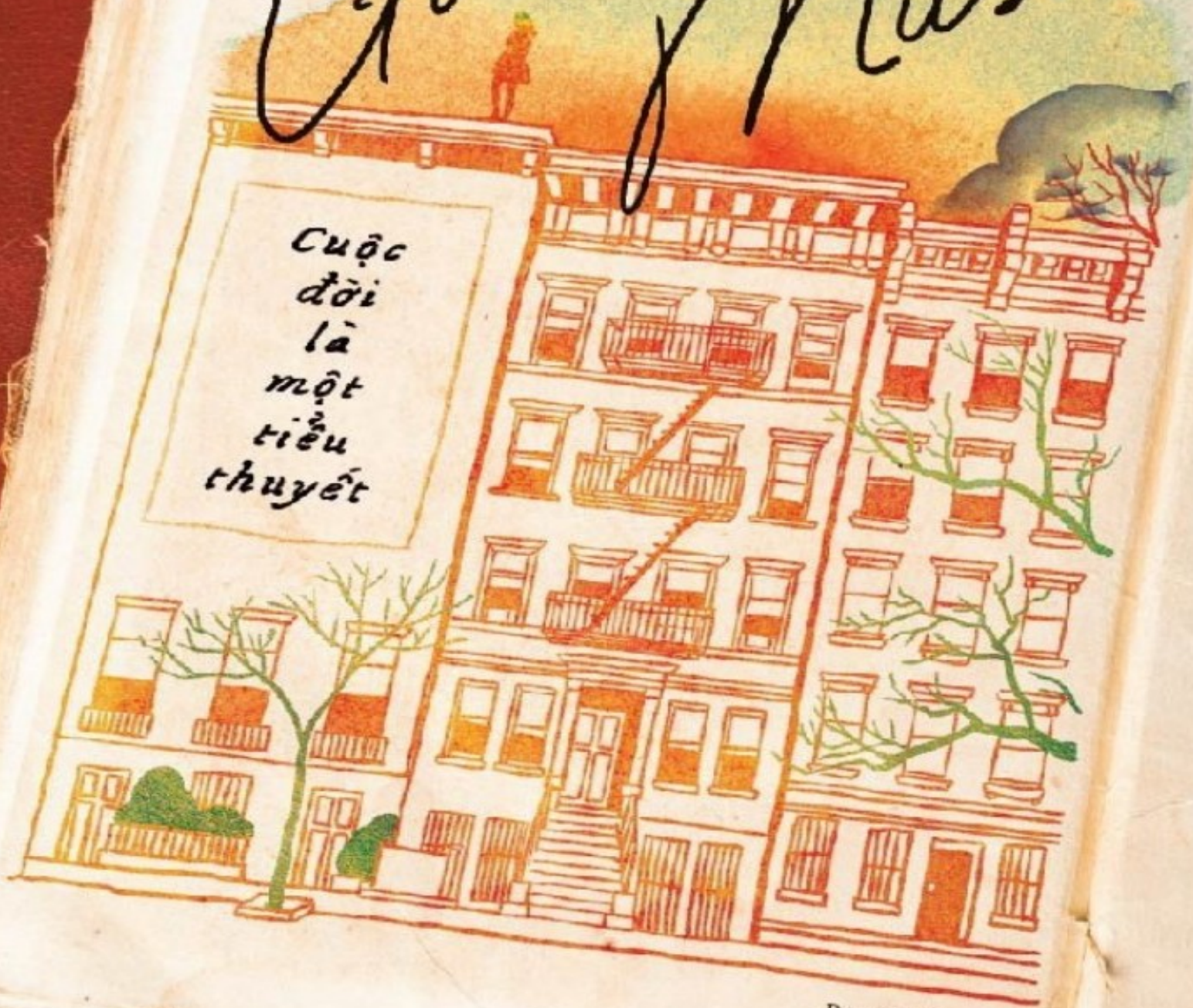


Guillaume Musso

Cuộc
đời
là
một
tiểu
thuyết



Danh Việt dịch



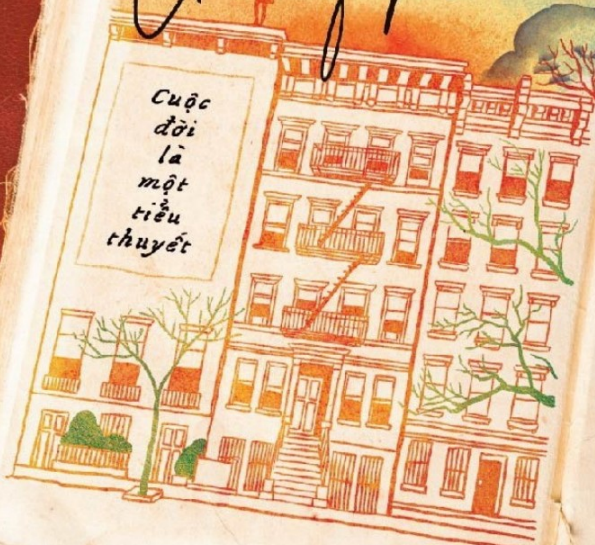
nhà nam



nhà nam

Guillaume
Musso

Cuộc
đời
là
một
tiểu
thuyết



Danh Việt dịch

Guillaume
Musso

*Cuộc
đời
là
một
tiểu
thuyết*

Danh Việt dịch

 NHÀ XUẤT BẢN
VĂN

Dành tặng Nathan

Thứ Bảy ngày 3 tháng Sáu, 10 giờ 30 sáng

Căng thẳng. Tôi muốn khởi sự một tiểu thuyết vào chiều nay. Tôi đã chuẩn bị cho việc đó từ hai tuần nay. Mười ngày trở lại đây, tôi sống cùng các nhân vật của mình, giữa bầu khí quyến của họ. Tôi vừa gọt bốn chục cái bút chì mới cứng và tay tôi đang run đến mức tôi phải uống nửa viên Belladénal. Liệu tôi có thành công? [...] Ngay lúc này, tôi thấy sợ và tôi định, giống như mọi khi, để dành viết sau, hay thậm chí là thôi không viết gì nữa.

Georges SIMENON,
Khi tôi già đi

Flora Conway, nữ tiểu thuyết gia xứ Wales, giành Giải Franz Kafka.

AFR 20 tháng Mười năm 2009

Nữ tiểu thuyết gia ba mươi chín tuổi với đời sống rất kín đáo vừa được trao giải thưởng cao quý hằng năm vinh danh một tác giả vì toàn bộ tác phẩm của mình.

Là người có chứng sợ xã hội, công khai căm ghét đám đông, các chuyến du lịch và giới phóng viên, Flora Conway đã không tới Praha vào tối thứ Ba tuần này, để dự buổi lễ tổ chức bên trong sảnh tòa thị chính.

Biên tập viên của cô, Fantine de Vilatte, là người được ủy thác đến nhận giải, một bức tượng cầm tay bằng đồng có hình Franz Kafka cùng số tiền thưởng 10.000 đô la. “Tôi vừa nói chuyện điện thoại với Flora. Cô ấy gửi lời cảm ơn nồng nhiệt đến quý vị. Cô ấy đặc biệt yêu thích giải thưởng này, bởi tác phẩm của Kafka là nguồn cảm phục, suy tư và cảm hứng vô tận của Flora”, bà De Vilatte khẳng định.

Giải thưởng do Hội Franz Kafka và tòa thị chính Praha đồng bảo trợ, được trao từ năm 2001 bởi một hội đồng giám khảo quốc tế. Trong số những người từng giành giải có Philip Roth, Václav Havel, Peter Handke, và cả Haruki Murakami.

Được phát hành vào năm 2004, cuốn tiểu thuyết đầu tay đầy tham vọng của Flora, *Cô gái trong Mê cung*, đã đưa cô lên hàng ngũ tên tuổi hàng đầu của văn đàn. Cuốn sách đã được chuyển

ngữ tại hơn hai mươi nước và ngay lập tức được giới phê bình tôn vinh là tác phẩm kinh điển, tác phẩm dàn dựng lại quỹ đạo của nhiều cư dân New York vào hôm trước ngày xảy ra vụ khủng bố Trung tâm Thương mại Thế giới. Tất cả gặp nhau ở Mê Cung, một quán bar trên phố Bowery, nơi chính Flora Conway từng làm phục vụ bàn trước khi xuất bản tiểu thuyết này. Hai cuốn tiếp theo, *Cân bằng Nash* và *Hồi kết của cảm xúc*, đã ấn định cô là tiểu thuyết gia quan trọng của đầu thế kỷ 21.

Trong diễn văn cảm tạ, Fantine de Vilatte còn vui mừng thông báo về cuốn tiểu thuyết mới sắp ra mắt. Tiết lộ này lan nhanh như gió thổi trong giới văn chương, bởi mỗi lần Conway ra tác phẩm mới đều là một sự kiện. Vàng hào quang hãy còn được bao quanh bởi sự bí ẩn nhất định. Mặc dù không che giấu danh tính, nhưng Flora Conway chưa bao giờ xuất hiện trên truyền hình, chưa từng tham gia một chương trình phát thanh nào, và nhà xuất bản của cô luôn đưa ra một bức ảnh duy nhất về cô.

Khi mỗi cuốn sách ra mắt, nữ nhà văn chỉ trả lời nhỏ giọt vài bài phỏng vấn qua thư điện tử. Conway nhiều lần tuyên bố muốn giải thoát mình khỏi những gò bó và thói đạo đức giả gắn liền với sự nổi tiếng. Trên các cột báo của tờ *The Guardian*, cô giải thích mình vừa từ chối tham gia một màn xiếc truyền thông mà cô ghét cay ghét đắng, và nói thêm rằng chính vì muốn “chạy trốn khỏi cái thế giới thừa mứa màn hình nhưng trống rỗng trí tuệ này” mà cô viết tiểu thuyết.

Giải pháp này cũng nằm trong quỹ đạo hoạt động của những nghệ sĩ đương đại khác như Banksy, Invader, nhóm Daft Punk hay cả nữ tiểu thuyết gia người Ý Elena Ferrante, với họ sự ẩn danh là một cách để đưa tác phẩm, chứ không phải bản thân người nghệ sĩ, ra trước công chúng. “Khi đã được phát hành, tự thân cuốn sách của tôi là đủ”, Flora Conway khẳng định.

Hẳn một số nhà quan sát đã hy vọng sự kiện được nhận Giải Katka sẽ thôi thúc nữ văn sĩ rời khỏi nơi trú ẩn ở New York. Nhưng hỡi ôi, một lần nữa, họ lại không được toại nguyện.

Blandine Samson

CÔ GÁI TRONG MÊ CUNG

1

Đi trốn

Câu chuyện diễn ra ngay trước mắt chúng ta lẽ ra phải rõ ràng nhất, ấy thế nhưng lại là mù mờ nhất.

Julian BARNES

1.

Brooklyn, mùa thu năm 2010

Sáu tháng trước, ngày 12 tháng Tư năm 2010, con gái ba tuổi của tôi, Carrie Conway, đã bị bắt cóc trong lúc hai mẹ con đang chơi trốn tìm trong căn hộ nhà mình ở Williamsburg.

Chiều hôm đó trời rất đẹp, trong và nhiều nắng, như New York vẫn thường như vậy vào mùa xuân. Theo thói quen, tôi đi bộ đến đón Carrie ở trường con bé, Montessori School ở công viên McCarren Park. Trên đường về, hai mẹ con dừng chân ở tiệm Marcello's để mua món quả nghiền và một chiếc bánh cannoli chanh, Carrie vừa ăn ngấu ngiến cả hai vừa nháy nhót vui vẻ bên cạnh xe đẩy.

Khi chúng tôi về đến nhà, ở sảnh tòa nhà Lancaster, số 396 phố Berry, người gác cổng mới, Trevor Fuller Jones - ông mới được tuyển vào làm cách đây chưa đầy ba tuần cho Carrie một chiếc kẹo mút mật ong có vừng và bảo con bé hứa không được ăn nó ngay. Rồi ông nói với Carrie rằng con bé may mắn biết bao vì có mẹ là nhà văn, bởi như vậy mẹ hẳn sẽ kể cho con bé những câu chuyện tuyệt hay khi lên giường đi ngủ buổi tối. Tôi mỉm cười nhắc ông rằng, nói như vậy thì hẳn là ông chưa từng giờ xem bất kỳ cuốn tiểu thuyết nào của tôi, và ông cũng công nhận. “Quả đúng là vậy, tôi không có thời gian để đọc sách, cô Conway ạ”, ông khẳng định với tôi. “Ông không dành thời gian để đọc thôi, Trevor, hai chuyện này không giống nhau đâu”, tôi trả lời ông trong lúc cửa thang máy đóng lại.

Theo đúng nghi thức đã thành nếp của hai mẹ con, tôi nhắc Carrie lên để con bé có thể bấm nút lầu sáu, tầng lầu trên cùng. Buồng thang chuyển động kèm theo tiếng kèn kẹt của kim loại đã từ lâu không còn khiến cả tôi lẫn con bé sợ hãi nữa. Lancaster là tòa nhà cũ kỹ xây bằng gang đang được sửa mới. Một dinh thự lạ lùng với những cửa sổ lớn được bao quanh bằng những chiếc cột kiểu Corinth*. Trước đây nó được dùng làm kho hàng cho một nhà máy sản xuất đồ chơi, nhà máy này đã dừng hoạt động từ đầu những năm 1970. Do quá trình phi công nghiệp hóa, tòa nhà bị bỏ không trong gần ba mươi năm rồi mới được cải dụng thành nhà ở khi có một đến cư ngụ tại Brooklyn.

Một trong số các kiểu trang trí cột cơ bản của kiến trúc Hy Lạp và La Mã cổ, khá cầu kỳ với những đường lá ô rô và đường xoáy

ốc.

Vừa vô đến nhà, Carrie cởi ngay đôi giày thể thao nhỏ xíu để xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà màu hồng nhạt có những túm bông trang trí. Con bé đi theo tôi đến tận chỗ máy hát, vừa xem tôi đặt một chiếc đĩa than lên mâm máy - chương hai bản concerto cung sol trưởng của Ravel - vừa vỗ tay chờ đón tiếng nhạc sắp vang lên. Sau đó con bé còn lảng nhãng theo tôi vài phút, đợi tôi phơi xong quần áo rồi mới rủ tôi chơi trốn tìm.

Đây là trò chơi yêu thích của con bé từ lâu. Mỗi khi chơi con bé trông thực sự say mê.

Hồi chưa được một tuổi, trò “trốn tìm” đối với Carrie là úp hai bàn tay nhỏ xinh lên mắt, các ngón tay xò ra, che một nửa mắt nhìn. Con bé không nhìn tôi vài giây rồi khuôn mặt tôi lại hiện ra như có phép màu khiến con bé phá lên cười giòn tan. Dần dần, con bé rút cuộc cũng hiểu ra quy tắc phải đi trốn. Vậy là con bé núp sau rèm cửa hoặc dưới chiếc bàn thấp. Nhưng lúc nào cũng có đầu ngón chân, cùi chỏ hoặc một bên chân không thu vào hết làm con bé bị lộ. Thậm chí có lúc, nếu trò chơi kéo dài quá lâu, Carrie sẽ vẫy vẫy tay về phía tôi để tôi tìm ra con bé nhanh hơn.

Con bé càng lớn, trò chơi càng phức tạp hơn. Carrie nấp cả trong những phòng khác của căn hộ, tìm ra nhiều nơi khác để trốn: ngồi xổm sau cánh cửa, cuộn tròn người trong bồn tắm, nằm dài dưới đồng chăn ga, nằm bẹp dưới gầm giường.

Luật chơi cũng thay đổi. Trò chơi trở thành một việc nghiêm túc.

Từ đó trở đi, trước khi bắt đầu tìm con bé, tôi phải quay mặt vào tường, nhắm mắt và đếm số lần lượt đến hai mươi.

Và đó chính là điều tôi đã làm, vào buổi chiều ngày 12 tháng Tư đó, khi mặt trời đang tỏa nắng phía sau những tòa nhà chọc trời, nhấn chìm căn hộ nhà tôi trong luồng ánh sáng ấm áp gần như phi thực.

– Mẹ không được ăn gian đâu nhé! con bé hét lên mặc dù tôi hoàn toàn tuân theo nghi thức.

Trong phòng mình, tay úp lên che mắt, tôi bắt đầu đếm to thành tiếng, không quá chậm không quá nhanh.

– Một, hai, ba, bốn, năm...

Tôi nhớ rất rõ tiếng động nhẹ của bước chân con bé rón rén trên sàn gỗ. Carrie đã rời khỏi phòng. Tôi nghe thấy con bé đi qua phòng khách, đẩy chiếc ghế bành Eames chêm chệ trước bức vách kính lớn.

– ... sáu, bảy, tám, chín, mười...

Thời tiết thật dễ chịu. Tâm trí tôi lang thang đây đó, cuốn theo những nốt nhạc như pha lê vọng đến từ phòng khách. Đã đến đoạn ưa thích của tôi trong khúc adagio* này. Cuộc đối thoại giữa kèn cor Anh và đàn piano.

Thuật ngữ âm nhạc, chỉ tốc độ khoan thai. Bản concerto cung sol trưởng của Ravel có ba chương, chương I: Allegramente (vui tươi), chương II: Adagio (khoan thai), chương III: Presto (rất nhanh). Trong đó, chương II lại có hai nửa, nửa đầu gồm có đàn

piano, sáo flute, kèn oboe, kèn clarinet, nửa sau gồm kèn cor Anh và đàn piano.

– ... mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm...

Một câu nhạc dài, trau chuốt, không ngừng tuôn chảy mà một số người đã so sánh khéo léo với một cơn mưa ầm ập, đều đặn và lặng lẽ.

– ... mười sáu, mười bảy, mười tám, mười chín, hai mươi.

Mở mắt.

2.

Tôi mở mắt và ra khỏi phòng.

– Chú ý, chú ý! Mẹ đang đến đây!

Tôi bắt đầu chơi. Tôi tươi cười sắm cái vai mà con gái mong đợi ở mình. Tôi vừa đi qua từng phòng vừa bình phẩm từng ý đồ của mình bằng giọng trêu đùa:

– Carrie không có dưới đồng gối dựa đâu... Carrie không trốn sau trường kỷ đâu...

Các nhà tâm lý khẳng định chơi trốn tìm có lợi ích sư phạm nhất định: trò chơi này là một cách giúp trẻ em trải nghiệm sự chia tách theo cách tích cực. Bằng cách lặp đi lặp lại sự xa cách tạm thời và mang tính sắp đặt này, trẻ em được cho là sẽ cảm nhận thấy sự gắn kết mạnh mẽ giữa mình và cha mẹ. Để tạo hiệu quả, trò chơi cần được thực hiện như một màn kịch thực sự và phải tạo ra, trong khoảng thời gian rất ngắn, nhiều cung bậc

cảm xúc: sự kích thích, chờ đợi và một chút sợ hãi trước khi vỡ òa vì vui sướng khi được tái ngộ.

Để tất cả những cảm xúc đó được bộc lộ thì phải kéo dài sự thích thú một chút và không làm cảm giác hồi hộp hết quá sớm. Đương nhiên, thường thì tôi biết Carrie trốn ở đâu trước cả khi mở mắt ra. Nhưng lần này thì không. Và sau hai hay ba phút diễn trò, tôi quyết định thôi giả vờ và đi tìm con bé. Tìm kiếm thực sự.

Tuy căn hộ nhà tôi cũng rộng - một khối lập phương bằng kính rộng hai trăm mét vuông nằm ở góc Tây tòa nhà nhưng những nơi có thể làm chỗ nấp được thì không phải vô hạn. Tôi mua nhà cách đây vài tháng, dồn vào đó toàn bộ tiền tác quyền kiếm được. Dự án bất động sản cải tạo tòa Lancaster đã được khách hàng tranh nhau mua và dù công trình còn lâu mới hoàn thành thì căn hộ tôi nhắm đến đã là căn cuối cùng chưa có người sở hữu trên thị trường. Tôi thích mê nó ngay lần đầu đến xem, rồi để giành lấy và chuyển đến thật nhanh, tôi đã chấp nhận đưa một khoản lót tay cho bên môi giới. Sau khi có được căn hộ, tôi cho đập bỏ toàn bộ các bức tường có thể đập bỏ được để biến căn hộ thành một mặt bằng rộng có sàn gỗ màu vàng óng như mặt ong cùng đồ bày biện và phong cách trang trí tối giản. Những lần chúng tôi chơi cùng nhau gần đây, Carrie đã biết tìm ra những chỗ nấp rất khó tin: con bé tinh ranh luôn ra sau máy sấy quần áo hay nấp trong tủ cất dụng cụ vệ sinh.

Một cách kiên nhẫn, tuy có phần hơi khó chịu, tôi tìm con bé khắp các góc ngách xó xĩnh, phía sau từng món đồ đạc. Rồi tôi

lại tìm lần nữa. Trong lúc vội vã, tôi xô đổ chiếc bàn chân quỳ bằng gỗ sồi xếp đồng đĩa than và máy hát. Vì cú rơi, kim trên mâm máy bị văng khỏi rãnh đĩa và tiếng nhạc vụt tắt, im lặng tràn ngập căn phòng.

Chính lúc đó một cảm giác lo lắng quặn lên trong bụng tôi.

– Được rồi, con yêu, con thắng rồi. Nấp ở đâu thì ra ngay nào!

Tôi chạy vội ra sảnh để kiểm tra cửa ra vào. Cánh cửa bọc thép đã được khóa đủ hai vòng. Chìa khóa cắm ở then trên, móc trong chùm, ngoài tầm với của trẻ.

– Carrie! Ra khỏi chỗ nấp đi, mẹ nói rồi, con thắng rồi!

Bằng tất cả lý trí huy động được, tôi cố kìm nén con sóng sợ hãi đang chực xô tới. Carrie nhất định vẫn còn ở trong nhà. Chìa khóa trên cửa, cắm trong ổ, sẽ khiến không ai có thể mở được cửa từ bên ngoài kể cả khi người đó có chìa khác. Còn các cửa sổ, kể từ khi tòa nhà được sửa sang, tất cả đều là cửa sổ khép kín*. Không chỉ Carrie không thể ra khỏi nhà, mà cũng không ai có thể đột nhập vào.

Loại cửa sổ là một tấm kính duy nhất nằm trong khung, chỉ nhìn qua được chứ không mở được.

– Carrie! Trả lời mẹ con đang ở đâu đi.

Tôi thở dốc, như thể vừa chạy qua nửa công viên Central Park. Tôi há cả miệng ra thở nhưng không ích gì, không khí không thể vào đến phổi. Không thể nào. Không ai lại mất tích giữa một cuộc trốn tìm trong một căn hộ. Đây là trò chơi luôn

kết thúc vui vẻ. Sự mất tích chỉ là sắp đặt tượng trưng và tạm thời. Không thể khác đi được. Thậm chí đó là thứ đã ghi trong bản chất của ý tưởng trò chơi này: mọi người chỉ đồng ý chơi vì tin rằng mình sẽ tìm thấy người kia.

– Carrie, giờ thì đủ rồi đây! Mẹ không vui đâu!

Mẹ không vui, mà mẹ đang thấy rất sợ. Lần thứ ba hay thứ tư, tôi kiểm tra mọi chỗ nắp quen thuộc, rồi tôi xem cả những chỗ ít có khả năng hơn: lồng máy giặt, ống khói lò sưởi - đã bị bịt từ rất lâu rồi. Tôi kéo dịch cái tủ lạnh nặng trĩu, thậm chí tôi còn ngắt cầu dao để tháo và mở tấm lợp trần giả, trên đó có các ống dẫn của máy điều hòa.

– CARRIE!

Tiếng kêu gào của tôi vang vọng khắp căn hộ, đến mức làm rung cả các ô cửa kính. Nhưng tiếng vọng tan biến và sự im lặng lại quay trở lại. Bên ngoài, mặt trời đã lặn. Không khí trở lạnh. Như thể mùa đông vừa ập đến không báo trước.

Tôi đứng bất động giây lát, mồ hôi túa ra, nước mắt chảy trên má. Khi dần lấy lại tinh thần tôi mới trông thấy một bên dép của Carrie ngoài hành lang thông ra cửa. Tôi nhặt chiếc dép nhỏ bằng nhung màu hồng nhạt. Đây là chiếc bên chân trái. Tôi tìm chiếc kia, nhưng dường như nó cũng đã biến mất.

Chính khi ấy tôi quyết định gọi cảnh sát.

3.

Viên cảnh sát đầu tiên có mặt ở nhà tôi là *thám tử** Mark Rutelli của Phân khu 90*, đồn cảnh sát phụ trách vùng phía Bắc Williamsburg. Trông ông có lẽ không còn cách tuổi về hưu là bao. Bất chấp dáng vẻ mệt mỏi và đôi mắt đã có bọng, ông hiểu ngay lập tức sự nguy cấp của tình hình và làm việc rất khẩn trương. Sau khi xem xét tỉ mỉ căn hộ, ông yêu cầu tăng viện để lục soát toàn bộ tòa nhà, triệu tập một đội cảnh sát khoa học, cử hai nhân viên đi thu thập lời khai của các cư dân trong tòa Lancaster và đích thân xem kỹ các đoạn băng giám sát cùng đội bảo vệ tòa nhà.

Nguyên văn bằng tiếng Anh: *detective*. Trong tiếng Việt, từ “thám tử” thường được hiểu là “thám tử tư”, tức người điều tra độc lập, không thuộc ngành cảnh sát. Tuy nhiên, trong tiếng Anh, từ “*detective*” chỉ cả thám tử tư và thám tử thuộc lực lượng cảnh sát. Trong tiểu thuyết này, từ “thám tử” được hiểu theo nghĩa thứ hai.

Nguyên văn: 90th Precinct.

Ngay khi có mặt, ông đã tin rằng chiếc dép bị thiếu là đủ thuyết phục để kích hoạt cơ chế “Báo động bắt cóc”, nhưng cảnh sát bang muốn tập hợp thêm những yếu tố cụ thể khác trước khi cho phép.

Thời gian càng trôi đi, tôi càng bồn chồn lo lắng. Tôi hoàn toàn mất phương hướng, không biết làm thế nào để trợ giúp nhưng lại điên cuồng khao khát mình có thể giúp được. Tôi để lại một tin nhắn trên máy trả lời tự động của biên tập viên của tôi: ‘Tantine, tớ cần sự giúp đỡ của cậu, Carrie đã mất tích, cảnh

sát đang ở đây, tớ không biết phải làm gì, tớ lo lắng đến phát điên, hãy gọi lại cho tớ ngay.”

Chẳng mấy chốc đêm đã buông xuống Brooklyn. Không chỉ có Carrie chưa trở về, mà những điều tra của NYPD* cũng chưa mấy may thấy được một hướng triển khai dù là nhỏ nhất. Con gái tôi dường như đã bốc hơi, đã bị Vua Erl* khát máu, lợi dụng lúc tôi không chú ý, kéo vào bóng tối.

New York Police Department: Sở Cảnh sát New York.

Nguyên văn: Roi des Aulnes, tức Erlikönig, vua của các loài yêu tinh, nhân vật trong thơ ca Đức, rất hắc ám và luôn dẫn dụ người ta đến cái chết.

Tám giờ tối, cấp trên của Rutelli, *trung* úy Frances Richard, xuống xe ở sân trước tòa nhà Lancaster, nơi tôi được đưa xuống trong lúc một đội cảnh sát lục soát kho xép của căn hộ.

– Chúng tôi đã cho theo dõi đường điện thoại của cô, cô ấy vừa dựng cổ áo khoác đi mưa lên vừa cho tôi biết.

Con phố đã được phong tỏa và một cơn gió lạnh buốt thổi tràn trên phố Berry.

– Có khả năng kẻ bắt cóc con gái cô sẽ tìm cách liên lạc với cô để đòi tiền chuộc hoặc đưa ra yêu cầu nào đó khác. Nhưng hiện tại, cô cần theo chúng tôi về đồn.

– Vì lý do gì ? Làm sao các vị lại cho là con bé đã bị bắt cóc? Cửa vẫn...

– Đó là điều chúng tôi đang cố tìm ra, thưa cô.

Tôi ngẩng đầu nhìn bóng hình khổng lồ của tòa nhà nổi bật trên nền trời đen thăm thẳm. Có điều gì đó mách bảo tôi rằng Carrie vẫn đang ở trong ấy và rằng nếu tôi đi xa khỏi đây, đó sẽ là một sai lầm. Cố tìm sự trợ giúp, tôi nhìn Rutelli, nhưng ông tán thành với cấp trên:

– Hãy đi cùng chúng tôi, thưa cô. Cô cần trả lời chi tiết hơn nữa một số câu hỏi của chúng tôi.

Trích lời khai của cô Flora Conway

Thực hiện vào thứ Hai ngày 12 tháng Tư năm 2010 bởi thám tử Mark Rutelli và trung úy Frances Richard tại đồn Phân khu 90, số 211 phố Union Ave, Brooklyn, NY11211.

8 giờ 18 phút tối.

Trung úy Richard (đọc lại các ghi chép của mình): Cô nói với chúng tôi bố của Carrie tên là Romeo Filippo Bergomi. Anh ấy là vũ công ở nhà hát Opéra de Paris, có phải vậy không?

Flora Conway: Vũ công hạng bốn.

Thám tử Rutelli: Cụ thể hơn thì như thế nghĩa là sao?

Flora Conway: Trong thứ bậc của nhà hát, có các vũ công ngôi sao, vũ công hạng hai, vũ công hạng ba và vũ công hạng bốn.

Trung úy Richard: Ý cô anh ấy là kẻ thất bại?

Flora Conway: Không, tôi chỉ trả lời câu hỏi của các vị.

Trung úy Richard: Anh Bergomi hiện tại hai mươi sáu tuổi, phải vậy không?

Flora Conway: Tôi cho là các vị đã thẩm tra rồi.

Thám tử Rutelli: Phải, chúng tôi đã liên lạc với anh ấy, việc hẳn là cô cũng nên làm. Chúng tôi thấy anh ấy có vẻ rất lo lắng. Anh ấy đã đặt gấp một chuyến bay. Anh ấy sẽ tới New York trong buổi sáng ngày mai.

Flora Conway: Chắc đây là lần đầu tiên anh ta lo lắng cho con gái. Cho đến hiện tại anh ta chưa bao giờ thực sự bận lòng như vậy.

Thám tử Rutelli: Cô giận anh ấy à?

Flora Conway: Không, tôi thấy rất ổn.

Thám tử Rutelli: Cô có nghĩ anh Bergomi hay những người thân cận của anh ấy có thể gây hại cho Carrie không?

Flora Conway: Tôi không nghĩ vậy, nhưng tôi không thể đảm bảo. Tôi không thật sự hiểu anh ta.

Trung úy Richard: Cô không hiểu rõ bố của con gái cô sao?

8 giờ 25 phút tối.

Thám tử Rutelli: Cô có kẻ thù không, cô Conway?

Flora Conway: Theo như tôi biết thì không.

Thám tử Rutelli: Vậy những người thù ghét, hẳn là có. Ai đó có thể thù hận một tiểu thuyết gia nổi tiếng như cô? Những đồng nghiệp kém may mắn hơn chăng?

Flora Conway: Tôi không có “đồng nghiệp”. Tôi không đi làm ở nhà máy hay văn phòng.

Thám tử Rutelli: Ý tôi là, cô hiểu điều tôi muốn nói mà. Mọi người ngày càng đọc ít đi, phải không? Cho nên đương nhiên vị thế là thứ trở nên quý giá. Điều đó hẳn tạo ra sự căng thẳng giữa các nhà văn như cô, những mối ghen ghét...

Flora Conway: Có lẽ vậy, nhưng không gì có thể dẫn tới một vụ bắt cóc trẻ con.

Trung úy Richard: Những tiểu thuyết cô viết, chúng thuộc thể loại gì?

Flora Conway: Không phải là thể loại các vị đọc.

Thám tử Rutelli: Còn về phía các độc giả? Cô không phát hiện thấy mình có một fan hâm mộ điên loạn nào như trong truyện, ờ, Misery* ư? Cô không nhận được bức thư hay thư điện tử nào từ những độc giả hơi phiền phức quá?

Tiểu thuyết của nhà văn Stephen King. Trong truyện, một nhà văn gặp một tệ nạn nghiêm trọng và được một người hâm mộ nữ đưa về chăm sóc. Do phát hiện nhà văn này đã giết chết nhân vật ưa thích của mình trong cuốn sách mới, người đàn bà quyết định bắt nhà văn phải cho nhân vật đó sống lại bằng những cách thức hết sức tàn độc.

Flora Conway: Tôi không đọc thư của độc giả, nhưng có lẽ biên tập viên của tôi thì có, hãy hỏi cô ấy.

Thám tử Rutelli: Vì sao cô không đọc thư của họ? Cô không hứng thú muốn biết họ nghĩ gì về sách của mình ư?

Flora Conway: Không.

Trung úy Richard: Vì sao vậy?

Flora Conway: Vì độc giả đọc cuốn sách mà họ muốn đọc, không phải cuốn sách mà ta đã viết.

8 giờ 29 phút tối.

Thám tử Rutelli: Nghề của cô kiếm có khá không, nhà văn?

Flora Conway: Cũng tùy lúc.

Thám tử Rutelli: Bởi chúng tôi đã kiểm tra tài khoản ngân hàng của cô và không thể nói là cô nằm trên đồng vàng...

Flora Conway: Tôi đã dùng toàn bộ tiền tác quyền để mua căn hộ và sửa sang lại nó.

Thám tử Rutelli: Đúng là một căn hộ như vậy thì cũng ngốn khá tiền.

Flora Conway: Nó rất quan trọng với tôi.

Trung úy Richard: Vì sao vậy?

Flora Conway: Nó có những bức tường để bảo vệ tôi.

Thám tử Rutelli: Bảo vệ cô khỏi ai?

8 giờ 34 phút tối.

Trung úy Richard (phe phẩy mục tin nhanh của AFP trước mắt): Tôi thấy mọi người đang nhắc về cô trên báo. Tôi biết bây giờ không phải lúc, nhưng chúc mừng cô đã giành Giải Kafka.

Flora Conway: Quả đúng là không phải lúc...

Trung úy Richard: Vậy là cô không đến nhận giải ở Praha bởi vì, tôi dẫn lời trong bài báo, cô mắc chứng “sợ xã hội”, có phải vậy không?

Flora Conway: ...

Thám tử Rutelli: Có phải vậy không, cô Conway?

Flora Conway: Tôi thật sự muốn biết thứ gì đang diễn ra trong đầu các vị mà khiến các vị thà mất thời gian hỏi tôi những loại câu hỏi như thế thay vì...

Trung úy Richard: Tối qua cô ở đâu? Ở trong căn hộ cùng con gái?

Flora Conway: Tối qua, tôi ra ngoài.

Trung úy Richard: Để đi đâu?

Flora Conway: Đến Bushwick.

Thám tử Rutelli: Bushwick rộng lắm.

Flora Conway: Tới một quán bar ở phố Frederick: quán Boomerang.

Trung úy Richard: Đến quán bar khi mắc chứng sợ xã hội thì quả là lạ nhỉ, phải vậy không?

Flora Conway: OK, câu chuyện mắc chứng sợ xã hội đó là một trò ngu ngốc do Fantine, biên tập viên của tôi, nghĩ ra, để tôi khỏi phải gặp phóng viên và độc giả.

Thám tử Rutelli: Vì sao cô không chịu gặp họ?

Flora Conway: Vì đó không phải việc của tôi.

Thám tử Rutelli: Việc của cô là gì?

Flora Conway: Viết sách, chứ không phải là bán chúng.

Trung úy Richard: Được rồi, trở lại với quán bar nào. Khi cô vắng mặt, thường thì ai sẽ trông Carrie?

Flora Conway: Một bảo mẫu, thường thì là thế. Hoặc Fantine, nếu tôi bị kẹt.

Thơm tử Rutelli: Vậy tôi qua thì sao? Trong lúc cô ở quán Boomerang?

Flora Conway: Một bảo mẫu.

Thám tử Rutelli: Tên người đó là gì?

Flora Conway: Tôi chẳng biết gì về cô ta hết. Tôi gọi cho một công ty cung cấp dịch vụ trông trẻ, nhưng họ không bao giờ cử đến cùng một người.

8 giờ 35 phút tối.

Thám tử Rutelli: Vậy ở quán bar Boomerang hôm đó, cô đã làm gì?

Flora Conway: Những gì người ta thường làm trong quán bar thôi.

Thám tử Rutelli: Cô uống nhiều rượu?

Trung úy Richard: Cô chèo kéo đàn ông?

Flora Conway: Đó là một phần công việc của tôi.

Thám tử Rutelli: Công việc của cô, là uống nhiều rượu?

Trung úy Richard: Và chèo kéo đàn ông?

Flora Conway: Công việc của tôi là đến nhiều nơi để quan sát mọi người, nói chuyện với họ, cố gắng đoán những điều thầm kín và tưởng tượng ra những bí mật của họ. Đó là nhiên liệu cho việc viết lách của tôi.

Trung úy Richard: Tôi qua, cô có gặp gỡ mọi người chứ?

Flora Conway: Tôi thật chẳng thấy chuyện đó có gì...

Trung úy Richard: Cô rời quán bar cùng một người đàn ông phải không, cô Conway?

Flora Conway: Phải.

Thám tử Rutelli: Anh ta tên là gì?

Flora Conway: Hassan.

Thám tử Rutelli: Cái gì Hassan?

Flora Conway: Tôi không biết.

Thám tử Rutelli: Hai người đã đi đâu?

Flora Conway: Về nhà tôi.

Trung úy Richard: Cô đã quan hệ tình dục với anh ta à?

Flora Conway: ...

Trung úy Richard: Cô Conway, có phải cô đã quan hệ tình dục với một người lạ mới gặp trước đó vài giờ, trong căn hộ của cô, nơi con gái cô đang ngủ?

8 giờ 46 phút tối.

Thám tử Rutelli: Tôi muốn cô chú tâm xem đoạn video này: đây là những hình ảnh chụp chiều nay từ một camera theo dõi đặt ở hành lang lầu sáu tòa nhà nơi cô sống.

Flora Conway: Tôi không biết có camera ở đó.

Trung úy Richard: Quyết định đã được ban quản trị tòa nhà thông qua cách đây sáu tháng. An ninh của Lancaster đã được tăng cường rất nhiều từ khi có nhiều người giàu mua lại các căn hộ để sửa sang.

Flora Conway: Nghe từ miệng cô, tôi đoán đó là một lời chỉ trích.

Thám tử Rutelli: Chiếc camera cho phép nhìn rõ cửa ra vào căn hộ nhà cô. Từ đây, chúng tôi thấy cô về từ trường cùng Carrie. Hãy nhìn thời gian hiện bên dưới màn hình: 15 giờ 53. Rồi không có gì nữa. Tôi đã xem đoạn băng tua nhanh. Không ai lại gần cửa nhà cô cho tới khi tôi đến lúc 16 giờ 58.

Flora Conway: Đó là điều tôi đã nói với ông!

Trung úy Richard: Câu chuyện này không thuyết phục. Tôi nghĩ cô không nói cho chúng tôi toàn bộ sự thật, cô Conway ạ. Nếu không ai đi vào hay đi ra từ nhà cô, vậy con gái cô vẫn còn ở đó.

Flora Conway: Nếu đúng thế, CÁC VỊ HÃY TÌM RA CON BÉ ĐI!

[Tôi đứng dậy khỏi ghế. Tôi nhìn thẳng vào hình ảnh mà tấm gương phản chiếu trước mắt mình: mặt tái nhợt, tóc vàng búi tó, áo sơ mi trắng, quần jean, áo khoác da. Tôi đứng đó. Và tôi cần tự nhủ mình sẽ tiếp tục trụ vững như thế.]

Trung úy Richard: Ngồi xuống đi, cô Conway! Chúng tôi chưa xong việc. Chúng tôi vẫn còn nhiều câu hỏi cần đặt cho cô.

[Trong đầu, tôi lặp đi lặp lại với mình rằng tôi sẽ đối mặt. Rằng tôi đã từng rơi vào nghịch cảnh. Rằng tôi đã sống sót thoát khỏi nó. Và rằng cơn ác mộng này một ngày nào đó sẽ kết thúc. Và rằng...]

Thám tử Rutelli: Xin cô vui lòng ngồi xuống, cô Conway.

Trung úy Richard: Chết tiệt, cô ta ngất rồi. Đừng có ngây ra thế, ông Rutelli! Gọi cấp cứu đi. Lại thêm chuyện này đổ xuống đầu chúng ta nữa. Chết tiệt!

2

Một mở đối trá

Khi nói chuyện với các nhà văn, bạn phải luôn ghi nhớ rằng họ không phải người bình thường.

Jonathan COE

1.

Sáu tháng trước, ngày 12 tháng Tư năm 2010, con gái ba tuổi của tôi, Carrie Conway, đã bị bắt cóc trong lúc hai mẹ con tôi đang chơi trốn tìm trong căn hộ nhà mình ở Williamsburg.

Sau khi ngắt đi trong lúc lấy lời khai ở đồn cảnh sát, tôi tỉnh dậy trong một phòng bệnh ở Trung tâm bệnh viện Brooklyn, nơi tôi ở lại vài giờ dưới sự giám sát của hai nhân viên Cục Điều tra Liên bang FBI. Văn phòng Cục tại thành phố New York đã tiếp quản cuộc điều tra. Một trong hai nhân viên nói với tôi rằng một đội cảnh sát đang “róc xương” căn hộ nhà tôi, và nếu Carrie vẫn ở đó, nhất định họ sẽ tìm ra con bé. Tôi phải chịu đựng cuộc thẩm vấn thứ hai và tôi lại thấy mình bị tấn công bởi ngọn lửa ẩn chứa trong những câu hỏi của họ, cứ như thể vấn đề ở đây chính là tôi. Như thể tôi, chính tôi, có câu trả lời cho bí ẩn này: chuyện gì đã xảy ra với Carrie?

Ngay khi lấy lại đủ sức lực, tôi yêu cầu được ra viện và đến trú nhờ nhà biên tập viên của tôi, Fantine de Vilatte. Tôi ở đó một tuần, trong lúc chờ đợi họ cho tôi quay về Lancaster.

2.

Kể từ ngày hôm đó, cuộc điều tra không tiến triển thêm một li nào.

Từng tháng qua đi, mỗi ngày tôi đều như sống trong một màn sương mịn. Chờ đợi trong tuyệt vọng một điều gì đó sẽ diễn ra: tìm thấy một manh mối, bắt được một kẻ tình nghi, một yêu cầu đòi tiền chuộc. Thậm chí chờ đợi một viên cảnh sát đến nhà thông báo đã tìm thấy thi thể con gái tôi. Gì cũng được, còn hơn là chờ đợi vô vọng như thế này. Bất cứ chuyện gì cũng còn hơn sự hư vô này.

Dưới chân tòa nhà Lancaster, vào bất cứ giờ nào bất kể ngày đêm, luôn có một chiếc máy quay, một thợ ảnh, một hay nhiều phóng viên chờ đợi để gí micro vào mặt tôi. Không còn là đám đông ồn ào như những ngày đầu khi có đến hàng chục người đứng châu chực nữa, nhưng cũng đủ để khiến tôi không muốn ra ngoài.

Thứ mà họ gọi là “vụ Carrie Conway” đã trở thành một tin vật “khiến cả nước Mỹ say mê theo dõi”, theo công thức gây sốc của các kênh tin tức. Đủ thể loại được họ đưa ra: “bí ẩn mới trong căn phòng màu vàng”, “bi kịch tâm cỡ Hitchcock” “Agatha Christie phiên bản 2.0”, đây là chưa kể những viên dẫn đến

Stephen King vì tên của con gái tôi* hay những giả thiết điên khùng nhất nhan nhản trên Reddit.

Nhà văn Stephen King có một tiểu thuyết tên là Carrie.

Ngày này qua ngày khác, những người chưa bao giờ nghe nói về tôi, chưa bao giờ đọc một cuốn sách của tôi, thậm chí chưa bao giờ đọc bất cứ cuốn sách nào, bắt đầu moi móc những câu văn có ngầm ý trong các tiểu thuyết cũ của tôi và bóp méo chúng bằng cách dựng lên những giả thiết nực cười. Đời tư của tôi và những người tôi từng gặp bị lột trần bởi những con kèn kèn đang lùng sục những căn cứ buộc tội. Bởi tôi thừa hiểu họ luôn đi đến kết luận này: chắc chắn tôi là hung thủ gây ra vụ mất tích của con gái tôi.

Và cái hiệu ứng truyền thông đó là viên thẩm phán tệ hại nhất. Nó chẳng bận tâm đến bất kỳ bằng chứng nào, bất kỳ suy ngẫm, bất kỳ sắc thái nào. Nó không tìm kiếm sự thật, mà tìm sự trình diễn. Nó đi tắt, theo kiểu giai thoại, tự nuôi dưỡng bằng sự hấp dẫn dễ dãi của hình ảnh, sự lười biếng của báo chí và những độc giả u mê vì lệ thuộc vào những cú nhấp chuột. Vụ mất tích của con gái tôi, cái thảm kịch tàn phá tôi đối với họ chỉ là một trò tiêu khiển, một màn kịch, một đối tượng để nói lời hay ý đẹp và để cười khẩy. Thật lòng mà nói cách xử sự đó cũng không phải đặc trưng riêng của những tờ báo lá cải hay bình dân. Một số hãng truyền thông khác tự xưng là nghiêm túc cũng hằng hái nháp cuộc. Họ cũng thích lăn lộn dưới bùn cùng lũ lợn như người khác, nhưng lại không hoàn toàn thừa nhận chuyện đó. Vậy là, một cách trơ trẽn, họ khoác lên thói rình mò của mình

tắm áo “điều tra”. Cái từ thần kỳ biện minh cho sự mê hoặc bệnh hoạn và những trò quấy rối của họ.

Sự vây ráp của họ khiến tôi thành tù nhân, ỉn nấu suốt cả ngày trong khối lập phương bằng kính trên lầu sáu. Đã nhiều lần Fantine đề nghị tôi đến ở nhà cô ấy, nhưng tôi luôn tự nhủ rằng nếu Carrie trở về, con bé sẽ quay về đây, về nhà chúng tôi, trong căn hộ của chúng tôi.

Lối thoát duy nhất của tôi là mái thượng của tòa nhà: một sân cầu lông cũ quây bằng phen tre có thể nhìn được toàn cảnh 360 độ đường chân trời của Manhattan và Brooklyn. Thành phố trông vừa xa lại vừa gần với những chi tiết nhỏ nhất: những miệng cống khắc ra hơi nước tỏa khắp mọi hướng, những hình ảnh phản chiếu biến đổi trên cửa kính các tòa nhà, thang thoát hiểm bằng gang bám trên những mặt tiền nhà xây bằng sành đỏ.

Mỗi ngày tôi lên đây vài lượt để hít thở. Thậm chí, thỉnh thoảng tôi còn trèo lên cao hơn, bằng chiếc thang sắt gỉ sét dùng để leo lên bể nước ăn của tòa Lancaster. Từ đây, quang cảnh có thể gây chóng mặt. Cả bầu trời và khoảng không đều muốn giành lấy sự chú tâm của bạn. Và khi nhìn xuống, tôi cảm nhận được cái cảm dỗ muốn lao mình nhảy xuống, thứ gợi nhắc cho tôi rằng trong suốt cuộc tồn tại của mình, chưa bao giờ tôi tạo dựng được một mối thân tình gia đình hay bè bạn nào dù là nhỏ nhất.

Carrie là sự gắn bó duy nhất của tôi với thế giới. Nếu người ta không tìm thấy con bé, tôi biết một ngày nào đó tôi sẽ lao xuống khoảng không ấy. Điều đó đã được viết, đâu đó trong cuốn sách

của thời gian. Mỗi ngày, tôi đều trèo lên tòa lầu đài nước để xem liệu có phải hôm nay chính là ngày đó không. Trong một thoáng, sợi chỉ hy vọng mong manh ngăn giữ tôi không chuyển sang hành động, nhưng vụ mất tích ngày càng kéo dài và tôi lo sợ mình không thể đối mặt với nó được lâu nữa. Những ý nghĩ cực đoan nhất chen chúc nhau trong tâm trí tôi. Không đêm nào tôi không giật mình tỉnh giấc, người ướt đầm mồ hôi, hơi thở nghẹn lại, trái tim run rẩy, chệch choạc như sợi dây xích xe đạp. Trong ký ức của tôi, những hình ảnh về Carrie bắt đầu mờ nhạt. Tôi cảm nhận rõ con bé đang rời bỏ tôi. Khuôn mặt con bé nhòe đi, tôi không còn nhớ chính xác những cử chỉ điệu bộ, ánh mắt sắc sảo, ngữ điệu lên xuống trong giọng nói con bé nữa. Do đâu? Rượu? Thuốc chống lo âu? Thuốc chống trầm cảm? Là thứ gì cũng không quan trọng. Cảm giác như tôi đang đánh mất con bé lần thứ hai.

Kỳ lạ thay, người duy nhất lo lắng cho tôi là Mark Rutelli, Viên cảnh sát đã về hưu được ba tháng và kể từ đó, ông ấy tới thăm tôi ít nhất mỗi tuần một lần để báo cho tôi những tin tức mới nhất trong cuộc điều tra lại của ông, hiện vẫn không có tiến triển gì.

Và một người nữa, là biên tập viên của tôi, Fantine.

3.

– Tớ nhắc lại, Flora: cậu nhất định phải rời khỏi nơi này.

4 giờ chiều. Ngồi trên chiếc ghế quỳ bar trong bếp, tay cầm tách trà, Fantine de Vilatte thuyết phục tôi chuyển nhà không

biết đã lần thứ bao nhiêu.

– Chỉ khi sống ở một nơi mới, cậu mới hồi phục trở lại được.

Cô ta mặc chiếc váy cổ tim in hoa, áo khoác da màu đen và đi đôi boots da gót cao màu vàng nâu. Mái tóc màu nâu đỏ của cô ta, được búi lên cao, giữ bằng chiếc kẹp tóc lớn đính ngọc trai, ánh lên từng sợi trong ánh sáng mùa thu.

Càng ngắm cô ta, tôi càng có cảm tưởng tôi đang thấy chính mình trong gương. Chỉ trong vài năm, thành công mà nhà xuất bản của Fantine có được đã biến đổi cô ta. Cô ta, trước kia rất dè dặt và vô vị nay đã trở nên tự tin và quyền rũ. Bây giờ, trong những cuộc trò chuyện, cô ta nói nhiều hơn nghe và ngày càng ít kiểm chế hơn khi người ta đi ngược ý muốn của mình. Bằng những nét điểm xuyết nho nhỏ, cô ta trở thành phiên bản khác của tôi. Cô ta ăn mặc giống tôi, phỏng theo điệu bộ của tôi, cách tôi nói đùa, những từ ngữ của tôi, cách tôi vén gọn một lọn tóc ra sau tai. Cô ta còn kín đáo xăm một hình dải Mobius ở bên phải cổ, đúng vị trí hình xăm của tôi. Tôi càng héo úa, cô ta càng tươi tắn; tôi càng ủ dột, cô ta càng rạng rỡ.

Tôi gặp Fantine lần đầu tại Paris cách đây bảy năm, trong hoa viên khách sạn Salomon de Rothschild vào dịp phát hành tại Pháp cuốn tiểu thuyết mới của một ngôi sao văn chương Mỹ.

Hồi đó tôi rời New York vài tháng để dạo một vòng quanh châu Âu và vừa đi tôi vừa làm vài công việc nho nhỏ để trang trải chi phí. Tối hôm đó, tôi làm nhân viên phục vụ sâm banh cho khách mời. Khi ấy, Fantine là trợ lý của trợ lý của giám đốc văn học của một nhà xuất bản lớn. Hay nói cách khác thì chẳng là ai

cả. Fantine trong suốt, mọi người bước qua nhưng chẳng ai thấy cô. Một cô gái giấy bóng kính cảm thấy có lỗi vì sự tồn tại của bản thân và không biết phải làm gì với cơ thể và ánh mắt mình.

Người duy nhất nhìn thấy cô, là tôi. Bởi tôi là tiểu thuyết gia từ trong tâm hồn. Vì cái tài của tôi, có lẽ là tài năng duy nhất của tôi, tóm lại là thứ tôi biết làm giỏi hơn những thứ khác: phát hiện thấy ở mọi người thứ gì đó mà tự họ không nhận ra. Cô ta nói được hai thứ tiếng, nên chúng tôi trao đổi qua lại chút ít. Đập vào tôi là thứ cảm xúc nước đôi ở cô ta: sự kinh tởm cái giới nơi cô ta đang làm việc và nỗi khao khát được là một phần của nó bất chấp tất cả. Đồng thời tôi nhận thấy cô ta cũng tìm ra điều gì đó ở tôi và thú thật là tôi thấy dễ chịu khi ở cạnh cô ta. Thế là đủ để tôi nói với cô ta rằng mình đang hoàn thành một cuốn tiểu thuyết. Một câu chuyện về nhiều nhân vật với nhan đề *Cô gái trong Mê cung*, kể về hành trình của nhiều cư dân New York gặp nhau trong một quán bar trên phố Bowery ngày 10 tháng Chín năm 2001.

- Mê Cung, đó là tên quán bar, tôi giải thích.
- Hãy hứa rằng tôi sẽ là người đầu tiên được gửi cho xem tiểu thuyết của cô!

Vài tuần sau, tôi gửi qua thư điện tử cho cô ta bản thảo tôi đã hoàn thành sau khi trở về New York. Trong mười ngày, tôi không nhận được tin tức hay thông báo đã tiếp nhận nào. Rồi một buổi chiều tháng Chín, Fantine gõ cửa căn hộ của tôi. Khi đó tôi sống trong căn hộ một phòng nhỏ ở Hell's Kitchen. Một tòa nhà đã xuống cấp ở đại lộ 11, nhưng nhìn ra quang cảnh tuyệt

đẹp của sông Hudson và vùng bờ biển New Jersey. Về ngoài của Fantine ngày hôm đó vẫn in đậm trong tâm trí tôi: chiếc áo khoác đi mưa màu xám nâu nhạt, cặp kính gái ngoan và chiếc cặp của nhân viên ngân hàng. Không vòng vo, Fantine nói cô ta mê mệt *Cô gái trong Mê cung* và rằng cô ta muốn xuất bản nó, nhưng không phải ở nhà xuất bản nơi cô ta đang làm việc: cô ta muốn thành lập nhà xuất bản của riêng mình, một nơi lý tưởng và vừa vặn để xuất bản tiểu thuyết của tôi. Trong lúc tôi tỏ ra hoài nghi, cô ta lôi từ trong cặp ra một tập hồ sơ bìa cứng, bên trong là một giấy yêu cầu vay tiền ngân hàng vừa có hiệu lực. “Tớ có tiền để làm vụ này, Flora. Và chính câu chuyện của cậu đã cho tớ sức mạnh để làm điều đó.” Rồi ánh mắt ngời sáng, cô ta nói tiếp: “Nếu cậu tin tưởng, tớ sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng vì cuốn sách của cậu.” Vì tôi luôn có cảm giác cuốn sách của tôi chính là tôi, nên điều tôi nghe được là: “Tớ sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng vì CẬU.” Đây là lần đầu tiên có người nói như thế với tôi và tôi tin vào sự chân thành của cô ta. Tôi chuyển nhượng tác quyền toàn cầu cuốn tiểu thuyết của tôi cho cô ta.

Fantine giữ lời và dồn toàn bộ sức lực che chở cuốn sách. Chưa đầy một tháng sau, tại hội chợ sách Frankfurt, tác quyền của *Cô gái trong Mê cung* đã được chuyển nhượng cho hơn hai mươi nước. Tại Mỹ, cuốn sách được nhà xuất bản Knopf phát hành kèm lời giới thiệu của Mario Vargas Llosa đảm bảo rằng cuốn tiểu thuyết “được tạc trên cùng một phiến đá” với kiệt tác của ông, *Conversación en la Catedral**. Nhà phê bình thuộc hàng ngôi sao của mục văn chương trên nhật báo The New York Times,

nhân vật đáng gờm Michiko Kakutani, nhận định cuốn tiểu thuyết có “lỗi viết thô ráp và táo bạo” và đã khắc họa “những mảnh đời tạo nên bức chân dung gây xúc động của một thế giới sắp đi đến hồi kết”.

Trò chuyện trong quán La Catedral.

Guồng máy đã chạy. Cả thế giới đều đọc *Cô gái trong Mê cung*. Không hẳn đọc vì những lý do chính đáng và thường thì hoàn toàn không nắm được ý tưởng của cuốn sách. Cơ chế gắn liền với thành công.

Một ý tưởng tài tình nữa của Fantine là sắp đặt sự xuất hiện hiếm hoi của tôi trên truyền thông. Thay vì cáo lỗi do tôi từ chối xuất hiện trước công chúng, cô ta lại biến điều đó thành một chiêu trò thương mại, chỉ đưa ra một tấm ảnh duy nhất về tôi - bức ảnh đen trắng có vẻ bí ẩn, trên đó trông tôi giống Veronica Lake*. Tôi trả lời phỏng vấn qua thư điện tử với những phóng viên mà tôi không gặp mặt bao giờ, tôi từ chối các buổi ký tặng ở hiệu sách hay các buổi nói chuyện ở trường đại học và thư viện. Vào cái thời mà rất nhiều nhà văn bắt đầu phô bày đời sống riêng tư hay mải miết với những cuộc tranh luận không hồi kết trên các mạng xã hội, sự khổ hạnh về mặt truyền thông khiến tôi thành kẻ khác người. Trên mọi bài báo, tôi được giới thiệu là cô Flora Conway “rất kín đáo” hay “rất bí ẩn”. Và tôi thấy chuyện đó hợp với mình.

(1922-1973), nữ diễn viên người Mỹ, một trong những minh tinh nổi tiếng nhất Hollywood những năm 1940.

Tôi viết cuốn tiểu thuyết thứ hai, rồi cuốn thứ ba là cuốn mang về cho tôi một giải thưởng văn học. Nhờ thành công này, nhà xuất bản Fantine de Vilatte, đặt tại Paris, giành được uy tín quốc tế. Fantine xuất bản cả các tác giả khác. Một số người cố gắng viết giống Flora Conway và một số khác nhất quyết không viết giống Flora Conway, nhưng cả thế giới rốt cuộc đều đặt mình so với tôi. Và tôi cũng thấy ổn với chuyện đó. Tại Paris, cả giới văn nghệ sĩ ở Saint-Germain-des-Prés* đều yêu quý “Fantine”. Fantine xuất bản thứ “văn học khó tính”, Fantine bảo vệ các hiệu sách nhỏ, Fantine bảo vệ các tác giả của mình. Fantine, Fantine, Fantine...

Saint-Germain-des-Prés là khu phố cổ ở quận VI, Paris. Đây từ lâu đã được coi là trung tâm của văn chương, nghệ thuật ở Paris, là nơi lui tới thường xuyên của các văn nghệ sĩ.

Có một hiểu lầm lớn giữa chúng tôi: Fantine nghĩ cô ta đã thực sự “phát hiện” ra tôi. Thậm chí cô ta còn nói “những cuốn sách của chúng tôi” khi đề cập đến những tiểu thuyết của tôi. Tôi hình dung lúc này hay lúc khác rồi chúng tôi cũng sẽ đều xuất hiện như thế trước các nhà xuất bản. Nhưng thật lòng mà nói, ai đã trả tiền cho căn hộ của cô ta ở Saint-Germain-des-Prés, cho ngôi nhà nông thôn của cô ta ở Cape Cod, tiền thuê căn hộ của cô ta ở Soho?

Khi tôi mang thai Carrie, lần đầu tiên tôi thấy cuộc sống thú vị hơn việc viết văn. Cảm giác đó còn kéo dài cả sau khi Carrie chào đời. Kể từ đó, “cuộc sống thực” níu giữ tôi nhiều hơn, vì tôi

có một vai tích cực hơn cần phải diễn. Tôi thấy mình bớt đi nhu cầu tách biệt khỏi thực tại.

Khi mừng lễ sinh nhật đầu tiên của Carrie, Fantine kể với tôi nỗi lo của cô ta về tiến độ cuốn sách tiếp theo của tôi. Tôi nói với cô ta không phải là sẽ không bao giờ có những cuốn tiểu thuyết khác nữa, nhưng tôi sẽ tạm dừng một thời gian rất dài.

– Cậu đừng có lãng phí tài năng chỉ vì một con bé con! cô ta nổi cáu.

Tôi đáp lại rằng tôi đã quyết định như vậy. Rằng những ưu tiên trong đời tôi đã thay đổi và rằng tôi muốn dồn sức chăm lo cho con gái tôi thay vì những cuốn sách.

Và điều này, Fantine không ủng hộ.

4.

– Để thoát khỏi cái hố đen này, cậu phải viết trở lại.

Fantine đặt tách trà lên bàn và khẽ nhún vai trước khi giải thích những gì mình nói.

– Trong đầu cậu vẫn còn ba hay bốn cuốn sách lớn nữa. Và việc của tớ là giúp cậu lôi chúng ra.

Hoàn toàn vô cảm trước đau khổ của tôi, từ lâu cô ta đã gạt sang bên vụ mất tích của Carrie và thậm chí còn không thêm giả vờ quan tâm.

– Sao cậu có thể muốn tớ viết sách được nhỉ? Tớ chỉ là một vết thương đang há miệng. Mỗi sáng thức dậy tớ đều muốn được chết đi.

Tôi bỏ sang phòng khách, nhưng cô ta đi theo.

– Nói chính xác thì, cậu nên viết về điều đó. Có rất nhiều nghệ sĩ đã đánh mất con của mình, nhưng điều đó không ngăn được họ sáng tác.

Fantine không hiểu. Mất đi một đứa con không phải loại đau khổ mà bạn có thể coi là thử thách sẽ khiến mình mạnh mẽ hơn khi vượt qua được. Nó là thứ đau khổ sẽ bẻ gãy bạn. Và nó sẽ quật ngã bạn trên chiến trường mà không hề có hy vọng vết thương bạn mang một ngày nào đó sẽ lành. Nhưng tôi biết cô ta không muốn nghe điều đó và tôi thích chọn cách nói ngắn gọn.

– Cậu không có con, vậy nên cậu không có quyền nói.

– Tôi muốn nói với cậu điều này: tôi thích lời nói của cậu, chứ không phải của tôi. Trong nhiều thể loại rất khác nhau, có những kiệt tác được viết dưới ảnh hưởng của nỗi đau.

Ở vị trí ngược sáng, hình bóng cô ta nổi bật trên bức vách kính trong khi cô ta thao thao liệt kê:

– Hugo viết *Ngày mai*, sau hoàng hôn không lâu sau cái chết của con gái, Duras viết *Nỗi đau* với những cuốn sổ tay bà đã viết kín trong chiến tranh, Styron viết *Trước mặt bóng tối* khi đang dần thoát khỏi một cơn trầm cảm kéo dài năm năm, còn...

– Cậu thôi đi!

– Viết là cách giải thoát cuối cùng của cậu, cô ta lý luận. Không có những cuốn sách, cậu sẽ mãi rót rượu cho những tên say xỉn, ở Mê cung hay ở đâu đó. Cậu sẽ vẫn là người phụ nữ như hồi cậu đến tìm tôi: một cô gái nghèo khổ, một cô gái lười thôi...

– Đừng có xuyên tạc, chính cậu mới là người tìm đến tớ!

Tôi biết thủ đoạn của cô ta: tung ra nhiều đòn để khiến một thứ gì đó trong lòng tôi dao động. Cách đó có thể từng hiệu nghiệm, nhưng giờ thì không.

– Flora, nghe tớ này. Cậu đang ở vị thế mà cậu luôn mơ ước có được. Cậu nhớ không, lúc cậu mười bốn tuổi, ở thư viện thành phố Cardiff, cậu đã đọc sách của George Eliot hay Katherine Mansfield. Hồi ấy cậu mơ ước được là người mà giờ cậu đã trở thành: nữ tiểu thuyết gia bí ẩn Flora Conway với những độc giả từ khắp thế giới chờ đợi cuốn sách tiếp theo.

Kiệt sức vì bài diễn văn của cô ta, tôi thả mình xuống trường kỷ. Đứng trước tủ sách của tôi, Fantine lục lọi khắp các ngăn giá. Cuối cùng cô ta cũng tìm thấy thứ muốn tìm: một tờ *The New Yorker* cũ có đăng một trong số các bài phỏng vấn tôi.

– Chính cậu đã nhắc đi nhắc lại suốt bài phỏng vấn: “Sự hư cấu cho phép giữ khoảng cách với những khổ đau. Nếu không tạo ra được thế giới của riêng mình, chắc chắn tôi sẽ chết trong thế giới của những người khác.”

– Câu này hẳn là tớ mượn trong Nhật ký của Anaïs Nin.

– Không quan trọng. Dù muốn hay không, rốt cuộc cậu vẫn sẽ viết trở lại. Vì cậu không thể không làm thế. Cậu sẽ sớm thực hiện trở lại nghi thức nho nhỏ của mình: đóng mọi tấm rèm, hạ nhiệt độ điều hòa đến khi căn phòng lạnh như trong tủ lạnh. Cậu sẽ bật những đĩa nhạc jazz ướn át, sẽ lại bắt đầu rít thuốc như ông bố rồi...

– Không.

– Nhưng mọi chuyện không diễn ra như vậy, Flora. Chính những cuốn sách quyết định cậu phải viết chúng, chứ không phải ngược lại.

Đôi khi, tôi có cảm tưởng Fantine không thực sự tồn tại. Đó chỉ là một giọng nói trong đầu tôi. Khi là đế Jimmy lúc là ông Hyde* một dòng xoáy những suy nghĩ kích động hoặc trái ngược. Vì tôi không phản ứng, cô ta ra đòn tấn công tiếp:

Đế Jimmy (hay Đế-biết-nói) là nhân vật trong *Những cuộc phiêu lưu của Pinocchio* của tác giả Carlo Collodi, được coi như lương tâm của Pinocchio. ông Hyde là nhân cách thứ hai, một nhân cách rất tồi tệ, của bác sĩ Jekyll trong tác phẩm *Bác sĩ Jekyll và ông Hyde* của tác giả Robert Louis Stevenson.

– Nỗi đau là nhiên liệu tốt nhất cho nhà văn. Biết đâu một ngày nào đó, thậm chí cậu sẽ tự nhủ việc Carrie mất tích lại là một may mắn.

Tôi không ngẩng lên. Tôi đang chết, thậm chí càng lúc tôi càng khó cảm thấy giận dữ. Tất cả những gì tôi có thể nói, đó là:

– Tớ muốn cậu đi đi.

– Tớ sẽ đi, nhưng trước hết tớ có một bất ngờ cho cậu.

Cô ta lôi từ trong chiếc túi xách Phantom bằng da sần ra một chiếc hộp.

– Cậu có thể giữ nó. Tớ không thích những bất ngờ của cậu.

Lờ đi lời tôi nói, cô ta đặt món quà lên bàn phòng khách.

– Cái gì thế?

- Phần đầu của giải pháp, cô ta trả lời trước khi rời khỏi phòng khách và đóng sập cửa nhà tôi.

3

Tặng hâm thư ba mươi sáu

Hãy nuôi dưỡng ở bạn niềm say mê viết, và sức mạnh
hủy diệt của thực tại sẽ nằm trong tầm tay bạn.

Ray BRADBURY

1.

Vấn đề hiện tại, đó là, vì Fantine đã tiêm nhiễm cái ý nghĩ chết tiệt về thuốc lá vào đầu tôi, nên tôi lại thêm hút một điếu. Trong bếp, tôi tìm thấy một bao dỏ mà tôi giấu trên nóc một cái giá, chỉ dành để đổi mặt với những thời điểm như lúc này.

Tôi châm lửa và rít ba hơi lo lắng rồi trở ra bàn phòng khách để kiểm tra “món quà” - mà tôi đoán là đã tẩm độc - của Fantine. Đó là một cái hộp gỗ hình vuông màu nâu, cao chừng mười xăng ti mét. Trên bề mặt lấp lánh và lấm chấm đốm với những ánh phản chiếu màu đỏ sống động, trông giống da rắn. Tôi đã đoán ra thứ nằm bên trong trước cả khi mở hộp: một chiếc bút máy hàng hiệu. Fantine có cái nhìn lãng mạn về hành vi viết. Cô ta thật lòng nghĩ rằng tôi viết các bản thảo nháp bằng bút máy Caran d'Ache trong những cuốn sổ Moleskine mua trên phố Christopher. Vì thế cô ta thường tặng tôi những chiếc bút đắt đỏ

để chúc mừng ngày phát hành một cuốn sách hoặc khi có một bản dịch mới.

Không phải thế đâu, bà cô à, mọi chuyện không diễn ra như thế đâu.

Nếu trước khi khởi động viết một cuốn tiểu thuyết mà tôi có viết hàng trăm trang ghi chép, thì chủ yếu cũng chỉ là dùng bút bi Bic Cristal và trên những tập giấy giá 99 xu mua ở cửa hàng tiện lợi gần nhà. Chỉ có trong phim hoặc trên quảng cáo mới có những tiểu thuyết gia viết văn bằng những chiếc bút Montblanc to bằng cẳng tay.

Tôi mở hộp. Bên trong là một chiếc bút máy kiểu cổ điển kèm theo lọ mực. Một mẫu bút rất đẹp của Dunhill Namiki có lẽ đã ra đời từ những năm 1930, với ngòi bằng vàng và thân màu đen sơn mài trang trí các hoa văn kiểu Nhật bằng xà cừ, vàng lá và vỏ trứng. Ở gần ngòi bút là những đường lượn hình sóng biển, khi lan đến ống mực, chúng nhường chỗ cho những cành hoa anh đào xen vào. Những bông hoa sakura nổi tiếng, biểu tượng cho tính chất mong manh trong sự tồn tại của chúng ta.

Tôi lấy chiếc bút ra khỏi hộp. Nó quả là một món đồ tuyệt đẹp - thậm chí, một tác phẩm nghệ thuật đích thực - nhưng thực sự đã lỗi thời. Tôi tưởng tượng ngay cảnh Zelda Fitzgerald hay Colette* vừa viết bằng một chiếc bút tương tự vừa nhấm nháp sô cô la - hay nhiều khả năng hơn là uống rượu gin hoặc vodka. Trên thân bút có một cần gạt ánh xà cừ. Tôi kéo lưỡi gà và nhúng ngòi bút vào lọ mực để lấy đầy mực vào ống. Mực có màu nâu đồng và khá đặc.

Zelda Fitzgerald (1900-1948), nhà văn, họa sĩ nổi tiếng người Mỹ, là vợ của nhà văn F. Scott Fitzgerald.

Colette (1873-1954), nữ tiểu thuyết gia nổi tiếng người Pháp.

Tôi mang chiếc bút ra bàn bếp. Trong một thoáng tôi tự nhủ mình sẽ đi pha trà, nhưng tôi biết chắc rồi cuộc mình sẽ đi lấy một trong số những chai vang Meursault đang ngủ yên ở hầm rượu. Tôi rót một ly rồi vừa nhấm nháp từng ngụm nhỏ vừa đi tìm quyển vở học sinh mà - từ cách đây rất lâu - tôi dùng để ghi chép các công thức nấu ăn. Tôi tìm thấy nó được xếp trong đồng dụng cụ làm bếp. Khi lật giở cuốn vở, tôi nhận ra ý định bếp núc của mình thời đó chưa hề vượt quá công thức làm bánh kếp Suzette hay món bánh khoai tây vùng Dauphiné. Tôi vắn mở nắp bút và nguệch ngoạc ký lên một trang giấy trắng để thử bút. Ngòi bút trượt trên giấy. Nét chữ rất mềm mại, trơn tru, mực chảy ra không quá chậm, không quá nhanh.

2.

“Tôi căm ghét thứ văn chương an ủi”, tôi đã quen khẳng định như vậy trong các cuộc phỏng vấn. Tôi thường nói thêm rằng: “Tôi chưa bao giờ nghĩ văn chương phải có tác dụng chữa lành hay sửa chữa thế giới. Và tôi viết hoàn toàn không phải để các độc giả của mình cảm thấy khá hơn sau khi đọc sách của tôi.”

Tôi nói như vậy bởi vì đó là điều người ta chờ đợi ở tôi. Hay đúng hơn: đó là điều người ta chờ đợi ở nhân vật Flora Conway mà tôi đã xây dựng cùng Fantine. Đó là điều người ta chờ đợi ở một nhà văn làm ra vẻ nghiêm túc: một người bảo vệ cho thứ

văn chương lý tưởng đầy tính thẩm mỹ, tri thức, không có bất kỳ mục đích nào khác ngoài hình thức. Người tự khoác lên mình lời khẳng định của Oscar Wilde: “Những cuốn sách được viết tốt hay viết dở, chỉ vậy thôi.”

Sự thực là tôi chẳng hề nghĩ đến một từ nào trong những lời đó. Thậm chí tôi luôn nghĩ ngược lại: sức mạnh to lớn của văn chương hư cấu nằm ở quyền năng nó cho phép chúng ta chạy trốn thực tại hay băng bó những vết thương ta phải chịu do bạo lực xung quanh gây ra. Tôi ngấm chiếc bút Dunhill Namiki. Suốt một thời gian dài, tôi có niềm tin sắt đá rằng ngòi bút chính là chiếc đĩa thần. Tôi thực sự tin vậy. Không phải giả vờ ngây thơ. Bởi nó đúng là thế đối với tôi. Từ ngữ là những mảnh Lego. Khi ghép chúng lại, tôi kiên nhẫn xây dựng một thế giới thay thế. Khi ở bên bàn làm việc, tôi là nữ hoàng của một thế giới vận hành ít nhiều theo ý chí của tôi. Tôi có quyền sinh quyền sát đối với các nhân vật. Tôi có thể tiêu diệt những kẻ ngu ngốc, ban ơn huệ cho những người xứng đáng hơn, đưa ra các phán xét theo quan điểm đạo đức của mình tại thời điểm đó mà không cần biện minh. Tôi đã xuất bản ba cuốn sách, nhưng tôi có cả chục cuốn đang ấp ủ trong đầu. Chúng vẽ nên một thế giới hư cấu mà thời gian tôi sống trong đó cũng gần bằng thời gian tôi sống ở thế giới thực.

Nhưng thế giới đó hôm nay với tôi lại không thể chạm tới. Chiếc đĩa thần chỉ còn là món đồ trang trí không có tác dụng gì trước sự mất tích của một bé gái ba tuổi. Thực tại đã phủ phàng

giành lại quyền lực của nó, để bắt tôi phải trả giá vì những ý định tự giải thoát.

Tôi rót thêm ly rượu nữa rồi lại ly nữa. Rượu và những viên an thần benzo, món cocktail tuyệt nhất để tan biến đi.

Sự mệt mỏi và cảm giác tuyệt vọng phủ bóng đen lên tôi. Biết đâu một ngày nào đó, thậm chí cậu sẽ tự nhủ việc Carrie mất tích lại là một may mắn. Những lời bầy bạ của Fantine vang vọng trong đầu tôi. Giờ, khi chỉ còn một mình, tôi không cố kìm nén nước mắt nữa. Cuộc nói chuyện đó đã để lại những dấu vết. Làm sao Fantine dám nghĩ tôi có thể trở lại làm việc chỉ sau một cái búng tay? Lúc này cần phải có nguồn năng lượng vượt mức bình thường mới có thể viết được. Một sức mạnh về cả thể chất và tinh thần. Vậy mà con thuyền của tôi tứ phía đều bị rò nước. Để viết một cuốn tiểu thuyết cần phải đi xuống nơi sâu thẳm trong tâm hồn. Tới một nơi tăm tối mà tôi gọi là tầng hầm thứ ba mươi sáu. Ở đó có những ý tưởng táo bạo nhất, những tia lửa điện, linh hồn của các nhân vật, tia chớp của sáng tạo. Nhưng tầng hầm thứ ba mươi sáu là vùng đất thù địch. Để đối mặt với những kẻ canh giữ nó và trở về nguyên vẹn sau một hành trình như vậy, cần có những nguồn sức mạnh mà hiện giờ chúng đã rời bỏ tôi. Tôi chỉ còn được tưới tắm bằng một nỗi đau dai dẳng thiêu đốt các mạch máu trong người không ngừng nghỉ, từ sáng tới tối. Tôi không thể viết, tôi không muốn viết. Tôi chỉ muốn duy nhất một điều: gặp lại con gái tôi. Kể cả đó có thể là lần cuối cùng.

Và đó là điều tôi viết, như một câu mật chú, bằng chiếc bút máy, vào cuốn vở nhỏ ghi công thức nấu ăn:

Tôi muốn gặp lại Carrie.

Tôi muốn gặp lại Carrie.

Tôi muốn gặp lại Carrie.

Một ly Meursault cuối cùng. Buổi tối hôm nay, hơn hẳn những tối khác, tôi thấy mình hoàn toàn kiệt quệ. Ở bên bờ vực của sự điên rồ và ý định tự sát. Dầu sao tôi cũng cố lảo đảo trở về phòng ngủ, nhưng rốt cuộc tôi ngã nhào, như bị quật ngã, trên sàn gỗ phòng bếp.

Tôi nhắm mắt và màn đêm cuốn tôi vào vòng xoáy của nó. Tôi trôi trên bầu trời ngả xám. Những đám mây đen dần tan quanh tôi. Rồi khi sương mù tan đi, một ô cửa thang máy hiện ra. Bên trong chỉ có duy nhất một nút bấm. Một điểm đến duy nhất: tầng hầm thứ ba mươi sáu.

3.

Đột ngột, Carrie hiện ra. Vẫn còn sống.

Đó là một ngày mùa đông nhiều nắng trong khu sân chơi trẻ em ở công viên McCarren Park cạnh trường con bé.

– Mẹ xem này, con xuống đây! con bé cảnh báo tôi từ trên đỉnh chiếc cầu trượt trước khi trượt xuống máng.

Tôi đón con bé trong tay mà lòng quặn thắt. Tôi hít hà mùi thơm trên tóc và hơi ấm trên cổ con bé. Tôi say sưa trong mùi

thơm, trong những tràng cười của Carrie khi tôi ôm con bé trong tay.

- Mẹ mua kem cho con nhé?
- Lạnh lắm mẹ ạ! Con thích ăn bánh mì kẹp xúc xích hơn!
- Tùy con vậy.
- Đi nào mẹ! Mình đi thôi! con bé hết vang.

Thật khó hình dung chính xác cảnh tượng này xảy ra vào thời gian nào, nhưng vẫn có thể nhận ra một ít tuyết còn vương trên bãi cỏ trải dài đến trước nhà thờ Chính thống Nga. Có lẽ đó là vào khoảng tháng Một hoặc tháng Hai vừa rồi. Tôi theo sau Carrie đến chỗ chiếc xe bán bánh mì kẹp xúc xích và gọi một chiếc bánh nhỏ, con bé vừa ăn ngấu nghiến vừa dùng đũa lắc lư theo nhịp một bài reggae cũ phát ra từ chiếc đài của một nhóm chơi trượt ván đặt trên bậc thềm bê tông. Tôi ngắm con bé nhún nhảy trong chiếc váy ngắn kiểu Scotland, quần tất đen bóng, áo khoác thủy thủ và mũ chullo. Tôi thấy lại được sự vui tươi, năng lượng, niềm vui sống dễ lan truyền của con bé, thứ đã làm thay đổi sự tồn tại của tôi, rồi đến lượt mình tôi lại để cho bản thân cuốn vào vòng xoáy cuộc đời.

4.

Tôi mở mắt thức dậy trước bảy giờ một chút. Trong khi giấc ngủ của tôi hẳn là rất nặng nề và mơ hồ, thì đêm trôi qua như một hơi thở. Một đêm nhẹ nhàng với Carrie hiện ra trong giấc mơ cùng rất nhiều chi tiết, mùi hương và cảm giác.

Thức dậy thật khó khăn. Mặt và nửa người phía trên tôi ướt đầm mồ hôi, tay chân cứng đờ. Tôi khó nhọc lê bước đến phòng tắm và đứng hồi lâu dưới vòi sen nóng bỏng. Máu dồn lên thái dương. Tôi thở gấp và một đợt trào ngược axit thiêu đốt dạ dày tôi.

Những hình ảnh Carrie rõ ràng đến không ngờ ủa vào trí óc và khiến mắt tôi mờ đi. Chuyện gì đã xảy ra vào đêm qua? Tôi chưa bao giờ có giấc mơ nào giống như vậy. Chỉ có thể là bởi những gì tôi vừa trải qua không phải một giấc mơ. Đó là một thứ khác. Một sự hiện diện trong tâm trí được dệt nên từ những sợi chỉ có thể tái hiện một kỷ niệm đến mức hoàn hảo. Một thực tế còn thực hơn cả hiện thực. Ảo giác đó kéo dài bao lâu? Vài phút hay vài giờ? Phải chăng đó là do chiếc bút Fantine tặng tôi? Thật ra cũng không quan trọng. Điều cốt yếu là trong một thoáng, tôi đã tìm lại được con gái mình. Cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và không có thật, nhưng nó mang đến cho tôi nhiều hạnh phúc hơn là đau khổ.

Tôi ra khỏi phòng tắm mà răng đánh lập cập. Khắp mình mảy tôi đau nhức. Hai bên sườn, lưng, đầu. Tôi quay về phòng và nằm trong chăn suốt buổi sáng, hồi tưởng lại đoạn phim ngày hôm qua. Rồi vẫn nằm trên giường, tôi mở máy tính xách tay để tìm kiếm thông tin về chiếc bút.

Được sản xuất tại Nhật Bản, những chiếc bút Namiki được phân phối đến Pháp và Anh trong những năm 1920 bởi Alfred Dunhill. Ông chủ hãng người Anh bị vẻ đẹp những tác phẩm của xưởng sản xuất Nhật Bản lôi cuốn, ý tưởng thiên tài của họ là

khoác len những chiếc bút truyền thống bằng ebonit một lớp sơn mài chiết xuất trên các cây thắp được đốn ngay sau khi thu hoạch để thay thế bằng những cây non mới. Quy trình chế tác thủ công này, kết hợp với sự phức tạp của các lớp trang trí bằng xà cừ và vàng lá, khiến mỗi chiếc bút trở thành “độc nhất và kỳ diệu”, theo các tờ rơi quảng cáo thời đó.

Tôi rời khỏi giường vào giữa buổi chiều, khi Mark Rutelli đến thăm tôi theo lịch hằng tuần. Cứ đến thứ Hai, chúng tôi có thói quen trò chuyện cùng nhau trong căn bếp nhà tôi và cùng ăn những chiếc bánh blintz khoai tây pho mát mà ông mua ở Hatzlacha, cửa hàng tạp hóa bán thực phẩm kosher* của khu Do Thái tại Williamsburg. Viên cựu cảnh sát đã thực hiện những điều tra tỉ mỉ, nhất là về Hassan, người đàn ông đã ở bên tôi một khoảng thời gian vào cái đêm trước ngày Carrie mất tích, và về Amelita Diaz, cô bảo mẫu người Philippines mà công ty cung cấp dịch vụ trông trẻ cử đến trông con bé. Mặc dù cho đến lúc này các báo cáo từ cuộc điều tra lại của ông đều gây thất vọng, nhưng ít nhất Rutelli cũng có công là đã không từ bỏ, và trái ngược với những điều tra viên khác mà tôi có thể gặp, ông chưa bao giờ tin tôi có một phần trách nhiệm nào trong vụ mất tích của Carrie. Thực phẩm kosher là những đồ ăn thức uống phù hợp với các quy định về luật ăn uống của người Do Thái gọi là kashrut.

Chiều hôm đó, tôi thấy ngay trên gương mặt ông có điều gì đó mới mẻ. Rutelli ăn mặc lôi thôi, đầu tóc bù xù như thể ông đã ngủ trong ô tô, nhưng đôi mắt thâm quầng rực sáng hơn bình thường.

– Ông đã tìm được gì à, Mark?

– Đừng vội mừng, Flora, ông khuyên nhủ tôi trong lúc ngồi xuống một chiếc ghế đầu.

Ông ung dung bỏ áo bu đông và tháo bao súng đặt sang bên cạnh trên bàn. Bất chấp những nỗ lực tỏ ra thản nhiên, ông vẫn không giống như mọi lần. Mặc dù hôm nay ông không mang theo những chiếc bánh blintz, nhưng tôi vẫn rót cho ông phần rượu vang còn từ hôm qua rồi mới ngồi xuống bên cạnh ông.

– Tôi sẽ thành thật với cô, ông vừa thông báo vừa mở chiếc cặp bằng da đã mòn. Tôi đã báo cho Perlman, giám sát viên của FBI, về những gì tôi sắp kể với cô.

Một cơn đau nhói xé nát tim tôi, như thể người ta vừa đóng cọc vào nó.

– Ông đã tìm được gì, Rutelli? Nói đi nào, ôi Chúa ơi!

Ông lôi từ trong cặp ra một chiếc máy tính xách tay cũ và một tập hồ sơ bọc bì cứng.

– Cho tôi thời gian để giải thích.

Tôi căng thẳng đến mức phải chộp lấy ly Meursault và uống cạn một nửa. Viên cựu cảnh sát cau mày nhìn tôi rồi lấy ra một xấp ảnh từ trong chiếc túi nhỏ.

– Tôi chưa từng kể chuyện này cho cô, nhưng từ vài tuần nay, tôi đã theo dõi khá sát sao biên tập viên của cô, ông giải thích và trải ra trước mắt tôi những bức ảnh chụp bằng ống kính tele.

– Fantine ư? Tại sao cơ?

– Sao lại không? Cô ta cũng thuộc nhóm những người chân cận với cô và cô ta cũng quen trông nom Carrie...

Tôi nhìn những bức ảnh. Fantine trên những con phố ở Greenwich Village, Fantine ra khỏi căn hộ của mình ở Soho, Fantine ở siêu thị ở Union Square, Fantine ngắm những chiếc xác tay trước cửa hiệu Celine trên phố Prince. Fantine luôn ăn mặc chải chuốt.

– Cuộc theo dõi này cho ông biết điều gì?

– Không nhiều lắm, Rutelli thú thật. Ít nhất là cho đến trưa hôm qua.

Ông chỉ cho tôi hai bức ảnh sau cùng. Trên đó là Fantine, kính râm trễ xuống mũi, mặc quần jean và áo vest, ở sau cửa kính một nơi có vẻ là cửa hàng đồ cổ hoặc tiệm chuyên bán sách cổ.

– Đó là The Writer Shop, một cửa hàng ở East Village.

– Tôi chưa bao giờ nghe đến.

– Fantine đã mua một chiếc bút ở đó.

Tôi giải thích với viên cảnh sát có lẽ đó là chiếc Dunhill Namiki mà cô ta tặng tôi hôm qua để thúc giục tôi viết trở lại. Có vẻ rất quan tâm, ông yêu cầu được xem chiếc bút. Tôi cho ông xem nhưng không nói về giấc mơ đêm qua. Tôi không muốn bị coi là đồ điên trước người duy nhất ủng hộ mình.

– Hẳn cô biết điều gì đó về chiếc bút này, viên cảnh sát tiếp tục. Người ta cho rằng nó từng thuộc về Virginia Woolf.

– Vậy thì có liên quan gì đến con gái tôi?

– Tôi đã tới đó. The Writer Shop là cửa hàng chuyên bán di vật và đồ đạc cá nhân của các nhà văn nổi tiếng, Rutelli giải thích và kết nối máy tính đến trang web của cửa hàng. Chỉ cần chi những khoản tiền điên rồ, cô có thể sở hữu một trong những chiếc tàu của Simenon hay khẩu súng mà Hemingway dùng để bắn tung đầu mình.

Tôi nhún vai.

– Thời nay chuyện này cũng diễn hình. Ngày càng ít có độc giả thực sự. Người ta không còn quan tâm đến tác phẩm mà chỉ quan tâm đến nghệ sĩ. Cuộc đời, mặt mũi, quá khứ, phiêu lưu tình ái, những thứ ngu ngốc mà người đó đăng trên mạng xã hội. Tất cả mọi thứ trừ việc đọc tác phẩm.

– Cửa hàng này khiến tôi tò mò, viên cảnh sát nói tiếp. Vậy là tôi đã tác nghiệp một chút. Tôi vào cửa hàng và đóng giả làm một nhà sưu tầm, sau đó tôi liên lạc tiếp với họ nhiều lần bằng thư điện tử.

Ông mở phần mềm gửi thư điện tử ra và xoay màn hình về phía tôi.

– Đây là những gì ông chủ cửa hàng trả lời cho tôi.

5.

Từ: The Writer Shop - East Village

Đến: Mark Rutelli

Tiêu đề: Một phần catalog của chúng tôi

Thưa ngài,

Thể theo yêu cầu của ngài, đi kèm thư này là danh sách những vật phẩm đang bán và không có trên trang web của chúng tôi. Tin tưởng sự kín đáo của ngài, tôi rất sẵn lòng khi ngài cần những chỉ dẫn kỹ lưỡng hơn.

Trân trọng,

Shatan Bogat, giám đốc

Donatien Alphonse François de Sade (1740-1814)

Hai bức tranh phong cảnh Ý của họa sĩ Jean-Baptiste Tierce thuộc sở hữu của Hầu tước De Sade, thể hiện bối cảnh đồ nát của một số cảnh truy hoan mô tả trong tác phẩm *Chuyện về Juliette*, hay sự lên ngôi của truy lạc*.

Tên gốc tiếng Pháp là *Histoire de Juliette, ou les Prospérités du Vice*.

Honoré de Balzac (1799-1850)

Bình cà phê bằng sứ Limoges có ghi tên viết tắt H.B. thuộc sở hữu của tác giả Tấn trò đời. Bình cà phê này là bạn đồng hành thân thiết nhất của Balzac - nhà văn có thể uống tới 50 tách cà phê mỗi ngày và có khi viết đến hơn 18 tiếng một ngày. Nhưng việc lạm dụng cafein ấy là lý lẽ được nhiều người đưa ra để giải thích cho cái chết đến sớm của nhà văn khi ông mới 51 tuổi.

Knut Hamsun (1859-1952)

Bức ảnh chụp chủ nhân giải Nobel Văn học người Thụy Điển năm 1920 cùng thủ tướng Adolf Hitler*.

Adolf Hitler giữ chức Thủ tướng Đức Quốc xã trước khi làm Quốc trưởng Đức Quốc xã.

Marcel Proust (1871-1922)

Bên phía nhà Swann. Paris, nhà xuất bản Bernard Grasset, 1914.

Bản in đặc biệt (1/5)* trên giấy Nhật từng thuộc về bà Céleste Albaret*.

Trong đợt in đầu tiên, *Bên phía nhà Swann* có 17 bản đặc biệt, trong đó 5 bản in trên giấy Nhật, 12 bản in trên giấy Hà Lan.

Bà là người giúp việc tận tụy của Marcel Proust.

Sách được đóng gáy bằng vải xa tanh màu lam lấy từ ga phủ giường trong căn phòng nơi Marcel Proust đã trải qua phần lớn thời gian lúc cuối đời.

Virginia Woolf (1882-1941)

Bút sơn mài màu đen hiệu Dunhill Namiki trang trí hoa văn Nhật. Được bạn gái-người tình Vita Sackville-West tặng cho nữ tác giả của *Bà Dalloway* vào năm 1929 kèm lời nhắn viết tay: “Xin chị, trong cuộc đời đảo điên này, hãy luôn là ngôi sao vững chãi và rực rỡ” cùng một lọ đựng “mực thần”. Virginia dùng chiếc bút này khi viết tiểu thuyết *Orlando*.

James Joyce (1882-1941)

Bản nháp một trong Những lá thư tục tĩu*, bị kiểm duyệt suốt một thời gian dài, gửi đến vợ của ông, Nora, năm 1909.

Tên gốc tiếng Anh là: Dirty Letters.

Albert Cohen (1895-1981)

Áo choàng ngủ bằng lụa đỏ chấm bi đen được mặc trong thời gian ông viết *Ôi các anh em con người*.*

Tên gốc tiếng Pháp là *Ô vous, frères humains*.

Vladimir Nabokov (1899-1977)

Ba liều morphine tiêm (20 mg/ml) từng thuộc về ngài Nabokov.

Jean-Paul Sartre (1905-1980)

Bột mescaline* và ống tiêm. Được nhà triết học Pháp dùng để kích thích trí tưởng tượng khi ông viết vở kịch *Những kẻ bị giam cầm ở Altona**.

Một loại thuốc gây ảo giác.

Tên gốc tiếng Pháp là *Les Séquestrés d'Altona*.

Simone de Beauvoir (1908-1986)

Khăn đội đầu màu lam dệt lẫn màu bằng len lông lạc đà alpaca từng thuộc về Simone de Beauvoir.

William S. Burroughs (1914-1997)

* Súng lục cỡ .38.

Khẩu súng mà ngày 6 tháng Chín năm 1951 ngài Burroughs đã dùng để bắn chết vợ mình, Joan Vollmer Adams. Trong một đêm tiệc say bí tỉ tại Mêhicô, vì muốn thể hiện tài nghệ bắn súng và tái hiện chiến công của người anh hùng Guillaume Tell, nhà văn người Mỹ đã bảo vợ ông đặt một ly rượu sâm banh lên đầu rồi bắn về hướng đó nhưng trượt mục tiêu.

* Điều cannabis tìm thấy trong túi áo vest của ngài Burroughs khi ngài qua đời vì nhồi máu cơ tim ngày 2 tháng Tám năm 1997.

Roald Dahl (1916-1990)

Thanh sô cô la hiệu Cadbury từng thuộc về ngài Dahl và gợi cảm hứng để ông viết *Charlie và nhà máy sô cô la*.

Truman Capote (1924-1984)

Bình dựng di cốt chứa tro cốt của tác giả *Bữa sáng ở Tiffany's*.

George R. R. Martin (1948-)

Chiếc máy tính Osborne có cài đặt phần mềm soạn thảo văn bản Wordstar, công cụ để ông viết tập đầu tiên của *Trò chơi vương quyền*.

Nathan Fawles (1964-)

Chiếc máy đánh chữ màu xanh quả hạnh bằng nhựa bakelite hiệu Olivetti được dùng để soạn thảo *Một thành phố nhỏ ở Mỹ*, tiểu thuyết đã giúp Fawles giành giải Pulitzer năm 1995 (bán kèm hai trục lăn mực).

Romain Ozorski (1965-)

Đồng hồ đeo tay Patek Philippe, lịch vạn niên, phiên bản Ref# 3940G do người vợ tặng cho nhà văn Pháp để chúc mừng buổi ra mắt cuốn tiểu thuyết *Người đàn ông mất tích** vào mùa xuân năm 2005. Dòng chữ khắc ở mặt lưng đồng hồ: *You are at once both the quiet and the confusion of my heart**.

Tên gốc tiếng Pháp: *L'homme qui disparaît*.

Tiếng Anh, nghĩa là: Anh vừa là sự tĩnh lặng vừa là sự hỗn loạn của tim em.

Tom Boyd (1970-)

Máy tính xách tay PowerBook 540c do người bạn gái Carole Alvarez tặng nhà văn người California, trên chiếc máy này tác giả đã viết hai cuốn đầu trong bộ ba tập sách *Bộ ba Thiên thần*.

Flora Conway (1971-)

Chiếc dép màu hồng bằng nhung có một túm bông trang trí. Dép bên chân phải. Thuộc về con gái Carrie của nữ nhà văn, mất tích một cách bí ẩn ngày 12 tháng Tư năm 2010.

6.

– Ai là chủ sở hữu cửa hàng này? tôi vừa hỏi vừa ngược mắt khỏi màn hình.

– Một gã tên là Shatan Bogat. Một tên bịp bợm, nhiều lần bị kết án vì buôn bán đồ giả.

– Tôi không ngạc nhiên. Tôi cá với ông phần lớn những món này đều là đồ giả. Và nhất là chiếc dép được gán cho con gái tôi. Toàn bộ chuyện này thật ngớ ngẩn, Rutelli ạ.

– FBI cũng cho là vậy. Nhưng họ sẽ tới thẩm vấn Shatan Bogat để kiểm chứng.

Chỉ trong vòng vài phút, sự phấn khích đã bị thay thế bằng cảm giác chán nản. Thực sự là một quả pháo xẹt. Tôi không giấu được vẻ thất vọng và Rutelli cảm nhận được điều đó.

– Tôi sẽ để cô lại một mình, Flora. Xin lỗi vì đã làm cô hy vọng.

Tôi nói không có gì nghiêm trọng và cảm ơn vì ông đã cố gắng. Trước khi đi, ông nài nỉ tôi giao cho ông “chiếc bút của Virginia Woolf” mà ông muốn “cho người phân tích”.

Còn lại một mình, tôi lại thấy muốn được biến mất. Được tan biến. Được chìm sâu đến mức sẽ không bao giờ có ai đến kéo tôi lên được nữa. Và để thực hiện điều đó, tôi tiến hành nghi thức *shutdown* giống ngày hôm qua: một chai vang pha với thuốc chống lo âu. Tôi lại lôi quyển vở học sinh ra và thấy hối hận vì đã đưa chiếc bút cho Rutelli, kể cả khi tôi biết rất rõ những gì đang hình thành trong đầu mình chỉ là mối nhử, một vở chơi khăm của tâm trí tôi. Nhưng tôi vẫn còn lo mực. Mực thần. Tôi mở lọ rồi nhúng ngón trỏ vào thứ chất lỏng ánh màu gỗ gụ. Tôi dùng ngón tay quét nhiều lần lên trang giấy đôi một thông điệp với nét chữ nguệch ngoạc.

TÔI MUỐN GẶP LẠI CARRIE MỘT TIẾNG TRƯỚC KHI CON BÉ MẤT TÍCH

Một ý nghĩ thần kỳ xâm chiếm tâm trí tôi: ý nghĩ kỳ cục rằng nghi thức này có thể đưa tôi đến ô cửa nhìn về quá khứ và chiếu lại trước mắt tôi ngày diễn ra vụ mất tích của con gái. Dưới tác dụng của món cocktail thuốc ngủ, tôi dạo quanh căn hộ trước khi thả mình xuống giường. Đêm đã xuống sau những ô kính cửa sổ. Căn phòng và tâm trí tôi cùng vùi dần vào bóng tối. Tôi cảm thấy những ý nghĩ đang quện vào nhau. Tôi nghĩ vẫn vợ. Thực tại dần méo mó nhường chỗ cho những hình ảnh quái lạ.

Một nhân viên phục vụ thang máy như người ta thường thấy ngày xưa ở những khách sạn lớn đột nhiên hiện ra trong giấc mơ. Khoác trên người chiếc áo vest đỏ son thêu các dải trang trí và cúc áo mạ vàng, ông ta có cái đầu đáng sợ, dài đến mức thái quá, hai cái tai dị dạng và những chiếc răng to cộ khiến ông ta trông giống một con thỏ.

– Cô biết đấy, cho dù có làm gì cô cũng sẽ không thay đổi được kết cục câu chuyện, ông ta cảnh báo tôi trong lúc mở cánh cửa lưới sắt của thang máy.

– Tôi là nhà văn, tôi vừa trả lời vừa bước vào buồng thang. Chính tôi là người quyết định kết cục của câu chuyện.

– Trong những cuốn tiểu thuyết của cô thì có thể, còn trong đời thực thì không. Các nhà văn luôn tìm cách điều khiển thế giới, nhưng đôi khi thế giới sẽ không cam chịu.

– Chúng ta vẫn đi xuống chứ, thưa ông?

– Tầng hầm thứ ba mươi sáu, phải không? ông ta hỏi và đóng cửa thang máy lại.

4

Khẩu súng của Tchekhov

Mọi thứ trên đời đều có giá, chỉ cái chết là miễn phí, nhưng dầu vậy, nó cũng có giá bằng chính mạng sống của bạn.

Elfriede JELINEK

1.

Đó là một buổi chiều trời đẹp, trong và nhiều nắng, như New York vẫn thường như vậy vào mùa xuân. Tiền sảnh trường Montessori School ở công viên McCarren Park ngập tràn ánh nắng. Vài vị phụ huynh đang kiên nhẫn chờ trong hành lang đều đeo kính râm. Bỗng một cánh cửa mở ra và chừng hai chục đứa trẻ từ ba đến sáu tuổi chạy ủa ra khỏi lớp và cười đùa huyên náo. Tôi bắt trúng Carrie đang lao ra rồi chúng tôi đi xuống phố. Con bé rất vui vẻ, nhưng không chịu ngồi vào xe đẩy và khăng khăng đòi đi bộ cạnh tôi. Carrie cứ đi được ba bước lại dừng lại, nên chúng tôi mất gần nửa giờ mới đến được tiệm Marcello's ở góc đường Broadway. Carne tỉ mẩn chọn món quả nghiền và bánh cannoli, con bé ngẫu nhiên hốt cả hai món đó trước cả khi chúng tôi về đến tòa Lancaster.

– Ta có cái này cho cháu, cô bé xinh đẹp, Trevor Fuller Jones, người gác cổng mới của chúng tôi nói với con bé, khi chúng tôi bước vào hành lang.

Ông ta chìa cho Carrie một chiếc kẹo mút mật ong có vừng và bảo con bé hứa không được ăn nó ngay. Sau đó ông ta bảo con bé may mắn biết bao khi có mẹ là một nhà văn, người sẽ kể cho con bé những câu chuyện tuyệt hay khi lên giường đi ngủ buổi tối.

– Nói như vậy, hẳn là ông chưa từng giở xem bất kỳ cuốn tiểu thuyết nào của tôi.

– Quả đúng là vậy, Trevor thú nhận, với công việc của mình, tôi không có thời gian đọc sách.

– Ông không dành thời gian để đọc thôi, hai chuyện này không giống nhau đâu, tôi trả lời ông ta trong lúc cửa thang máy đóng lại.

Theo nghi thức đã thành nếp của hai mẹ con, tôi nhắc Carrie lên để con bé có thể ấn nút lầu sáu, tầng lầu cao nhất. Buồng thang chuyển động kèm theo tiếng kèn kẹt kim loại đã từ lâu không còn khiến cả tôi hay con bé sợ hãi nữa.

Vừa về đến nhà, theo đúng thói quen, Carrie cởi ngay đôi giày thể thao để xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà màu hồng nhạt có những tím bông trang trí. Con bé đi theo tôi đến tận chỗ máy hát, vừa xem tôi đặt một chiếc đĩa than lên mâm máy - chương hai bản concerto cung sol trưởng của Ravel - vừa vỗ tay chờ đón tiếng nhạc sắp vang lên. Sau đó con bé còn lảng nhãng theo tôi vài phút, đợi tôi phơi xong quần áo rồi rủ tôi chơi trốn tìm.

[Tôi thấy bồn chồn. Tôi cảm thấy khe nứt thời gian này còn mong manh hơn cả bong bóng xà phòng. Và tôi sợ rằng ô cửa nhìn về quá khứ sẽ đột ngột khép lại trước khi tôi kịp hiểu thêm điều gì.]

– Đồng ý, con yêu.

– Mẹ về phòng và đếm đến hai mươi đi!

Carrie theo tôi về tận phòng để kiểm tra xem tôi đã thực sự úp mặt vào tường và nhắm mắt chưa.

– Mẹ không được ăn gian nhé! con bé hét lên trước khi chạy đi trốn.

Hai tay bịt mắt, tôi bắt đầu đếm to.

– Một, hai, ba...

Tôi nghe thấy tiếng bước chân rất êm của Carrie trên sàn gỗ. Con bé vừa rời khỏi phòng. Trái tim tôi thất lại.

– ... bốn, năm, sáu...

Giữa những nốt nhạc như pha lê của bản adagio, tôi nghe thấy tiếng con bé đi qua phòng khách, đẩy chiếc ghế bành Eames chồm chệ trước bức vách kính lớn. Uể oải, mênh mang, bản nhạc như thôi miên rất dễ đưa bạn vào trạng thái mơ hồ.

– ... bảy, tám, chín...

Tôi mở mắt.

Tôi ngó vào phòng khách đúng lúc Carrie ngoặt sang hành lang. Tôi không được để con bé rời khỏi tầm mắt. Để không làm con bé nghi ngờ, tôi tiếp tục đếm.

– ... mười, mười một, mười hai, mười ba...

Đến lượt mình, tôi đi qua phòng khách. Mặt trời sau những tòa nhà chọc trời tỏa ra thứ ánh sáng phi thực. Một tấm màn ánh sáng tràn ngập khắp căn hộ. Tôi đánh liều liếc vào hành lang mà không để mình bị phát hiện.

– ... mười bốn, mười lăm, mười sáu...

Với đôi tay nhỏ xíu, Carrie đã mở chiếc tủ cất dụng cụ vệ sinh. Tôi thấy con bé luồn người vào bên trong. Nhưng chuyện này là không thể! Tôi đã xem xét cái tủ đáng nguyên rửa đó hai chục lần.

– ... mười bảy, mười tám, mười chín...

Tôi tiến vào hành lang. Ánh sáng ngập tràn không gian. Tôi nheo mắt. Tim đập rộn. Sự thật đang ở đây, ngay trong tầm tay. Ngay gần bên.

– Hai mươi.

Khi tôi mở cửa tủ, một bức màn bụi vàng cuộn xoáy trước mắt tôi. Một đám mây màu hổ phách, dày đặc, mù mịt, trên đó hiện ra hình bóng một tên người-thỏ khoác bộ đồ của nhân viên khách sạn. Khi hắn mở cái miệng gớm ghiếc ra, ấy là để cảnh báo tôi:

– Dù có làm gì, cô cũng sẽ KHÔNG BAO GIỜ thay đổi được kết cục câu chuyện!

Trước khi bỏ đi trong tiếng cười phá lên hung ác.

2.

Tôi giật mình tỉnh giấc, hãi hùng, người nằm vắt ngang giường. Căn phòng nóng hầm hập. Tôi dậy để tắt quạt gió của máy sưởi, sau đó đi nằm lại luôn. Họng tôi khô khốc, mí mắt phồng lên và hai thái dương đau như bị kẹp bằng ê tô. Còn thực hơn cả thực, cơn ác mộng khiến tôi hoảng hốt và thở dốc, cứ như thể tôi vừa chạy một mạch suốt đêm. Tôi nằm bẹp suốt mười lăm phút, nhưng cơn đau đầu không những không thuyên giảm mà càng lúc càng tăng dần đến mức không thể chịu nổi. Tôi gắng gượng ngồi dậy để vào nhà tắm và chộp lấy hai viên giảm đau Diclofenac rồi uống cùng vài cốc nước. Cổ họng tôi tê liệt và một thứ gì đó giống như chứng viêm khớp lan khắp các ngón tay khi tôi chà hai lòng bàn tay vào nhau. Mọi chuyện không thể cứ tiếp tục như thế.

Tiếng kêu liên hồi của chuông cửa có hình khoan xoáy vào màng nhĩ tôi. Khi bấm nút nghe, tôi thấy hiện ra trên màn hình khuôn mặt của Trevor, người gác cổng ở Lancaster.

– Đám phóng viên đang quay lại, thưa cô Conway.

Vậy là *những chuyện bực mình không bao giờ chấm dứt*.

– Phóng viên nào cơ?

– Cô sẽ biết ngay thôi.

Tôi day day hai thái dương để làm dịu bớt cơn đau bập bùng khắp trong sọ.

– Họ muốn một phản ứng từ phía cô. Tôi nên trả lời họ thế nào?

– Là hãy cút đi.

Tôi ngắt liên lạc rồi quay ra tìm chiếc kính trong phòng khách trước khi nhìn xuống qua cửa sổ.

Trevor nói đúng. Một đám đông chừng hai mươi người đang đứng châu chực trước Lancaster từ vỉa hè đối diện. Lũ động vật ăn xác thối, lũ chuột, lũ kền kền: luôn luôn là thứ quái vật kinh tởm đó trở đi trở lại đều đặn để đánh chén no nê từ vụ mất tích đứa con gái bé nhỏ của tôi. Tôi tự hỏi sao người ta lại ra nông nổi này trong cuộc hành trình riêng. Làm sao người ta rút cuộc cứ làm cái công việc này ngày này qua ngày khác, họ sẽ khiến bản thân tin tưởng vào điều gì để tự cho rằng mình có lương tâm hoặc những gã này sẽ kể chuyện gì cho con cái nghe vào mỗi tối để giải thích về một ngày của mình.

Vì sao họ trở lại ô ạt như vậy vào đúng hôm nay?

Tôi tìm điện thoại để xem có tin nhắn không, nhưng nó đã hết pin. Trong lúc cắm sạc, tôi phát hiện Rutelli để quên trên quầy bếp khẩu súng vẫn nguyên trong bao. Tôi ngoảnh mặt khỏi khẩu Glock - những món vũ khí luôn làm tôi khiếp sợ - và bật tivi để xem qua các kênh tin tức.

Và tôi không phải tìm kiếm lâu:

Những tin tức mới trong vụ cô bé Carrie Conway mất tích. Người đàn ông tuổi chừng năm mươi bị thẩm vấn đêm qua vừa được trả tự do và không bị cáo buộc bất cứ tội danh nào. Shatan Bogat, chủ một cửa hàng đồ cổ ở khu East Village, đã rao bán trong cửa hàng của mình một chiếc dép mạo xưng là được Carrie Conway đi vào ngày cô bé mất tích. Món đồ được phát hiện là giả và ông

Bogat biện hộ rằng đó là một trò đùa vô duyên. Vậy là cuộc điều tra vẫn giậm chân tại chỗ...

Tôi tắt ti vi. Tôi ngồi yên chừng hai phút. Dẫu sao tôi cũng chưa từng tin vào manh mối tầm phào này. Khi bật lại điện thoại, tôi thấy máy tràn ngập tin nhắn của Rutelli bảo tôi gọi lại cho ông ấy.

– Chào ông, Mark.

– Cô Flora à? Họ đã thả Shatan Bogat!

– Tôi biết, tôi trả lời trong tiếng thở dài. Tôi vừa nghe tin tức. Ông có biết là ông để quên súng ở nhà tôi không?

Rutelli không để ý lời nhắc của tôi:

– Họ đã nhâm to, cô Flora ạ! Chiếc bút đó!

– Chiếc bút đó làm sao ?

– Tôi đã cho phân tích chiếc bút cô đưa ở một phòng thí nghiệm tư nhân.

– Ông đã làm rồi à! Vậy kết quả thế nào ?

– Chiếc bút không phải là thứ có vấn đề...

Tôi biết điều ông ấy định nói tiếp: mà là mực.

– Mà là mực, ông khẳng định. Thành phần của thứ mực đó.

– Thứ gì có vấn đề vậy?

Lúc này, tôi chờ đợi mọi khả năng.

– Họ tìm thấy trong đó có nước, chất tạo màu, ethylene glycol, và cả... máu.

– Máu người ư?

– Phòng thí nghiệm khẳng định dứt khoát, Flora ạ: đó là máu của con gái cô.

3.

Một cơn chóng mặt.

Một khớp nối với những bánh răng không ngừng nghiêng lên tôi.

Tôi gác máy. Toàn thân co quắp. Tôi thấy khó thở. Tôi muốn mở cửa sổ, nhưng chúng đã được bịt kín. Toàn bộ những chuyện này phải dừng lại. Sự gặm nhấm tinh thần, lang thang vô định, những pha kịch tính khó lường. Những cú lượn siêu tốc của cảm xúc.

Tôi vụng về lôi khẩu súng lục của Rutelli ra khỏi bao và kiểm tra xem nó đã được nạp đạn chưa. Rất nhiều tiểu thuyết gia biết điều này: có một thủ pháp xây dựng tình tiết trong văn học hư cấu được biết đến với tên gọi khẩu súng của Tchekhov. “Nếu ở màn thứ nhất các bạn nói có một khẩu súng treo trên tường, nhà soạn kịch người Nga nói, vậy chắc chắn phải có một phát đạn được bắn vào màn hai hoặc màn ba.” Và đó chính xác là điều tôi đang cảm nhận thấy lúc này: cảm giác rằng một ai đó đã để khẩu súng này ở đây để nó sẽ lọt vào tay tôi.

Khẩu Glock trong tay, tôi trèo lên nóc tòa nhà, chào đón tôi là một luồng gió mạnh và tiếng lao xao của thành phố vang lên đến tận trời. Tôi tiến vài bước trên rooftop. Lớp phủ bằng vật liệu

tổng hợp của sân cầu lông cũ đang bong tróc. Những thùng đất nơi tôi và Carrie trồng rau đã ngập đầy cỏ dại.

Nhưng không khí thoáng mát đã giải tỏa bớt đầu óc và giúp tôi có thể suy nghĩ sáng suốt hơn. Lúc này tôi cần gạt cảm xúc và sự yếu đuối sang một bên và hoàn toàn chỉ dùng đến lý trí. Ngay từ đầu, đã có gì đó chệch choạc. Nếu căn hộ được khóa từ bên trong, thì thật vô cùng phi lý khi họ không tìm thấy Carrie. Chuyện đó thực sự là *không thể*.

Tôi nghĩ đến lời khẳng định của Conan Doyle: khi bạn đã loại bỏ tình huống không thể xảy ra, thì thứ còn lại, dù có khó tin đến mức nào, cũng chắc chắn là sự thật. Nhưng vậy lời giải thích ở đây là thế nào? Có thể tôi đang mắc một chứng bệnh tâm thần, có thể tôi đang bơi trong ảo giác do thuốc hoặc một cơn hôn mê sau một trải nghiệm cận tử. Có thể tôi đã bị mất trí nhớ hoặc đang chớm mắc alzheimer. Tôi sẵn sàng không loại bỏ bất kỳ một giả định nào, nhưng tôi cảm thấy rất rõ là mọi chuyện không phải như vậy.

Trời tối sầm, các đám mây dồn lại. Một đợt gió lớn thổi liên tiếp làm hàng rào phen tre bao quanh sân thượng rung lên bần bật.

Có thứ gì đó tôi chưa nhìn ra. Không, không phải một chi tiết. Một thứ gì đó mang tính mấu chốt hơn. Như thế, ngay từ đầu, một bức màn khói đã ngăn cản tôi nhìn trực diện vào sự thật. Ngay từ đầu, không phải là hoang tưởng, tôi đã thường xuyên có cảm giác khó chịu rằng ai đó đang quan sát mình, thậm chí là định đoạt các hành vi của tôi thay cho tôi. Cảm giác này rất

khó diễn tả cho hợp lý, nhưng lần đầu tiên tôi cảm thấy mình vừa mở ra một khe hở trên bề mặt mọi chuyện.

Tôi cố xác định cảm giác của mình. Từ đâu mà có cảm giác câu chuyện này đã được viết sẵn? Tôi đã không nắm bắt được điều gì ở thực tại quanh mình? Và nhất là ai là người giật dây và thao túng tôi như một con rối? Vậy đây, tôi đã bị thao túng.

Nhưng bởi ai?

Một cảm giác khác vẫn đè nặng trong tâm trí tôi và không ngừng lớn dần qua từng ngày: cảm giác tôi là một tù nhân. Đã bao nhiêu tháng tôi không ra khỏi nhà? Lý do tôi đưa ra là tôi muốn trốn khỏi cuộc bao vây của đám phóng viên và có mặt ở nhà nếu nhớ Carrie xuất hiện trở lại, nhưng cái cớ này không phải là thật lòng. Điều gì thực sự ngăn cản tôi ra ngoài?

Một hình ảnh in đậm trong tâm trí tôi: ngụ ngôn về cái hang của Plato. Thân phận con người khiến chúng ta sống trong sự thiếu hiểu biết, là tù nhân của những ý nghĩ sai lầm, bị nhốt trong một cái hang, mù dờ trước thủ đoạn của những kẻ xảo quyệt, chúng phóng chiếu ra những cái bóng ảo mà ta lại cho đó là sự thật.

Giống những con người mà Plato mô tả, bị cầm tù sâu trong cái hang của họ, tôi bị xích vào căn hộ của mình. Và, cũng giống họ, tôi không nhìn thấy thế giới với bản chất thật của nó. Tôi chỉ nhìn thấy những cái bóng di chuyển nổi bật lên nhờ mặt trời đối lừa. Những mẩu nhỏ, những tiếng vọng.

Vậy đây, mình đã mù lòa.

Tôi bám rịt lấy ý nghĩ này: một thứ gì hay một ai đó đã cố ý khiến tôi nhìn nhận thế giới theo cách sai lệch. Thực tế khác với những gì tôi đã tin và cho tới lúc này, tôi đã sống trong dối trá.

Dù cái giá phải trả là gì, tôi cũng phải xé tan tấm màn ngăn tôi nhìn ra sự thật.

Những tiếng ồn của thành phố vang đến tai tôi mỗi lúc một to. Tiếng còi ô tô, tiếng xe cảnh sát hú, tiếng cần cầu ầm ầm và tiếng búa khoan của các công nhân đang làm việc trên công trường của một tòa nhà bên cạnh. Một sự đe dọa bao trùm trong không khí. Tôi thấy sợ những gì tôi có thể khám phá ra. Nỗi sợ của những người bị giam khi được ra khỏi hang, khi họ nhận ra bóng tối thật dễ chịu và ánh sáng khiến họ đau khổ.

Lúc này, tôi không còn chắc chắn về điều gì nữa. “Không ai có thể biết thế giới là ảo hay thực, và liệu giữa mơ và sống có gì khác nhau không.” Câu nói của Borges hiện ra trong trí nhớ và làm bùng lên trong tôi cảm giác rằng thực tại chỉ là một lớp sơn véc ni.

Một lần nữa, tôi lại cảm thấy một sự hiện diện rất rõ ràng ở quanh mình, mặc dù tôi biết rõ thực tế chỉ có mình tôi trên mái nhà. Sự chi phối vô hình, do một Người Khác gây ra.

Một kẻ điều khiển con rối.

Một kẻ thù.

Một tên khốn.

Một tiểu thuyết gia.

Xung quanh tôi, khung cảnh quen thuộc chợt thoáng rung chuyển. Rồi mọi thứ đứng yên trở lại và hiện ra trước mắt tôi sắc nét hơn trước rất nhiều: những kho bãi của xưởng đóng tàu, ống khói cao bằng gạch đỏ của nhà máy tinh luyện đường cũ, cây cầu thép Williamsburg oai vệ bắc qua sông Đông*.

East River ở New York. Phân biệt với tên gọi “sông Đông” khác trong tiếng Việt để chỉ một con sông ở Nga.

Sự hiển nhiên từ từ bộc lộ rõ. Tôi là món đồ chơi của một tay nhà văn. Tôi là nhân vật trong một cuốn tiểu thuyết. Đằng sau chiếc máy chữ, hay đúng hơn là đằng sau màn hình của chương trình soạn thảo văn bản, một ai đó đang chơi đùa với cuộc đời tôi.

Tôi đã lừa được kẻ thù ra. Tôi biết rõ những mảnh của hắn, vì tôi cũng làm cùng nghề với hắn. Điều này cho tôi một niềm tin chắc chắn: tôi vừa phá hỏng kế hoạch của hắn. Tên điều khiển con rối không ngờ mình bị lật mặt nạ và hắn đang làm rối tung các sợi chỉ nối với tay cầm điều khiển hình chữ thập.

Một ô cửa phóng* bất ngờ vừa được mở ra. Ô cửa hội tụ mọi khả năng: nó cho phép thay đổi kết cục câu chuyện. Tôi cần tìm ra cách để lật ngược tình thế. Và để thoát khỏi sự điều khiển của hắn, tôi không có lựa chọn nào khác ngoài cách lôi hắn vào cuộc chơi.

Nguyên văn: une fenêtre de tir, từ thường được dùng trong ngành hàng không vũ trụ, mang ý nghĩa chỉ khoảng thời gian tập hợp đủ mọi điều kiện để phóng tên lửa, nếu qua thời điểm này, cần phải chờ đến lần tiếp theo mới có thể phóng.

Tôi rút khẩu súng của Rutelli từ túi áo bu đông ra. Lần đầu tiên kể từ rất lâu rồi tôi mới có cảm giác mình đã giành được chút ít tự do. Tôi cảm nhận thấy rõ kẻ ngồi sau màn hình kia không ngờ tôi sẽ làm vậy. Dù có nói gì đi nữa, các tiểu thuyết gia cũng không hề thích bị nhân vật của mình kẻ dao vào cổ.

Tôi áp nòng khẩu Glock vào thái dương.

Một lần nữa, những hình ảnh giật giật lại nhảy nhót trước mắt tôi, như thể quang cảnh quanh tôi đang dần méo đi.

Trước khi nó biến mất hoàn toàn, tôi đặt ngón tay lên cò súng và hét gọi kẻ ngồi sau màn hình:

– TA CHO MI BA GIÂY ĐỂ NGĂN TA LÀM CHUYỆN NÀY:
MỘT, HAI, B...

MỘT NHÂN VẬT CỦA ROMA(Ι)N*

Tác giả chơi chữ giữa tên nhà văn Romain và từ Roman (nghĩa là Tiểu thuyết).

5

Ăn khớp về thời gian

Viết một cuốn tiểu thuyết không phải việc quá khó [...] Điều gian nan thực sự là viết liên tục nhiều cuốn tiểu thuyết. [...] Cần phải có một năng lực đặc biệt, thứ năng lực chắc chắn có phần hơi khác với tài năng đơn thuần.

Haruki MURAKAMI

Tôi áp nòng khẩu Glock vào thái dương.

Một lần nữa, những hình ảnh giật giật lại nháy nhót trước mắt tôi, như thể quang cảnh quanh tôi đang dần méo đi.

Trước khi nó biến mất hoàn toàn, tôi đặt ngón tay lên cò súng và hét gọi kẻ ngồi sau màn hình:

– TA CHO MI BA GIÂY ĐỂ NGĂN TA LÀM CHUYỆN NÀY:
MỘT, HAI, B...

1.

Paris, thứ Hai ngày 11 tháng Mười năm 2010

Hoảng hốt, tôi gặp màn hình máy tính xuống làm phát ra một tiếng cạch cộc lốc. Ngồi trên ghế, trán nóng bừng cảm giác rùng mình chạy khắp châu thân. Mắt tôi cay cay và một cơn đau buốt khiến vai và cổ tôi tê cứng.

Chết tiệt, đây là lần đầu tiên một nhân vật gọi tôi trực tiếp giữa lúc tôi đang viết một cuốn tiểu thuyết!

Tôi tên là Romain Ozorski. Tôi bốn mươi lăm tuổi. Tôi viết từ rất lâu rồi. Bản thảo đầu tiên của tôi, *Những người truyền tin*, được xuất bản khi tôi hai mươi một tuổi và đang là sinh viên ngành y. Kể từ đó tôi đã viết thêm mười tám tiểu thuyết và tất cả đều trở thành best-seller. Từ hơn hai mươi năm nay, sáng nào tôi cũng bật máy tính, mở chương trình soạn thảo văn bản rồi rời bỏ sự tầm thường của thế giới để trốn vào những cuộc đời song song của mình. Viết chưa bao giờ là thú vui với tôi. Đây là một sự cam kết trọn vẹn. “Một phương cách sống đặc biệt”, Flaubert nói; “Một thứ ma túy”, Lobo Antunes nâng tầm: “Khi mới bắt đầu, nó là niềm vui, nhưng rồi ta sắp xếp đời mình quanh cái thói tật đó.”

Và tôi làm việc ngày này qua ngày khác, từ sáng đến tối, không chờ đợi một “cảm hứng” bất chợt để bắt đầu công việc.

Thậm chí là ngược lại: chính bởi tôi làm việc mà thông thường cảm hứng rất cuộc sẽ tới. Tôi yêu sự kỷ luật, ngoan cố, khắt khe này. Không có gì là dễ dàng, không có gì là hiển nhiên. Cắm đồ luôn chực chờ: bạn không bao giờ có thể biết việc viết sẽ đưa bạn đến đâu.

Với sáu giờ viết mỗi ngày - đây là nhịp độ thấp - tôi đã vượt xa mốc bốn mươi lăm nghìn giờ làm việc. Bốn mươi lăm nghìn giờ sống giữa những nhân vật trên giấy. Điều đó có lẽ đã khiến tôi trở thành một người “không thích nghi được với đời sống thực” (theo lời người vợ sắp cũ của tôi), nhưng cũng giúp tôi thành người có thể khoe là mình sành sỏi trong lĩnh vực truyện hư cấu. Và điều vừa diễn ra chưa từng xảy đến với tôi. Mặc dù luôn nhắc đi nhắc lại trong các bài phỏng vấn rằng khoảnh khắc phấn khích nhất khi viết là lúc nhân vật của bạn trở nên tự chủ và bắt đầu muốn làm những việc mà bạn không sắp đặt sẵn cho họ, nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ có ngày mình lại ở trong hoàn cảnh đó.

Quyết tâm không chịu thất bại, tôi mở lại chương trình soạn thảo văn bản và thử viết tiếp câu chuyện lần nữa.

Trước khi nó biến mất hoàn toàn, tôi đặt ngón tay lên cò súng và hét gọi kẻ ngồi sau màn hình:

– TA CHO MI BA GIÂY ĐỂ NGĂN TA LÀM CHUYỆN NÀY: MỘT, HAI, B...

Tôi cố bắt lại mạch câu chuyện, nhưng mỗi cú nháy của con trỏ trên màn hình là một vết khía nhỏ vào con người mắt tôi. Tôi chờ đợi, không thể đối mặt với tình huống này.

Có hai cách chính để viết một tiểu thuyết. Suốt một thời gian dài, tôi dùng cách an toàn. Như người thợ đồng hồ, tôi bỏ ra nhiều tháng để xây dựng một dàn ý thật đầy đủ. Tôi viết kín những cuốn sổ từng chi tiết tỉ mỉ: cốt truyện, các bước ngoặt bất ngờ, lý lịch các nhân vật, tư liệu. Kết thúc phần việc chuẩn bị này, tôi chỉ còn phải tập hợp các cuốn sổ lại và đi theo sát tiến trình câu chuyện. Như Giono từng nói: “Cuốn sách gần như đã thực hiện xong, chỉ còn phải viết nó ra.” Nhưng viết một câu chuyện đã biết trước kết cục thì có gì thú vị? Theo năm tháng, cách làm việc của tôi thay đổi. Từ đó trở đi, tôi tìm cách làm mình bất ngờ bằng cách kể câu chuyện cho chính mình theo quá trình viết. Tôi thích cái ý tưởng dẫn thân vào mà không biết kết cục của cốt truyện. Đây là “phương pháp Stephen King”, ông cho rằng các câu chuyện tự chúng đã tồn tại từ trước. Chúng như những hóa thạch trong lòng đất và người viết tiểu thuyết phải đào bới theo mạch viết mà không biết đó là một bộ xương khủng long hay xương một con gấu mèo.

Đó là phương pháp tôi chọn cho cuốn tiểu thuyết mới có tên tạm đặt *Mặt thứ ba của tấm gương*. Tôi khởi đầu từ một tình huống đơn giản (vụ mất tích của một bé gái) sau đó để mình đón nhận những gợi ý từ các nhân vật. Họ ứng xử hoàn toàn không giống nhau. Một số người ngay từ đầu đã lừa dối, những diễn viên ngôi sao bằng lòng với việc chỉ đọc lời thoại của mình mà không buồn động tay giúp đỡ bạn chút nào. Một số khác, ngược lại, cố chiếm quyền kiểm soát và khiến bạn đi trệch khỏi quỹ

đạo. Nhưng lần này, mọi chuyện đã đi quá xa. Flora Conway không chỉ nổi loạn, cô ta còn vạch trần tôi.

Những giọt mưa rơi xuống cửa kính tạo thành tiếng ồn như địa ngục. Ba ngày nay, một trận cúm nặng làm tôi mù mịt, với những đợt sốt cao và ho khiến tôi muốn khạc ra cả phổi. Suốt nhiều ngày tôi cuộn mình trong chiếc khăn choàng lông lạc đà vợ tôi để quên khi cô ta rời bỏ tôi, luân phiên giữa trường kỷ trong phòng khách và trước máy tính, giữa thuốc Doliprane và vitamin C. Suốt mười lăm phút, tôi ngồi lả đi trên ghế nhìn chằm chằm màn hình và suy nghĩ về bốn chương vừa viết, nhưng càng cố nghĩ, nỗi lo lắng càng dâng lên trong lòng. Hình ảnh Flora Conway và khẩu súng khiến tôi sợ hãi đến mức tôi phải từ bỏ và đứng dậy đi pha một cốc cà phê.

2.

Liếc nhìn đồng hồ treo tường. Sắp bốn giờ chiều. Phải chú ý để không lỡ giờ tan học của Théo. Trong lúc bình cà phê nóng dần, tôi nhìn ra cuối vườn từ cửa sổ. Bầu trời đen kịt. Mưa rất to suốt từ sáng sớm. Một mùa thu Paris kinh tởm.

Như chưa đủ tồi tệ, nỗi hơi* còn bị hỏng và phòng khách lạnh toát. Một dòng nước lớn từ mái nhà cùng hệ thống cầu chì ngày nào cũng nhảy khiến tôi cảm tưởng mình đang sống trong một căn nhà ổ chuột. Ấy vậy mà tôi đã mua căn nhà này với giá bằng cả một gia tài từ một đôi vợ chồng già đã trải qua sáu mươi năm chung sống bên nhau tại đây. Những tưởng đây là ngôi nhà tràn đầy yêu thương như tôi hằng mong ước có được để nuôi

nâng những đứa con của mình ở đây. Ngôi nhà vườn hai tầng tràn đầy ánh sáng, nằm không quá xa vườn Luxembourg. Nhưng nơi này “còn nguyên trạng” và cần những cuộc tu sửa lớn mà tôi chẳng còn tiền để tiến hành. Và cũng không muốn tiến hành.

Thiết bị sưởi ấm và/hoặc cung cấp nước nóng dùng trong gia đình.

Tôi mua căn nhà này một năm trước, đúng ba tháng trước khi Almine tuyên bố bỏ tôi. Khi rời đi, vợ tôi còn khóa các tài khoản chung của chúng tôi, và từ đó, tôi không thể chi thêm một xu nào mà không có sự đồng ý của cô ta. Quyết định đó khiến đời tôi tê liệt, vì Almine không hề hợp tác. Cô ta còn tự bày ra thú vui là từ chối mọi yêu cầu của tôi, và tôi không thể gây sức ép cũng chẳng có tiền để tiêu: rất lâu trước khi sóng gió nổ ra, cô ta đã để phòng bằng cách chuyển vào tài khoản cá nhân số tiền đủ cho nhu cầu của mình đến khi vụ ly hôn của chúng tôi được tuyên.

Mỗi ngày, tôi càng ý thức rõ hơn cuộc ra đi của cô ta đã được suy tính cẩn trọng đến chừng nào để đẩy tôi vào vai ác. Gần nửa năm trước khi tuyên bố ý định ly dị, gần như ngày nào Almine cũng gửi đi những tin nhắn thóa mạ cô ta viết bằng điện thoại riêng của tôi để khiến mọi người lầm tưởng tôi chính là tác giả của những tin nhắn đó. Hàng tá lời chửi rủa và đe dọa chĩa vào cô ta, cùng con trai Théo của chúng tôi. Tin nhắn nào cũng có: “con đàn bắn thủ”, “con khốn”, “con điếm chết tiệt”, “tao sẽ

không bao giờ để mày đi”, “rồi tao sẽ lột da mày. Cả mày lẫn thằng nhóc,” “tao sẽ giết mày rồi đ... xác mày.

Đó là những gì cô ta cùng đám luật sư đã tuồn cho báo chí. Là người ngây thơ và thiếu cảnh giác, tôi quảng điện thoại của mình vô tội vạ và không hề đổi mật khẩu suốt mười năm nay. Tôi không hề hay biết gì, vì sau khi gửi chúng, cô ta lại cẩn thận xóa hết tin nhắn trên máy tôi. Vậy là Almine tạo ra được cả một kho những tin nhắn nhớp nhúa làm bằng chứng không thể chối cãi cho sự bỉ ổi của tôi.

Rồi còn có đoạn video. Quả anh đào trên bánh ga tô*. Đoạn phim ba mươi giây được tải lên YouTube lúc nào không rõ - từ một vụ hack giả vào điện thoại của Almine. Trong đoạn phim, khung cảnh diễn ra tại căn bếp nhà tôi lúc bảy rưỡi sáng, lúc vợ tôi và Théo đang ăn sáng trước khi thằng bé đến trường. Tôi mặc quần đùi, cùng chiếc áo phông Mötley Crüe có độ sạch đáng ngờ, bộ râu ba tuần chưa cạo và đầu tóc “tả tơi”. Mắt tôi thâm quầng và trũng sâu như thể tôi vừa hút liên tiếp ba điếu cần. Chai bia trong tay, tôi mở tủ lạnh rồi nổi cáu vì nó vẫn hỏng. Đoạn phim kết thúc bằng cảnh tôi tung cú đá vào thứ máy móc đó rồi gất lên “như cứt!” khiến con trai tôi giật nảy mình. Ba mươi giây có tính hủy hoại được dàn dựng lên để biến tôi thành kẻ bạo chúa trong nhà. Đã có hàng trăm nghìn lượt xem trên Internet trước khi đoạn phim được gỡ bỏ. Tôi đăng một bài viết để tự thanh minh và giải thích bối cảnh của đoạn phim. Thời đó, tôi “cắm cung” trong nhà, dành toàn bộ thời gian để viết (nên mới có bộ dạng lồi thoi như vậy). Để tăng hiệu quả, tôi làm việc

theo giờ giấc khác thường, từ tám giờ tối hôm trước đến một giờ chiều hôm sau, và tôi ngủ vào buổi chiều (bởi thế tôi mới uống bia vào bảy giờ sáng, tương ứng giờ tôi ăn trưa).

Thành ngữ trong tiếng Pháp, chỉ một chi tiết nhỏ nhưng có tác động lớn, có thể thay đổi mọi thứ.

Nhưng lời bào chữa này chỉ càng làm tình hình tồi tệ hơn. Thời nay, sự thất bại của viết lách đã được định đoạt từ lâu. Tôi không làm chủ được cả âm thanh lẫn hình ảnh, và ngược lại với vợ tôi, tôi không hiểu gì về mạng xã hội, về số lượt like và cách tạo dựng giá trị bản thân.

Tháng Tư vừa rồi, cuối cùng Almine cũng chính thức đề nghị ly hôn, và mùa hè đó, cô ta tố cáo tôi tội đe dọa sử dụng vũ lực và quấy rối. Trong một bài phỏng vấn tràn ngập sự dối trá và thiếu trung thực, Almine giải thích cô ta bỏ tôi vì tôi luôn “lơ đễnh”, hay “nổi khùng”, rồi cô ta còn nói mình “khiếp sợ” vì những lời đe dọa tôi trút lên con trai chúng tôi. Đầu mùa thu, tôi phải chịu bốn mươi tám giờ giám sát của đồn cảnh sát quận VI và một buổi đối chất với Almine nhưng chẳng đi đến đâu. Tôi được thả nhưng phải chịu giám sát tư pháp, trong lúc chờ đợi bản án của tôi dự kiến được tuyên vào cuối mùa đông.

Tôi vừa may thoát được lệnh chăm sóc bắt buộc, nhưng bị cấm liên lạc với Almine. Và nhất là, tòa án gia đình - xằng xái lao vào vụ việc của vợ tôi mà không mấy may mắn - đã giới hạn quyền thăm nom của tôi “để bảo vệ sự thoải mái tinh thần” của Théo. Nói ngắn gọn, tôi có thể thăm con trai trực tiếp một lần mỗi tuần trong vòng một giờ dưới sự giám sát của một nhân

viên xã hội. Quyết định này ban đầu khiến tôi điên tiết sau đó chìm tôi vào vực thăm buồn bã.

Đã qua bốn giờ chiều. Tôi nuốt cà phê, mặc áo khoác đi mưa và đội chiếc mũ bóng chày lưỡi trai dài trước khi rời nhà. Trời vẫn mưa như thác đổ. Trên phố Notre-Dame-des-Champs, vẫn là sự lộn xộn quen thuộc khi đến giờ tan học, hôm nay nó càng được khuếch đại nhờ cơn mưa đại hồng thủy và những cuộc đình công ngắt quãng phản đối dự luật cải cách lương hưu.

Ngôi trường con trai tôi theo học cách nhà chưa đầy một cây số đi bộ. Paracetamol bắt đầu có tác dụng và tôi lấy lại được một chút cảm giác hoạt bát. Tôi ý thức rõ mình đang sống trong cơn khủng hoảng lớn nhất cuộc đời. Một cái bẫy mà tôi không hề đề phòng. Không thể bào chữa cho tôi, hai luật sư của tôi đành để tôi mất quyền nuôi con. “Thời thế không ủng hộ chúng ta”, họ giải thích với tôi, và điều đó khiến tôi điên tiết. Thời thế thì có liên quan gì? Toàn bộ chuyện này chỉ là một màn kịch và một sự dối trá ghê tởm. Chỉ trừ việc rất khó để chứng minh điều đó. Và tôi cảm thấy mình có phần đơn độc trong cuộc chiến.

3.

Trên vỉa hè, tôi vừa luồn lách qua những người đi bộ, những xe nô và xe trượt scooter vừa hồi tưởng lại không biết lần thứ bao nhiêu bộ phim cuộc đời mình cùng Almine. Tôi gặp cô ta vào cuối năm 2000, cái năm tôi dành ra sáu tháng sống ở London để viết kịch bản một bộ phim truyền hình không bao giờ hoàn thành. Almine Alexander là cựu học viên nhiều triển vọng của

Trường múa ba lê Hoàng gia chuyển sang làm người mẫu. Cô ta luôn tự nhận mình “đồng bóng”. Khởi đầu mỗi quan hệ của chúng tôi, nét tính cách đó thật quyến rũ. Nó đem đến sự say đắm và thú vị cho cuộc đời vốn quá sức nèn nếp của tôi, đưa tôi phần nào thoát khỏi nhịp sống như của người thợ thủ công đã ngự trị ngày này qua ngày khác. Rồi thời gian qua đi, tôi nhận ra rằng về lâu dài, “đồng bóng” đồng nghĩa với “bất ổn”. Rất nhanh chóng, tôi không còn muốn chia sẻ cuộc đời với một người đàn bà bạo ngược hung hăng, nhưng cô ta không đồng ý cắt đứt, và cuộc hôn nhân của chúng tôi lâm vào tình cảnh trời sập như đường tàu lượn siêu tốc kinh điển của những mối quan hệ đang lụi tàn. Một thời gian sau cô ta có bầu, và Théo chào đời đã khiến tôi gác sang bên những lời ca thán, vì tôi không muốn chịu cảnh không được nhìn thấy con trai mỗi ngày, và tôi muốn thằng bé lớn lên trong một gia đình có cả cha lẫn mẹ.

Vậy là chúng tôi giảng hòa với nhau - ít nhất đó là điều tôi đã ngây thơ tin vào, ngay cả khi Almine chưa bao giờ thực sự chấm dứt những lời lải nhải trách móc. Ban đầu, cô ta thích thú được sống cùng một nhà văn, được là độc giả đầu tiên của tôi, được tham gia một chút vào trò lắp ghép Meccano khổng lồ của công cuộc sáng tác một cuốn truyện hư cấu. Nhưng về lâu dài, chuyện này ngày càng kém thú vị thấy rõ. Tôi dễ dàng nhận ra rằng phần lớn thời gian, tôi chìm đắm trong một dạng thế giới song song là nơi cư ngụ của những nhân vật tưởng tượng mà những vấn đề của họ khiến tôi trăn trở đêm ngày.

Và kinh nghiệm không giúp ích gì trong việc này. Tôi là tác giả của gần hai mươi tiểu thuyết nhưng ích gì, tôi vẫn không biết công thức viết một cuốn sách. Vì lý do đơn giản là công thức đó không hề tồn tại. Mỗi lần viết, cần phải học lại mọi thứ. Mỗi lần viết, tôi lại tự hỏi mình đã làm gì những lần trước đó. Mỗi lần viết là thấy mình chân trần đứng trước dãy Himalaya. Mỗi lần viết, tôi thậm chí lại phải rút thêm thứ gì đó từ mình để tái tạo nó thông qua câu chuyện hư cấu.

Sự thiếu khuôn mẫu và điều bất ngờ có thể xuất hiện sau mỗi lần lật giở một trang sách tạo nên sự thú vị và kích thích khi viết, nhưng nó cũng biến việc viết thành nỗi khiếp sợ. Sự nghi ngờ và nỗi bất an luôn hiện diện trong tôi có thể cắt nghĩa được một số chuyện, nhưng chúng không tài nào giải thích được cái bầy độc địa mà Almine giăng ra.

Đại lộ Observatoire, trước cổng trường, tôi nhận ra đồng minh duy nhất tôi có trong cuộc đời mình kể từ khi đó: Kadija Jebabli, bảo mẫu của Théo từ khi thằng bé còn nhỏ xíu. Kadija là người Pháp gốc Maroc tuổi ngũ tuần. Lần đầu tiên tôi gặp Kadija, chị làm nhân viên bán hàng trong một cửa hàng rau quả trên phố Grenelle. Sau khi trò chuyện, Kadija nói chị sẵn sàng làm công việc trông trẻ. Tôi thuê chị trông Théo vài tiếng một ngày và ngay lập tức thấy tin tưởng. Một tuần sau, tôi thuê chị làm toàn thời gian.

Chị là người duy nhất biết sự thật. Chị là người duy nhất vẫn tin tưởng tôi. Kadija biết tôi là một người cha tốt. Đã nhiều lần chứng kiến những hành vi kỳ quặc và thái quá của Almine,

Kadija không tin vào công trình tâm huyết chống lại tôi của cô ta. Chị tự đề nghị làm nhân chứng bảo vệ tôi, nhưng tôi đã can ngăn. Trước tiên bởi tôi không nghĩ lời làm chứng của chị đủ sức nặng trước mưu mô của phe kia. Nhưng trên hết là bởi tôi muốn có một người tin cậy ở bên Théo khi tôi vắng mặt. Và nếu về phe tôi thì chị sẽ bị đuổi việc ngay lập tức.

– Chào chị, Kadija.

– Chào cậu.

Tôi thấy ngay có chuyện gì đó không ổn. Mỗi buổi chiều, không để ai biết chuyện này, Kadija lại cho tôi một giờ được gặp trực tiếp Théo khi tan học. Đó là một giờ đồng hồ kỳ diệu. Nó đã giúp tôi đứng vững và ngăn tôi suy sụp. Nhưng hôm nay, vẻ mặt không vui của Kadija báo hiệu cho tôi điều tồi tệ nhất.

– Chuyện gì xảy ra vậy, Kadija?

– Almine định đi Mỹ.

– Mang cả Théo theo ?

Chị bảo mẫu gật đầu. Chị cho tôi xem nhiều bức ảnh chụp màn hình máy tính của Almine trên điện thoại của chị. Đang kết nối vào trang web của Air France, trình duyệt hiển thị yêu cầu đặt ba vé máy bay một chiều tới New York vào ngày 21 tháng Mười hai. Ngày đầu tiên của kỳ nghỉ ở trường. Một cho cô ta, một cho Théo và vé thứ ba cho một người phụ nữ tên Zoé Domont.

Tôi hiểu như vậy nghĩa là gì. Từ vài tháng nay, một ý định điên khùng mới lại nảy ra trong đầu Almine: nhổ neo và đến

sống trong một làng sinh thái ở Pennsylvania. Chính người phụ nữ kia, Zoé Domont - một cô giáo tiểu học ở Lausanne mà chúng tôi gặp cách đây hai năm tại Genève trong một cuộc biểu tình chống Diễn đàn Kinh tế Thế giới Davos -, đã gieo ý tưởng đó vào đầu cô ta. Thực ra, tôi không phản đối gì ý tưởng này, chỉ trừ việc điều đó nghĩa là giữa con trai và tôi sẽ có sáu nghìn cây số và một đại dương ngăn cách.

Tin này làm tôi xáo trộn trong lòng, nhưng vì Théo vừa ra khỏi trường và đang bước đến bên chúng tôi, tôi lấy nét mặt vui vẻ để không làm thằng bé lo lắng.

– Chào con, Théo!

– Con chào bố! thằng bé vừa hét vừa nhào đến ôm chầm tôi.

Tôi ôm chặt Théo một lúc lâu, hít lấy mùi hương từ tóc và cổ thằng bé. Trong cảnh âm u của ngày sắp tàn, tôi thêm làn hơi ấm áp và yên bình này. Théo là thằng bé có mái tóc hoe vàng, luôn luôn vui tươi, đôi mắt sáng lạnh lợi nằm sau cặp kính tròn màu xanh thủy thủ. Với tôi, thằng bé chính là “mùa hè bất diệt” giữa lòng mùa đông như Camus từng nói. Một cú chọc nhắc cho tôi nhớ rằng chỉ một nụ cười của thằng bé cũng có thể phá vỡ những bức tường di động của nỗi buồn trong tôi.

– Con đói!

– Bố cũng vậy!

Vào giờ này, nơi tụ họp ưa thích của chúng tôi là quán Ba mụ phù thủy, một coffee shop nằm ở ngã tư giao giữa đại lộ Observatoire và phố Michelet do một chàng trai người Ý mà mọi

người hay gọi là Marcello làm chủ. Tại đây, sau khi ngắm Théo ăn ngấu nghiến món quả nghiền và một chiếc bánh cannoli chanh, tôi cho thằng bé làm bài tập. Đây là thời kỳ tuyệt vời với những trang sách đọc đầu tiên, những bài chính tả đầu tiên, những bài học thuộc lòng của Paul Port Claude Roy hay Jacques Prévert nói về một chú ngựa nhỏ bi kệt “ở nơi xấu trời” hay “hai chú ốc sên đi” dự đám tang một chiếc lá rụng.

Sau khi làm bài tập, Théo biểu diễn cho tôi xem một trò ảo thuật. Đây là thứ thằng bé cực kỳ say mê mấy tháng nay. Kể từ khi Kadija, để làm Théo bận rộn, có thói quen cho thằng bé xem trên điện thoại của chị những video trên một kênh YouTube chuyên biệt, do một người nào đó tên Gabriel Keyne lập ra. Hôm nay, Théo đã hoàn thành màn trình diễn đồng xu xuyên qua đáy cốc cùng một trò xào bài khá ấn tượng. Mạnh dạn sau thành công của mình, thằng bé thử một màn thứ ba, màn này cần tôi cho thằng bé mượn một tờ 20 euro. Khá tự tin, thằng bé xé tờ tiền làm đôi, xếp hai nửa lên nhau rồi gấp đôi, rồi gấp làm tư.

– Xong! thằng bé nói giọng tự hào và đưa cho tôi tờ tiền gấp thành hình vuông. Bố mở ra đi và sẽ có một bất ngờ.

Tò mò, tôi làm theo yêu cầu, nhưng đương nhiên, tờ tiền của tôi vẫn rách đôi.

Con trai tôi giàn giụa nước mắt. Một cơn khủng hoảng thật sự, vừa bất ngờ vừa dữ dội. Trong lúc tôi cố gắng xoa dịu, thằng bé thú nhận trong tiếng nức nở, nắm chặt hai tay tôi bằng đôi bàn tay bé xíu của mình:

– Con không muốn đi, bố ơi, con không muốn đi!

Vậy là thằng bé đã biết chuyện đi Mỹ. Almine không nghĩ rằng việc thông báo một tin như vậy khi chỉ còn hơn hai tháng sẽ khiến con trai chúng tôi bị chấn động. Và với sự thù địch triệt để dành cho tôi, cô ta thậm chí còn không ngờ thằng bé sẽ kể cho tôi chuyện đó.

– Đừng lo, Théo, chúng ta sẽ tìm cách. Bố sẽ lo chuyện đó.

Phải mất gần năm phút tôi mới dập được cơn xúc động bùng cháy.

Trời gần như đã tối hẳn khi chúng tôi rời quán cà phê. Vườn hoa Những nhà khám phá vắng vẻ, chìm trong bầu không khí ẩm ướt và u tối.

– Con muốn làm một ảo thuật gia đích thực, Théo nói với tôi. Để con và bố khỏi phải xa nhau.

– Chúng ta sẽ không xa nhau, tôi hứa.

Là cái gã tiểu thuyết gia trong tôi đã lên tiếng. Cái con người luôn tưởng một sự kiện mơ mộng như trong tiểu thuyết có thể giải quyết những ngõ cụt của cuộc sống ngoài đời thực. Nhờ một *deus ex machina** hay một cú lật ngược tình thế đúng lúc, ở chương cuối cùng, sẽ sửa chữa thực tại, đưa nó về đúng với “cái mà nó phải là”. Và trong tích tắc, giúp người tốt thực sự giành thắng lợi, khiến những kẻ vô liêm sỉ, tầm thường, ngu ngốc lâm vào tình thế khốn đốn.

Tiếng Latin trong nguyên bản, thuật ngữ trong kịch nghệ để chỉ sự xuất hiện bất ngờ có thể giải quyết một tình huống nan giải tưởng chừng không thể giải quyết được.

– Chúng ta sẽ tìm ra cách, tôi nhắc lại với Théo khi nhìn thằng bé đi xa dần.

Một tay con trai tôi nắm tay Kadija, tay kia vẫy chào tạm biệt tôi. Tôi căm ghét hình ảnh này.

Chán nản, tôi lê bước chân đi về. Tôi bật công tắc, nhưng chắc hẳn cầu chì đã nhảy và căn phòng chỉ được chiếu sáng bằng thứ ánh sáng xanh phát ra từ màn hình máy tính. Cơer sốt đã quay trở lại. Tôi rét cóng và run rẩy từ đầu đến chân. Một cơn đau nửa đầu khủng khiếp bùng lên, dập tắt mọi ý định làm bất cứ việc gì. Không còn cả sức lực để bước lên phòng. Tôi run cầm cập, co ro trong chiếc khăn choàng và để mình chìm vào cái lạnh giá của màn đêm.

6

Cái bấy giảng sẵn chờ nhân vật chính

Tiểu thuyết còn là gì khác ngoài một cái bấy giảng
sẵn chờ nhân vật chính?

Milan KUNDERA

1.

Paris, thứ Ba ngày 12 tháng Mười năm 2010

Một tấm màn ánh sáng rung rinh sau mí mắt đang nhắm của tôi.

Cuộn chặt người trong tấm khăn, tôi tránh mọi chuyển động nhỏ nhất để không làm tan mất hơi ấm. Tôi muốn màn đêm kéo dài vô tận. Muốn cuộc sống không còn tác động đến tôi nữa. Được mãi mãi tách rời khỏi những xấu xa của thế giới.

Nhưng một tiếng động không dứt ngăn trở tôi. Tiếng gõ đều đặn và khó chịu. Tôi co rúm người lại, cố lẩn trốn trở lại vào giấc ngủ, nhưng tiếng động càng mạnh hơn, bắt buộc tôi phải mở một mắt ra. Ít nhất, trời đã hết mưa. Bên ngoài khung cửa kính, tán lá mùa thu của cây phong và cây hạch dương đùa giỡn với ánh mặt trời. Những ánh kim cương trên bầu trời quang đãng.

Chói mắt, tôi đưa tay lên che trước trán. Một dáng hình như con cú to lớn nổi bật trên vách kính. Hút tẩu phì phèo, Jasper

Van Wyck ngồi trên chiếc ghế bành cách trường kỷ của tôi hai mét và đang giậm chân theo nhịp.

– Mẹ kiếp Jasper! Ông làm cái quái gì ở đây vậy? tôi vừa hỏi vừa khó nhọc đứng dậy.

Ông ta đặt máy tính xách tay của tôi trên đầu gối. Đằng sau màn hình, đôi mắt tròn nhỏ hấp háy. Ông ta có vẻ thích thú vì vừa chơi tôi.

– Cửa không khóa! ông ta giải thích, như thể đó là một cái cơ hợp lẽ.

Jasper Van Wyck là một huyền thoại trong ngành xuất bản. Một người Mỹ say mê nước Pháp thân thiết với Salinger, Norman Mailer và Pat Conroy. Ông ta nổi tiếng vì làm đại diện cho Nathan Fawles* và cho xuất bản cuốn tiểu thuyết đầu tiên của tác giả này, *Lorelei Strange*, trước đó bị phần lớn các nhà xuất bản Mỹ từ chối. Sống luân phiên giữa Paris và New York kể từ đó, ông ta nhận lời chăm lo cho các quyền lợi của tôi từ lúc tôi thay nhà xuất bản, cách đây ba năm.

Nhân vật chính trong tiểu thuyết *Cuộc sống bí mật của các nhà văn* của Guillaume Musso.

– Đã giữa tháng Mười rồi, ông ta nhắc tôi. Nhà xuất bản đang đợi bản thảo của cậu.

– Tôi chẳng có bản thảo nào hết, Jasper ạ. Rất tiếc.

Vẫn còn đang chờ đợi, đầu nặng trĩu và cái mũi tắc tịt, tôi đứng yên một lúc lâu, tựa người vào chiếc trường kỷ, quần chặt chiếc khăn trong lúc cố lấy lại tỉnh táo.

– Cậu có đoạn đầu của bản thảo, ông ta vừa chữa lại vừa gõ gõ lên màn hình. Bốn chương, đó chính là khởi đầu.

– Ông ăn cắp được mật khẩu của tôi à?

Vị đại diện nhún vai.

– Tên và năm sinh con trai cậu. Quá dễ đoán...

Đến lượt Jasper đứng dậy đi vào bếp, ông ta quyết định làm cho tôi một cốc grog*. Trong lúc đi theo ông ta, tôi nhìn đồng hồ treo tường. Đã gần giữa trưa. Kim đồng hồ đã đi được một vòng rưỡi, tôi đã ngủ mười tám tiếng!

Đồ uống nóng gồm nước và rượu rum.

– Tôi đã lấy thư cho cậu, ông ta nói và chỉ vào đồng phong bì to bụi đặt trên bàn.

Jasper rất quý tôi. Ngoài mối quan hệ công việc, ông ta luôn hiếu kỳ và khoan dung với tôi. Có thể bởi tôi gợi sự tò mò đối với ông ta. Bản thân ông ta cũng là một người kỳ quặc với phong cách có phần old school, luôn hồn nhiên đi dạo khắp nơi với thân hình béo tròn trong bộ vest đẫm dáng. Thường thì tôi rất thích nói chuyện với ông ta. Jasper là bộ nhớ của ngành xuất bản và ông ta có cả kho giai thoại về những tác giả ông ta đã gặp. Nhưng sáng nay, tôi quá kiệt sức nên chẳng thể duy trì cuộc trò chuyện.

– Có rất nhiều hóa đơn, ông ta nhắc trong lúc vắt nót một quả chanh vào nước đang sôi.

Tôi mở phong bì đựng sao kê ngân hàng mới nhất. Tình trạng tài chính của tôi thật bi thảm. Để mua căn nhà này, tôi đã

ngón sạch không chỉ tiền tiết kiệm, mà cả phần lớn tiền tác quyền sẽ nhận trong tương lai.

– Tôi đã từng có những ngày khá khảm hơn, tôi nhượng bộ và đẩy tờ sao kê ra khỏi tầm mắt.

Jasper rót một ly đầy rượu rum và một thìa mật ong vào nôi.

– Cậu nghĩ khi nào cậu sẽ hoàn thành cuốn tiểu thuyết? ông ta hỏi.

Tôi ngồi phịch xuống một cái ghế, khuỷu tay đặt lên bàn, úp khuôn mặt khốn khổ vào hai bàn tay.

– Tôi không thể tiếp tục câu chuyện đó, Jasper. Tôi thấy nó quá tệ.

– Vậy à? Tôi đã đọc năm mươi trang đầu và tôi thấy có tiềm năng.

Ông ta đặt trước mặt tôi một cái tách nóng giã bốc lên mùi quế và rượu rum.

– Không, nó sẽ chẳng đi đến đâu, tôi nói chắc nịch. Nó quá tầm tối và bị đuối.

– Thử cố thêm hai ba chương nữa xem.

– Rõ ràng người viết đầu phải ông!

Jasper nhún vai: *mỗi người một vai trò.*

– Trong lúc này, hãy uống cốc grog của cậu đi! ông ta ra lệnh cho tôi.

– Vẫn đang nóng!

– Đừng có đồng đánh. À, tôi quen chưa nói với cậu: tôi đã đặt lịch hẹn cho cậu với bác sĩ của tôi vào lúc hai giờ chiều.

– Tôi chẳng đòi hỏi gì ông hết. Tôi không cần bảo mẫu.

– Chính xác, tôi không đưa cậu đi gặp bảo mẫu, mà là gặp bác sĩ. Cậu biết Henry de Montherlant gọi Gaston Gallimard để ông ta cử thợ sửa ống nước đến khi bồn rửa bát nhà Henry bị tắc chứ?

– Tôi cũng không cần bác sĩ, Jasper.

– Tỉnh táo lại đi, cậu đang ho như cuộc ấy. Tình trạng đã nặng lên so với cuộc điện thoại hồi tuần trước của cậu.

Ông ta nói không sai. Tôi đã ho dai dẳng mười lăm ngày nay và hiện tại bệnh viêm xoang và cơn sốt có vẻ đang thay nhau khiến tôi đỡ dần.

– Trong lúc chờ đợi thì ta đi ăn thôi, ông ta nói giọng vui vẻ. Tôi mời cậu đến Grand Café.

Tôi càng ủ rũ thì ông ta như càng hớn hở. Đây không phải lần đầu tiên tôi để ý thấy đồ ăn làm ông ta vui sướng.

– Tôi không đói lắm, Jasper, tôi thú thực và uống vài ngụm grog toàn rượu là rượu.

– Đừng lo: tôi mới là người ăn! Với lại, ra ngoài để cậu hít thở không khí trong lành luôn.

2.

Ra đến ngoài phố, Jasper quát tháo một viên cảnh sát trật tự khi người này đang viết phiếu phạt ông ta vì đỗ xe sai quy định.

Ông ta lái (rất tệ) một chiếc Jaguar Type E serie 3 sản xuất từ những năm 1970. Một chiếc xe cổ vào tay ông ta thì trở nên vừa nguy hiểm vừa ô nhiễm.

Ông ta đưa tôi đến đại lộ Montparnasse và đỗ xe (rất tệ) ở ngã tư giao với phố Delambre. Grand Cafe là quán ăn của khu phố nằm đối diện một cửa hàng hải sản. Một quán ăn kiểu Paris với lối trang trí truyền thống: ghế Baumann bằng gỗ cong, bàn nhỏ kiểu quán rượu, khăn trải bàn kẻ ca rô và thực đơn viết trên bảng đen.

Đang là giờ đông khách, nhưng trước cái thở dài thườn thượt của Jasper, người quản lý đã tìm cho chúng tôi một chỗ nằm sâu trong góc quán. Không chờ đợi, ông ta gọi một chai vang chardonnay (hãng Matt Delucca ở thung lũng Napa Valley) còn tôi chỉ gọi một chai nước khoáng Châteldon.

– Nào, chuyện gì không ổn vậy, Ozorski? ông ta hỏi ngay sau khi đã ngồi yên vị.

– Chẳng có gì ổn cả, ông biết rõ điều đó mà. Cả thế giới nghĩ tôi là một gã khốn nạn, tôi không thể gặp con trai trong điều kiện bình thường nữa và tôi vừa được biết vợ tôi sẽ đưa thằng bé sang Mỹ.

– Vậy thằng bé sẽ được khám phá thế giới.

– Chuyện này không buồn cười đâu.

– Nhưng cậu lo lắng cho thằng bé quá mức, thật nực cười! Hãy để nó lớn lên cùng mẹ và cậu lo cho tác phẩm của mình đi! Đến tuổi trưởng thành, nó sẽ biết ơn cậu hơn vì chuyện đó đấy.

Rồi ông ta tuôn ra một tràng độc thoại triết lý, nuối tiếc sự điên rồ của thời đại chúng ta, thứ đang lâm nguy khi thần thánh hóa con người và thiêng liêng hóa trẻ con.

- Ông nói thì dễ lắm, ông đâu có làm bố!
- Không, lạy Chúa, cảm ơn! ông ta thả ra.

Sau khi kêu một suất patê nhồi vỏ bánh mì kèm lá lách bê và chừng chục con hào dẹt, ông ta trở lại với cuốn sách của tôi:

– Dẫu sao thì, Ozorski, cậu cũng không thể bỏ mặc một nhân vật với khẩu súng trên đầu.

– Tôi mới là người viết, Jasper ạ, tôi làm bất kỳ điều gì tôi muốn.

– Ít nhất hãy nói cho tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo. Chuyện gì đã xảy ra với cô bé Carrie đó?

- Tôi không biết gì hết.
- Tôi không tin.
- Đó là việc của ông. Nhưng đó là sự thật.

Vẻ nghi ngại, ông ta vuốt vuốt sợi ria vểnh.

- Cậu đã viết văn lâu rồi, Ozorski...
- Thế thì...?

– Cậu thừa biết rằng đối với một tiểu thuyết gia, cô Flora Conway trong cuốn sách của cậu đó, đúng là món quà từ Thượng đế!

- Món quà ư?

– Tạo vật đòi hỏi được gặp kẻ sáng tạo. Thật tài tình. Cậu có thể viết nên một *Frankenstein* hiện đại!

– Tôi không hứng thú lắm. Trong trí nhớ của tôi, tạo vật đó gieo rắc kinh hoàng ở bất cứ nơi nào nó đặt chân đến và Victor Frankenstein chết ở cuối truyện.

– Đó chỉ là một chi tiết. Nào, Ozorski, đừng nhìn mọi thứ tối tăm nữa. Chúng ta cuối cùng đều chết cả mà!

Ông ta tạm dừng một lúc lâu, để nhấm nháp món patê nhồi vỏ bánh mì.

– Cậu biết cậu phải làm gì không? ông ta đột nhiên giờ nữa lên hỏi.

– Ông nói đi.

– Đưa cậu vào cuốn sách và chấp thuận gặp Flora.

– *Never*.

– Có đấy! Đó chính là điều tôi thích trong các tiểu thuyết của cậu: người ta có cảm giác cậu duy trì mối quan hệ rất mật thiết với các nhân vật! Và tôi chắc chắn mình không phải người duy nhất nghĩ như vậy.

– Phải, nhưng lần này mọi chuyện đã đi quá xa.

Ông ta nhìn tôi với vẻ ngờ vực, rồi nổi:

– Cậu đang sợ, phải không? Ozorski, cậu thật sự đang sợ nhân vật của mình ư?

– Tôi có những lý do của riêng mình.

– À, nhưng tôi lại rất muốn biết chúng!

– Không phải vấn đề sợ hay muốn hay...

– Cậu ăn cùng tôi một chiếc bánh nghìn lớp với rượu Grand Marnier không? Hình như nó rất ngon đấy.

Tôi tiếp tục lời đang nói mặc kệ câu hỏi đó:

– ... và bởi ông có biết chút ít về nghề này, ông sẽ biết rằng nếu không có hứng viết, sẽ chẳng bao giờ có cuốn tiểu thuyết thành công.

– Cẩn thận bắn nước bọt! Hãy giữ lại lũ vi trùng của cậu.

Còn tôi rất tò mò muốn biết một cuốn tiểu thuyết thành công là như thế nào.

– Một cuốn tiểu thuyết thành công, trước tiên là cuốn tiểu thuyết khiến người đọc nó cảm thấy hạnh phúc.

– Hoàn toàn không phải.

– Và một cuốn tiểu thuyết thành công cũng giống một chuyện tình thành công.

– Vậy một chuyện tình thành công là như thế nào?

– Là khi ông gặp đúng người đúng thời điểm.

– Thế có liên quan gì đến cuốn sách?

– Có một câu chuyện hay và những nhân vật tốt, thế vẫn chưa đủ để khiến một cuốn tiểu thuyết trở nên thành công. Còn cần phải ở vào một thời điểm trong đời mà ông có thể rút ra thứ gì từ nó.

– Hãy dành những lời tâm phào đó cho đám phóng viên, Ozorski à. Cậu đang tìm đủ mọi lý do để không chịu làm việc.

3.

Chiếc xe già nua của Anh rẽ trái vào đại lộ Raspail. Sau khi đã nốc khá nhiều vang trắng, Jasper thực sự là mối nguy hiểm nơi công cộng. Ông ta lái xe theo đường zigzag, radio trên xe phát inh tai những tổ khúc violoncelle của Bach, chân nhấn ga liên tục để tăng tốc bất chấp tình hình giao thông.

– Bác sĩ của ông tên là gì? tôi hỏi trong lúc ông ta đang rẽ trái vào phố Grenelle.

– Raphaël.

– Ông ta bao nhiêu tuổi?

– Diane Raphaël, bác sĩ đó là phụ nữ.

Vờ như nhớ ra gì đó khi đến phố Bellechasse, ông ta chỉ vào một thùng các tông ở ghế sau:

– Tôi có mang cho cậu một món quà.

Tôi quay người lại liếc nhìn những thứ trong hộp: đó là những bức thư tay và thư điện tử in ra giấy được các độc giả gửi cho tôi thông qua nhà xuất bản. Tôi xem qua vài bức. Phần lớn là những lời nhắn trêu mếu, nhưng khi bạn không thể viết tốt, biết rằng mình sẽ làm họ thất vọng thì sự trông đợi đó thật là một món quà tầm độc.

Chiếc Jaguar rẽ sang phố Las-Cases và dừng lại ở số 12 phố Casimir-Périer, không xa hai ngọn tháp của nhà thờ Sainte-Clotilde.

– Đến rồi Jasper nói với tôi. Cậu có muốn tôi đi cùng không?

– Không cần đâu, cảm ơn. Ông về ngủ trưa đi thì hơn, tôi vừa khuyen vừa bước xuống xe.

– Có gì mới nhớ báo cho tôi.

Trên vỉa hè, tôi nhìn tấm biển phòng khám của vị bác sĩ.

– Nhưng cái cô Diane Raphaël đó là bác sĩ tâm thần mà này!

Jasper hạ kính xe. Trong vòng vài giây, vẻ mặt ông ta trở nên nghiêm trang hơn. Trước khi đột ngột nổ lại máy, ông ta thốt ra với tôi như cảnh báo:

– Lần này, cậu sẽ không phải vượt khó một mình, Ozorski ạ.

4.

Cho đến tận hôm nay, tôi chưa bao giờ bước chân đến phòng khám của một bác sĩ tâm thần, điều đó, thật ngớ ngẩn, lại khiến tôi thấy có chút hãnh diện. Tôi vẫn luôn nghĩ việc viết cho phép tôi nhận dạng, cô đọng và tổng khứ chứng loạn thần kinh và những ám ảnh ở mình.

– Chào mừng anh đã tới, anh Ozorski.

Tôi đã hình dung vị bác sĩ tâm thần này là một Freud tái sinh, nhưng hoàn toàn không phải. Diane Raphaël là một phụ nữ tầm tuổi tôi với gương mặt duyên dáng. Đôi mắt sáng và chiếc áo len màu xanh oải hương bằng vải mohair hết như được lấy từ một quảng cáo nước giặt Woolite trước đây hay một tư liệu của Ina* về Anne Sinclair.

Viện Nghe nhìn quốc gia Pháp (Institut national de l'audiovisuel).

– Mời anh ngồi.

Phòng khám nằm ở tầng lầu trên cùng, là một căn phòng dài có cửa sổ trong suốt cho phép tầm nhìn hướng ra nhà thờ Saint-Sulpice, điện Panthéon và trải dài đến tận đồi Montmartre.

– Ở đây, tôi có cảm giác mình như một thủy thủ đứng gác trên đài quan sát của một con tàu cướp biển, từ đây tôi có thể nhìn những cơn dông, cơn bão hay những cơn áp thấp* đang tới. Rất tiện cho một bác sĩ tâm thần.

Nguyên văn trong tiếng Pháp: *dépression*. Tác giả chơi chữ ở đây, “*dépression*” vừa là cơn áp thấp vừa có nghĩa là bệnh trầm cảm.

Ẩn dụ thật khéo léo. Hẳn cô ta đã nói câu này với tất cả các bệnh nhân của mình.

Tôi ngồi đối diện với Diane Raphaël trên một chiếc ghế da màu trắng.

Sau hai mươi phút của một cuộc trò chuyện không đến nỗi quá khó chịu, cô đã khoanh vùng được vấn đề của tôi: những cuộc tấn công lặp đi lặp lại của thế giới hư cấu khiến đời sống tình cảm và gia đình của tôi bị hủy hoại. Khi dành phần lớn thời gian trong ngày để lang thang trong một thế giới tưởng tượng, đôi khi bạn không dễ mà ngược trở lại được. Và bạn bàng hoàng khi các ranh giới bị xóa nhòa.

– Không thứ gì bắt ép anh phải chịu đựng điều đó, bác sĩ tâm thần nói. Nhưng anh cần quyết tâm giành lại quyền kiểm soát.

Tôi tán thành, nhưng không rõ lắm phải làm thế nào. Tôi kể cho bác sĩ nghe câu chuyện tôi vừa bắt đầu viết và việc Jasper muốn tôi đối phó với thách thức mà Flora Conway đưa ra bằng cách chấp thuận gặp cô ta thông qua việc viết.

– Một ý tưởng rất tuyệt mà! Hãy coi nó như một bài luyện tập. Một hành động mang tính biểu tượng mạnh mẽ để tái khẳng định sự vượt trội của cuộc sống thực trước thế giới tưởng tượng, và để bảo vệ lãnh địa riêng thuộc về nhà văn cùng sự tự do đi kèm với nó.

Những lời này có vẻ rất hấp dẫn, nhưng tôi nghi ngờ hiệu quả của bài luyện tập.

- Anh sợ người phụ nữ đó à?
- Không, tôi khẳng định.
- Vậy hãy trực tiếp nói chuyện với cô ấy!

Vì đã chuẩn bị kỹ cho buổi điều trị, cô ấy mang bài báo ra và đọc cho tôi nghe đoạn phỏng vấn Stephen King, trong đó ông nói đại ý rằng việc đưa các con quỷ của ông vào câu chuyện hư cấu là một kỹ thuật cũ mang tính trị liệu, một phép trừ tà cho phép ông tuôn vào những trang giấy sự giận dữ, thù hận và thất vọng. “Ngoài ra, tôi được đền đáp điều đó, King lưu ý. Có nhiều kẻ trong những khám tù chật ních trên khắp thế giới không có được may mắn đó.”

Tôi đang trên đường tới trường của con trai thì nhận được tin nhắn SMS của Kadija: “Cẩn thận, Almine vừa quyết định đến đón Théo!”

Thỉnh thoảng cô ta lại làm vậy, một hoặc hai lần một tháng, như một ý muốn ngông nghênh: Almine đột nhiên tuyên bố cô ta không còn cần bảo mẫu. Thậm chí cô ta còn nói với Kadija rằng chị ấy không phải mất công đến nữa, và từ giờ cô ta sẽ chăm lo cho Théo toàn thời gian. Thường thì ý định này có tuổi thọ từ hai mươi tư đến bốn mươi tám giờ. Trong thời gian đó thì tôi bị lỡ mất cuộc hẹn với Théo.

Bực mình, tôi vòng ra nhà thuốc để mua bổ sung Doliprane, xi rô và tinh dầu. Tôi về nhà, lần mò bảng điện vì cầu chì lại nhảy, rồi đun nước để chuẩn bị xông. Sau đó, tôi nằm phịch xuống trường kỷ và nhắm mắt một lúc để nghĩ về những gì Jasper và bác sĩ tâm thần đã nói. Khi tôi mở mắt ra, đã gần nửa đêm. Cái lạnh bất thành linh đã làm tôi thức giấc. Cái nôi hơi chết tiệt...

Tôi nhóm lửa trong lò sưởi rồi khật khừ vào phòng đọc sách một lúc, ở đó tôi với tay lấy một cuốn *Frankenstein* cũ mà tôi đã nghiên cứu hồi cấp ba.

Một đêm âm u tháng Mười một, cuối cùng tôi cũng có thể chiêm ngưỡng thành quả sau thời gian làm việc miệt mài. [...] Đã một giờ sáng. Tiếng mưa gõ sâu thẳm lên kính cửa sổ, và ngọn nến sắp cháy hết. Đột nhiên, trong ánh lửa chập chờn, tôi thấy tạo vật đó hé mở đôi mắt màu vàng nhạt. Nó hít một hơi sâu, và tứ chi động đậy với những cử động co giật.

Hay tuyệt.

Tôi pha một bình cà phê arabica đầy, gom những người bạn duy nhất còn sót lại trên đời - Doliprane, lọ thuốc xịt mũi Derinox, thuốc ngậm họng - rồi quấn mình vào chiếc khăn choàng trước khi ngồi vào bàn làm việc.

Tôi mở máy tính, mở tiếp một trang trắng trong chương trình soạn thảo văn bản, nhìn con trỏ đang nhìn lại mình khinh thường. Tốt hơn là nên thừa nhận, vài tháng vừa rồi, tôi đã hoàn toàn mất kiểm soát cuộc đời mình. Tôi phải cố gắng giành lại sự tự chủ. Nhưng điều đó có khả thi không nếu cứ ngồi trước màn hình? Tôi gõ lên bàn phím. Tôi yêu âm thanh nhẹ nhàng êm dịu này. Âm thanh của dòng nước mà ta không bao giờ biết nó sẽ cuốn mình đến đâu. Cơn đau và thuốc giải. Thuốc giải và cơn đau.

1.

Phía Nam Williamsburg

Bến Marcy Avenue

Cảm giác nghẹt thở. Giữa đám đông chật cứng, đôi chân run rẩy không rõ bằng cách nào đã đưa tôi đến được cửa ra bến tàu điện ngầm. Cơn sóng người đổ ào ra vỉa hè. Cuối cùng cũng có được chút không khí. Nhưng kèm theo là tiếng còi ô tô, tiếng xe cộ qua lại, tiếng âm ì của thành phố làm tôi...

7

Một nhân vật đi tìm tác giả

Vì nhiều lẽ, viết là hành vi nhằm xưng tội, trấn áp người khác và truy hỏi họ: Hãy lắng nghe tôi, hãy nhìn mọi việc theo cách của tôi, hãy thay đổi ý kiến. Đó là một hành vi hung hăng, thậm chí thù địch.

Joan DIDION

1.

Phía Nam Williamsburg, bến Marcy Avenue

Cảm giác ngột thở. Giữa đám đông chật cứng, đôi chân run rẩy không rõ bằng cách nào đã đưa tôi đến được cửa ra bến tàu điện ngầm. Cơn sóng người đổ ào ra vỉa hè. Cuối cùng cũng có được chút không khí. Nhưng kèm theo là tiếng còi ô tô, tiếng xe cộ qua lại, tiếng ầm ì của thành phố làm tôi điếc tai.

Tôi bước vài bước trên vỉa hè. Loạng choạng. Đây là lần đầu tiên tôi xuất hiện trong một câu chuyện hư cấu của mình.

Tình huống này rất gần với chứng tâm thần phân liệt: một phần tôi ở Paris, đằng sau màn hình máy tính, một phần khác ở đây, tại New York, trong khu phố tôi không hề biết và vận hành dần từng chút một theo nhịp gõ phím của một tôi-khác ở phía bên kia.

Tôi ngấm nhìn quang cảnh, tôi hít thở không khí xung quanh. Cảm nhận đầu tiên, chẳng có thứ gì thực sự quen thuộc với tôi. Tôi thấy đau ở vùng bụng và những cơn đau nhói ở cơ bắp. Việc dứt mình khỏi thực tại đã để lại những dấu tích. Toàn bộ cơ thể khiến tôi cảm thấy như mình đang bị xé toạc, như thể tôi là một yếu tố lạ mà thế giới tưởng tượng đang cố loại bỏ. Tôi không ngạc nhiên chút nào: tôi đã biết từ lâu rằng thế giới hư cấu có luật lệ riêng, nhưng chắc hẳn tôi đã đánh giá thấp sức mạnh của nó.

Tôi ngược mắt nhìn lên. Trên bầu trời màu xám kim loại, một cơn gió mát thổi rung rinh những chiếc lá dẻ. Xung quanh tôi, ở cả hai bên phố đang diễn ra một điệu ba lê kỳ lạ. Khoác trên mình những chiếc áo khoác dài tối màu, những người đàn ông rậm râu đội mũ đen hai lọn tóc quăn buông xuống hai bên má* đi lại ngược xuôi trên vỉa hè và ném cho tôi ánh nhìn kỳ quặc. Vợ họ mặc những chiếc váy dài, khoác nhiều lớp áo và giấu mái tóc sau những chiếc khăn turban khắc khổ. Những dòng chữ khắc trên tường bằng tiếng Hebrew và những cuộc trò chuyện bằng tiếng Yiddish giúp tôi hiểu ra mình đang ở đâu: trong khu Do Thái Hasidim ở Williamsburg. Khu vực này của quận Brooklyn được chia ra thành hai thế giới trái ngược: phía Bắc, khu bobo-hipster, phía Nam, cộng đồng Satmar*. Một bên là những “nghệ sĩ” đầy hình xăm trổ, tín đồ của diêm mạch và bia thủ công, bên kia là những người Do Thái bảo thủ cách xa sự hiện đại của Manhattan cả cây số, duy trì lối sống truyền thống tách biệt với những tiến bộ của xã hội.

Một kiểu tóc điển hình của đàn ông Do Thái giáo Chính thống.

Một nhánh của Do Thái giáo Hasidim.

Tôi vẫn đau bụng, nhưng đã dần tỉnh táo hơn và hiểu vì sao mình lại ở đây. Khi khởi động viết *Mặt thứ ba của tấm gương*, tôi đã tìm tư liệu để chọn khu phố làm nơi sinh sống cho Flora, và tôi chọn Williamsburg chính bởi nó ở gần khu Do Thái chính thống này. Do những cư dân ở đây như bước thẳng ra từ một shtet* của thế kỷ 19, có vẻ họ đã mở thành công một lỗ hổng thời gian. Tôi không phải người duy nhất tìm cách chạy trốn cái thực tại và thời đại này. Tôi làm việc đó bằng trí tưởng tượng, nhưng những người khác đã thực hiện thành công bằng những cách khác. Bằng cách không để thế giới hiện đại tóm được họ. Ở đây, hệ thống trường học, các cơ sở chăm sóc y tế, các vấn đề tư pháp, lương thực được giám sát bởi cả cộng đồng. Và trong không gian cũ xưa này, các phương tiện truyền thông, mạng xã hội, sự dồn dập cấp bách của thế giới hiện đại không tồn tại.

Thị trấn với phần lớn cư dân là người Do Thái ở Trung và Nam Âu trước khi xảy ra thảm họa diệt chủng Holocaust.

Dạ dày trống rỗng cào xé và một cơn buồn nôn dữ dội dâng lên, như thể cơn đói đang giày vò tôi. Tôi đẩy cửa hiệu tạp hóa kosher đầu tiên hiện ra trên đường đi. Nằm trong một tòa nhà xây bằng gạch ngả vàng, cửa hàng được ngăn đôi bằng rào tre để chia khách nam và nữ. Tôi gọi cả hai món đặc biệt của cửa hàng: một chiếc bánh mì pita nhồi đầy viên bột đậu rán falafel và một chiếc club sandwich với trứng trắng và thịt pastrami. Tôi cắn ngập răng và nhai ngấu nghiến hai chiếc bánh, rồi dần dần, khi

cơ đôi đã lui, tôi cảm thấy cuối cùng mình cũng bám trụ được trong thế giới hư cấu và dần quen với khung cảnh xung quanh.

Sau khi đã hồi sức, tôi thẳng hướng lên khu Bắc Williamsburg. Một cây sồi rưỡi đường ngập trong sắc màu của mùa hè Anh Đìêng*, giữa những cây tiêu huyền lá đã chuyển vàng và những tòa nhà bằng đá sa thạch nâu của đại lộ Bedford.

Cách nói có nguồn gốc từ Bắc Mỹ, chỉ khoảng thời gian cuối thu, đầu đông, khi ngày ngắn đi, thường diễn ra vào cuối tháng Mười, đầu tháng Mười một ở bán cầu Bắc.

Khi tôi tới ngã tư giao giữa phố Berry và phố Broadway, hình dáng tòa nhà Lancaster trông còn oai vệ hơn trong tiểu thuyết của tôi. Khoảng chục tay thợ ảnh và phóng viên đi đi lại lại chờ đợi trước cửa kính một hiệu giặt tự phục vụ: những tay lính quèn buồn bã và mệt mỏi, những lính bấm máy nhỏ mọn làm nô lệ cho sự tục tĩu chợt thoáng tỉnh cơn uể oải khi thấy tôi đi vào trong tòa nhà.

Tôi đang đứng trong tiền sảnh mới toanh, xa hoa hơn cả tưởng tượng của tôi: gạch lát là đá hoa Carrara, ánh sáng dịu nhẹ, tường ốp bằng gỗ thô và độ cao của trần nhà thật ấn tượng.

– Tôi giúp gì được không, thưa ngài?

Trevor Puller Jones, người trông coi sảnh tòa nhà, ngược lên từ màn hình. Ông ta giống hệt như tôi nghĩ trong đầu. Đóng bộ cứng đờ trong chiếc áo vest nâu thêu những dải viền vàng, có vẻ ông ta coi tôi là một trong số những tên rêu rao tin đồn nhảm mà ông ta đã phải giải quyết kể từ khi bắt đầu “vụ Conway”. Suốt

vài giây, tôi đứng như trời trồng trước mặt ông ta, miệng há hốc, do dự chưa biết nên làm gì tiếp theo. Rồi tôi quyết định.

– Xin chào, tôi muốn lên nóc tòa nhà.

Trevor nhượng mảy.

– Vì lý do gì vậy, thưa ông?

Như mọi khi, tôi tỏ ra thực thà:

– Tôi nghĩ cô Conway đang gặp nguy hiểm.

Người gác cổng lắc đầu.

– Còn tôi, tôi nghĩ ông nên rời khỏi nơi này.

– Tôi năn nỉ đây. Nếu ông không muốn vụ tự sát của cô ấy đè nặng lương tâm, tốt hơn ông nên để tôi đi lên.

Lần này, Trevor Fuller Jones buông một tiếng thở dài bực dọc, và bất chấp thân hình nặng nề, ông ta nhổm dậy sau quầy lễ tân. Nhanh như chớp, ông ta nắm cánh tay tôi kéo ra tận cửa, không chút nể nang. Tôi cố chống cự, nhưng ông ta cao đến hơn một mét chín và nặng ít nhất phải một trăm mười cân. Khi ông ta sắp sửa tổng được tôi ra vỉa hè, tôi nhận ra tương quan sức mạnh giữa hai bên không phải như tôi tưởng. Và tôi sở hữu mọi vũ khí để vô hiệu hóa đối thủ của mình.

– Đừng ép tôi phải kể toàn bộ cho Bianca!

Người gác cổng khựng lại. Ông ta tròn mắt, như thể không chắc chắn về những gì mình vừa nghe thấy. Tôi nhắc lại:

– Nếu không để tôi vào, ông sẽ gặp nhiều vấn đề với Bianca đây.

Ông ta bóp chặt hơn nữa quanh tay tôi.

– Vợ tôi có dính dáng gì đến chuyện này? ông ta gầm gừ.

Tôi nhìn Puller Jones không chớp mắt. Làm sao để ông ta hiểu ông ta chỉ là một trong số những nhân vật do tôi sáng tạo ra? Một vai phụ trong một câu chuyện đang viết dở chỉ tồn tại trong tâm trí tôi ? Nhất là làm thế nào để ông ta hiểu rằng tôi biết mọi thứ về cuộc đời ông ta?

– Bianca hẳn sẽ thích các tin nhắn SMS và những bức ảnh mà ông đều đặn gửi cho Rita Beecher, cô thợ cắt tóc trẻ chỉ mới mười chín tuổi mà ông đã gặp ở tiệm cắt tóc Sweet Pixie trên phố Jackson.

Đó là một trong những thói quen của tôi với tư cách tiểu thuyết gia: trước khi bắt đầu viết, tôi xây dựng tỉ mỉ các nhân vật bằng cách soạn cho mỗi nhân vật một phiếu tiểu sử chi tiết. Kể cả khi ba phần tư những chi tiết đó sẽ không xuất hiện trong sách, nhưng chúng vẫn là phương tiện không thể thiếu để hiểu hơn về họ.

– Tôi không biết liệu vợ ông có thấy vui không khi biết ông viết cho Rita những thứ kiểu như: “Anh nghĩ về cặp mông em suốt cả ngày” hay “Anh muốn bắn hạt giống của anh lên ngực em để xem chúng nảy mầm.”

Mặt ông gác cổng biến sắc, dấu hiệu cho thấy tôi đã chạm đúng điểm yếu. Tôi nhớ lại câu nói của Malraux: nhìn chung con người chính là “thứ họ che giấu, một đồng bí mật nho nhỏ khôn khổ”.

– Nhưng, làm sao ông biết? ông ta áp úng.

Tôi giảng cho ông ta đòn kết liễu:

– Tôi còn lo ngại phản ứng của bà ấy khi phát hiện nhân dịp lễ Tình nhân, ông đã tặng Rita một chiếc ghim cài bằng bạc tráng men có giá tám trăm năm mươi đô la. Còn bó hoa ông mang về tặng vợ lần đó thì giá bao nhiêu nhỉ? Hai mươi đô la, tôi đoán vậy.

Fuller Jones gục đầu xuống và thả tôi ra. Lúc này, trước mắt tôi chỉ là một con búp bê vải vô hại. Khi ta đang cảm thấy tội lỗi thì thật khó mà tỏ ra hung hăng được.

2.

Tôi bỏ mặc ông ta sau lưng và tiếp tục tiến bước. Ở cuối sảnh dàn ra ba chiếc thang máy có cửa bằng đồng gò. Tôi ấn gọi một thang rồi nhấn vào nút Rooftop. Buồng thang rung lên kèm theo tiếng kèn kẹt của kim loại. Khi cửa thang khép vào, trong lúc di chuyển tới điểm đến, tôi nhận ra còn phải leo bộ thêm một tầng mới lên được nóc tòa nhà.

Lên đến nơi, tôi bị bất ngờ trước một cơn gió mạnh. Tôi che tay chắn trước trán rồi bước vào sân cầu lông. Khung cảnh thật đáng ngạc nhiên. Còn say lòng hơn cả trong bản thảo của tôi. Những bầu trời, hãy còn trong veo và sáng sủa vài phút trước, đã chuyển đen kịt. Gần như miễn cưỡng, tôi dừng lại một chút để ngắm nhìn toàn cảnh ấn tượng. Phía bên kia eo biển, nổi bật trên đường thẳng ánh kim loại của những dãy nhà chọc trời là

những biểu tượng huyền thoại của các công trình kiến trúc New York: hai cây cột của cầu Williamsburg, tòa nhà Empire State, chỏm tháp nhọn của tòa Chrysler Building, dáng to bè của tòa nhà MetLife.

– TA CHO MI BA GIÂY ĐỂ NGĂN TA LÀM CHUYỆN NÀY: MỘT, HAI, B...

Bị những tiếng thét làm choàng tỉnh khi đang lạng ngấm, tôi giật mình quay phắt lại. Ở đầu kia sân, chỗ gần bể nước, tôi trông thấy Flora Conway. Cô ta đang cầm khẩu súng của Rutelli gí vào thái dương và chuẩn bị bắn.

– Dừng lại! tôi hét lên để cho biết sự có mặt của mình.

Một cách ngây thơ, tôi tự nhủ khi trông thấy tôi, Flora sẽ thôi cảnh giác. Nhưng, cũng hoảng sợ y hệt tôi, cô ta nhìn tôi thách thức bằng đôi mắt màu ngọc thạch.

– Nào, đừng làm chuyện ngu ngốc. Đặt súng xuống đi.

Cô ta chậm chậm hạ khẩu Glock xuống, nhưng thay vì thả ra, cô ta chìa nó về phía tôi.

– Ôi chà! Chúng ta nói chuyện được không?

Thay vì dịu bớt, Flora nắm báng súng bằng cả hai tay và quặp ngón tay vào cò súng, giơ về phía tôi, sẵn sàng khai hỏa.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra rằng trái ngược với ông gác cổng, tôi tuyệt đối không thể làm gì để chống lại Flora Conway. Tôi tưởng tôi đang ở trên lãnh địa của mình, nhưng hoàn toàn không phải vậy. Lúc này, tôi cay đắng hối hận vì đã nghe lời Jasper và Diane Raphaël. Thật dễ dàng cho họ khi đưa ra những lời khuyên mà

không phải xử lý. Thế giới hư cấu rất nguy hiểm, tôi vẫn luôn biết điều đó. Cũng như tôi vẫn luôn biết là sẽ cực kỳ mạo hiểm khi liều lĩnh bước vào vùng đất này. Tôi sẽ kết thúc đời mình một cách thê thảm với hai viên đạn găm vào người được bắn từ một nhân vật sinh ra từ trí tưởng tượng của tôi. Câu chuyện cuộc đời tôi từ khi còn nhỏ. Luôn luôn cùng một kẻ thù duy nhất: chính bản thân tôi.

– Flora, tỉnh táo lại đi. Thực sự cần có một cuộc nói chuyện giữa hai chúng ta.

– Anh là ai, mẹ kiếp ?

– Tôi tên là Romain Ozorski.

– Không quen.

– Có, cô biết rõ mà, là tôi: kẻ thù, tên khốn, tiểu thuyết gia...

Tôi cố che giấu nỗi sợ của mình. Flora vẫn tỏ thái độ phòng vệ, vừa tiếp tục ngắm bắn tôi vừa tiến lên.

– Vậy anh từ đâu tới?

– Từ Paris. Paris ngoài đời thực.

Cô ta cau mày. Lúc này, cô ta chỉ còn cách tôi vài mét. Tuy có nhiều mây thấp, nhưng một lỗ hổng trên bầu trời làm những tia nắng phản chiếu xuống sông Đông. Flora giở nòng khẩu Glock lên trắn tôi. Tôi nuốt nước bọt trước khi cố thuyết phục cô ta lần cuối.

– Tại sao lại giết tôi trong khi chính cô đã yêu cầu tôi đến!

Tôi nghe thấy hơi thở của cô ta: nặng nề, hỗn hển, giật cục. Xung quanh chúng tôi, cảnh vật run rẩy và phình ra như trong

một tấm gương phóng đại. Sau một hồi lâu do dự, và vào thời điểm tôi ít ngờ tới nhất, cô ta hạ súng xuống rồi nói:

– Sẽ tốt hơn nếu anh cho tôi một lời giải thích hợp lý chết tiệt.

3.

Khu bến cảng Brooklyn

Tôi bước vào cuộc đời Flora Conway mới chưa đầy một giờ đồng hồ, nhưng cô ta ở trong cuộc đời tôi thì lâu hơn thế rất nhiều. Sau cuộc cãi vã trên nóc tòa nhà Lancaster, tôi đã thuyết phục được cô ta để có một cuộc nói chuyện bình tĩnh.

Cuộc trao đổi đầu tiên này thật sự gây bối rối, vì Flora chấp nhận khá nhanh sự trái khoáy của hoàn cảnh. Một khe hở đã mở ra ở sâu trong ý thức của cô. Khi xé tan lớp màn ngăn cách cô với sự thật, Flora đã mãi mãi ra khỏi hang. Bởi vậy, cô không mất thời gian chối bỏ mình là một nhân vật tiểu thuyết. Điều mà cô không chấp nhận, trái lại, là việc tôi ngừng viết câu chuyện về cô. Chúng tôi bắt đầu cãi cọ, và bởi Flora đang thấy ngột ngạt trong căn hộ của mình, cô đưa tôi đến một quán bar kiểu Brasil ở Williamsburg.

Nằm dọc khu bến cảng, Favela là quán bar nằm gọn bên trong một ga ra cũ nhìn ra khoảng sân có mái che đầy ắp khách vào giờ ăn trưa, người dân xung quanh gọi nơi này là “vườn bia.” Vì không biết rõ mình có bao nhiêu thời gian, nên tôi lập tức đi thẳng vào vấn đề:

– Tôi sẽ không viết tiếp câu chuyện của cô nữa, Flora ạ. Tôi đến đây chính là để nói với cô điều này.

– À, nhưng anh không thể tự quyết định chuyện đó một mình.

– Cô biết rõ là có thể mà.

– Vậy cụ thể như thế nghĩa là sao ?

Tôi nhún vai.

– Nghĩa là tôi sẽ dừng làm việc với câu chuyện này. Tôi sẽ không nghĩ về nó nữa và chuyển sang thứ khác.

– Anh sẽ xóa các tập tin trong ổ cứng, phải vậy không? Anh sẽ cho cuộc đời tôi vào thùng rác chỉ bằng một cú nhấp chuột đơn giản trên máy tính?

– Nói như thế có hơi giảm nhẹ, nhưng cũng không sai.

Cô nhìn tôi chằm chằm với ánh mắt đầy giận dữ. Thực tế, khuôn mặt cô trông hiền hơn trong tưởng tượng của tôi. Cô mặc một chiếc váy len chui đầu màu kem, một áo khoác bò ôm sát và đi đôi giày cổ thấp màu cánh gián. Sự cứng rắn của cô không nằm ở ngoại hình, nó nằm trong ánh nhìn, sự nôn nóng, những lúc chuyển giọng.

– Tôi sẽ không để anh tự ý làm gì thì làm, cô nói bằng giọng kiên quyết.

– Hãy tỉnh táo đi, cô không hề tồn tại!

– Nếu tôi không tồn tại, thì anh đang làm cái quái gì ở đây?

– Đây là một dạng luyện tập, theo sáng kiến từ đại diện của tôi và một bác sĩ tâm thần. Một điều ngu ngốc, thừa nhận với cô là thế.

Một nhân viên pha chế mặc áo may ô tay xăm kín mang đến hai cốc cocktail caipirinha mà chúng tôi đã gọi. Flora uống một hơi hết nửa cốc rồi nói:

- Tôi chỉ yêu cầu anh một việc, là trả lại con gái cho tôi.
- Tôi không phải người đã mang cô bé khỏi cô.
- Khi viết, người ta phải chịu mọi trách nhiệm.
- Tôi chẳng có trách nhiệm gì với cô cả. Đối với độc giả thì có, nhưng...
- Độc giả chỉ là cái cơ mị dân, cô cắt lời tôi.

Tôi tiếp tục lý lẽ của mình:

– Tôi có trách nhiệm đối với các độc giả, nhưng chỉ khi tôi lựa chọn *xuất bản* một câu chuyện. Điều này không phải trường hợp câu chuyện của cô.

- Vậy tại sao anh lại viết nó ?
- Còn cô, cô xuất bản tất cả những gì cô viết ư? Tôi thì không.

Tôi uống một ngụm rượu và nhìn quanh. Thời tiết đã trở lại êm dịu đến không thể tin được. Nơi này thật độc đáo, với phần mái kềm thùng là dàn leo của cây trinch đằng năm lá và chiếc food truck cũ bán bánh taco. Quả đúng là quán rượu ngoại ô phiên bản salsa.

– Điều cốt yếu của sáng tạo, là thử nghiệm nhiều thứ, thử nữa và thử mãi, không nhất thiết phải đi đến cùng hoặc muốn để lại dấu ấn. Mọi môn nghệ thuật đều như vậy. Soulages đã đốt hàng trăm bức tranh mà ông không vừa ý, Bonnard đến sửa lại tranh của mình treo trong bảo tàng, Soutine mua lại tranh của mình từ những người bán tranh để trau chuốt lại. Tác giả là chúa tể đối với tác phẩm của mình, không phải ngược lại.

– Thôi trình bày luận điệu của anh đi...

– Điều tôi muốn nói đó là, cũng giống như một nghệ sĩ piano, tôi cần phải tập chạy gam. Ngày nào tôi cũng viết, kể cả Chủ nhật, kể cả lễ Giáng sinh, kể cả khi tôi đang đi nghỉ. Tôi bật máy tính và viết các đoạn truyện, các truyện ngắn, các suy ngẫm. Nếu thứ tôi viết ra mang lại cảm hứng, tôi sẽ viết tiếp. Nếu không, tôi chuyển qua thứ khác, chỉ đơn giản vậy thôi.

– Vậy thứ gì không “mang lại cảm hứng” cho anh trong câu chuyện của tôi ?

– Chuyện của cô làm tôi thấy chán như con gián. Vậy đấy! Tôi không có hứng viết. Tôi không thấy thú vị.

Flora ngược mặt lên trời (và giơ tay ra hiệu cho phục vụ rằng cô muốn một cốc cocktail nữa).

– Nếu viết mà thú vị, thì ai cũng viết rồi.

Tôi thở dài và nghĩ tới Nabokov, người từng tuyên bố rằng các nhân vật của ông là những “tên tù khổ sai”. Những nô lệ trong một thế giới mà ông là “độc tài tuyệt đối”, “người duy nhất chịu trách nhiệm về sự ổn định và cái đúng trong thế giới đó”.

Nhà văn thiên tài người Nga đã rất có lý khi không để mình dính líu vào. Còn tôi, tôi lại ở đây, nói chuyện lằng nhằng với một tạo vật ảo sinh ra từ trí óc mình...

– Nghe này, Flora, tôi không tới đây để tranh luận với cô văn học là phải thế nào.

– Anh không thích các tiểu thuyết của tôi à?

– Không hẳn.

– Vậy tại sao?

– Chúng quá tự phụ, kiểu cách, tinh hoa chủ nghĩa.

– Hết chưa?

– Chưa. Điều tồi tệ nhất...

– Anh nói đi.

– ... là chúng không bao dung.

Bất chấp quy định cấm hút thuốc tại đây, cô vẫn châm một điếu thuốc và nhả ra một ngậm khói.

– Cái chứng chỉ bao dung của anh, anh có thể...

– Chúng không bao dung bởi vì cô không nghĩ đến độc giả. Đến niềm vui mà việc đọc mang lại. Đến cảm giác độc nhất chiếm trọn lấy cô khi cô háo hức trở về nhà vào buổi tối để đọc tiếp một cuốn truyện hay. Tất cả những điều đó là một thứ rất trừu tượng đối với cô. Vậy đấy, bởi thế mà tôi không thích các tiểu thuyết của cô: vì chúng quá lạnh lùng.

– Xong chưa? Anh đã kết thúc bài diễn văn nho nhỏ của mình chưa?

- Rồi, và tôi nghĩ chúng ta cũng sẽ dừng trò chuyện.
- Bởi vì *anh* đã quyết định thế?
- Bởi vì chúng ta đang ở trong tiểu thuyết của tôi. Dù cô có chấp nhận hay không, thì tôi cũng là chúa tể duy nhất ở trong này. Tôi là người quyết định tất cả, cô hiểu chứ? Cũng bởi vì thế mà tôi đã muốn trở thành nhà văn.

Cô nhún vai.

- Anh muốn trở thành nhà văn vì việc đó cho anh thỏa mãn khao khát làm tên bạo chúa khiến các nhân vật kinh sợ?

Tôi thở dài. Nếu định khiến tôi mềm lòng, thì cô ta đi sai nước rồi. Mặt khác, những lời của cô ta lại làm nhiệm vụ của tôi thêm dễ dàng.

- Nghe này, Flora, tôi sẽ nói thật lòng. Cả ngày lẫn đêm, bảy ngày một tuần, tôi bị cả thế giới kéo vào đủ thứ rắc rối, không phút nào ngừng. Vợ tôi, nhà xuất bản của tôi, người đại diện của tôi, kho bạc, tòa án, các phóng viên. Tên thợ sửa ống nước chết tiệt tôi đã gọi ba lần mà hắn không đến sửa chỗ rò nước cho tôi, những kẻ muốn tôi dừng ăn thịt hoặc muốn tôi dừng đi máy bay nữa hoặc muốn tôi cai thuốc hoặc không muốn phục vụ tôi đến ly rượu thứ hai hoặc đòi hỏi tôi phải ăn năm loại rau quả mỗi ngày. Những kẻ cực kỳ nghiêm túc nói với tôi rằng dù là tiểu thuyết gia, tôi cũng không thể đặt mình vào hoàn cảnh của một người phụ nữ, hoặc một đứa thiếu niên hoặc một lão già hoặc một người Trung Quốc, hoặc nếu tôi có làm được vậy, tôi sẽ phải

đọc lại các truyện mình đã viết để chắc chắn là chúng không xúc phạm ai. Tôi chán ngấy vũ hội của những kẻ quấy rầy đó rồi và...

– Được rồi, tôi nghĩ là tôi đã hiểu ý anh, Flora ngắt lời tôi.

– Ý tôi là, tôi sẽ không để mình gặp rắc rối vì ai nữa và càng không phải vì một nhân vật tiểu thuyết chỉ tồn tại trong đầu tôi.

– Anh biết gì không? Anh rất đúng đắn khi đã đi gặp bác sĩ tâm thần.

– Còn cô, có lẽ cô cũng cần một phiếu khám đấy! Lần này, tôi nghĩ chúng ta đã nói hết với nhau.

– Vậy, anh sẽ không trả Carrie cho tôi?

– Không, vì tôi không phải người lấy mất cô bé khỏi cô.

– Rõ ràng anh không có con.

– Cô thật sự tin rằng tôi sẽ bắt tay vào viết câu chuyện này mà bản thân lại không có con ư?

– Tôi sẽ nói với anh một điều, Ozorski. Anh có thể xóa tập tin trong máy tính, nhưng anh không thể xóa nó trong đầu.

– Cô không thể làm gì chống lại được tôi.

– Đó là anh tưởng vậy thôi.

– Giờ thì, ciao.

– Anh sẽ trở về bằng cách nào?

– Như thế này: một, hai, ba! tôi vừa nói vừa đếm ngón tay.

– Nhưng anh vẫn còn ở đây đấy thôi.

Tôi gập ngón cái và ngón trỏ. Chỉ còn ngón giữa đang chìa về phía cô ta.

Flora lắ đầu khi tôi dần tan biến trước mắt.

8

Almine

Hiểu người khác không phải là nguyên tắc trong cuộc đời. Câu chuyện về cuộc đời, đó là nhăm lẩn về họ, hết lần này đến lần khác, tiếp tục và mãi mãi, một cách miệt mài, và sau khi đã suy nghĩ kỹ về điều đó, thì ta lại tiếp tục nhăm lẩn.

Philip ROTH

– Nhưng anh vẫn còn ở đây đây thôi.

Tôi gập ngón cái và ngón trỏ. Chỉ còn ngón giữa đang chìa về phía cô ta.

Flora lắc đầu khi tôi dần tan biến trước mắt.

Ánh sáng của Brooklyn vụt tắt khi tôi gập màn hình máy tính xách tay, không phải không hài lòng về cuộc thoát thân nho nhỏ của mình. Tại Paris, đang là ba giờ sang. Phòng khách chìm trong bóng tối, trừ một chút than đang cháy nốt trong lò sưởi. Chuyến du hành tới New York khiến tôi kiệt sức, nhưng tôi thấy nhẹ nhõm khi thoát khỏi đó mà không sút mẻ gì mấy. Tôi uống nốt liều Doliprane cuối, rời khỏi ghế và chỉ bước vài bước rồi nhào xuống trường kỷ.

1.

Thứ Tư ngày 13 tháng Mười 2010

Ngày hôm sau, tôi dậy muộn, nhưng nhẹ nhõm và tâm trạng rất tốt. Đã rất lâu rồi tôi không còn được ngủ một giấc không u ám. Ngay cả bệnh cảm cũng đã khá hơn: tôi hít thở thoải mái thấy rõ và cũng lần đầu tiên kể từ rất lâu rồi, đầu tôi không còn đau như búa bổ.

Nào, dậy thôi! Tôi muốn coi đó là một dấu hiệu và bằng mọi giá tự thuyết phục mình rằng có gì đó đã thay đổi. Tôi đi pha một cốc *double espresso* và chuẩn bị vài lát bánh mì phết, tôi sẽ ra ngoài ăn chúng. Khoảng sân nhỏ đẹp khôn cưỡng trong sắc màu mùa thu. Trước khi mùa đông tới, cây cối đỏ rực lên lần cuối. Cây mận là ngọn lửa cháy rực. Bụi dương xỉ và tiên hồng rực rỡ. Bên cạnh cây tiêu huyền già, khóm nhựa ruồi đang chờ được cắt tỉa.

Chuyến du hành đến xứ sở tưởng tượng đã giúp tôi khỏe lại. Tôi đã lý giải được căn kẽ vấn đề và giải phóng mình khỏi sự chi phối của Flora Conway. Tôi đã tái khẳng định sự tự chủ và tự do của mình ở tư cách tiểu thuyết gia. Nhưng tôi không thể hài lòng với chiến thắng mang tính biểu tượng đó. Để thật sự thắng lợi, tôi phải thử một cuộc tấn công trong đời thực. Có lẽ tôi vẫn còn một quân bài để đấu với Almine chẳng? Một kế hoạch sau cùng để cố gắng đưa cô ta trở về với suy nghĩ lý trí.

Tôi đi lên tầng để làm vệ sinh cá nhân. Tôi bật đài radio trong phòng tắm và đứng vào dưới vòi hoa sen. Dưới làn nước, dầu gội

bị đầy hai tai, bản tin của đài France Inter truyền đến tôi từng đoạn:

Hôm nay là thứ Tư, ngày tiếp theo của cuộc biểu tình quy mô lớn phản đối dự luật cải cách lương hưu của chính phủ. Các nghiệp đoàn kỳ vọng sẽ tập hợp được hơn ba triệu người trên toàn nước Pháp. / Tôi cố gắng hình dung hình ảnh Almine không kèm với bất kỳ suy nghĩ tiêu cực nào - một cách nói giảm nhẹ - mà tôi vẫn duy trì đối với cô ta. / Lãnh đạo Tổng liên đoàn Lao động, Jean-Claude Mailly, bày tỏ sự nuối tiếc về một cải cách được thực hiện để làm vừa lòng các thị trường tài chính. Sau khi lá chắn thuế được áp dụng, Tổng liên đoàn Lao động tố cáo đây là chính sách tự do cực đoan và bất công của “tổng thống của người giàu”, người muốn đưa tuổi nghỉ hưu lên mức sáu mươi hai. / Đương nhiên, tôi ân hận trong cay đắng là đã không đa nghi hơn và đã tùy tiện bỏ điện thoại khắp nơi mà không có biện pháp bảo vệ nào. Dù đã biết rõ tính cách bốc đồng và quá quắt của cô vợ, vì sao tôi vẫn nhẹ dạ tin rằng cô ta không đến mức thế? / Bộ trưởng Kinh tế Christine Lagarde nhận định mỗi ngày đình công làm thiệt hại khoảng 400 triệu euro cho nền kinh tế Pháp và kéo chậm đà phục hồi kinh tế. / Dù con ếch có thích hay không, con bọ cạp vẫn là con bọ cạp “bởi vì bản chất của nó là vậy”. Vì quá ngây thơ, tôi đã đẩy con trai mình vào hoàn cảnh vô cùng nghiêm trọng. / ... nguy cơ thiếu nhiên liệu, bất chấp những khẳng định chắc chắn của bộ trưởng Năng lượng, Jean-Louis Borloo. / Tôi đã luôn nghĩ rằng các thiết chế của đất nước sẽ bảo vệ tôi nên có một ngày tôi bị tấn công vô cớ. Nhưng cả cảnh sát lẫn tòa án đều không bảo vệ tôi. Không ai

cố gắng tìm hiểu sự thật. / Điều chưa từng thấy kể từ những cuộc đình công lớn năm 1995 phản đối kế hoạch Juppé*! / Bất chấp những khó khăn này, liệu tôi còn có thể giành lại cuộc đời về tay mình không? Tôi muốn tin là có. Suy cho cùng, trong thời kỳ đầu, tôi và Almine đã có những khoảnh khắc hạnh phúc bên nhau. Và chúng tôi là cha mẹ của cậu con trai nhỏ tuyệt vời đó. / Theo các cuộc thăm dò, những cuộc đình công nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ và 65% những người được hỏi phản đối thái độ cứng rắn của tổng thống Nicolas Sarkozy đối với cuộc bạo loạn. / Ngay cả trong những lúc chúng tôi xung đột trước đây, vẫn luôn có một khoảnh khắc mà lý trí đã vượt lên. Với Almine, sự thực của ngày hôm nay không phải là sự thực của ngày mai. / ... sự tham gia bất ngờ của các học sinh trung học phổ thông vào phong trào và tình trạng phong tỏa có thể tái diễn ở các nhà máy tinh chế...

Tức đề xuất cải cách chế độ hưu trí và an sinh xã hội vào năm 1995 của Alain Juppé, thủ tướng nước Pháp khi đó.

Tắm xong, tôi cạo râu, xịt nước hoa, mặc một chiếc quần jean sạch, một chiếc sơ mi trắng và áo vest ôm. Thậm chí tôi còn nở nụ cười bảnh nhất trước gương. Phương pháp tự ám thị để tôi thuyết phục bản thân rằng mình đã sẵn sàng trở lại cuộc chơi lớn của cuộc đời.

Thủ tướng François Fillon không chấp nhận nhượng bộ và cáo buộc phe cực tả cùng đảng Xã hội có ý đồ...

Tôi ra khỏi nhà và bước đi dưới ánh nắng. Một kế hoạch bắt đầu hình thành trong đầu. Phố Cherche-Midi hơi náo động. Do cuộc đình công, không thể sử dụng tàu điện ngầm tại bến Saint-

Placide. Vì mọi xe taxi đều đã có người vây kín, nên tôi đi bộ đến trạm thuê xe đạp Vélib' gần nhất. Từ xa, tôi tưởng vẫn còn xe, nhưng đến nơi tôi nhận ra tất cả xe đều không thể sử dụng được: lốp thủng, vành gãy, phanh hỏng. Không chịu thoái chí, tôi chạy đến trạm tiếp theo, mọi chuyện vẫn tương tự. Một người đàn ông sống trong khu thậm chí còn mang hộp dụng cụ riêng ra để sửa lấy một chiếc. *Welcome to Paris.*

Chán nản, tôi quyết định đi bộ sang bờ bên kia sông Seine. Ở phố Vaugirard, nhiều nhóm nhỏ người biểu tình ngược lên đại lộ Raspail mang theo cờ và mặc áo lễ màu đỏ theo màu của Tổng liên đoàn Lao động. Trên đại lộ, mọi người giậm chân sốt ruột. Cuộc tuần hành dự kiến bắt đầu sau hai giờ chiều, nhưng lúc này họ đã diễn tập. Họ thử còi hơi và loa phóng thanh, chỉnh hệ thống âm thanh, hát đi hát lại các bài hát ("Fillon, ông có biết, cải cách của ông, cải cách của ông, Fillon ông có biết cải cách của ông, chúng tôi sẽ đặt nó vào đâu không"), kiểm nghiệm hiệu quả của một số khẩu hiệu: "Sarkozy, tên bạo ngược, đi mà đánh thuế bạn bè ông đi"; "Miếng độn gót không làm nên những con người vĩ đại*"; "Hãy nhìn cho kỹ chiếc Rolex của ông, giờ bạo loạn sắp diễn!" Ở gian của nghiệp đoàn ngành đường sắt, SUD Rail, họ đang ăn. Những tình nguyện viên nướng dồi lợn, xúc xích cừu merguez và xúc xích tươi chipolata dưới mái trại mang các màu của nghiệp đoàn. Kẹp trong một mẫu bánh mì baguette và thêm chút hành tây, thanh xúc xích được bán với giá hữu nghị hai euro. Thêm một euro nữa, bạn sẽ có một cốc bia hoặc một ly vang nóng. Đầu đội mũ chullo, túi đeo chéo qua vai và huy hiệu

của nghiệp đoàn ngành giáo dục, “SUD Éducation”, gắn trên áo bu đông, một phụ nữ tham gia biểu tình hỏi rất nghiêm túc, như thể đang ở nhà hàng, rằng cô có thể mua một chiếc “sandwich chay” được không.

Khẩu hiệu mang tính giễu nhại, trong tiếng Pháp tính từ “grand” vừa có nghĩa là cao lớn vừa có nghĩa là vĩ đại, tùy thuộc vào vị trí nó đứng trước hay sau danh từ. Còn tổng thống Sarkozy vốn là người thấp bé và được cho là thường xuyên dùng giày độn gót để cải thiện chiều cao.

Ở giữa đám đông, tôi không thể ngăn mình ghi nhớ vào đầu những hình ảnh, tập trung vào từng chi tiết trong đó: những lời nói qua lại, tiếng ồn trong không gian, các loại mùi, những bài hát phát ra từ hệ thống loa. Rồi tôi xếp tất cả những yếu tố này vào trong một hồ sơ cất tạm vào một góc trong não. Đó là kho tư liệu trong tâm trí tôi. Một thư viện mà tôi luôn mang theo mình. Một năm hay mười năm nữa, nếu việc viết một cuốn tiểu thuyết đòi hỏi, tôi sẽ lại lôi hồ sơ này ra để miêu tả một cảnh biểu tình. Nỗ lực này cũng khiến tôi khổ sở, nhưng nó đã thành một bản năng thứ hai mà tôi không thể nào chống lại. Một cỗ máy gây hao tổn sức lực mà tôi không còn tìm ra nút tắt được nữa.

2.

Tôi tách được khỏi đoàn tuần hành và đi quanh vườn Luxembourg cho tới nhà hát Odéon. Theo nhịp bước chân trên vỉa hè, tôi thấy trôi qua trước mắt mình bộ phim về những năm tháng với Almine, tôi khó nhọc tìm kiếm một sự liên kết trong

đó. Cô ta sinh ra ở Anh gần Manchester và có cha người Anh, mẹ người Ireland. Say mê khiêu vũ cổ điển, cô ta thi đỗ Trường múa ba lê Hoàng gia London, nhưng ở tuổi mười chín, cô ta gặp một tai nạn mô tô nghiêm trọng cùng với bạn trai thời đó, một tay guitar giả hiệu thích mó tay vào những ly bia Guinness hơn là những dây đàn guitar Gibson. Almine nằm viện hơn sáu tháng và không bao giờ có thể khiêu vũ trình độ cao được nữa. Tai nạn đó để lại nhiều di chứng, đặc biệt là chứng đau lưng kinh niên đã khiến cô ta phụ thuộc vào thuốc giảm đau. Đó thực sự là bi kịch trong đời Almine và cô ta luôn nhắc đến nó với những tiếng nức nở kèm trong giọng nói. Đó cũng là lý do mà suốt một thời gian dài, tôi bỏ qua một số cách xử sự của cô ta. Ở tuổi hai mươi hai, giữa những năm 1990, cô ta lấn sân sang ngành người mẫu để rồi nhanh chóng trở thành ngôi sao hàng đầu của các sàn catwalk.

[Phố Racine, đại lộ Saint-Germain.]

1,74 m. 85-60-88. Ngoài các số đo, thời đó, Almine còn nổi tiếng với kiểu tóc ngắn, rối bù, màu vàng bạch kim, và những nốt tàn nhang nhạt kiểu Ireland giúp cô ta nổi bật trong cuộc cạnh tranh không khoan nhượng của giới này. Nét đặc biệt đó đã gây tiếng vang và cho phép cô ta liên tục có vị trí trên sàn diễn trong những cuộc trình diễn quan trọng. Cô ta trở thành ngôi sao bé nhỏ trong giới, và trên các tạp chí, cô ta khoác lên mình phong cách rock và sexy: nụ cười mím hững hờ, áo phong cổ rộng kiểu thủy thủ, quần jean rách, giày Dr. Martens. Cô ta còn tỏ vẻ đam mê nhạc metal và hard rock và nói mình đã từng đi khắp nước Mỹ bằng xe mô tô. Mọi chuyện diễn ra khá ổn: trên

đỉnh cao danh tiếng - những năm 1998 và 1999 cô ta ba lần lên bìa tạp chí *Vogue*, trở thành đại diện cho một dòng nước hoa của Lancôme và là gương mặt quảng bá cho một chiến dịch thu đông 1999 của Burberry.

Khi tôi gặp Almine năm 2000, cô ta đã từ bỏ sàn diễn. Cô ta tìm được những vai nhỏ trong các quảng cáo và phim điện ảnh. Cô ta vẫn xinh đẹp như trước. Và vẻ đẹp đó khiến tôi chấp nhận mọi thứ. Tôi đang ở một giai đoạn mà, do bị giam cầm và trói chặt quá lâu trước máy tính, tôi có một sự thiếu hụt trong cuộc sống cần được lấp đầy. Sau nhiều năm cố gắng đưa cuộc đời vào trong những câu chuyện hư cấu, tôi cần đưa sự hư cấu vào trong đời mình. Tôi đã đi đến cùng những hứa hẹn của cuộc đời bằng sự hóa thân. Đến lượt mình, tôi muốn trải nghiệm những cảm xúc mà bản thân miêu tả trong các cuốn tiểu thuyết. Đến lượt mình, tôi muốn trở thành một nhân vật trong sách của Romain Ozorski. Tôi muốn có sự say mê, thơ mộng, phiêu lưu, bất ngờ. Và với Almine, tôi sẽ được toại nguyện. Nếu trong đầu tôi đôi lúc mới có sự lộn xộn, thì trong đầu cô ta là sự hỗn độn toàn phần. Hiện tại ngự trị trên tất cả. Ngày mai có vẻ rất xa vời, còn sau ngày mai là thứ không tồn tại. Ban đầu, tôi chìm trong sự quyến rũ đó. Câu chuyện của chúng tôi là một ngoại đề trong nhịp sống rất quy cũ của tôi. Một ngoại đề kéo dài vì thói phù phiếm của tôi, bởi nhìn từ bên ngoài, chúng tôi “là một cặp đôi đẹp” và rồi Théo đến với cuộc đời chúng tôi và khiến chúng tôi vô cùng bận rộn.

[Viện Thế giới Ả Rập, cầu Sully, Thư viện Quốc gia Pháp.]

Và rồi, con tàu đột ngột trật bánh. Giữa cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, Almine chợt được khai sáng: chúng tôi đang sống trong nước Pháp dưới chế độ độc tài và Nicolas Sarkozy là một tên độc tài. Sống chung với Almine đã gần tám năm nhưng chưa bao giờ tôi biết đến ý thức chính trị của cô ta. Dưới tác động của một tay thợ ảnh, cô ta bắt đầu lui tới các nhóm chủ trương tự trị. Cô ta, người trước đây dành rất nhiều thời gian (và tiền bạc) để mua sắm váy áo, đã nhanh chóng vét sạch tủ quần áo và tặng hết cho phong trào Emmaüs.

Cô ta cắt tóc và vội vã đi xăm những hình vẽ xấu xí lên tay và cổ. Chữ A nằm trong hình tròn của những người theo chủ nghĩa vô chính phủ, một con mèo đen đói khát đang ngẩng đầu tru lên và dòng chữ viết tắt trừ danh ACAB: *All Cops Are Bastards**.

Tiếng Anh trong nguyên bản, nghĩa là: Cảnh sát toàn là lũ khốn. Khẩu hiệu này vốn xuất phát từ cuộc biểu tình của các thợ mỏ ở Anh giai đoạn 1984-1985.

Những người bạn mới của Almine - thỉnh thoảng họ lại tổ chức những cuộc họp cách mạng tại nhà chúng tôi - còn gieo từ từ vào đầu cô ta cảm giác tội lỗi mà họ khai thác một cách vô liêm sĩ. Almine không ngừng tự trách móc suốt cả ngày và đã quyên tặng tiền của mình - tình cờ đó cũng là tiền của tôi - để cố gắng chuộc lại lỗi lầm.

Trong suốt quãng thời gian này, Théo không còn thực sự tồn tại trong mắt cô ta. Chủ yếu là Kadija và tôi chăm lo mọi việc. Đương nhiên tôi cũng lo cho cô ta và đã cố giúp đỡ. Nhưng cứ mỗi lần như vậy tôi lại bị đẩy ra: đó là cuộc đời của, cô ta, cô ta sẽ

không để mình bị chồng áp đặt cách sống, xã hội phụ quyền đã chấm dứt.

Sau vài tháng, tôi tưởng mỗi đe dọa đã trôi xa. Cuối cùng Almine đã suy nghĩ lại về đám người theo chủ nghĩa vô chính phủ. Cô ta chuyển sang mê Zoé Domont, cô giáo tiểu học ở Lausanne đã dẫn dắt cô ta đến với sinh thái học. Tôi tệ thay, một mớ rắc rối tương tự lại nảy ra. Một định kiến thế chỗ một định kiến khác: sau mơ ước chống lại toàn cầu hóa là nỗi lo sợ thường trực về những tác động của biến đổi khí hậu. Ban đầu, đó là một nhận thức bổ ích mà tôi cũng chia sẻ. Rồi rất nhanh, nó trở thành sự u uất bức dọc, một nỗi ám ảnh không hơn không kém: thế giới đang sụp đổ, tương lai không còn tồn tại. Không kế hoạch nào còn ý nghĩa gì nữa, bởi chúng ta sẽ chết hết vào ngày mai hoặc ngày kia. Cô ta chuyển từ căm ghét tầng lớp tư sản sang căm ghét tổng thể toàn bộ nền văn minh phương Tây (tôi chưa bao giờ hiểu rõ tại sao trong tư tưởng của Almine, Trung Quốc, Ấn Độ và Nga được quyền tiếp tục gây ô nhiễm).

Hậu quả của sự cố chấp này là, cuộc sống thường ngày của chúng tôi biến thành địa ngục. Từng hoạt động vô hại - bắt taxi, tắm nước nóng, bật đèn, ăn sườn bò, mua quần áo - tất cả đều được đánh giá bằng lượng “dầu các bon” và khơi ra căng thẳng cùng những cuộc cãi cọ bất tận. Cô ta bắt đầu căm thù tôi, trách móc tôi thờ ơ với những vấn đề của thế giới và chỉ sống trong những cuốn tiểu thuyết của mình - như thể chỉ một mình tôi tàn phá hành tinh.

Rồi một ám ảnh tội lỗi nữa lại gặm nhấm vợ tôi: nỗi ám ảnh vì đã “sinh ra một đứa bé sẽ phải chứng kiến chiến tranh và những cuộc tàn sát”. Đó là những từ ngữ cô ta thốt ra trước mặt Théo mà không nhận ra rằng cô ta có thể truyền sang thằng bé nỗi lo sợ của mình. Cũng theo chiều hướng đó, màn kể chuyện buổi tối nhường chỗ cho những bài giảng giải rối rắm và không được chất lọc về sự tan chảy của các sông băng, tình trạng ô nhiễm ở các đại dương và sự biến mất của đa dạng sinh học. Đứa con trai năm tuổi của chúng tôi bắt đầu gặp những cơn ác mộng với hàng nghìn xác động vật chết và những con người tàn sát lẫn nhau vì một cốc nước sạch. Nếu có phần trách nhiệm của tôi trong chuyện này, thì đó là tôi đã can thiệp chậm. Đáng nhẽ tôi nên hành động trước và yêu cầu ly dị.

3.

Trên bầu trời quang đãng, nhìn thấy rõ bóng dáng cột Tháng Bảy* sừng sững từ phía xa. Đại lộ Morland, tôi đi qua tòa nhà Thư viện Quốc gia Pháp để vào phố Mornay cho tới một trong những nơi lạ kỳ nhất của Paris: bến Arsenal, bốn du thuyền nhỏ nối sông Seine với kênh Saint-Martin. Đây là nơi Almine chuyển đến sau khi cô ta rời nơi ở chung của hai vợ chồng chúng tôi.

Công trình ở quảng trường Bastille, Paris, tưởng nhớ ba ngày diễn ra cuộc cách mạng tháng Bảy năm 1830.

Dọc bờ sông là hàng chục chiếc thuyền đủ mọi kích cỡ xếp nối đuôi nhau, từ sà lan cho tới thuyền buồm cùng với thuyền

betrichon cũ được sửa chữa lại hoặc thuyền buồm tjalk kiểu Hà Lan.

Tôi đang ở trên cây cầu đi bộ bằng thép bắc qua bến thì trông thấy Almine ở phía bên kia, không xa cầu thang đá nối với đại lộ Bastille. Tôi kêu lên để ra hiệu rồi chạy về phía cô ta.

– Chào cô, Almine.

Tôi được tiếp đón bằng vẻ mặt đầy giận dữ:

– Anh làm gì ở đây, Romain? Anh biết rõ là anh không có quyền đến gần tôi mà.

Cô ta rút điện thoại ra để quay phim tôi. Một bằng chứng mới để chống lại tôi trong vụ kiện sắp tới. Tôi kiên cường nhìn chăm chăm cô ta. Cô ta lại tiếp tục thay đổi ngoại hình: đầu cạo trọc, người gầy xọp, áo rằn ri, khuyên xỏ khắp nơi. Cô ta khoác một chiếc túi thủy thủ và có một hình xăm mới trên cổ.

– Anh sẽ phải trả giá đắt, cô ta cảnh báo tôi, sau khi ngừng quay phim.

Tôi chắc chắn cô ta đã gửi nó *ngay lập tức* bằng tin nhắn tới văn phòng luật Pháp-Mỹ Wexler và Delamico, nơi phụ trách bảo vệ quyền lợi của cô ta.

Những luật sư đáng gờm mà cô ta quen biết nhờ... tôi.

– Cô tới ga Lyon à? tôi vừa hỏi vừa chỉ vào chiếc túi thủy thủ.

– Tôi tới gặp Zoé ở Lausanne, nhưng chuyện đó không liên quan đến anh.

Bây giờ khi đứng gần hơn, tôi đọc ra câu mà cô ta xăm lên mình: những lời của Victor Hugo được những kẻ vô chính phủ

ưa thích. Cảnh sát ở khắp nơi, công lý không nơi nào.

Tôi bước theo cô ta.

– Tôi muốn chúng ta có một cuộc trò chuyện bình thường, Almine ạ.

– Tôi không có gì để nói với anh.

– Tôi không phải kẻ thù của cô.

– Vậy thì rút đi.

Lên hết cầu thang, cô ta băng ngang đại lộ để đi vào phố Bercy.

– Chúng ta hãy tìm ra một giải pháp ổn thỏa. Cô không thể tước đoạt con trai tôi khỏi tôi được.

– Hãy tin là có đi. Vả lại, nói cho anh biết, tôi sẽ đưa nó sang Mỹ.

– Cô biết rõ không ai muốn điều đó mà. Không phải thằng bé, không phải cô, không phải tôi.

Cô ta bước nhanh và lờ tôi đi. Tôi bám theo:

– Cô định đến ngôi làng ở Ithaca đó để sống à?

Cô ta không tìm cách phủ nhận:

– Tôi cùng với Zoé, cả hai chúng tôi sẽ nuôi nấng nó.

Théo sẽ rất ổn khi sống với chúng tôi.

– Cô muốn gì ở tôi, Almine? Thêm tiền nữa ư?

Cô ta cười phá lên:

– Anh chả còn một xu nào, Romain. Tôi còn giàu hơn anh.

Bất hạnh thay, điều đó hoàn toàn chính xác. Cô ta tiếp tục bước đi thật nhanh. Nhịp bước như của nhà binh.

- Nhưng Théo cũng là con trai tôi.
- Chỉ bởi vì anh đã gí cái ấy của anh vào tôi à?
- Không, bởi vì tôi đã nuôi nấng nó và bởi vì tôi yêu thằng bé.

- Théo không phải con anh. Những đứa con thuộc về mẹ của chúng. Chính những người mẹ đã mang thai, sinh ra chúng, nuôi dưỡng chúng.

- Tôi đã chăm lo cho Théo nhiều hơn cô rất nhiều. Và tôi thấy lo cho thằng bé. Cô tiêm nhiễm vào đầu thằng bé những hình ảnh tận thế và đã nhiều lần cô nói trước mặt thằng bé rằng cô hối hận vì có một đứa con trai.

- Tôi lúc nào cũng nghĩ thế. Thật vô trách nhiệm khi sinh ra một đứa con ở cái thời này.

- Vậy thì, hãy để thằng bé sống với tôi. Đối với tôi, Théo là điều tốt đẹp nhất có thể đến trong đời.

- Anh ư, anh chỉ nghĩ đến con người hèn mọn của anh thôi. Những nỗi đau hèn mọn, sự thoải mái tâm lý hèn mọn. Anh chẳng bao giờ nghĩ đến người khác, nghĩ đến thằng bé cũng không.

- Nghe tôi nói này. Tôi không nghi ngờ là cô cũng rất yêu Théo.

- Tôi yêu nó theo cách của tôi.

– Vậy thì, cô nên nhận ra điều gì tốt hơn cho thằng bé, đó là hãy ở lại Paris. Ở đây thằng bé có trường học, bạn bè, bố của nó, những thói quen.

– Nhưng những thứ đó sẽ sớm bị hủy diệt tan nát, ông chồng tội nghiệp ạ. Những đảo lộn sắp diễn ra chưa từng có tiền lệ. Trái đất sẽ trở thành một bãi chiến trường.

Tôi vận dụng toàn bộ ý chí để giữ mình bình tĩnh.

– Tôi biết những chuyện đó khiến cô lo lắng rất nhiều và cô có lý. Nhưng tôi chẳng thấy có mối liên quan trực tiếp nào đến con trai chúng ta.

– Mối liên quan, đó là Théo phải trở nên dày dặn. Cần phải chuẩn bị cho thằng bé trước tình huống xấu nhất, anh hiểu chứ. Phải chuẩn bị cho thằng bé trước những cuộc cách mạng, các trận dịch bệnh, chiến tranh.

Thế là hết. Tôi đã thua. Chúng tôi sắp tới điểm đến. Với phần tháp cao và bốn mặt đồng hồ khổng lồ, tháp chuông của nhà ga đổ cái bóng đồ sộ xuống quảng trường Louis-Armand. Không mấy tin vào tác dụng, tôi đánh liều nói lời thú nhận cuối cùng, vẫn hy vọng sẽ làm cô ta động lòng.

– Cố biết rõ rằng Théo là cuộc đời tôi. Nếu cô đem thằng bé đi, tôi sẽ chết.

Almine khoác chiếc túi lên lưng, và trước khi bước vào nhà ga, cô ta trả lời tôi:

– Nhưng đó là điều tôi muốn, Romain: tôi muốn anh chết đi.

4.

Suốt nhiều giờ sau đó, tôi đi bộ về Montparnasse, nhiều lần dừng lại ở nhiều quán cà phê, hoặc để ăn trưa, hoặc để uống một cốc bia. Tôi rụng rời, trước một tình cảnh tồi tệ hơn nhiều so với mọi cơn ác mộng tôi đã gặp. Almine vẫn quen lối nói chuyện xen lẫn giữa phấn khích và u uất, nhưng hôm nay sức khỏe tâm thần của cô ta có vẻ đáng lo ngại. Tuy nhiên, tôi là người duy nhất nhận ra điều đó và là người cuối cùng có thể đưa ra cảnh báo bởi tôi là người sắp sửa bị xét xử.

Ngay cả sau những nhát đâm của cô ta, cho đến lúc này tôi vẫn giữ được mình không căm ghét cô ta vì tôi yêu con trai tôi, và vì nếu chúng tôi không gặp gỡ thì đã không có Théo. Nhưng lần đầu tiên, chiều ngày hôm đó, tôi ngạc nhiên thấy mình khát khao cô ta biến khỏi cuộc đời chúng tôi.

Gần đại lộ Raspail, tôi gặp lại nhóm biểu tình nhỏ đã gặp lúc sáng, rõ ràng là họ đã không đi tiếp cùng những người còn lại của đoàn tuần hành lớn. Họ vừa uống vang nóng vừa bàn chuyện xây dựng lại thế giới. Nằm dưới chân họ, một băng rôn nhiều màu tuyên bố: *Trên đỉnh nước Pháp, những hòn dái bằng vàng! Dưới chân nước Pháp, vẫn là lũ ngu độn!** Tôi nhớ lại điều Almine nói với tôi về sự thiếu kết nối của tôi đối với cuộc sống thực. Về điểm này, cô ta nói không sai. Sự chống đối tập thể theo tôi thấy thường là vô ích. Dầu sao tôi cũng không tìm thấy vị trí của mình trong đó. Nhất là, đám đông làm tôi thấy sợ. Tôi theo trường phái của Brassens: ngay khi ta có nhiều hơn bốn người,

ta chỉ còn là một đám ngu ngốc. Cách cư xử như lũ cừu làm tôi rụng rời, bầy đàn khiến tôi kinh hãi.

Câu khẩu hiệu chơi chữ. Từ “hòn dái” trong tiếng Pháp có từ lóng là couilles, cùng vần với từ “lũ ngu độn” (nouilles, cũng là từ lóng), ngoài ra couilles còn có nghĩa khác là sự thất bại, sai lầm.

Bốn giờ hai mươi phút chiều, tôi ở đại lộ Observatoire, Kadija đang đợi tôi trước cổng trường. Tôi kể vắn tắt, có chút giảm nhẹ, về cuộc trao đổi giữa tôi và Almine với chị rồi đề nghị được ở cùng với Théo tối nay.

– Thậm chí để Théo ngủ ở nhà anh cũng được, chị nói với tôi. Almine không về trước tối mai đâu.

Tôi trông thấy con trai bước ra và chạy về phía chúng tôi, ngay lập tức dopamin được giải phóng tưới tắm cho trái tim tổn thương của tôi.

Trên đường về chúng tôi tranh thủ dừng ở hai ba cửa hàng để mua đồ chuẩn bị cho bữa tối. Đúng lúc đó, giữa đồng tử tây và những quả bí ngòi cuối mùa, Kadija rùng rùng nước mắt. Chị thú nhận với tôi là đêm nào chị cũng khóc vì rất lo cho Théo.

– Tôi đã nghĩ đến một cách để ngăn Almine lên đường. Tôi nên nói với anh.

Mặc dù giọng nói quả quyết của chị khiến tôi hơi sợ, nhưng tôi chỉ có thể đồng ý với Kadija. Chị lau nhanh nước mắt khi Théo đến chỗ chúng tôi.

Về đến nhà, tôi nhóm lò sưởi, xem bài tập của con trai và cùng thằng bé xây một tháp lán bi. Trong lúc Kadija tắm cho thằng bé, tôi làm món trứng tráng với khoai tây và hành tây rồi cắt lát cam để làm món salad kiểu Maroc.

Sau bữa tối, Théo dành cho chúng tôi một màn trình diễn ảo thuật khiến chúng tôi được cười rất nhiều và đêm kết thúc với lần đọc thứ không biết bao nhiêu truyện *Ở nơi quỷ sử giặc non* (cuốn truyện đã sồn đến mức lần nào tôi cũng có cảm tưởng các trang giấy sắp vụn ra trong tay mình).

Trở ra phòng khách, tôi giúp Kadija thu dọn bàn và pha trà bạc hà, chúng tôi im lặng ngồi nhăm nháp trước lò sưởi. Chị là người phá vỡ sự im lặng:

– Anh phải HÀNH ĐỘNG đi, Romain. Giờ anh không thể chỉ hài lòng với việc khóc than cho bản thân nữa.

– Chị muốn tôi làm gì?

Bằng những cử chỉ từ tốn, chị bảo mẫu (thực sự thì từ này không hẳn là phù hợp với chị) nháp thêm một ngụm trà trước khi hỏi ngược lại tôi một câu:

– Cha anh sẽ làm gì nếu ở vào vị trí của anh lúc này?

Câu hỏi làm tôi bất ngờ. Tôi chưa bao giờ hình dung sẽ thấy Krzysztof Ozorski xuất hiện trong cuộc trò chuyện, nhưng đã đến nước này thì...

– Tôi không có cơ hội được biết điều đó, ông ta đã chuồn đi bỏ lại chúng tôi, mẹ tôi và tôi, hỏi chúng tôi sống ở Birmingham.

Nhưng mọi người nói ông ta là người dữ dội và hành động mau lẹ.

Chị chớp lấy cơ hội:

– Thật ra...

– Gì cơ?

– Tôi quen vài người ở Aulnay-sous-Bois. Những người có thể khiến người đó cực kỳ sợ hãi.

– Khiến ai cơ?

– Vợ anh.

– Nhưng đành vậy thôi, Kadija. Xã hội không thể vận hành theo cách đó.

Lần đầu tiên tôi thấy chị nổi nóng:

– Anh là đàn ông, chết tiệt! Đừng có ngủ quên! Hãy tự giải quyết mọi chuyện đi! chị vừa hét lên vừa đứng dậy khỏi ghế.

Tôi cố làm Kadija dịu đi, nhưng chị đã kết thúc cuộc trao đổi.

– Tôi đi lên phòng.

Tôi đọc thấy trong mắt chị một nỗi thất vọng vô hạn.

– Chờ đã, tôi sẽ cắm máy sưởi điện cho chị.

– Không, tôi không cần sự giúp đỡ của anh.

Khi đang bước lên những bậc thang đầu tiên, chị ngoái lại nói với tôi:

– Rốt cuộc, anh xứng đáng với những gì xảy đến với anh.

Và tôi hiểu mình vừa đánh mất sự ủng hộ cuối cùng.

5.

Tôi tắt hết đèn. Lúc này, tôi không còn ai để dựa vào. Nhà xuất bản, bạn bè, gia đình. Họ xuất hiện trong những thời khắc vinh quang, khi ở bên tôi là một chuyện thật dễ dàng. Ngay cả các độc giả cũng bỏ rơi tôi. Họ đưa tên tôi lên đầu danh sách những tác giả bán chạy nhất, nhưng họ đã bỏ đi lần lượt từng người một. Bởi chủ nghĩa tuân thủ. Bởi một đoạn video ngu ngốc đã lan truyền trên Internet trong đó họ thấy tôi tung cú đá vào chiếc tủ lạnh, và bởi một ả giả danh nhà sụp đổ học* ca đời chỉ đọc ba cuốn sách đã tự gửi cho mình những tin nhắn SMS điên khùng và quá khích.

Collapsology: ngành nghiên cứu về những nguy cơ khi xảy ra sự sụp đổ của nền văn minh công nghiệp.

Lương tri và lý trí đã rời bỏ thế giới. Cả sự can đảm cũng vậy.

Tôi từng nghĩ mọi lời giải cho những vấn đề của chúng ta đều nằm trong chính chúng ta. Nhưng tối nay, tôi chẳng còn gì trong mình. Không còn một chút gì để đánh lên tia lửa nhỏ nhoi nhất. Tôi trống rỗng. Hay đúng hơn là tràn ngập buồn, căt, giận dữ, thù hận và bất lực.

Như một cái máy, tôi lại ngồi xuống trước bàn phím. Thứ tôi vừa yêu vừa ghét. Tôi mở màn hình. Ánh sáng xanh làm tôi nhức mắt, như mọi khi, nhưng tôi chưa bao giờ cho giảm sáng. Tôi thích bị lóa mắt, gần như bị lòa, bị thôi miên trước màn hình. Tôi thích cái cảm giác ngược đời của việc nhìn vào nội tâm và mất dần ý thức. Cái khoảnh khắc buông xuôi khi mọi ranh giới đều nhòa đi, khởi đầu của ý thức dần tan biến, phân tán ấy.

Một cánh cửa mở không rõ về nơi nào. Một thế giới khác, một cuộc đời khác. Mười cuộc đời khác...

Khi tôi đau khổ, khi tôi không còn ai để trò chuyện, tôi chỉ còn các nhân vật. Nhiều người trong số họ, tôi biết, còn đau khổ hơn tôi. Đó không phải sự an ủi, mà đúng hơn là sự đồng cảm.

Tôi nghĩ về Flora. Lúc này đang là mấy giờ ở New York? Tôi đếm ngón tay để tính giờ chênh lệch. Năm giờ chiều. Và đó là thứ tôi viết lên màn hình.

New York - 5 giờ chiều.

Trong sự tĩnh lặng của màn đêm, tôi gõ lên bàn phím có đèn. Như khúc dạo đầu của một tác phẩm cho piano. Thậm chí, trước khi nhìn lên mặt chữ - “màu của các nguyên âm”, bóng của các phụ âm - tôi thường lắng nghe âm thanh tạo ra từ bàn phím. Một tiếng gầm êm dịu, gần như có giai điệu. Âm thanh của tự do.

New York - 5 giờ chiều.

Đằng sau mí mắt tôi, một tấm màn ánh sáng rung rinh. Xung quanh tôi có tiếng ì ầm nho nhỏ. Tôi mở mắt. Một quang sáng màu cam ngập tràn khắp nơi.

Tôi trôi trên bầu trời vàng cam. Chìm trong ánh nắng, cabin...

9

Mạch truyện

Cái thời anh ấy tìm thấy hạnh phúc trong một thế giới sinh ra hoàn toàn từ trí tưởng tượng của mình đã từ lâu lắm rồi.

John IRVING

1.

New York - 5 giờ chiều.

Đằng sau mí mắt tôi, một tấm màn ánh sáng rung rinh. Xung quanh tôi có tiếng ì ầm nho nhỏ. Tôi mở mắt. Một quảng sáng màu cam ngập tràn khắp nơi. Tôi trôi trên bầu trời vàng cam. Chìm trong ánh nắng, cabin của hệ thống cáp treo trôi qua đỉnh những tòa nhà ở khu Midtown và dòng nước sông Đông. Khoang cáp treo - chở theo vài vị khách du lịch và một số người New York sau ngày làm việc của họ - chuẩn bị đáp xuống đảo Roosevelt.

Đầu óc mụ mị, hai chân như sắp khụy xuống, tôi không có một ý tưởng nào dù là nhỏ nhất rằng mình sẽ làm gì ở đây. Một lần nữa, tôi lại có cảm giác nghẹt thở như lần đầu xuất hiện trong thế giới này. Có lẽ áp lực không khí trong thế giới hư cấu không giống như ở ngoài. Ngay sau đó là cảm giác đói cồn cào,

như thế tôi không có gì bỏ bụng từ lâu lắm rồi và giờ tôi đang bị hạ đường huyết.

Cabin đã tới điểm cuối. Tôi biết đảo Roosevelt. Đó là một hòn đảo nhỏ xiu, một dải đất hẹp không mấy hấp dẫn nằm giữa Manhattan và quận Queens. Tôi muốn nói chuyện với Flora Conway, nhưng không đoán ra được cô ta đang ở đâu.

Nhưng, *mày mới là chủ nhân chứ*, một giọng nói thì thầm trong đầu tôi. Phải, có lẽ vậy. Tôi biết lời văn đang được viết theo dòng ý tưởng ập đến ở phía bên kia bộ não của tôi, nửa kia của tôi dẫn đường cho tôi, đang ngồi sau màn hình cùng với tách trà và chiếc khăn choàng.

Để tìm manh mối - hay cảm hứng tôi nhìn quanh mình. Trong số những người rời khỏi cabin, tôi để ý thấy một gã trẻ tuổi - bộ râu hung đỏ, áo sơ mi kẻ ca rô, đội mũ phớt vành hẹp - cầm trên tay một máy quay chuyên nghiệp và vai đeo chiếc túi to đựng đồ nghề. Có thể hẳn là phóng viên. Tôi quyết định bám theo hắn.

Hòn đảo chỉ lớn hơn chiếc khăn mùi soa. Mất chưa đầy mười phút, chúng tôi đã tới mũi đảo phía Nam. Tại đây có bệnh viện Blackwell án ngữ, một cơ sở điều trị được mọi người đặt biệt danh là Lầu Năm Góc vì hình dáng tòa nhà có năm mặt tiền. Ngay lúc tôi bước vào bên trong thì cơn đói cồn cào dâng lên dữ dội. Một cơn choáng váng khiến tôi phải dừng chân và tôi mất dấu tay phóng viên.

Lần này tôi thực sự thấy nguy kịch, gần như phải đầu hàng. Một cơn đau dữ dội cào xé trong bụng, trong mạch máu tôi như

có lửa đốt và tay chân như bị đổ bê tông. Tôi phải ăn gì đó để trụ lại được trong thế giới hư cấu. Tôi quay lại để xem kỹ sơ đồ bệnh viện mà tôi đã phát hiện thấy ở lối vào. Trên sơ đồ cho biết sự hiện diện của một *quán ăn nhanh* thuộc hệ thống Albertos, một điều khá phi lý bởi thương hiệu này chuyên kinh doanh loại thức ăn sẽ làm tăng vọt lượng cholesterol của bạn.

Quán *fast-food* được đặt trong một toa tàu lớn mạ crôm. Tôi leo lên ngồi vào một chiếc ghế đầu bọc da màu đỏ trong loạt ghế xếp thẳng hàng ở quầy và gọi món “có thể được mang ra nhanh nhất”. Gần như ngay lập tức, trước mắt tôi là hai quả trứng nằm trên một miếng bánh mì nướng, tôi nhai chúng ngẫu nhiên như vừa tỉnh dậy sau khi nhịn đói mười ngày.

Một cốc Coca và một ly cà phê giúp tôi lại sức. Sau khi tỉnh táo trở lại, tôi nhìn quanh căn phòng của *coffee shop*. Bên cạnh tôi, một tờ *New York Post* được đặt trên quầy. Đập vào mắt tôi là dòng tiêu đề trên trang nhất. Tôi vớ lấy tờ báo và giở ra để đọc bài báo đó.

Nữ tiểu thuyết gia Flora Conway nhập viện sau ý định tự sát

Brooklyn - Tối thứ Ba ngày 12 tháng Mười, cảnh sát và các lực lượng cấp cứu đã được gọi tới nơi ở của Flora Conway vào khoảng 22 giờ. Được phát hiện đã bất tỉnh, mạch máu trên cô tay bị cắt, cô được chuyển tới bệnh viện Blackwell đảo Roosevelt trong tình trạng nguy kịch.

Lo lắng vì không nhận được tin tức từ nhà văn, biên tập viên nhà xuất bản và đồng thời là bạn cô, Fantine de Vilatte, đã liên

lạc với người gác cổng của Lancaster, một tòa chung cư ở Williamsburg, để báo động.

Theo một nguồn tin từ người tham gia đêm cấp cứu, nữ tiểu thuyết gia đã tỉnh lại và qua cơn nguy kịch. Một thông tin được cô de Vilatte xác nhận: “Sau hành động đáng tiếc này, Flora đang dần hồi phục. Như các vị đã biết, từ vài tháng nay cô ấy trải qua một giai đoạn cực kỳ khó khăn. Cá nhân tôi sẽ làm mọi việc trong khả năng của mình để bạn tôi vượt qua được những thử thách này.” Xin nhắc lại rằng ý định tự sát này xảy ra sáu tháng sau vụ mất tích của con gái cô Flora Conway, cô bé Carrie, bé...

2.

Tôi ngẩng lên khỏi tờ báo. Cuối cùng tôi cũng biết Flora đang ở đâu và tại sao cô ta lại ở đó. Trong lúc chuẩn bị rời khỏi quán ăn nhanh, tôi nghĩ mình nhận ra một dáng người quen thuộc ở trong góc nhà hàng. Bộ ria muối tiêu rậm, đầu hói, bụng phệ: Mark Rutelli đang ngồi trong một ngăn riêng, hơi uể oải trên chiếc ghế băng giả da. Tôi rời khỏi quầy để đến chỗ ông ta. Chìm trong những suy nghĩ riêng, ông ta để mặc chiếc bánh hamburger và suất khoai tây rán nguội ngất, nhưng đã uống cạn vài cốc bia.

– Ta quen nhau không? ông ta hỏi tôi, vẻ ngờ vực, khi tôi ngồi xuống trước mặt ông.

– Theo một cách nào đó.

Chính tôi đã đưa ông đến với cuộc đời, nhưng không cần gọi tôi là bố đâu.

Bản năng cảnh sát của ông ta nhìn thấu tôi ngay lập tức:

- Anh không phải người ở đây, phải không?
- Không, nhưng chúng ta đang ở cùng một phe.
- Phe nào?
- Tôi là một người bạn của Flora Conway, tôi giải thích.

Nghi ngại, ông ta nhìn tôi chòng chọc như để cố dò thấu trong đầu và trong bụng tôi có gì. Tôi nhớ tới những ghi chép và những phiếu tiểu sử tôi đã soạn kỹ trước khi bắt đầu viết câu chuyện này. Tôi hiểu rõ Rutelli: một người tốt bụng, một cảnh sát có lương tâm. Suốt cuộc đời, ông ta chiến đấu để thoát khỏi nanh vuốt của bệnh trầm cảm và chứng nghiện rượu kinh niên đã tàn phá sự nghiệp, gia đình, những mối tình của mình. Sự nhay cảm thái quá giết dần giết mòn ông. Một cái tên nữa trong danh sách dài những nạn nhân của lời nguyền lên những người tử tế, quy luật tàn nhẫn hủy hoại những người không được trang bị vũ khí để đối đầu với sự bạo tàn và vô liêm sỉ.

– Tôi mời ông một cốc bia nhé? tôi hỏi và giơ tay để gọi người phục vụ.

– Tại sao không. Ít nhất trông anh không giống bộ mặt một tên sâu bọ. Hoặc có thể anh giả vờ rất giỏi.

– Một tên sâu bọ ư?

Ông hất đầu về phía cửa sổ. Tôi nheo mắt để nhìn qua.

Khoảng chục người đàn ông và phụ nữ, nằm vạ vật trên những bậc thang. Đây chính là nhóm “phóng viên” tôi gặp ở Williamsburg, trước căn hộ của Flora. Đơn giản là họ đã chuyển địa điểm sang đảo Roosevelt.

Bia của chúng tôi tới, Rutelli uống một hơi cạn một phần ba cốc rồi đặt cho tôi một câu hỏi khó:

- Anh biết họ đang chờ cái gì không?
- Flora ra viện, tôi đoán.
- Cái chết của Flora, ông ta sửa lại. Họ chờ cô ấy ngỏm.
- Đừng phóng đại quá.

Ông ta chùi bọt bia trên ria.

– Nhìn những chiếc máy quay đó đi! Chúng chĩa về phòng của cô ấy, trên lầu bảy.

Để xác nhận lời mình nói, ông đứng dậy và vạt lộn như điên với chiếc cửa sổ có cánh lật vào trong. Rồi ông cũng làm cho nó ngửa ra được trên trục ngang, hé mở nửa phía trên. Chừng đó đủ để chúng tôi nghe được những đoạn trò chuyện của nhóm người. Thực sự cũng không phải thứ gì hay ho để nghe. “Nếu cô ta phải chết, thì nên chết luôn! Đợi đến đít mọc cả rễ lên rồi”, một gã ngu ngốc to xác cầm chìa tai vĩnh thoát ra. Khoác một chiếc áo măng tô đen như áo choàng, hấn tạo cho mình dáng vẻ bí ẩn. “Ánh sáng hoàn hảo, chết tiệt! Với mặt trời thấp thoáng phía sau, tôi có thể quay cho cô một cảnh đúng theo phong cách Scorsese*!” tay quay phim mà tôi đi theo từ điểm dừng cáp treo nói luyện thuyền. Người phụ nữ duy nhất trong nhóm cũng

không kém cạnh. “Chúng ta thì lạnh sun cả vòi”, cô ta vừa nói vừa cười phá lên, thích thú với câu đùa lố bịch của mình. Rồi cô ta cất giọng hát một bài: “Cô ta sắp chết! Cô ta sắp chết! sau đó hát đồng thanh cùng những người khác trong hội: “Cô-ta-sắp-chết! Cô-ta-sắp-chết!”

Martin Scorsese: đạo diễn, nhà sản xuất phim, biên kịch và diễn viên của điện ảnh Mỹ.

Dù đã đi quá giới hạn cuối cùng của sự khiếm nhã, nhưng họ vẫn tiếp tục đào sâu. Sự khiêu dâm của thông tin giải trí. Sự buồn nôn. Cơn nôn ọe.

– Ngay từ đầu, đó là điều họ mong đợi, Rutelli than vãn: vụ tự sát của Flora. Cái chết để khép kín vòng tròn. Với nhiều bức ảnh trực tiếp nếu có thể. Một đoạn clip ngắn ba mươi giây, một đoạn ảnh động cảnh cô ấy rơi xuống. Hoàn hảo để câu lượt like và *retweet*.

– Ông biết số phòng của Flora không?

– Phòng 712, nhưng nhân viên bệnh viện không cho tôi vào.

Ông ta uống nốt cốc bia và dụi mắt. Tôi thích ánh mắt của ông, trong đó hiện rõ sự mệt mỏi vô hạn nhưng cũng có cả vài đốm lửa sẽ lại nhen lên.

– Đi nào, tôi nói, tôi thì họ sẽ cho qua.

3.

Thang máy đưa chúng tôi lên lầu bảy. Chúng tôi vừa đi qua sảnh bệnh viện mà không gặp trở ngại gì. Không ai hỏi chúng tôi

bất kỳ câu hỏi nào, như thể chúng tôi là nhân viên bệnh viện. Rutelli cảm thấy vừa bối rối vừa khâm phục.

- Làm thế nào anh làm được? Anh là ảo thuật gia hay gì?
- Không, con trai tôi mới là ảo thuật gia. Còn tôi là một loại khác.

- Tôi không hiểu.

- Tôi nghĩ mọi người có thể nói tôi là chủ nhân.

- Chủ nhân của cái gì?

- Của tất cả. Thật ra thì, của thế giới này.

Lông mày nhú lại, ông ta nhìn tôi chăm chăm.

- Anh tưởng mình là Chúa à?

- Sự thật thì tôi là một dạng chúa nào đấy.

- Vậy đấy...

- Nhưng ông đừng nghĩ rằng chuyện đó ngày nào cũng dễ dàng.

Ông ta lắc đầu, rõ ràng đang nghĩ là tôi loạn trí hoàn toàn rồi. Tôi định nói thêm với ông ta về chuyện đó, nhưng cửa thang máy đã mở dẫn vào một hành lang dài hẹp được một y tá nam có bộ dạng kỳ quặc trông coi: một gã khổng lồ lực lưỡng có nửa khuôn mặt bị bỏng hoàn toàn.

- Chúng tôi tới thăm cô Conway, phòng 712. Cô ấy thế nào rồi?

- Công chúa không muốn ăn gì, gã Hai-Mặt trả lời gọn lỏn và chỉ cho chúng tôi thấy cái khay kim loại.

Tuy nhiên bữa ăn trông có vẻ ngon lành: dưa chuột ngâm trong một thứ nước khả nghi, món cá màu xám xám tỏa mùi khắp hành lang, nấm dai như cao su, táo héo.

Mặc dù gã y tá có thân hình đồ sộ, nhưng Rutelli cũng đi qua và gạt hẳn ta sang bên như một cỗ máy ủi, và tôi lao theo ông ta vào phòng 712.

Căn phòng được bày biện khắc khổ: một chiếc giường hẹp, một chiếc ghế Bertoria bằng kim loại trần trụi và một chiếc bàn làm việc bằng gỗ ép, phía trên là chiếc điện thoại treo tường bằng nhựa bakelite màu đỏ để gọi cấp cứu.

Flora Conway đang nằm trên đệm, ánh mắt lơ đãng, nửa thân trên dựa vào hai chiếc gối.

– Xin chào, Flora.

Cô ta nhìn chúng tôi mà không hề tỏ ra ngạc nhiên. Trong một thoáng, tôi thậm chí có cảm giác điên rồ là cô ta đang đợi chúng tôi.

Rutelli có phần hơi lúng túng. Vốn nhút nhát, ông có vẻ bối rối trong căn phòng chật hẹp này, như thể ông không rõ nên đặt thân mình vào đâu.

– Chắc cô đói lắm, cuối cùng ông ta nói. Đồ ăn trong cái nhà tù này cũng không tệ.

– Tôi đã định ninh ông sẽ mang thứ gì đó cho tôi ăn, Mark ạ! Những chiếc bánh blintz pho mát trứ danh ở Hatzlacha của ông đâu rồi ?

Như bị bắt lỗi, viên cảnh sát vội đề nghị sẽ quay xuống quán Albertos tìm món gì đó cho cô ăn.

- Họ có rất nhiều loại salad, ông lên tiếng.
- Tôi lại đang nghĩ tới một chiếc bánh burger pho mát chảy ròn ròn bên trong lớp bánh mì giòn tan ngon lành, Flora vắn lại.

- Đồng ý.
- Kèm hành tây...
- OK.
- ...dưa chuột bao tử...
- Được.
- ...và khoai tây xào.
- Tôi đã ghi đầy đủ vào sổ nhiệm vụ, ông ta cam đoan trước khi rời đi.

Còn lại một mình với Flora, tôi cũng đứng im một hồi. Rồi tôi bước tới và ra hiệu để cô chú ý, đồng thời chỉ vào cổ tay bị băng của Flora:

- Có lẽ không đến mức phải làm như thế.
- Đó là tất cả những gì tôi nghĩ ra để bắt anh phải quay lại.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh trong lúc cô nhìn tôi chòng chọc.

- Cả anh nữa, anh trông cũng không tươi tỉnh cho lắm.
- Tôi từng có những ngày tốt đẹp hơn.

– Khi bắt đầu viết câu chuyện về tôi, anh cũng gửi gắm vào đó một chương trong cuộc đời mình, phải vậy không?

– Một chương ít bi thảm hơn: tôi sắp mất toàn bộ liên lạc với con trai. Vợ tôi đã thao túng để tước quyền nuôi con của tôi và giờ cô ta muốn đưa nó đến sống trong một giáo phái sinh thái ở bang New York.

– Thằng bé mấy tuổi?

– Sáu tuổi.

Tôi lục trong điện thoại để cho cô xem một tấm ảnh chụp Théo mặc chiếc áo choàng Houdini*, đội chiếc mũ chóp cao, với sợi rìa mảnh vẽ bằng bút chì trang điểm và chiếc đĩa phép.

Ảo thuật gia người Mỹ gốc Hungary.

Cô ấy cũng làm giống tôi và cho tôi xem những bức ảnh của quãng thời gian hạnh phúc: Carrie đang chơi nhảy ô, Carrie trên vòng quay ngựa gỗ ở đảo Coney, Carrie và nụ cười tinh nghịch, cái miệng và một nửa khuôn mặt dính đầy kem sô cô la. Một sự pha trộn của nỗi nhớ nhung và nỗi buồn vô hạn điểm xuyết bằng những trận cười ngặt nghèo và những giọt nước mắt hòa vào nhau.

– Tôi đã suy nghĩ về những gì anh nói với tôi hôm nọ, một lúc sau Flora cất lời. Tôi cũng vậy, khi viết, tôi thích đẩy nhân vật của mình đến mép vực và xem họ vật lộn.

– Đó là cuộc chơi, tôi nói. Chúng ta vừa run rẩy với họ vừa hy vọng họ sẽ thoát được ngay cả khi không có một lối ra nào. Cho dù trong hoàn cảnh tuyệt vọng, chúng ta vẫn hy vọng họ sẽ tìm

được một lối thoát. Nhưng chúng ta vẫn là chủ nhân ở đó. Một nhà văn không thể cho phép mình đầu hàng trước nhân vật.

Căn phòng thừa mưa hơi ẩm. Nước chảy trong ống sưởi bằng gang tạo ra tiếng ồn khủng khiếp. Như thể hệ thống sưởi đang tiêu hóa một bữa ăn thịnh soạn quá mức.

– Nhưng ngay cả trong tiểu thuyết, anh cũng biết rõ rằng tự do của người sáng tạo không phải là tuyệt đối, Flora phản bác.

– Theo nghĩa nào ?

– Có một sự thực riêng cho từng nhân vật. Khi họ đã được đưa vào, anh không thể bỏ qua một điểm nào trong lai lịch của họ, trong bản chất thật của họ, trong đời sống bí mật của họ.

Tôi tự hỏi cô ấy muốn đưa tôi tới đâu.

– Đến một thời điểm nhất định, cô nói tiếp, những ảo ảnh phải tan biến và những chiếc mặt nạ phải rơi xuống.

Tôi hiểu hơn những lời của cô, nhưng không chắc mình muốn đi theo cô trên địa hạt này.

– Có một thứ mà tiểu thuyết gia nợ những nhân vật của mình, anh Romain ạ. Đó là phần sự thực của họ. Hãy hứa sẽ cho tôi phần sự thực của tôi!

Tôi đứng dậy để quan sát qua cửa sổ kính những tia nắng đang rọi ánh lửa cuối cùng phía sau những tòa nhà nhiều màu sắc của Astoria. Trong phòng nóng đến mức tôi tự cho phép mình mở cửa sổ. Bởi vậy tôi nghe thấy những tiếng la hét vang lên từ dưới lối vào. Cúi xuống xem, tôi thấy Mark Rutelli đang ẩu đả với nhóm phóng viên. Ông vừa tung một cú đấm vào tên mơ

làm Scorsese khi này. Trong một thoáng, sáu rồi bảy đồng nghiệp của tay phóng viên định lao vào viên cảnh sát để bảo vệ hắn. Nhưng Rutelli, bất chấp cân nặng quá khổ, đánh bật những kẻ tấn công như lũ ruồi. Trong lúc các y tá nam ào tới để chấm dứt vụ xô xát, điện thoại khẩn cấp của căn phòng chột réo lên. Tiếng chuông inh ỏi chói tai. Flora nhắc ông nghe, lắng nghe người gọi ở đầu dây bên kia rồi đưa điện thoại cho tôi.

- Là của anh.
- Thật sao?
- Vâng, là vợ anh.

4.

- Là của anh.
- Thật sao?
- Vâng, là vợ anh.

Paris - Ba giờ sáng

Trong bóng tối mờ mờ của phòng khách, điện thoại của tôi rung lên trên mặt chiếc bàn làm việc bằng gỗ hồ đào. Trên màn hình, cái tên ALMINE lóe lên thứ ánh sáng hung hăng. Trở về thực tại một cách khó nhọc. Tôi đưa tay ôm đầu. Vẫn là viễn cảnh với những nỗi buồn phiền nặng nề. Vì lý do nào đó, hẳn là Almine đã trở về từ Lausanne ngay trong đêm và phát hiện Théo không có nhà. Rồi đột nhiên, điều hiển nhiên hiện ra trước mắt tôi: cuộc đình công của ngành vận tải. Tôi quyết định không bắt cuộc gọi và, thay vào đó, tôi kết nối vào trang chủ của SNCF*.

Trang tải rất chậm, cùng với một thông báo ngắn gọn nhắc nhở rằng bạn chỉ là người dùng chứ không phải khách hàng. Cuối cùng cũng tới được trang của ga Lyon-Part-Dieu và tôi tìm thấy thông tin đang tìm kiếm. Chuyến tàu TGV tới Lausanne đã không đi được quá Lyon. Almine hẳn đã phải kiệt sức chờ đợi một chuyến tàu khác và quyết định quay về Paris. Khi tắt trình duyệt, tôi thấy cô ta để lại cho tôi một tin nhắn thoại dài.

Công ty Đường sắt Quốc gia Pháp.

Tôi bật bản ghi âm, nhưng chẳng có gì khác ngoài tiếng thở hổ hơ và một câu nói lộn xộn mà tôi không hiểu một từ nào. Có lẽ tôi đã lo lắng vô ích. Có thể Almine đã tìm được phương tiện khác để đến Thụy Sĩ và cú điện thoại này chỉ là cuộc gọi vô tình bấm nhầm khi cô ta cất điện thoại. Nhưng tôi vẫn không thể yên tâm hoàn toàn. Không yên lòng vì một linh cảm chẳng lành, tôi quyết định gọi lại cho Almine, nhưng lại nhận được tin trả lời tự động.

Làm sao bây giờ?

Tôi khoác áo bu đông và ra khỏi nhà bằng cửa sau. Mưa đã rơi trở lại. Dày và nặng hạt. Tôi có một chiếc ô tô nhỏ đậu trong một ngăn đậu xe thông ra một con phố nằm vuông góc. Một chiếc Mini Cooper tôi hầu như không sử dụng, nhưng lại khởi động rất mượt. Tôi thực hiện lại hành trình giống như buổi sáng. Vào ba giờ sáng, Paris trống trải và tôi băng ngang sông Seine mất chưa đầy mười phút. Đến bến Arsenal, tôi dễ dàng tìm được chỗ đậu trên đại lộ Bourdon, ngay lối vào khu bến du thuyền.

Trùm áo bu đông lên đầu, tôi bước xuống cầu thang dẫn xuống cảng. Dưới cơn mưa, những tảng đá trắng phát sáng như vải toan được phết sơn. Đi được một đoạn ngắn, một tấm lưới sắt chắn ngang đường tôi. Một tấm biển lớn bằng gỗ gắn trên cửa tấm lưới nhắc rằng người dân bị cấm vào bên ban đêm và sẽ có người canh gác mang chó đi tuần.

Chẳng có chó cũng chẳng có mèo nào ở phía trước. Chẳng ai ngu đến mức thò ra ngoài trong thời tiết như thế này. Tôi trèo lên tấm lưới chắn thả mình rơi sang phía bên kia. Tôi không còn nhớ chính xác nơi đậu của chiếc thuyền trên bến. Dù sao thì có thể nó đã thay đổi vị trí kể từ lần cuối tôi tới đây. Vì chỉ có ánh sáng hắt ra từ những ngọn đèn đường, tôi mất gần năm phút mới tìm thấy chiếc thuyền. Lúc ra đi, Almine đến trú trong một chiếc *tjark*, thuyền buồm kiểu Hà Lan đã tháo cột buồm mà cô ta đòi tôi mua làm quà mừng dịp kỷ niệm năm năm ngày cưới của chúng tôi. Tôi chưa bao giờ thực sự thấy thoải mái khi ở trên chiếc thuyền này, nên hiếm khi bước chân lên đó.

Tôi nhảy lên boong. Chiếc thuyền phát ra ánh sáng yếu ớt, nhưng luồng sáng cho biết trên đó có người.

– Almine?

Tôi gõ cửa buồng lái, không nhận được lời hồi đáp.

Từ buồng lái, tôi bước vào khoang chính. Một phòng khách khá đầy đủ tiện nghi với bàn thấp, trường kỷ, ti vi và một cầu thang nhỏ dẫn lên mái được bố trí làm sân thượng. Chiếc thuyền lắc lư. Qua những tấm kính cửa sổ, tôi thấy làn nước

sinh bùn của sông Seine. Tôi vẫn bị say sóng, kể cả trên một chiếc thuyền.

– Almine, cô có ở đây không?

Tôi bật đèn flash trên điện thoại và chạy tới hai căn phòng nằm ở một đầu thuyền. Và còn chưa kịp tới nơi, tôi đã trông thấy thân thể vợ mình nằm sõng soài ngang hành lang nhỏ.

Tôi ngồi xổm xuống chỗ ngang đầu cô ta. Cô ta đã bất tỉnh. Đôi môi tái xanh, móng tay tím ngắt. Làn da ẩm ướt và lạnh băng.

– Almine, Almine!

Bên cạnh cô ta là điện thoại di động, một chai Grey Goose và một ống oxycodone. Giờ, tôi tái hiện không khó khăn gì kịch bản diễn ra tối đó. Almine trở về với tâm trạng bức bối, với những cơn đau và có lẽ đã hơi say. Thậm chí, có thể cô ta còn không nhận ra sự vắng mặt của con trai. Cô ta đã trộn vodka với oxycodone và có thể cả thuốc ngủ. Cách thức kinh điển dẫn tới suy hô hấp.

Tôi lay người cô ta, vạch mí mắt ra. Đồng tử đã co lại chỉ còn bằng đầu kim. Không thể kéo cô ta ra khỏi trạng thái ngủ sâu. Tôi kiểm tra mạch. Mạch đập rất chậm. Hơi thở cô ta yếu, nhưng có tiếng khàn.

Đã nhiều lần tôi cảnh báo Almine: liều dùng các thuốc giảm đau nhóm opioid của cô ta thường xuyên vượt quá liều được kê. Cô ta uống chung chúng với rượu, các loại thuốc ngủ, thuốc

chống lo âu. Tôi còn từng trông thấy cô ta đập vụn các viên thuốc, nghiền chúng thành bột để gia tăng tác dụng.

Đây không phải lần dùng thuốc quá liều đầu tiên của Almine. Hai năm trước, cô ta cũng từng bất tỉnh và chính tôi là người cứu sống cô ta bằng thuốc xit naloxone. Kể từ đó, tôi luôn cất trữ này trong tủ thuốc ở nhà. Hy vọng Almine cũng mang theo nó khi ta đi. Tôi vào phòng tắm và lục tung mọi thứ lên. Cuối cùng tôi cũng tìm thấy thứ thuốc trừ danh đó.

Tôi bóc lớp vỏ bảo vệ của bộ kit. Naloxone không phải thuốc thần, nhưng trước mắt nó giúp giảm tác dụng của moóc phin trong lúc chờ cấp cứu.

Bỗng nhiên tôi ngừng chuyển động, và một hiện tượng kỳ lạ xảy ra. Tôi tách khỏi hành động và trở thành một khán giả từ xa.

Thời gian giãn nở và một điều hiển nhiên hiện ra rõ mồn một. Tôi có thể cứu Almine, nhưng tôi cũng có thể không làm gì cả. Chỉ việc mặc kệ cô ta chết. Và mọi rắc rối của tôi sẽ biến mất cùng cô ta. Théo sẽ vẫn theo học ở Paris và tôi sẽ giành lại được quyền nuôi con. Cái chết vì dùng thuốc quá liều của Almine sẽ làm mất giá trị mọi lời cáo buộc cô ta trút lên tôi và giải thoát tôi khỏi những rắc rối tư pháp và tài chính. Cuộc đời vừa dâng trên khay cho tôi một cú lật ngược tình thế không ngờ.

Tim tôi đập rộn. Cuối cùng tôi cũng nắm quyền kiểm soát, như trong những cuốn tiểu thuyết của tôi. *Rốt cuộc, anh xứng đáng với những gì xảy đến với anh*: tôi lại thấy gương mặt nghiêm nghị của Kadija đang coi tôi như một tên hèn nhát. Lần này, tôi không được nao núng. Almine đã tự đẩy mình trong vào tình

này. Tôi là chủ nhân số phận của mình, kẻ duy nhất có quyền quyết định đẩy cuộc đời mình theo hướng này hay hướng kia. Tôi sẽ nuôi nấng con trai, pha sô cô la cho thằng bé vào mỗi sáng, đọc truyện cho nó mỗi tối, cùng nó đi nghỉ. Không còn sợ mất nó. Cuối cùng cũng được như ý.

5.

Tôi bước ra boong. Mưa càng nặng hạt hơn. Vẫn không có bóng người nào. Chẳng nhìn thấy gì cách xa quá mười mét.

Không ai trông thấy tôi vào đây. Có thể có camera theo dõi ở khu vực này của bến, nhưng cũng không thể chắc chắn điều đó. Và ai sẽ đi kiểm tra chứ? Việc dùng thuốc quá liều là quá rõ ràng. Không phải tôi là người giết Almine. Mà là cô ta. Cách hành xử của cô ta, sự điên rồ của cô ta, ý muốn gây tổn hại của cô ta.

Tôi chạy dưới màn mưa. Tôi sẽ thực sự làm thế. Tôi biết mình sẽ không quay lại. Từ xa, tôi mở khóa cửa xe ô tô rồi chui vào buồng lái. Tôi khởi động động cơ ngay lập tức, muốn tách mình xa khỏi chiếc thuyền đó càng nhanh càng tốt. Tôi cài số lùi và bật ra một tiếng thét.

– Chết tiệt! Cô làm tôi sợ hết hồn!

Flora Conway đang ngồi ở ghế cạnh ghế lái. Với mái tóc xơ xác cắt ngang tai, đôi mắt xanh lá nhìn xuyên thấu con người bạn, váy len thêu chui đầu và áo khoác bò.

– Làm sao cô vào được trong chiếc xe này?

– Chẳng có ai khác ngoài anh ở trong chiếc xe này, Romain ạ. Mọi chuyện chỉ xảy ra trong đầu anh, anh biết rõ điều đó mà. Các nhân vật đến ám nhà văn đã ban cuộc sống cho họ: anh nói về chuyện đó suốt trong các cuộc phỏng vấn.

Tôi nhắm mắt lại vài giây và hít một hơi dài, hy vọng khi mở mắt ra Flora Conway đã biến mất. Nhưng mọi chuyện không như vậy.

– Cô biến đi, Flora.
– Tôi đến để ngăn anh gây ra một vụ giết người.
– Tôi chẳng giết ai cả.
– Anh đang làm điều đó đây. Anh đang giết vợ mình.
– Không, ta không thể nhìn nhận mọi chuyện như vậy. Chính cô ta muốn giết tôi.

– Nhưng ở thời điểm ngay lúc này, cô ấy mới là người đang ngập trong bãi nôn của chính mình.

Một bức màn mưa phủ lên kính chắn gió. Liên tiếp nhau, hai tia chớp xé toạc bầu trời, ngay sau đó là tiếng sấm nổ ầm ầm.

– Cô vui lòng đừng làm phức tạp mọi chuyện với tôi. Hãy quay về nơi cô xuất phát. Mỗi người có những vấn đề của riêng mình.

– Những vấn đề của anh cũng là của tôi, của tôi cũng là của anh, anh biết rõ điều đó mà.

– Thật ra thì, cái chết của Almine sẽ giải quyết mọi vấn đề của tôi.

- Anh không phải người như vậy, Romain.
 - Mọi con người đều là kẻ sát nhân tiềm tàng. Thậm chí chính cô đã viết về điều đó: một đứa trẻ có thể giết người, một cụ bà có thể giết người.
 - Nếu để Almine chết, anh sẽ ngã về bên kia. Ở đó anh sẽ không thể trở lại như trước.
 - Đó chỉ là mấy câu cửa miệng rỗng tuếch.
 - Không! Anh sẽ không bao giờ còn là Romain Ozorski như trước nữa. Cuộc sống sẽ không yên ổn trở lại như cũ nữa.
 - Tôi không có lựa chọn nào khác để giành được quyền nuôi con. Kể cả nếu tôi cứu Almine, người đàn bà điên khùng đó cũng sẽ không bao giờ biết ơn tôi. Trái lại là khác. Cô ta sẽ vội vàng cuốn xéo sang Mỹ.
 - Trong trường hợp ngược lại, anh sẽ là tên sát nhân và điều đó sẽ không ngừng ám ảnh anh bất kể ngày đêm.
- Cơn dông càng mạnh thêm. Tôi cố cảm tưởng cơn mưa đang rơi lộp độp lên cửa sổ trời sẽ làm vỡ tung mặt kính. Trong xe, không khí trở nên ngột ngạt, đến mức tôi quyết định lật ngược thể cờ.
- Tôi đặt số phận mình vào tay cô, Flora. Nếu tôi bỏ mặc Almine, cô sẽ có lại Carrie. Nếu tôi cứu vợ tôi, cô sẽ không gặp lại con gái. Cô là người quyết định.
- Cô ta không tính đến điều này. Biểu cảm của cô ta thay đổi và ngay lập tức trở lại vẻ cứng rắn mà tôi vẫn quen.
- Anh đúng là tên khốn.

– Cô hãy nhận những trách nhiệm thuộc về mình.

Tức giận, cô ta đâm một cú vào cửa kính xe.

Tôi cố gắng duy trì sức ép của mình:

– Nào, cô quyết định đi! Cô, chính cô, sẽ ngã về bên kia chứ?

Cô ta sụp mắt xuống, kiệt sức, kiệt quệ.

– Tôi, tôi chỉ đơn giản muốn sự thật.

Cô ta nhìn tôi lần cuối trước khi mở cửa rồi rời khỏi xe. Cả hai chúng tôi đều đang ở trong cùng một con ngõ cụt. Trong mắt cô ta, tôi đọc thấy nỗi đau của chính mình. Trong sự kiệt quệ của cô ta, tôi thấy nỗi tuyệt vọng của chính tôi. Và tôi hiểu đây có lẽ là lần cuối cùng tôi gặp Flora Conway.

Chịu thua, tôi quay lại chiếc cầu thang bằng đá trắng dẫn xuống chỗ các sà lan, và khi đã ở trong bến thuyền, tôi lôi điện thoại ra để gọi cấp cứu.

10

Vương quốc của nỗi đau

Cuộc sống, cái gánh nặng bị áp đặt, quả nặng nề đối với chúng ta, nó mang đến cho chúng ta quá nhiều đau khổ, thất vọng, những vấn đề không có lời giải. Để chịu đựng nó, chúng ta không biết cách ngăn mình dùng những thứ giúp an thần.

Sigmund FREUD

1.

Cape Cod, Massachusetts

Chiếc xe cứu thương lao vào con đường đất chạy ngoằn ngoèo giữa những đụn cát làm bốc lên theo sau những đám mây bụi. Mặt trời đang lặn ở đường chân trời khiến bóng những cây thông và cây bụi dài ra và nhuộm lên cây cối một tấm màn lọc màu da cam.

Hai tay nắm chặt vô lăng, ánh mắt kiên quyết, Flora chịu đựng những cơn rung lắc mà không hề giảm tốc độ.

Mũi Bắc của Vịnh Winchester kéo dài tới tận ngọn hải đăng có hình bát giác cao chừng mười mét xây dựng trên một ngọn đồi nhỏ. 24 Winds Lighthouse: hải đăng 24 Ngọn Gió. Nối liền với ngọn tháp, một ngôi nhà xinh đẹp màu trắng, bao bọc bằng

những tấm ván, đội cái mái nhọn bằng đá đen, đang ngấm nhìn đại dương. Ngôi nhà nghỉ dưỡng của Fantine.

Flora ngược lên lối đi rải sỏi dẫn tới ngôi nhà và đậu chiếc xe mà cô vừa đánh cắp cách đây vài giờ cạnh chiếc *roadster* của nữ biên tập viên. Bao quanh bởi sóng và những vách đá, nơi này gợi lên những cảm xúc trái ngược. Khi mặt trời tỏa sáng, ta ở trong khung cảnh điền viên đẹp như trên bưu thiếp hay trong những bức tranh về biển có phần thôn dã mà những chủ sở hữu ở Marthas Vineyard hay Cape Cod thích treo trong nhà mình. Rồi khi mây và gió bao phủ, cảnh tượng trở nên bứt rứt và kịch tính hơn nhiều. Đó chính là cảnh tượng vào giờ này, khi mặt trời vừa khuất bóng. Chìm trong vùng bóng tối, các vách đá granit khiến toàn bộ khung cảnh đông đặc và bóp méo cảnh sắc như trong những bức tranh gây cảm giác lo âu của Hopper.

Flora từng đến đây hai lần, trước khi Fantine thực hiện việc sửa chữa để trùng tu ngôi nhà. Cô cương quyết bước lên những bậc thang dẫn tới lối vào căn nhà nằm trú dưới một cổng vòm nhỏ. Cô gõ cửa và chỉ phải đợi vài giây thì Fantine đã đến mở cho cô.

- Flora? Tớ... cậu đến mà không báo trước cho tớ.
- Tớ làm phiền cậu à?
- Ngược lại. Tớ rất mừng được gặp cậu.

Quần jean bó, áo sơ mi xanh da trời đơm cúc xà cừ, giày bệt bằng da bóng: Fantine luôn giữ mình thanh lịch trong mọi hoàn cảnh. Kể cả khi ở nhà một mình, trong ngày đầu tiên của kỳ nghỉ cuối tuần, trong căn nhà tách biệt khỏi thế giới.

– Cậu đi từ đâu đến? cô ta vừa hỏi vừa liếc nhìn chiếc xe cứu thương với ánh mắt nghi hoặc.

– Từ nhà. Cậu mời tớ một ly chứ?

Nữ biên tập viên thoáng một giây do dự, nhưng không qua được mắt Flora, rồi nói tiếp.

– Tất nhiên rồi, cậu vào đi!

Căn nhà được sửa sang rất kỹ càng: với nhiều thanh rầm lộ đâm từ đầu này sang đầu kia và được lắp một vách kính toàn cảnh, phòng khách có tầm nhìn vô tận ra đại dương. Tất cả đều có tính thẩm mỹ cao, như hình ảnh của nữ chủ nhân: sàn nhà lát gỗ sồi tấm lớn phủ dầu, bàn ghế màu sắc dịu nhẹ bằng gỗ trám chì trắng, ghế dài hiệu Florence Knoll bọc vải màu hồng phấn. Flora hình dung Fantine ngồi trên chiếc trường kỷ này, choàng một chiếc khăn len cashmere, vừa đọc những bản thảo tự phụ vừa nhấp từng ngụm nhỏ thứ trà hữu cơ mùi hoa quả mua từ một nghệ nhân mới ở làng Hyannis Port.

– Cậu muốn uống gì? Tớ vừa pha trà đá.

– Rất tuyệt rồi.

Trong lúc Fantine biến vào trong bếp, Flora lại gần cửa sổ. Ở tí xa, phía chân trời, một chiếc thuyền buồm đơn độc được sóng lừng đẩy đi chùng như sắp sửa biến mất.

Những đám mây quần thảo trên trời. Cô lại có cảm tưởng thực tại đang chao đảo và một lần nữa có cảm giác bị giam cầm bất chấp không gian rộng mở trên đại dương. Những vách đá

dừng đứng, tiếng ì ầm của sóng dội lại, tiếng kêu của lũ mòong biển làm cô điếc tai.

Cô lùi lại để tìm chỗ trú cạnh lò sưởi. Cũng giống như phần còn lại của căn phòng, không gian “gần ngọn lửa” rất ấm cúng và ngăn nắp: một giỏ đựng củi, một ống thổi lửa gần như mới, một khay nhiều tầng bằng kim loại nhẵn bóng đựng hộp chứa que cời lửa và kẹp gấp. Trên khung lò, một quả táo có miệng bằng đồng đỏ của Claude Lalanne và một tấm đồng mà Flora từng thấy được bắt vít trước đây trên bức tường rào thấp bao quanh ngôi nhà. Một la bàn hoa hồng khắc trên tấm kim loại liệt kê những loại gió khác nhau được biết đến vào thời Cổ đại. Dưới la bàn hoa hồng, một dòng chữ La tinh cảnh báo: *Sau khi cả hai mươi tư ngọn gió cùng thổi, sẽ không còn lại gì. Thật là ản ý...*

– Trà của cậu đây.

Flora quay phắt lại. Đứng cách cô một mét, Fantine đang đưa cho cô một cốc trà lớn với rất nhiều đá. Cô ta có vẻ không yên tâm.

- Cậu chắc là mọi chuyện ổn chứ, Flora?
- Rất ổn. Còn cậu, trái lại, trông cậu có vẻ lo lắng.
- Cậu đang làm gì với cái que cời lửa trên tay vậy?
- Cậu sợ tớ à, Fantine?
- Không, nhưng...
- Vậy thì, cậu nhầm rồi.

Nữ biên tập viên lùi lại một bước và cố đưa tay ra trước mặt để đỡ cú đòn, nhưng không đủ nhanh. Quỷ sứ vừa kéo một tấm

màn đen trước mặt cô. Cô có cảm giác rất lạ là nghe thấy tiếng cơ thể mình đổ nhào xuống sàn gỗ, và bất tỉnh.

2.

Khi Fantine mở mắt ra, đêm đã xuống. Có lẽ đêm xuống từ lâu rồi, vì trời tối mịt. Một cảm giác bỏng rát chạy phía sau cổ cô, đi từ xương đòn ngược lên đến tận gáy. Cô không thể nhìn thấy nó, nhưng cô hình dung có một vết sưng, một vết phồng lớn làm biến dạng da cô. Mí mắt cô nặng trĩu như thể vừa trải qua một cuộc gây mê và phải mất một lúc lâu cô mới hiểu ra nơi mình đang ở: trên đỉnh tháp của ngọn hải đăng. Trong không gian chật hẹp trước kia là nơi đặt ngọn đèn. Cổ tay và cẳng tay bị trói chặt vào chiếc ghế Adirondack thường được đặt ở hiên nhà. Buộc trong một tấm lưới đánh cá, hai chân cô không thể nhúc nhích.

Người tê cứng và toát mồ hôi lạnh, Fantine cố quay đầu, nhưng cơn đau quá dữ dội khiến cô không thể thực hiện được cử động đó. Gió làm rung những tấm kính trên mái vòm. Vàng trắng bán nguyệt bỗng hiện ra giữa những đám mây, tí cao trên bầu trời, và phản chiếu dưới đại dương.

– Flora! cô hét lên.

Nhưng cô không nhận được câu trả lời nào.

Fantine sợ hãi. Khoang tháp bé tí ngập trong thứ nước có phần bẩn thỉu. Ở đây có mùi muối, mùi mồ hôi và mùi cá, dù có lẽ chúng không thể lên đến tận đây. Nơi này thuộc quyền sở hữu

của cô nhưng cô đã không sửa sang, ở đây cô không thấy thoải mái và không bao giờ đặt chân lên mặc dù nó có tầm nhìn tuyệt đẹp.

Đột nhiên, sàn gỗ kêu răng rắc và Flora xuất hiện trước mắt cô, khuôn mặt lạnh lùng, đôi mắt bùng cháy một ngọn lửa điên cuồng.

- Cậu đang chơi trò gì thế, Flora? Thả tớ ra!
- Câm mồm lại. Tôi không muốn nghe cô nói.
- Nhưng cậu đang làm gì vậy? Tớ là bạn cậu, Flora, tớ vẫn luôn là bạn cậu mà.
- Không, cô chỉ là mẹ đàn bà không con và là kẻ không thể hiểu được tôi.
- Toàn bộ chuyện này thật vô nghĩa.
- Câm mồm đi, tôi nói rồi! cô hét lên và giáng cho nữ biên tập viên của mình một cái tát.

Lần này Fantine im miệng, những giọt nước mắt chảy trên má cô. Flora dựa người vào lan can bằng gỗ và lục tìm trong túi dụng cụ cấp cứu cô lấy từ chiếc xe cứu thương. Sau khi tìm thấy thứ đang tìm, cô lại gần nữ biên tập viên.

- Tôi đã suy nghĩ rất nhiều suốt sáu tháng nay, cô biết đấy...

Một tia sáng trắng làm hiện rõ thứ Flora đang cầm trong tay: một con dao mổ cán dẹt dài chừng hai mươi xăng ti mét.

- Tôi đã ngẫm nghĩ rất nhiều và đây là điều tôi nghĩ: tôi cho rằng dưới cái vẻ dễ thương chĩnh chu của mình, cô là một con điên. Một con điên bị quỷ ám.

Fantine thấy mạch máu trong người đập dồn dập và nỗi kinh hoàng quặn lên trong bụng. Cô có cố hét lên thì cũng chẳng ai nghe thấy. Ở đây, tất cả gần như đang ở trong một lỗ hổng nằm ngoài thời gian, như thể không còn ranh giới giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Gió tạo nên tiếng ồn ghê gớm, người hàng xóm gần nhất ở cách đây hơn một cây số và ông ta đã tám mươi lăm tuổi.

Căng thẳng, ám ảnh, Flora đưa suy nghĩ của mình đi xa hơn:

– Từ khi Carrie chào đời, cô đã nhồi nhét vào đầu tôi rằng tôi đã trở nên mềm yếu, rằng tôi đã đánh mất sự sắc bén, sự bùng nổ, khả năng sáng tạo. Và đây chính xác là điều tôi nghĩ: cô đã bắt cóc con gái tôi để chìm tôi vào nỗi buồn đau vô hạn.

– Không phải vậy!

– Có đấy, đó luôn là đức tin của cô, phương pháp Lobo Antunes: “Con người chịu đau khổ còn nhà văn tự hỏi làm thế nào để sử dụng nỗi đau khổ đó trong tác phẩm của mình.” Những cuốn sách cô thích là những cuốn được viết bằng ngòi bút nhúng trong máu và nước mắt. Cô muốn tôi được nuôi dưỡng bằng đau khổ để viết một cuốn tiểu thuyết. Một cuốn tiểu thuyết thuần túy về nỗi đau. Một cuốn sách chưa từng bao giờ được viết. Bởi thực tế, ngay từ đầu, cô đã chỉ cố gắng làm điều này: rút từ tôi ra những cảm xúc để tôi biến chúng thành những cuốn sách.

– Cậu không thể tin những gì mình đang nói, đó là những lời điên rồ, Flora. Tất cả những chuyện này khiến cậu phát điên rồi.

– Đương nhiên, mọi nhà sáng tạo đích thực đều điên. Não của họ luôn hoạt động quá mức, luôn chực nổ tung. Vậy nên, nghe cho rõ đây, tôi sẽ đặt cho cô duy nhất một câu hỏi, và với nó, tôi muốn duy nhất một câu trả lời.

Cô đưa con dao mổ lên cách mắt Fantine vài xăng ti mét.

– Nêu câu trả lời không vừa ý tôi, thì cô gặp rắc rối đây.

– Không, bình tĩnh đi. Tôi xin cậu.

– Cảm ơn. Câu hỏi của tôi đây: cô giam con gái tôi ở đâu?

– Tôi không làm gì Carrie cả, Flora, tôi thề với cậu đây.

Bằng một sức mạnh đáng kinh ngạc, Flora tóm lấy cổ Fantine và bắt đầu bóp nghẹt cô chỉ bằng một tay trong tiếng gầm điên dại.

– Cô giam con gái tôi ở đâu?

Flora nới lỏng tay sau vài giây, nhưng trong lúc Fantine lấy lại hơi, nữ nhà văn đã đâm mạnh con dao mổ trong tiếng thét phần nộ. Con dao đâm xuyên bàn tay nữ biên tập viên và cắm vào tay vịn bằng gỗ của chiếc ghế.

Một khoảng lặng. Rồi một tiếng thét khủng khiếp. Fantine kinh hãi nhìn bàn tay mình bị đóng vào chiếc ghế, khuôn mặt méo mó vì đau.

– Tại sao cô ép tôi làm chuyện này? Flora hỏi.

Cô lau mồ hôi trên trán rồi theo đà, lại sục sạo lần nữa chiếc túi đựng dụng cụ cấp cứu và lôi ra một con dao mổ khác, ngắn và mảnh hơn.

– Tiếp theo, nó sẽ chọc thủng màng nhĩ của cô rồi đâm nát bộ óc cô, Flora cảnh báo và vung vẩy con dao trước đôi mắt hãi hùng của nữ biên tập viên.

– Bình tĩnh... cậu bình tĩnh đi, Fantine thở hỗn hển, sắp ngất đến nơi.

– Cô giam con gái tôi ở đâu? Flora nhắc lại.

– Được rồi, tớ sẽ... Tớ sẽ nói cho cậu sự thật.

– Đừng nói với tôi là cô sẽ nói sự thật. Hãy nói ngay đi! Carrie ở đâu?

– Trong quan... quan tài.

– Cái gì?

– Trong quan tài, cô rên rỉ. Ở nghĩa trang Green-Wood, Brooklyn.

– Không, cô nói dối.

– Carrie chết rồi, Flora ạ.

– Không!

– Con bé đã chết được sáu tháng rồi. Sáu tháng qua cậu bị giữ trong bệnh viện Blackwell vì cậu không chịu thừa nhận điều đó!

3.

Nghe câu nói ấy, Flora bước lùi lại rồi lảo đảo, như thể cô vừa bị người ta bắn một phát vào bụng. Cô lấy tay bịt tai, không thể nghe tiếp cái sự thật mà cô vẫn khao khát được biết đó.

Bỏ mặc Fantine, cô chạy ra cầu thang xuống tận tầng trệt và lao vào bóng tối. Ra khỏi hải đăng, cô bước vài bước về phía vách đá. Màn đêm lúc này thật đẹp, ánh sáng trong vắt và rực rỡ. Gió thổi mạnh, những con sóng đập vào vách đá vỡ tan. Những hình ảnh không thể chịu đựng nổi, đã bị kìm nén quá lâu, đang hiện ra theo từng lần chớp mắt.

Tất cả những con đê chắn trong tâm trí cô đang vỡ, nuốt chửng nơi nương náu cuối cùng của cô, nhấn chìm khoảnh khắc nhỏ nhoi mà cô đã từng giữ nó thoát được khỏi những vùng ngập. Cơn sóng thần cuốn phăng mọi thứ trên đường đi của nó, thổi tung trong nháy mắt những thành trì tinh thần được dựng lên từ sáu tháng nay và giật đứt chiếc cầu chì bảo vệ não cô khỏi sự thật tồi tệ nhất: trách nhiệm của chính cô trong cái chết của con mình.

Đã bước tới mép đá lởm chởm và dốc đứng, Flora hiểu rằng cô sẽ lao xuống khoảng không kia để chấm dứt những kinh hoàng đang nối tiếp nhau tràn ra trong đầu mình. Không một dạng sống nào còn có thể sống tiếp khi bạn đã giết đứa con gái ba tuổi của mình.

Vài giây trước khi Flora buông mình, một quầng sáng màu hổ phách hiện ra sau lưng cô. Tên người thổ mặc bộ đồ nhân viên khách sạn hiện ra từ vòng tròn ánh sáng. Ánh trắng làm các dải trang trí và những chiếc cúc mạ vàng trên áo vest màu đỏ son của hắn lấp lánh. Cái đầu hắn dị dạng, trông còn đáng sợ hơn lần gặp trước. Flora nghĩ hắn hẳn sẽ khiến Carrie bé bỏng của cô sợ chết khiếp với những chiếc răng to tướng và đôi tai đầy lông

buông thông. Nhưng hẳn Carrie còn sợ hãi hơn khi con bé thấy mình rơi xuống sáu tầng nhà.

Tên thỏ không tìm cách che giấu nụ cười đắc thắng.

– Tôi đã nói với cô rồi: dù có làm gì, cô cũng sẽ không bao giờ thay đổi được kết cục câu chuyện.

Lần này thậm chí Flora không cố trả lời hẳn. Cô gục đầu. Cô ước tất cả những chuyện này chấm dứt. Thật nhanh. Hài lòng với chiến thắng của mình, tên thỏ đẩy nghiêng thêm:

– Thực tại sẽ khiến cô lộn mửa, luôn luôn là vậy.

Rồi hẳn giơ cái chân lông lá to bự về phía Flora và hất đầu ám chỉ miệng vực đang mở ra dưới chân mình.

– Cô có muốn nhảy cùng tôi không?

Cảm thấy gần như được an ủi, Flora đồng ý và nắm lấy tay hẳn.

Sự thật phơi bày.

Carrie của mẹ.

Chiều ngày 12 tháng Tư năm 2010 là một buổi chiều rất đẹp, trời trong và nhiều nắng, như New York vẫn thường như vậy vào mùa xuân. Đúng theo thói quen của hai mẹ con mình, mẹ đi bộ đến trường để đón con.

Về đến nhà mình, ở tòa Lancaster, số 396 phố Berry, con cởi đôi giày thể thao để xỏ đôi dép đi trong nhà yêu thích, đôi dép màu hồng có những tím bông mà mẹ đỡ đầu Fantine đã tặng cho con. Con đi theo mẹ đến chỗ máy hát rồi con vừa bảo mẹ mở

nhạc vừa vỗ tay. Con giúp mẹ lấy quần áo trong máy giặt và đem phơi một lát rồi đòi mẹ chơi trốn tìm.

– Mẹ không được ăn gian đâu nhé! con hét lên khi đi cùng mẹ vào phòng mẹ.

Mẹ đã thơm lên chiếc mũi bé nhỏ của con. Rồi hai tay bịt mắt, mẹ bắt đầu đếm to, không quá chậm cũng không quá nhanh.

– Một, hai, ba, bốn, năm...

Mẹ nhớ thứ ánh sáng như phi thực của buổi chiều hôm đó. Một quang sáng màu cam nhuộm khắp căn hộ mà mẹ cực kỳ yêu thích nay, và tại đây mẹ con mình đã thật hạnh phúc.

– ... sáu, bảy, tám, chín, mười...

Mẹ nhớ rat ro tiếng bước chân êm êm của con trên sàn gỗ. Mẹ nghe thấy con đi qua phòng khách, đẩy chiếc ghế bành Eames nằm chễm chệ trước vách kính lớn. Thời tiết rất dễ chịu. Mẹ như mê đi trong hơi ấm của căn hộ và điệu nhạc, tâm trí mẹ bay lượn khắp nơi.

– ... mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm...

Mẹ chưa bao giờ vui như trong cái năm cuối cùng ấy. Mẹ thích được sống với con, được chơi với con, mẹ yêu sự thân thiết của mẹ con mình. Trong thời đại tận thế này, các phương tiện truyền thông phát tràn lan những phóng sự và lời kể của những cặp đôi giải thích rằng trước tình trạng cấp bách về sinh thái và quá tải dân số, họ lựa chọn “một cách có lý trí” là không sinh con. Đó là một lựa chọn mà mẹ tôn trọng, nhưng đó không phải lựa chọn của mẹ.

– ... mười sáu, mười bảy, mười tám, mười chín, hai mươi.

Mẹ mở mắt và đi ra khỏi phòng.

– Chú ý, chú ý! Mẹ đang đến đây!

Mẹ không yêu thích việc gì khác trên đời này bằng chia sẻ những khoảnh khắc với con, và chỉ cần trải qua những khoảnh khắc đó cũng đủ để tha thứ và biện bạch cho tất cả.

Khiến cho những thứ còn lại có ý nghĩa.

– Carrie không ở dưới đồng gối dựa... Carrie không ở sau trường kỷ...

Một làn hơi lạnh buốt bỗng tràn vào khắp phòng, như một luồng gió. Tôi dõi mắt theo một tia nắng hắt lên từ sàn gỗ màu vàng. Trên mặt sàn, một ô cửa lớn của bức vách kính bị lật mở, đổ lại một khoảng trống hoác dẫn vào hư không.

Bụng tôi quặn thắt, một khối kinh hoàng dâng lên cổ và tôi bất tỉnh.

Con gái của nữ tiểu thuyết gia Flora Conway thiệt mạng sau cú rơi từ sáu tầng nhà

AP, 13 tháng Tư năm 2010

Carrie Conway, ba tuổi, con gái nữ nhà văn xứ Wales Flora Conway, đã tử vong chiều hôm qua sau khi rơi xuống tử tầng sáu tòa nhà Lancaster. Không lâu sau khi đi học về, cô bé bị rơi xuống vỉa hè phố Berry, trước lối vào tòa nhà ở Brooklyn này, nơi em sống cùng mẹ từ tháng Một năm nay. Bị thương rất nặng, cô bé đã qua đời trên đường đi cấp cứu do đa chấn thương.

Theo nhận định sơ bộ, có thể cú ngã xảy ra do một cửa sổ của căn hộ bị vô ý để mở sau khi một công ty vệ sinh nhà cửa đến dọn dẹp.

“Cho tới thời điểm này của cuộc điều tra, có vẻ cái chết này là một tai nạn bi thảm”, thám tử Mark Rutelli, viên cảnh sát đầu tiên có mặt tại nơi xảy ra thảm kịch, tuyên bố.

Nhà văn Flora Conway bị sốc nặng và đã được đưa tới bệnh viện Blackwell trên đảo Roosevelt. Cha của bé gái, vũ công Romeo Filippo Bergomi, không có mặt tại Mỹ trong thời điểm xảy ra vụ tai nạn.

Sự cầu thả gây nên tội lỗi của Flora Conway

New York Post, 15 tháng Tư năm 2010

Hôm nay các tình tiết về cái chết của cô bé Carrie Conway sẽ được nêu rõ hơn. [...]

Ngay trong buổi tối xảy ra thảm kịch, trung úy Frances Richard, người giám sát cuộc điều tra của cảnh sát, cho biết các đồng cấp của cô tại sở Y tế phụ trách các vấn đề hành chính trong cuộc điều tra. Một quy trình thẩm định đã được tiến hành để kiểm tra xem tòa nhà này có tuân thủ các điều luật của thành phố về quy hoạch đô thị không. Lancaster, tòa nhà tuyệt đẹp bằng gang nằm ở phố Berry, trước kia được dùng làm kho hàng của một nhà máy sản xuất đồ chơi. Trước khi được cải dụng thành tòa nhà sang trọng, nó bị bỏ không suốt gần ba thập kỷ.

Văn phòng của công ty bất động sản bán những căn hộ tại tòa nhà đã bị khám xét hôm thứ Ba vừa rồi. Các tài liệu tìm được

cho thấy hợp đồng mua bán nhà đã được ký và chìa khóa nhà được trao cho cô Conway trước khi toàn bộ hạng mục sửa chữa được hoàn tất, đặc biệt là trước khi các loại cửa được đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, giao dịch này diễn ra đúng luật, cô Conway đã ký giấy miễn trừ trách nhiệm. Trong giấy này, cô Conway cam kết sẽ tự lắp đặt và chi trả chi phí toàn bộ cửa kính đặc biệt là sẽ bổ sung các Ian can bên trong nhà. “Theo kết quả kiểm tra của sở chúng tôi, cô Conway không thực hiện đúng như cam kết” bà Renatta Clay giám đốc sở Tư pháp thành phố New York tuyên bố trong một phát biểu ngắn trước báo giới. Như vậy chính sự cầu thả này chứ không phải do bất cứ hành động nào của công ty bất động sản hay công ty vệ sinh đã trực tiếp gây ra cái chết bi thảm của cô bé. “Nhận định này, bà Clay nói thêm, không đặt lại nghi vấn về tính chất tai nạn trong cái chết của Carrie Conway”, nêu rõ rằng không cá nhân nào bị cáo buộc phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ việc này.

Lễ an táng cô bé dự kiến diễn ra vào thứ Sáu ngày 16 tháng Tư tại nghĩa trang Green-Wood ở Brooklyn, chỉ dành cho những người thân thiết nhất tham dự.

11

Kinh nhật tụng

Chỉ duy kẻ bước chân xuống Địa Ngục mới cứu được người mình yêu thương.

Soren KIERKEGAARD

Ba tháng sau

Ngày 14 tháng Một năm 2011

Không có điều kỳ diệu nào, thậm chí ngược lại. Ngay sau khi thoát khỏi nghịch cảnh, Almine vội vã đẩy sớm chuyến đi tới New York. Ngày khởi hành, ban đầu dự kiến vào dịp lễ Giáng sinh, giờ sẽ là ngay ngày đầu tiên của kỳ nghỉ Lễ Các Thánh. Và kể từ đó, tôi chỉ có những tin tức không đầy đủ về con trai. Ngôi làng sinh thái ở Pennsylvania nơi Almine đến theo Zoé Domont tự hào là vùng không Wi-Fi, sóng điện thoại ở đây cũng rất chậm chạp, điều này thật tiện lợi để khỏi phải trả lời những cuộc gọi của tôi.

Hôm nay - ngày sinh nhật của thằng bé - Théo được đưa vào bệnh viện ở Manhattan một lúc để thực hiện một phẫu thuật nhỏ, đặt ống thông khí màng nhĩ vào tai phải bị viêm. Tôi nói chuyện được với Théo vài phút bằng video call để trấn an trước khi thằng bé vào phòng phẫu thuật.

Khi thằng bé ngắt máy, tôi ngồi bất động suốt nhiều phút, mắt nhìn lơ đãng, chông chênh, tôi nghĩ tới những đường nét thanh thoát trên khuôn mặt con trai tôi, tới ánh mắt rạng rỡ thể hiện lòng khao khát sống và khám phá. Cái nét vừa thơ ngây vừa ham hiểu biết mà Almine còn chưa tàn phá được.

Tuyết rơi suốt từ sáng. Người mù mẫn vì buồn đau và bệnh viêm phế quản dai dẳng, tôi quyết định ngủ tiếp. Từ khi bị tước mất Théo, tôi trở nên buông xuôi. Hệ miễn dịch của tôi biến thành cái vệt lợt. Cúm, viêm xoang, viêm thanh quản, viêm dạ dày-ruột: không cái nào chịu tha cho tôi. Bị đánh gục, tôi đi qua đường hầm những lễ lạt cuối năm co quắp một mình. Tôi không còn gia đình và chưa bao giờ có những người bạn thật sự. Người đại diện của tôi đã cố gắng giữ mối liên lạc thân tình, nhưng rốt cuộc tôi chửi mắng ông ta và đuổi đi. Tôi không muốn lòng thương hại của ông ta. Những người còn lại, “đại gia đình xuất bản” đã mặc kệ tôi. Điều này không khiến tôi bất ngờ, cũng không làm tôi buồn. Tôi đã biết từ lâu và đọc được của Albert Cohen rằng “mỗi con người đều đơn độc và chẳng ai quan tâm đến ai còn nỗi đau của chúng ta là một hòn đảo hoang vu”. Và sự thái độ cách ngu ngốc của họ chỉ đưa đến hệ quả là sự khinh bỉ mà cái giới nhỏ tí này vẫn luôn gợi ra trong tôi.

Tôi tỉnh dậy vào khoảng năm giờ chiều, người nóng hừng hực vì sốt và khó thở. Tôi đã uống một phần tư lít xi rô ho từ hôm qua và giờ tôi vẫn thấy mình ốm như thế dù đã uống Doliprane và các loại kháng sinh. Tôi ép mình ngồi dậy trên giường và gọi điện thoại để kêu một chiếc taxi.

Vốn chưa bao giờ có bác sĩ gia đình, tôi lê bước đến chỗ vị bác sĩ nhi đã theo dõi Théo từ khi thằng bé chào đời. Một bác sĩ nhi xuất sắc theo kiểu truyền thống có phòng khám ở quận XVII. Ông bác sĩ rất mê những cuốn sách của tôi, và khi thấy tình trạng tệ hại của tôi, hẳn ông ta đã động lòng thương hại. Ông ta tranh thủ nghe tim phổi và chỉ định tôi đi chụp X-quang ngay, sau khi bắt tôi hứa ngay thứ Hai sẽ tới khám ở chỗ một đồng nghiệp khoa hô hấp của ông. Ông ta đảm bảo sẽ gọi cho vị bác sĩ kia để sắp xếp cho tôi một cuộc hẹn.

Khám xong, tôi lập tức tới Viện Chẩn đoán hình ảnh Paris, kiên nhẫn chờ gần hai tiếng tại đây rồi được ra về với một tấm phim báo động về tình trạng phế nang của tôi.

Đầu óc rối bời, tôi bước vài bước trên vỉa hè lạnh cóng, tới ngã tư giao giữa đại lộ Hoche và phố Faubourg-Saint-Honoré. Nhiệt độ trong suốt cả ngày luôn ở mức dưới 0. Trời đã chuyển tối từ lâu và tôi tin mình chưa bao giờ thấy lạnh như thế. Cơn sốt quay trở lại khiến tôi bước đi loạng choạng và có cảm tưởng mình sắp đông cứng tại chỗ. Vẫn thói đăng trí cố hữu, tôi đã ngu ngốc để quên điện thoại di động ở nhà, bởi thế tôi không thể gọi taxi G7. Vậy là, mắt mũi mờ tịt, tôi rình vẫy một chiếc taxi trống trong đêm. Sau hai phút, tôi quyết định đi tiếp đến quảng trường Ternes, có thể ở đó tôi sẽ có nhiều cơ hội bắt được taxi hơn. Không hẳn là sương mù, nhưng tuyết rơi liên tục làm giao thông trì trệ. Ở Paris, không cần gì nhiều: chỉ hai xăng ti mét tuyết và cả thế giới bất động.

Đi được chừng trăm mét, tôi rẽ phải để tránh đoạn tắc đường khủng khiếp đang làm tê liệt khu phố. Con phố nhỏ Daru nơi tôi đang đứng hoàn toàn xa lạ với tôi. Thay vì khiến tôi quay trở lại con đường cũ, những bông tuyết màu bạc bay tới từ phía trước mặt mê hoặc và dẫn tôi đi theo hướng một thứ ánh sáng vàng như trôi bồng bềnh dưới bầu trời bản thủ. Đi tiếp vài bước tôi trông thấy một nhà thờ Nga giữa lòng Paris.

Tôi biết sự tồn tại của nhà thờ Saint-Alexandre-Nevsky, nơi thờ phụng truyền thống của cộng đồng người Nga tại thủ đô nước Pháp, nhưng chưa từng đặt chân đến đây. Nhìn bên ngoài, nhà thờ là một báu vật của phong cách byzantin: năm chóp tháp củ hành cao vút cùng những cây thập tự vàng, năm quả tên lửa bằng đá khổng lồ màu trắng nổi bật trên nền trời đen kịt giữa hòa âm của các thiên thể.

Tòa nhà lôi cuốn tôi. Có thứ gì đó kéo tôi vào bên trong. Một sự tò mò, một niềm hy vọng, một hứa hẹn về sự ấm áp.

Mùi hương nồng của sáp chảy, nhựa hương và khói trầm hương làm tôi ngây ngất ngay từ lối vào. Nhà thờ này được xây dựng theo sơ đồ dạng chữ thập Hy Lạp với mỗi điểm nút mở vào một hậu cung nhỏ có mái nhô lên thành tháp con.

Như một vị khách du lịch, tôi quan sát trước tiên những yếu tố trang trí điển hình của các nhà thờ Chính thống giáo: vô số hình thánh, mái vòm trung tâm cao vút như hút bạn lên cao, nhưng có cả sự pha trộn khó định nghĩa giữa sự khắc khổ và những đồ trang trí mạ vàng. Bất chấp chiếc đèn chùm đồ sộ mang đến cảm giác rất bắt bụi, bất chấp rừng nến thờ với những

ngọn lửa rung rinh, ánh sáng ở đây rất yếu. Và nơi này gần như vắng tanh, chỉ có những luồng gió tràn trề. Lòng một nhà thờ ma khoan dung, đứng im lìm trong mùi hương thơm ngát của nhựa và gôm cay.

Tôi tiến đến trước một giá nền bẽ thế đang tỏa ánh sáng bao quanh bức tranh to lớn trang nghiêm: *Chúa Jesus giảng đạo bên hồ Tiberias*. Bóng tối giúp ta dễ dàng tĩnh tâm. Không rõ vì sao mình lại ở đây, nhưng tôi chợt cảm thấy tôi đang ở nơi dành cho mình. Dầu vậy, chưa bao giờ tôi có đức tin. Suốt quãng thời gian dài, vị chúa duy nhất mà tôi tin vào là chính tôi. Nói đúng hơn là ở sau bàn phím, suốt nhiều năm, tôi tự coi mình là Chúa. Hay nói cho chính xác, tôi thách thức một vị chúa nơi tôi không đặt niềm tin bằng cách xây dựng một thế giới - thế giới của tôi - không phải trong sáu ngày, mà trong hai mươi cuốn tiểu thuyết.

Phải, đã nhiều lần tôi coi mình là đáng sáng thế. Trong cách cư xử với người khác, tôi đóng vai một tiểu thuyết gia khiêm nhường, dù có nhiều thành công. Nhưng không phải trong hoạt động viết của tôi. Từ lâu lắm rồi, đến mức tôi không còn nhớ là khi nào, tôi đã luôn có thiên hướng sắp đặt cho các nhân vật sinh ra từ trí tưởng tượng của mình, nổi loạn chống lại thực tại, phỉ nhổ thực tại và tô vẽ lại nó hoàn toàn theo ý muốn của mình.

Bởi về cơ bản, viết văn là thế: thách thức sự an bài của thế giới. Trừ bỏ những khuyết điểm và sự phi lý của nó bằng cách viết văn.

Thách thức Chúa.

Nhưng tôi nay, trong nhà thờ này, run rẩy vì cơn sốt, lạc lối trong những cơn mê sảng, tôi thấy bối rối. Tôi cảm thấy như bị đè bẹp bởi mái vòm cao vút. Có thể nói gần như tôi để mình bị khuất phục. Như đứa con đi hoang trở về nhà, tôi sẵn sàng làm mọi việc để được tha thứ. Để gặp lại Théo, tôi sẵn sàng với mọi sự từ bỏ, mọi sự trút bỏ.

Đột nhiên, tôi thấy chóng mặt dữ dội và phải dựa vào một trong những cây cột bằng cẩm thạch đen. Tất cả những chuyện này không có thực, cơn sốt đã làm tôi mê sảng. Một tia axit trào ngược lên từ dạ dày tôi. Toàn bộ cơ thể tôi rã rời. Tôi bị thiếu dưỡng khí. Trái tim đã tan nát và hoại tử vì nỗi buồn phiền luân phiên khi thì đập dồn dập khi lại uể oải rời rạc. Toàn bộ năng lượng rời bỏ tôi. Cơ thể tôi là trắng đất thê lương, vùng đất cháy rụi bị tuyết bao phủ.

Tôi bước vài bước về phía lối ra. Tôi chỉ mơ có một chiếc đệm để nhảy lên đó rồi chìm sâu vào một giấc ngủ vô tận. Cuộc đời tôi đã ngừng trôi kể từ khi tôi mất Théo. Tương lai chỉ còn là đường hầm băng giá mà tôi sẽ mãi mãi không trông thấy điểm kết thúc. Rốt cuộc, không cần đệm, cũng không cần chăn. Tôi chỉ muốn nằm xuống ngủ ở bất cứ chỗ nào trên mặt đất trong lúc chờ họ tới bắt tôi đi như một con chó.

Khi đang bước gần đến lối ra, tôi quay ngoắt lại, như được một bàn tay vô hình dẫn dắt, và tôi đi ngược trở lại tới chân tượng Chúa bằng gỗ tỏa hào quang. Như được thoát ra từ một người khác, một lời chất vấn, vừa hứa hẹn vừa thách thức, bật ra khỏi miệng tôi thành tiếng:

– Nếu Người trả lại con trai cho con, con sẽ thôi tư xem mình là Người. Nếu Người trả lại con trai cho con, con sẽ ngừng viết!

Tôi chỉ có một mình trong sự tĩnh lặng của nhà thờ. Đứng gần những cây đèn nến và đèn dầu, tôi lại cảm thấy hơi ấm truyền đi trong mạch máu.

Bên ngoài, tuyết đang rơi.

New York, một bé trai bảy tuổi người Pháp đi máy bay một mình mà không có vé!

Le Monde, 16 tháng Một năm 2011

Tối thứ Sáu, một bé trai bảy tuổi, đang nằm viện ở New York, đã thoát khỏi sự chùng trờng của mẹ cậu và sự giám sát của các nhân viên sân bay Newark để lên một chuyến bay tới Paris.

Câu chuyện này, Romain Ozorski hẳn chưa bao giờ dám đưa vào bất kỳ tiểu thuyết nào. Ngay cả những độc giả trung thành nhất của anh có lẽ cũng thấy chuyện này là không thể. Tuy nhiên...

Vào cuối giờ chiều thứ Sáu vừa qua, Théo, bảy tuổi, con trai nhà văn nổi tiếng Romain Ozorski, hiện đang sống cùng mẹ ở Pennsylvania, đã trốn khỏi các nhân viên bệnh viện Lenox bang New York (khu Thượng Đông, Manhattan), nơi cậu bé được nhập viện để thực hiện một tiểu phẫu. Vì đã có dự tính, cậu bé gọi xe bằng ứng dụng Uber trên chiếc điện thoại đánh cắp của một nữ y tá. Sau khi lên xe, cậu bé thuyết phục tài xế rằng cha mẹ đang đợi cậu ở sân bay Newark. Đến nhà ga sân bay, cậu bé lập kỳ tích vượt qua liên tiếp không dưới bốn điểm kiểm tra

trước khi lên được một máy bay của hãng New Sky Airways: kiểm tra hộ chiếu, kiểm tra hành lý, máy phát hiện kim loại và kiểm tra thẻ lên máy bay.

An ninh có khiếm khuyết

Các video giám sát đã chỉ ra kỹ năng tài tình của cậu bé. Trong cảnh hỗn độn của những chuyến khởi hành cuối tuần, cậu đã lẩn vào đám đông để không bị nhận ra, và càng khôn khéo hơn, cậu nhập vào một gia đình đông người để càng dễ làm mọi người tin rằng cậu là thành viên của gia đình đó. Sau khi lên máy bay, cậu bé hai lần trốn vào nhà vệ sinh để tránh lượt kiểm đếm hành khách trước khi trở lại ngồi vào các ghế trống và chơi đùa cùng các hành khách khác bằng các màn ảo thuật. Đến tận khi chỉ còn ba giờ đồng hồ nữa là máy bay hạ cánh thì một nữ tiếp viên hàng không mới phát hiện vụ việc, nhưng máy bay đã bay qua Đại Tây Dương và không thể vòng trở lại ở giai đoạn này.

Năm nay là thời điểm sẽ diễn ra lễ tưởng niệm mười năm vụ khủng bố ngày 11 tháng Chín năm 2001, và trong khi về mặt lý thuyết, các hành khách sẽ luôn phải chịu kiểm tra an ninh nghiêm ngặt hơn, thì vụ việc này xảy ra thật không đúng lúc. Một tình tiết như một tiểu thuyết không làm Patrick Romer, trưởng bộ phận an ninh sân bay Newark, thấy hài lòng chút nào: “Sự cố này là hệ quả của một loạt sự việc đáng tiếc và cho thấy hệ thống an ninh của chúng tôi cần phải được cải thiện hơn nữa, việc này sẽ được chúng tôi thực hiện trong thời gian sớm nhất.” Ray LaHood, bộ trưởng Giao thông của chính quyền Obama, cũng đánh giá sự việc này là “rất đáng tiếc” đồng thời đảm bảo

rằng an toàn của các hành khách chưa bao giờ bị xem nhẹ. Về phần mình, hãng hàng không New Sky Airways đã sa thải ngay những nhân viên phụ trách đưa hành khách lên máy bay dù nêu rõ rằng việc kiểm tra hành khách trước khi lên máy bay không thuộc trách nhiệm của họ, mà là của sân bay.

Đời thực mạnh hơn sự hư cấu

Khi tới sân bay Roissy, Théo Ozorski đã được cảnh sát không phận và biên giới trông nom trước khi được giao tạm thời cho ông ngoại cậu bé.

Théo biện minh cho cuộc đào tẩu này bằng lý lẽ cậu không muốn sống cùng mẹ ở Mỹ nữa. “Cháu muốn về sống với bố và đi học lại ở Paris”, cậu bé nhắc đi nhắc lại nhiều lần với các cảnh sát. [...]

Khi được phóng viên hỏi, Romain Ozorski nói anh “khâm phục và tự hào” về hành động của con trai, thán phục “sự can đảm và anh hùng” của cậu và xem đó là bằng chứng về tình yêu mạnh mẽ nhất mà anh từng nhận được. “Có những dịp hiếm hoi, cuộc đời còn giống tưởng tượng hơn cả sự hư cấu, anh nhận xét, và khi nó xảy ra, đó là những khoảnh khắc vĩnh viễn in đậm trong lòng chúng ta.” [...] Nói về xung đột khiến anh đối đầu với vợ suốt nhiều tháng nay, Ozorski cho biết tình tiết mới này cho anh thêm một lý do để rửa sạch danh dự và anh sẽ chiến đấu đến hơi thở cuối cùng để giành lại toàn quyền nuôi dưỡng con trai. Khi được liên lạc, Almine Ozorski không có phản hồi nào.

MẮT THỬ BA CỦA TẤM GƯƠNG

12

Théo

Ngày hôm nay chỉ đẹp bởi nó có ngày mai.

Marcel PAGNOL

1.

Mười một năm sau

Ngày 18 tháng Sáu năm 2022, sân bay Bastia, Haut-Corse

– Con là người duy nhất chưa bao giờ làm bố thất vọng, Théo ạ. Người duy nhất vượt trên mọi kỳ vọng của bố.

Phải thừa nhận rằng cha luôn thể hiện rất nhiều tình yêu thương với tôi và không hề tiếc lời công nhận. Hai câu trên, cha đã nhắc đi nhắc lại với tôi không biết bao nhiêu lần kể từ khi tôi còn nhỏ. Phải nói rằng, nếu nghe kỹ những lời đó, thì cả thế giới đã làm Romain Ozorski thất vọng: vợ, các nhà xuất bản, những người bạn. Tôi nghĩ thậm chí người làm Romain Ozorski thất vọng nhiều nhất, chính là bản thân Romain Ozorski.

– Nào, nhanh lên chàng trai, cha vừa nói vừa chia túi của tôi ra, con trẻ máy bay mất!

Luôn luôn là cái giọng ấy khi cha nói chuyện với tôi. Luôn luôn là những biệt danh ấy, “chàng trai”, “Théo của bố”, “con trai”, như hồi tôi sáu tuổi. Và tôi rất thích như vậy.

Tôi tới thăm cha ở đảo Corse, nơi cha chuyển đến sống từ khi tôi vào năm nhất trường Y. Trong khu rừng ở Castagniccia, chúng tôi đã trải qua những ngày dễ chịu, trong khoảng thời gian ấy cha luôn cố tỏ ra vui vẻ. Nhưng tôi cảm nhận được rõ rằng thời gian này với cha rất khó khăn: cha đã mất Sandy, một chú chó labrador, vào tháng Năm, và cha buồn chán đến phát ngán giữa đám dê và những cây dẻ. Qua nhiều năm tôi hiểu ra điều này: cha tôi là một người cô đơn không thích sự cô đơn.

– Con gọi điện cho bố khi đến nơi nhé? cha đặt tay lên vai tôi dặn dò.

– Nhưng nhà bố có sóng điện thoại đâu.

– Vẫn cứ gọi đi, Théo, cha khẳng khẳng.

Cha tháo cặp kính râu. Giữa những vết chân chim, đôi mắt cha lấp lánh một thứ ánh sáng mệt mỏi.

Cha nháy mắt với tôi trước khi nói thêm:

– Và đừng lo lắng gì về bố cả, con trai.

Cha xoa đầu tôi. Tôi ôm hôn cha, khoác chiếc túi lên vai và chìa thẻ cho cô nhân viên hàng không. Trước khi tôi biến mất, ánh mắt chúng tôi bắt gặp nhau lần cuối, vẻ đồng lõa, như mọi khi. Nhưng cũng mang cả những đau đớn vẫn còn dấy dội của

những cuộc chiến mà chúng tôi đã từng cùng nhau trải qua trước kia.

2.

Vào trong phòng đợi, tôi thấy cô độc. Thật sự cô độc. Bất chợt. Giống như mỗi lần tôi rời xa cha. Bị bao vây giữa đạo quân những cái bóng màu trắng khiến tôi bối rối và thậm chí đôi lúc còn làm tôi bật khóc.

Đi tìm một dấu hiệu an ủi, tôi tìm kiếm *một người*. Một độc giả đang đọc một cuốn sách của cha tôi. Theo thời gian, việc này dần ít gặp hơn trước. Khi còn nhỏ, tôi nhớ những cuốn sách của cha tôi gần như có mặt ở khắp mọi nơi. Trong các thư viện, sân bay, tàu điện ngầm, các phòng chờ ở bệnh viện. Ở Pháp, Đức, Ý, Hàn Quốc. Người trẻ, người già, phụ nữ, nam giới, phi công, y tá, nhân viên thu ngân ở siêu thị. Cả thế giới đều đọc Ozorski. Còn tôi khi đó thật ngây thơ. Vì chỉ luôn sống trong hoàn cảnh đó, nên với tôi thật bình thường khi hàng triệu độc giả đọc những câu chuyện tưởng tượng của cha tôi, và phải mất nhiều năm tôi mới thực sự ý thức được tính chất phi thường của tình huống ấy.

May mắn thay, vào ngày thứ Bảy 18 tháng Sáu đó, trong sân bay Bastia-Poretta này, một phụ nữ trẻ ngồi bệt cả dưới đất cạnh chiếc máy bán hàng tự động - dân du lịch bụi chính hiệu với ba lô lớn, tóc tết dreadlocks, quần đũng thấp và nhạc djembe - đang chăm chú đọc cuốn *Người đàn ông mất tích*, bản in cũ của nhà xuất bản Livre de Poche với cái bìa đã sờn. Đây là một trong

những cuốn tiểu thuyết của cha tôi mà tôi thích nhất. Cha viết nó vào năm tôi chào đời, thời kỳ mà cha là “nhà văn yêu thích nhất của người Pháp”. Tôi luôn cảm thấy có phần xúc động khi trông thấy một độc giả say sưa đọc tiểu thuyết của cha. Cha tôi nói chuyện đó không còn làm cha xúc động từ lâu rồi, nhưng tôi biết rất rõ rằng không phải thế.

Romain Ozorski, cha tôi, đã xuất bản mười chín cuốn tiểu thuyết. Tất cả đều thuộc hàng best-seller. Cuốn đầu tiên, *Những người đưa tin*, được viết năm cha hai mươi một tuổi, lúc cha cũng đang là sinh viên y khoa. Cuốn sau cùng xuất bản vào mùa xuân năm 2010 khi tôi sáu tuổi. Nếu tìm tên cha tôi trên Wikipedia, bạn sẽ đọc thấy rằng sách của Ozorski đã được dịch ra hơn bốn mươi thứ tiếng và bán được hơn ba mươi lăm triệu bản.

Đà sáng tạo này dừng lại đột ngột vào mùa đông năm 2010, một thời gian ngắn sau khi mẹ tôi quyết định rời bỏ cha và đưa tôi đến sống ở Mỹ. Kể từ ngày đó, cha tôi gác bút, đóng máy tính và trở nên căm ghét những cuốn sách của mình. Cha cho rằng chúng có một phần trách nhiệm trong cuộc hôn nhân đổ vỡ của cha và những hệ quả đau đớn tiếp nối sau đó. Cha luôn nói về chúng như là thứ gì đó không phải của mình. Những kẻ thù tiềm tàng có thể xâm nhập vào ngôi nhà của cha con tôi để tấn công chúng tôi và phá tan căn nhà.

Tôi chưa bao giờ được biết nguyên nhân sâu xa của việc cha rời xa nghề viết. “Sống hoặc viết, cần phải lựa chọn”, cha luôn nhắc lại câu nói đó mỗi lần tôi hỏi. Lúc bé, tôi đã không hiểu hết

nỗi buồn của chuyện này. Một cách ích kỷ, tôi thấy vui vì thấy cha ở nhà, vui vì ngày nào cha cũng đến trường đón tôi, cha có một tinh thần sẵn sàng không mệt mỏi, cứ mười lăm ngày chúng tôi lại tới sân vận động Công viên các Hoàng tử, đi xem phim vào thứ Tư hằng tuần, đi du lịch vào tất cả các dịp nghỉ ở trường, chúng tôi chơi nhiều hiệp bóng bàn suốt nhiều giờ, chúng tôi tranh luận không dứt về FIFA, về Guitar Hero hay Assassins Creed.

Một giọng nói thông báo hành khách bắt đầu lên máy bay. Tôi mặc kệ đám đông chen lấn lao về phía hai nhân viên hàng không như thể không có đủ chỗ cho tất cả họ trên máy bay. Nỗi buồn trong tôi biến thành sự lo lắng. Tôi thấy đau lòng khi chứng kiến cha già đi trong nỗi chán nản sâu sắc này. Tôi từng luôn tin rằng sau cùng mọi chuyện sẽ lại ổn. Cha sẽ tìm lại được niềm vui sống và thậm chí có thể một tình yêu mới sẽ thắp sáng đời cha. Nhưng mọi chuyện chẳng diễn ra như vậy. Trái lại, từ lúc tôi rời Paris để đi học ở Bordeaux và cha tự lưu đày mình đến đây, nỗi buồn tấn công cha càng mạnh mẽ.

Con là người duy nhất chưa bao giờ làm bố thất vọng, Théo ạ.

Những lời cha nói vang vọng trong đầu tôi, và tôi tự nhủ mình chẳng làm điều gì lớn lao để xứng đáng với lời khen ngợi đó.

Linh cảm chẳng lành, tôi đi ngược lại để rời phòng chờ, mặc kệ các nhân viên mặt đất ngăn cản. Cha tôi năm mươi bảy tuổi, chưa phải người già. Cha bảo tôi không phải lo cho cha nhưng vô ích, điều đó không ngăn tôi cảm thấy lo lắng. Khi tôi còn nhỏ,

cha đặt biệt danh cho tôi là “Nhà ảo thuật” hay “Houdini” vì bài thuyết trình đầu tiên tôi làm ở trường là về ảo thuật gia gốc Hungary này, vì tôi đã dành nhiều thời gian để cố gắng hoàn thiện những màn ảo thuật mà cha thường là khán giả duy nhất và vì tôi đã lọt qua được sự giám sát của một trong những sân bay an ninh nhất nước Mỹ để về gặp cha ở Paris. Nhưng thời đó đã qua. Tôi không còn là “Nhà ảo thuật”, tôi thậm chí không có quyền năng ngăn được cha chìm sâu trong vũng cát lún của bệnh trầm cảm.

Tôi chạy băng qua sảnh sân bay và lao ra bãi đỗ xe. Không khí khô và nóng như đang giữa tháng Tám. Từ xa, tôi nhận ra dáng người cao cao của cha. Cha đứng đó, lưng còng xuống, bất động bên ô tô riêng.

– Bố? tôi hét lên và chạy về phía ông.

Cha chậm chậm quay lại, giơ tay lên ra hiệu cho tôi, môi hé cười.

Rồi cha đổ vật xuống, bị quật ngã bởi một mũi tên vô hình vừa bắn trúng giữa tim.

Nhà văn Romain Ozorski bị nhồi máu cơ tim

Corse Matin, 20 tháng Sáu năm 2022

Tiểu thuyết gia Romain Ozorski được đưa vào bệnh viện Bastia hôm thứ Bảy ngày 18 tháng Sáu vừa rồi sau khi bị lên cơn nhồi máu cơ tim. Bị đau dữ dội, nhà văn đã đổ gục tại bãi đỗ xe của sân bay Poretta, nơi ông vừa đi tiễn con trai mình.

May mắn là đội cứu hộ đang có mặt ở đó vì một sự cố khác đã thực hiện xoa bóp tim ngoài lồng ngực và sử dụng máy khử rung tim cho ông trong lúc chờ xe cấp cứu đến.

Ngay khi ông nhập viện, đội ngũ bác sĩ đã chẩn đoán mạch vành ông có nhiều tổn thương nghiêm trọng và tiến hành phẫu thuật ngay lập tức. “Chúng tôi bắt đầu phẫu thuật lúc mười sáu giờ và ca mổ kết thúc sau hai mươi giờ một chút”, giáo sư Claire Giuliani cho biết. Trong ca mổ nữ bác sĩ phẫu thuật đã thực hiện ba lần bắc cầu mạch vành cho bệnh nhân của mình.

“Khi tỉnh lại, ông Ozorski ở trong trạng thái tốt”, bà Giuliani nói thêm. “Hiện tại, tình trạng của ông ấy không còn nguy hiểm”, nhưng vẫn còn quá sớm để biết liệu nhà văn có gặp di chứng thần kinh nào sau ca mổ hay không. “Ozorski là tác giả tôi đã đọc rất nhiều hồi còn trẻ”, nữ bác sĩ thổ lộ với chúng tôi, bà có ý định xin bệnh nhân của mình một lời đề tặng khi ông đã hoàn toàn qua cơn nguy kịch.

Từng là người viết rất nhiều, Romain Ozorski không xuất bản cuốn tiểu thuyết nào từ mười hai năm nay. Ông từng kết hôn với cựu người mẫu người Anh Almine Alexander, đã qua đời do dùng thuốc quá liều trong một ngôi nhà bị chiếm khi vắng chủ ở Ý năm 2014. Con trai duy nhất của hai người, Théo, luôn túc trực bên giường ông.

13

Vinh quang của cha tôi

Tôi phát ngán vì chỉ được là chính mình. Tôi phát ngán với hình ảnh Romain Gary mà người ta dán chặt lên lưng tôi suốt ba mươi năm qua.

Romain GARY

1.

Hai ngày sau

Paris

Tôi đẩy cánh cửa, nó mở ra êm ái, không một tiếng cọt kẹt. Đã mười hai năm tôi không đặt chân đến căn hộ này. Lâu lắm rồi.

Cha đã nói dối tôi. Suốt những năm qua, cha nói rằng cha đã bán văn phòng mà cha thường tới làm việc khi tôi còn nhỏ. Cha không chỉ giữ lại nó, mà nơi này - có hương thơm của hoa cam và chanh khô - hoàn toàn không bị bỏ hoang. Đó là một căn hộ hai phòng nằm trên tầng áp mái ở quảng trường Panthéon, nơi đây mẹ tôi và cha đã sống trước khi tôi ra đời. Ba gian áp mái gộp lại về sau được cha biến thành nơi làm việc, cha tới đây viết mỗi ngày hoặc gần như thế cho đến đầu năm 2010.

“Bố có một việc muốn nhờ con giúp, ãhéo...” Ở bệnh viện, khi tỉnh lại sau cuộc đại phẫu, đó là câu đầu tiên cha nói với tôi. “Bố muốn con về văn phòng của bố ở quảng trường Panthéon và mang cho bố một thứ.”

Theo lời chỉ dẫn của cha, tôi đến lấy chìa khóa ở chỗ người gác cổng, người này khẳng định với tôi đã không gặp ông Ozorski ít nhất mười năm nay, mặc dù có người đến đây dọn dẹp ba tuần một lần.

Tôi mở cửa cuốn chạy điện bên ngoài cửa vách kính. Bên trong phòng vẫn hệt như trong trí nhớ của tôi. Sàn nhà rất đẹp bằng gỗ sồi quét dầu, cách trang trí tối giản - ghế xoay Barcelona, trường kỷ da, bàn thấp bằng gỗ hóa thạch, bàn làm việc bằng gỗ óc chó đánh xi - cùng vài tác phẩm nghệ thuật mà thuở xưa cha rất yêu thích trước khi thôi quan tâm đến tất cả, trừ tôi: một bức tranh ghép nhỏ của Invader*, một tác phẩm điêu khắc hình quả táo có miệng của Claude Lalanne, một bức tranh đáng sợ của Sean Lorenz có hình một tên người thổ với bộ mặt hờn hờ khiến tôi nhiều lần gặp ác mộng hồi còn bé.

Tức Franck Slama, nghệ sĩ tranh ghép người Pháp.

Trong phòng đọc sách, những tác giả mà cha ngưỡng mộ: Georges Simenon, Jean Giono, Pat Conroy, John Irving, Roberto Bolano, Flora Conway, Romain Gary, François Merlin. Trong một khung hình, có bức ảnh chụp gia đình ba người chúng tôi trên bãi biển Vịnh Khỉ. Tôi ngồi trên vai cha còn mẹ đi bên cạnh. Mẹ lúc ấy rất xinh đẹp và có vẻ đang hạnh phúc trong tình yêu. Chúng tôi tỏa ra mùi cát, muối, và mặt trời rắc những vảy vàng

lên tóc chúng tôi. Chúng tôi có vẻ rất hạnh phúc. Tôi vui vì cha đã giữ bức ảnh này. Điều đó chứng tỏ có điều gì tươi đẹp và mạnh mẽ đã từng tồn tại một thời gian giữa hai người họ, bất chấp những gì xảy ra sau đó. Và tôi chính là kết quả của điều ấy.

Được đóng khung bên cạnh bức tranh tôi vẽ tặng nhân dịp sinh nhật cha là trang báo *Le Monde* trứ danh ngày 16 tháng Một năm 2011: **New York, một bé trai bảy tuổi người Pháp đi máy bay một mình mà không có vé!**

Tôi nhìn bức ảnh, đã hơi bạc màu theo thời gian, nằm chính giữa tờ báo. Tôi ở giữa hai viên cảnh sát, giơ ngón tay làm chữ V chiến thắng. Nụ cười tươi rói của tôi để lộ những chiếc răng sữa mọc thừa. Tôi đeo cặp kính tròn có màu, mặc áo khoác parka đỏ, quần jean với một chiếc móc chìa khóa hình rô bốt Grendizer đeo ở thắt lưng.

Đó là khoảnh khắc vinh quang của đời tôi. Thời đó, bức ảnh này được phát đi phát lại trên CNN và là hình ảnh mở đầu cho nhiều bản tin. Một bộ trưởng của chính quyền Barack Obama suýt phải từ chức. Sau vụ việc này, mẹ tôi đã bỏ cuộc, chấp nhận để tôi đi học ở Paris và sống cùng cha. Tôi đã lấy lại tên tuổi, gột rửa danh dự cho cha và thậm chí ép tờ báo này, vốn chưa bao giờ nói tốt về mười chín cuốn tiểu thuyết của cha, phải đưa Ozorski lên trang nhất. Tôi đã thuộc lòng đoạn kết bài báo, nhưng vẫn đọc bởi mỗi khi đọc lại, nó khiến tôi vừa đau lòng vừa được an ủi:

Khi được hỏi, Romain Ozorski nói anh “khâm phục và tự hào” về hành động của con trai, thán phục “sự can đảm và anh

hùng” của cậu và xem đó là bằng chứng về một tình yêu mạnh mẽ nhất mà anh từng nhận được.

Khi mới khởi đầu cuộc đời, tôi là nhà ảo thuật đại tài ấy, có thể dùng trái tim và trí thông minh của mình để điều chỉnh thực tại theo ý muốn. Tôi bẻ cong thực tại và biến điều không thể thành có thể.

Nắng chiếu bừng sáng sàn gỗ. Tôi từng đến đây nhiều lần vào mỗi chiều thứ Bảy và thứ Tư khi bác Kadija không thể trông tôi. Cha đã mua một bàn bi lắc và một cái máy trò chơi arcade cho tôi chơi. Chúng vẫn hiện diện trong một góc của căn phòng, bên cạnh bộ sưu tập đĩa nhựa vinyl của cha và tấm áp phích bộ phim *Điệp viên bá chấy*.

“Có hai thứ bố muốn con lấy từ căn hộ đó, Théo. Đầu tiên là một tập hồ sơ đóng bìa các tông màu đen con sẽ tìm thấy ở ngăn kéo trên cùng bàn làm việc của bố.

- Con mở nó được không?
- Con cứ làm gì tùy ý.”

Tôi ngồi lên chiếc ghế xoay bằng da sáng màu, nơi cha từng ngồi để viết. Trước mắt tôi, trên mặt bàn làm việc, một chiếc cốc lớn bằng đất nung đựng những chiếc bút sang trọng do nhà xuất bản tặng cho cha, nhưng cha chẳng dùng chúng bao giờ. Trong ngăn kéo, là tập hồ sơ đó. Tôi tháo dây chun ngoài bìa để xem nó chứa gì bên trong. Một tập giấy khổ A4 có đánh số, trên đó in một văn bản. Các chương, cách dàn trang, không còn nghi ngờ gì nữa: tôi đang có trong tay một bản thảo chưa từng phát hành

của Romain Ozorski! Tuy nhiên, nó được ghi chữ ở phần lề bằng nét chữ nguệch ngoạc của cha và có nhiều chỗ sửa chữa.

Bản thảo đánh máy này không có nhan đề, nhưng văn bản được chia ra làm hai phần riêng biệt. Phần đầu có tên là *Cô gái trong Mê cung*, phần thứ hai, dài hơn, *Một nhân vật của Roma(i)n*. Ban đầu tôi quyết định sẽ đọc nó sau, nhưng khi xem qua các trang, những cái tên quen thuộc đập vào mắt tôi, đầu tiên là tên tôi! Tiếp đến là cha tôi, mẹ tôi, và Jasper Van Wyck. Thật kỳ lạ. Cha chưa bao giờ viết nhật ký hay tự truyện. Những tiểu thuyết của ông, ca ngợi tính tiểu thuyết và sự giải thoát, trái ngược với chủ nghĩa ái kỷ và việc tự nghiên cứu bản thân. Một điều kỳ lạ nữa thu hút chú ý của tôi: thời điểm câu chuyện diễn ra. Những tháng cuối năm 2010 đầy khó khăn đã khiến tất cả chúng tôi đau khổ đó. Cảm dỗ thật mãnh liệt. Tôi cầm lấy bản thảo và ngồi lên trường kỷ để bắt đầu đọc.

2.

Khi giờ đến trang cuối cùng, sau một tiếng rưỡi đồng hồ, nước mắt dâng trào trong mắt tôi và hai bàn tay tôi run rẩy. Cảm xúc khi đọc cứ luân phiên giữa xúc động và đau buồn. Tôi vẫn giữ những kỷ niệm rõ nét và đau đơn vô giai đoạn này, nhưng chưa bao giờ hiểu mức độ của nỗi đau khổ mà cha tôi phải chịu trong khoảng thời gian đó. Cũng không hiểu mẹ tôi có thể thủ đoạn đến mức nào. Trong những năm sau đó, cha đã rất đúng mực, không bao giờ day nghiêng mẹ trước mặt tôi, luôn tìm ra cho mẹ những tình tiết giảm nhẹ. Tôi còn phát hiện vì sao cha

tôi ngừng viết. Đó là vì lời hứa vào buổi tối trời tuyết trong một nhà thờ Chính thống giáo. Tất cả những chuyện này làm tôi bị xáo trộn, và chúng hiện ra với tôi như một đồng hồ độn vô tận.

Trái lại, có một thứ làm tôi lúng túng: sự sắp đặt cho nữ nhà văn Flora Conway. Tôi nhớ vài năm trước cha từng khuyên tôi đọc một trong những cuốn sách của cô, nhưng theo hiểu biết của tôi, họ không thân thiết nhau và tôi chưa bao giờ nghe nói đến câu chuyện bí thảm về cái chết của con gái cô ấy do rơi từ tầng cao nhất của một tòa nhà ở New York.

Tôi lấy điện thoại và xác minh trên Wikipedia. Theo những gì tôi đọc trong bản in, tiểu sử về Flora giới thiệu rằng cô là một tiểu thuyết gia bí ẩn, được tôn thờ và ca ngợi, từng giành giải Kafka. Cô luôn sống sau hậu trường văn đàn và không xuất bản gì thêm từ nhiều năm nay. Tấm ảnh duy nhất người ta có về cô là bức chân dung xinh đẹp này, hơi mờ một chút, trong ảnh trông cô hơi giống Veronica Lake. Tôi không tìm được thêm gì nhiều trên trang web về các xuất bản phẩm của nhà De Vilatte.

Bối rồi, tôi đứng dậy rót cho mình một cốc nước. Tôi hiểu rằng cha chưa bao giờ tìm cách xuất bản bản thảo này. Cha đề cập đến một khía cạnh quá riêng tư của những vấn đề đã tàn phá gia đình chúng tôi và những đau khổ của việc sáng tạo và của cuộc đời một nhà văn. Nhưng Flora Conway có vai trò gì trong câu chuyện này? Vì sao cha tôi không tạo ra một nữ tiểu thuyết gia hư cấu?

“Còn thứ tiếp theo con phải lấy là gì vậy bố?”

– Ba quyển sổ to.

- Cũng ở trong phòng làm việc à?
- Không, được giấu trong ống máy hút mùi ở trên bếp điện.”

Tôi hỏi khéo để mượn người gác cổng hộp dụng cụ. Trong mười phút, tôi đánh vật với những chiếc tuốc nơ vít đủ kích cỡ trước khi rốt cuộc cũng tháo được vít tấm lưới máy hút mùi. Thò tay vào ống máy bằng inox, tôi sờ trúng những cuốn sổ cha nhắc đến. Chúng to hơn rất nhiều so với tưởng tượng của tôi. Những cuốn sổ khổ rất lớn, bìa bằng da sần, của hãng giấy Đức Leuchtturm. Nối với nhau bằng những tay giấy khâu lại, chúng gồm ba trăm trang giấy có đánh số viết kín cả hai mặt, kể cả ở phần lề, bằng nét chữ không lẫn đi đâu được của Romain Ozorski.

Lại thêm những bản thảo chưa từng xuất bản? Ít có khả năng, tất cả chúng đều được soạn bằng tiếng Anh. Mỗi cuốn sổ có một tiêu đề: *The Girl in the Labyrinth*, *The Nash Equilibrium*, *The End of Feelings*. Mặc cho điều hiển nhiên bày ra trước mắt, tôi cũng không hiểu ngay được ý nghĩa của chúng. Tôi đọc những dòng đầu tiên của mỗi bản thảo và giở ngẫu nhiên vài trang. Đây là nét chữ của cha tôi, nhưng không phải phong cách, cũng không phải thể loại tiểu thuyết ông thường viết. Trầm tư suy nghĩ, tôi xếp ba quyển sổ và bản thảo đánh máy vào trong ba lô.

Trước khi ra về, tôi lắp lại tấm lưới vào vị trí cũ và khi sắp sửa rời căn hộ, tôi đi qua phòng đọc sách nhìn những cuốn sách một lần cuối. Tại đó mọi chuyện trở nên sáng tỏ. Những nhan đề đó là tên các tiểu thuyết của Flora Conway! Kinh ngạc, tôi lại lấy

những quyển sổ ra và dành thời gian khá lâu để so sánh các văn bản. Ngoài chút khác biệt về sắc thái, do sự chuyển dịch từ tiếng Anh sang tiếng Pháp, chúng giống nhau tuyệt đối.

Tôi gọi cho cha để nghe giải thích nhưng lại được chuyển tới hộp thư thoại. Tôi gọi lại hai lần nữa, nhưng đều không được. Tôi vẫn chưa hết kinh ngạc. Vì sao Romain Ozorski lại cất giấu những bản thảo gốc này, được chính tay ông viết và để tên Flora Conway ? Không thể có đến ba mươi sáu lời giải. Tôi thậm chí chỉ thấy có hai: hoặc cha tôi *ghostwriter* của Flora Conway.

Hoặc cha tôi chính là Flora Conway.

3.

Tôi bắt tàu điện ngầm ở bến Place Monge. Trên tàu, khi đang tra cứu về một trong số những tiểu thuyết của Conway, tôi tìm thấy địa chỉ nhà xuất bản của cuốn sách. Đến bến Place d'Italia, tôi chuyển sang tuyến số 6 đến Raspail.

Trụ sở nhà xuất bản Fantine de Vilatte là một tòa nhà nhỏ hai tầng nhìn ra sân ở số 13 bis phố Campagne-Première, con phố lớn nơi Belmondo bị cảnh sát hạ gục ở cuối phim *Nghệt thở*, trước mắt Jean Seberg.

Không gian bên ngoài gợi lên sự thơ mộng: khoảng sân lát đá, một đài phun nước có dây thường xuân bao quanh, một băng ghế đá xinh đẹp, tượng các con vật rải rác giữa đám dương xỉ và gốc táo gai.

Tôi đẩy cửa bước vào mà chính bản thân cũng không thực sự biết mình chờ đợi điều gì từ việc này. Quang cảnh bên trong nhà xuất bản trông giống xưởng nghệ thuật với trần nhà rất cao và cửa sổ kính phía bên trên các bàn làm việc. Qua ánh mắt cô ta nhìn tôi, tôi hiểu người phụ nữ trẻ ở lối vào - không nhiều tuổi hơn tôi là bao - mang hầu hết phẩm chất của kẻ học đòi làm sang, đặc biệt là các mục “kiêu kỳ”, “ban ơn” và “khinh khỉnh”.

- Xin chào, tôi muốn gặp Fantine de Vilatte.
- Không hẹn trước thì không được.
- Vậy tôi muốn đặt hẹn.
- Về vấn đề gì?
- Tôi muốn nói nói chuyện với bà ấy về một bản thảo mà...
- Bản thảo thì gửi qua thư điện tử hoặc bưu điện.
- Tôi có mang theo nó.
- Nhà xuất bản chúng tôi phát hành rất ít bản thảo mới...
- Tôi chắc chắn bà De Vilatte sẽ hứng thú với nó.

Tôi mở túi, chìa ba quyển sổ dày do cha tôi soạn.

- Được rồi, đưa chúng cho tôi, tôi sẽ chuyển cho bà ấy.

Tôi chỉ muốn cho bà ấy xem, tôi không thể rời xa chúng. Xin cô.

- Vậy thì tạm biệt! Ra khỏi nhớ đóng cửa.

Thất vọng. Chán nản. Bất lực. Giận dữ. Những kẻ thù bên trong tôi. Những kẻ thù tôi phải cố kìm nén để chúng không chế ngự tôi, nhưng vẫn phải giữ chúng nóng bỏng như than, bởi

chúng thường xuyên là phương tiện để tháo gỡ một hoàn cảnh bế tắc. Đôi khi giúp tốt lên, đôi khi làm tệ đi. Rủi ro khi phải sống...

Tôi cụp mắt xuống. Không phải vì đầu hàng, mà để xem xét bàn làm việc của người đang trò chuyện với tôi. Một máy tính xách tay, nhiều tập giấy lộn xộn, tai nghe AirPods loại mới nhất, một vé tàu điện ngầm, một hộp Tupperware rỗng không, một chiếc điện thoại đang mở Instagram, một tách cà phê đặt trên một cuốn sách của Echenoz mua cũ vẫn còn cái nhãn màu vàng “Gibert Jeune”, ngoài ra còn có một cái chặn giấy khá đồ sộ bằng đá trông giống một bức tượng Moai, những bức tượng bằng đá nguyên khối trên đảo Phục sinh. Tôi chụp lấy tác phẩm điêu khắc đó và lấy hết sức ném nó vào ô cửa kính.

Đó là một trong những điều răn của các nhà ảo thuật: giữ hiệu ứng bất ngờ càng lâu càng tốt. Và lần này, khán giả của tôi không thể ngờ chuyện sẽ xảy ra.

Một ô kính vỡ toang thành hàng nghìn mảnh bay xuống trong một âm thanh khủng khiếp, khiến người phụ nữ học đòi làm sang phải thét lên. Lúc này, cô ta chẳng còn tí gì kiêu kỳ, chỉ còn thấy sự khiếp hãi. Nhiều giây im lặng trôi qua trước khi nhiều người lao vào sảnh, ánh mắt hướng về tôi.

Một trong số đó là Fantine de Vilatte. Trên tàu điện ngầm, tôi đã tìm ảnh của bà ta trên Internet, nhưng kể cả không làm vậy, chắc tôi vẫn nhận ra bà ta. Bà ta nhiều tuổi hơn trong tiểu thuyết của cha tôi, nhưng vẫn có dáng vẻ như thế, vàng hào

quang kín đáo vừa mê hoặc vừa khiến nhân vật Flora Conway tức giận.

Bà ta là người lại gần tôi. Chậm chậm. Có lẽ bà ta cảm thấy một mối nguy hiểm, nhưng tôi có cảm giác bà ta thấy sự cố tấm kính vỡ rất xa vời, như thể bà ta linh cảm thấy có một đám cháy nghiêm trọng hơn cần dập tắt.

– Tôi tin là bà nợ tôi nhiều lời giải thích, tôi vừa nói vừa chìa cho bà ta quyển sổ mà tôi đã lấy lại từ bàn tiếp đón.

Fantine nhận lấy nó, có vẻ cam chịu, như thể bà ta đã biết trước nó chứa cái gì. Không một lời hay cử chỉ nào với đám nhân viên, bà ta đi ra sân và ngồi xuống chiếc ghế băng gần đài phun nước. Vừa say sưa vừa lơ đãng, với duy nhất tiếng thì thầm của đài phun nước vọng ra, bà lật giở quyển sổ suốt nhiều phút. Bà ta đợi tôi đến và ngồi xuống bên cạnh rồi mới ngược mắt lên khỏi bản thảo và thổ lộ với tôi:

– Từ gần hai mươi năm nay, tôi tin sáng nào mình cũng cầu nguyện để ngày này không bao giờ đến.

Tôi gật đầu, giả vờ hiểu và chờ đợi biết thêm điều gì đó. Fantine nhìn tôi chằm chằm với vẻ dò hỏi. Có gì đó làm bà ta bối rối, trong ngoại hình hoặc trong ánh mắt của tôi.

– Rõ ràng cậu còn quá trẻ để tự mình viết bản thảo này, bà ta nhận xét.

– Thật ra, cha tôi là người viết nó.

Bà ta đứng bật dậy, ôm chặt quyển sổ vào ngực.

– Cậu là con trai Frederik Andersen ư ?

– Không, tôi là con trai Romain Ozorski.

Bà ta lão đảo và bước lùi lại, như thể tôi vừa đâm một nhát dao vào bụng bà ta.

– Gì cơ? Ro... Romain?

Khuôn mặt bà ta méo mó. Rõ ràng tôi vừa tiết lộ một điều mà bà ta không trông đợi. Tiếp theo, đến lượt bà ta làm tôi chao đảo:

– Vậy, cậu là... Théo.

Tôi gạt đầu thay cho câu trả lời và hỏi:

– Bà biết tôi ư?

Cha tôi đã đúng khi bảo tôi phải thận trọng với các tiểu thuyết gia. Ngay cả khi không viết nữa, họ vẫn rải sỏi và gieo hạt để, nhiều năm sau, tạo ra những cú lật ngược tình thế trong chính cuộc đời bạn vào lúc bạn không ngờ tới nhất.

Có thể đó cũng là những gì Fantine de Vilatte tự nhủ ngay trước khi trả lời tôi.

– Phải, tôi biết cậu, Théo. Vì cậu mà cha cậu đã rời bỏ tôi.

Nhà xuất bản Fantine de Vilatte kỷ niệm mười lăm năm ngày thành lập

Le Journal du dimanche, 7 tháng Tư năm 2019

Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập của nhà xuất bản, gặp gỡ với người sáng lập, bà Fantine de Vilatte, một người kín đáo.

Tại văn phòng của bà ở Montparnasse, số 13 bis phố Campagne-Première, nằm sâu trong khoảng sân trong nho nhỏ

xinh đẹp, Fantine de Vilatte tiếp đón chúng tôi. Nhân dịp này, người sáng lập nhà xuất bản mang tên bà tổng kết về mười lăm năm tồn tại.

Nữ biên tập viên kín đáo

Ngay từ đầu, quy định là: “Tôi ở đây không phải để nói về mình, mà về những cuốn sách tôi xuất bản”, nữ biên tập viên vừa cảnh báo chúng tôi vừa gạt ra sau tai lọn tóc vàng của mái tóc ngắn cắt vuông. Là người phụ nữ thanh lịch tuổi tứ tuần, bà mặc quần jean mài, áo phông thủy thủ có cổ kiểu Peter Pan và áo vest bó bằng vải tweed. Dù Fantine de Vilatte không muốn nói về mình, nhưng rất nhiều đồng nghiệp của bà lại không hề ngần ngại ca ngợi óc ham hiểu biết, sự nhạy bén và trực giác của bà. “Bà là một độc giả tuyệt vời, một nữ biên tập viên đối thủ thừa nhận, và còn là người yêu công việc bán sách và không hề cau có khi lo toan khía cạnh thương mại của nghề này.” Trong mười lăm năm, nữ biên tập viên đã gây dựng được cả một catalog mang hình ảnh của mình. Điều hành một trụ sở nhỏ với bốn nhân viên, bà xuất bản chưa đầy mười cuốn tiểu thuyết mỗi năm.

Mỗi sáng, bà là người đẩy cánh cửa nhà xuất bản trước cả khi mặt trời lên. Trong hai giờ, bà tự mình xem các bản thảo đến qua đường bưu điện hoặc qua thư điện tử. Buổi tối, bà là người cuối cùng rời văn phòng. Bản sắc nhà xuất bản của bà dựa trên hai trụ cột: phát hiện những tài năng mới và ra mắt trở lại những tác phẩm đã bị lãng quên, chẳng hạn như *Thánh địa* của nữ nhà văn Rumani Maria Georgescu (giải Médicis cho sách

nước ngoài năm 2007) hay tác phẩm rất giàu chất thơ *Cơ học của cá hồi hun khói* của nhà văn Hungary Tibor Miklós, viết năm 1953 và nằm im trong ngăn kéo suốt hơn nửa thế kỷ.

Fantine de Vilatte đã mang niềm say mê với văn chương này từ thuở còn thơ. Chính trong những chuyến nghỉ hè dài, được tới nhà bà mình ở Sarlat, mà cô bé con đã trót yêu Tchekhov, Beckett và Julien Gracq.

Bước mở đầu rực rỡ

Là học sinh giỏi, bà theo học hai năm dự bị ngành sư phạm văn học ở trường trung học Bertran-de-Born, Périgueux, trước khi sang New York du học, ở đó bà thực tập trong rất nhiều nhà xuất bản nổi tiếng như Picador và Little, Brown. Bà trở về Pháp năm 2001. Sau đợt thực tập tiếp theo ở nhà Fayard, bà trở thành trợ lý xuất bản cho nhà xuất bản Kỳ Lân.

Fantine de Vilatte tròn hai mươi bảy tuổi khi bà thành lập nhà xuất bản riêng bằng khoản vay thời hạn hai mươi năm và đổ vào đó toàn bộ số tiền mình có. Vài tháng trước đó, bà có cuộc gặp làm thay đổi cuộc đời. Đó là cuộc gặp với cô gái xứ Wales trẻ tuổi lập dị trạc tuổi bà: Flora Conway, làm phục vụ trong một quán bar New York và viết văn khi có thời gian rảnh. Fantine hoàn toàn bị chinh phục bởi bản thảo cuốn tiểu thuyết đầu tiên của Conway. Bà hứa với cô sẽ chiến đấu bằng cả tinh thần lẫn sức lực để bảo vệ cuốn sách đó. Lời hứa đã được giữ. Tháng Mười năm 2004, tác quyền cuốn *Cô Gái trong Mê cung* được ký tại hội chợ sách Frankfurt và chuyển nhượng cho hơn hai mươi nước.

Khởi đầu cho vinh quang của Flora Conway và bước mở đầu rực rỡ đối với nhà xuất bản của nữ biên tập viên.

Bí ẩn Fantine de Vilatte

Fantine de Vilatte luôn nói về những cuốn tiểu thuyết bà xuất bản với sự nhiệt tâm và lòng nhiệt tình dễ lan tỏa. “Một đam mê có phần hơi thái quá”, một đồng nghiệp “công kích” và nhận định rằng, “ngoại trừ Flora Conway viết văn bằng tiếng Anh và đã không phát hành cuốn nào từ hơn mười năm nay”, danh mục các sách được xuất bản của De Vilatte “đáng buồn như một ngày mưa ở Toledo”. Nữ biên tập viên cũng vương những lời gièm pha từ một trong số các tác giả cũ của mình: “Bà ấy rất biết cách làm việc này: khiến bạn tin rằng bạn là duy nhất và bà ấy sẽ làm tất cả vì bạn, nhưng nếu cuốn sách của bạn không gây được tiếng vang trong báo giới hay không tìm được công chúng, bà ấy sẽ bỏ rơi bạn không chút áy náy”, nữ tiểu thuyết gia này kể. “Ẩn sau dáng vẻ cực kỳ nhún nhường thậm chí mong manh, là một chiến binh không biết thương xót”, một nữ nhân viên cũ xác nhận, đối với cô “Fantine luôn là một bí ẩn. Không ai rõ đời sống gia đình của bà, cũng không biết bà sử dụng thời gian ngoài công việc ra sao, bởi lý do đơn giản rằng với bà, cuộc sống không tồn tại bên ngoài việc xuất bản. Ngôi nhà của bà ấy, chính là bản thân bà.”

Một khẳng định mà dường sự không thể nào chối bỏ. “Biên tập là nghề đòi hỏi cao và rất thú vị. Một hoạt động tỉ mỉ và phải thông thạo nhiều thứ luôn yêu cầu bạn phải xông pha vào những việc khó nhằn. Bạn khi là chủ xưởng sửa chữa ô tô khi là

nhạc trưởng, khi là thầy chép, khi lại là người đại diện thương mại.” Về câu hỏi liệu những cuốn sách còn có thể thay đổi cuộc đời không, Fantine de Vilatte trả lời rằng “dẫu sao một cuốn sách cũng có thể thay đổi một cuộc đời” và chính bởi điều đó mà bà làm nghề này, với kim chỉ nam duy nhất là được xuất bản những cuốn sách bà thích đọc với tư cách độc giả. “Tôi có cảm tưởng rằng qua nhiều năm, tất cả những cuốn tiểu thuyết mà tôi xuất bản là những viên sỏi đánh dấu trên một con đường dài”, bà khẳng định. “Con đường dẫn đến đâu?” chúng tôi hỏi trước khi tạm biệt bà. “Một con đường dài để tới với thứ gì đó hoặc ai đó”, bà trả lời một cách bí ẩn.

Fantine de Vilatte qua 6 mốc thời gian

- 12 tháng Bảy 1977: chào đời ở Bergerac (Dordogne).
- 1995-1997: học dự bị ngành sư phạm văn học.
- 2000-2001: làm việc ở Mỹ trong các nhà xuất bản Picador và Little, Brown.
- 2004: thành lập nhà xuất bản Fantine de Vilatte. Xuất bản *Cô Gái trong Mê cung*.
- 2007: giải Médicis dành cho sách nước ngoài với cuốn *Thánh địa* của Maria Georgescu.
- 2009: Flora Conway nhận giải Franz Kafka cho toàn bộ các tác phẩm của mình.

14

Tình yêu đi theo ta

Tình yêu đi theo ta đôi khi làm phiền ta
Nhưng ta luôn cảm ơn điều đó bởi vì nó xuất phát từ
tình yêu

William SHAKESPEARE

Fantine

Tôi tên là Fantine de Vilatte.

Năm 2002, năm tôi hai mươi lăm tuổi, tôi bắt đầu một mối quan hệ với tiểu thuyết gia Romain Ozorski. Chín tháng khổ sở và lén lút. Ozorski đã kết hôn, còn tôi, tôi không thấy thoải mái trong hoàn cảnh đó. Nhưng cũng là chín tháng hạnh phúc và hòa hợp. Để có thời gian bên tôi, Romain chấp thuận mọi lời mời quảng bá sách của anh ở nước ngoài. Tôi chưa bao giờ đi nhiều đến vậy như trong vài tháng đó: Madrid, London, Kraków, Seoul, Đài Bắc, Hồng Kông.

“Nhờ có em, mà lần đầu tiên cuộc đời anh thú vị hơn những tiểu thuyết của anh”: đó là điều Romain luôn nhắc đi nhắc lại với tôi. Rằng tôi thêm “tính tiểu thuyết” vào cuộc đời anh ấy. Tôi hình dung đó hẳn là lời mà anh nói với mọi người phụ nữ, nhưng phải thừa nhận một điều ở Romain Ozorski: anh biết

cách phát hiện ở người khác những phẩm chất mà chính họ không nhận ra và truyền sự tự tin cho bạn.

Đây là lần đầu tiên cái nhìn của một người đàn ông cho tôi sức mạnh và khiến tôi xinh đẹp. Cũng là lần đầu tiên mà, để không sợ mất đi ai đó, tôi thích tự thuyết phục rằng mình chưa tìm ra người đó. Nghĩ về giai đoạn này trong đời làm tôi run rẩy và bàng hoàng. Một hạt cứng trong khối kỷ niệm nổi lên. Năm của chiến tranh ở Iraq, cái chết của Daniel Pearl, nỗi sợ hãi al-Qaeda. Năm của “Nhà chúng tôi bị cháy và chúng tôi đang tìm nơi khác để ở”, của vụ bắt giữ con tin kinh hoàng tại một nhà hát ở Moscow.

Dần dần, tôi rút cuộc phải đầu hàng và thừa nhận là mình yêu Romain. Phải, sự thật là tôi đã trải qua cùng anh ấy một kiểu chuyện tình sẽ để lại vết bỏng trên da thịt ta. Sự “rối loạn to lớn ở mọi chiều hướng” như Rimbaud nói. Và thậm chí ngay trong lúc đang sống trong tình yêu mê say đó, tôi đã biết sẽ không bao giờ trong đời mình còn cảm nhận được những cảm xúc mãnh liệt như thế. Chúng làm nên đỉnh cao trong đời sống yêu đương của tôi. Đến nỗi tất cả những gì tôi trải qua sau đó sẽ đều nhạt nhòa không thể khác đi được.

Vậy là, cuối cùng tự tôi cũng tin vào tình yêu này.

Tôi gạt bỏ hết mọi ràng buộc khi chấp nhận có những dự định với anh. Khi tôi cho phép mình nghĩ rằng chuyện tình của chúng tôi có thể đi đến cuối và tôi đã chấp thuận cho Romain thực hiện điều mà anh muốn làm từ vài tháng nay: thông báo

với vợ anh cuộc hôn nhân của họ đã chấm hết và anh muốn ly hôn.

Điều tôi không ngờ là bản thân Almine cũng có điều muốn báo cho chồng mình vào tối đó: cô ấy sắp có con. Một bé trai. Cậu bé Théo.

Romain

Từ: Romain Ozorski

Đến: Fantine de Vilatte

Tiêu đề: Sự thật về Flora Conway

21 tháng Sáu năm 2022

Fantine yêu dấu,

Sau hai mươi năm im lặng, hôm nay anh quyết định viết cho em từ trên giường bệnh. Theo lời các bác sĩ, nhiều khả năng anh sẽ không chết ngay trong vài ngày tới, nhưng sức khỏe anh sẽ rất yếu, và nếu chuyện đó xảy ra, anh muốn em biết một vài chuyện.

Cuối những năm 1990, sau khi xuất bản hơn một chục tiểu thuyết, anh ấp ủ dự định ra mắt những cuốn sách dưới một bút danh. Mặc dù sách của anh bán được (rất) tốt, nhưng chúng chỉ được đọc dưới một thương hiệu. Chúng không còn tạo thành một sự kiện, nhất là một cuộc hẹn thường niên. Anh mệt mỏi phải nghe mãi những thử giống nhau về mình, phải trả lời những câu hỏi giống nhau trong các cuộc phỏng vấn, phải giải thích vì sao mình có thành công, có độc giả, có trí tưởng tượng.

Vậy là trong cuộc tìm kiếm một sự tự do nghệ thuật mới, anh quyết định lao vào một thử thách: viết nhiều câu chuyện bằng tiếng Anh. Thay đổi ngôn ngữ, phong cách, thể loại. Viễn cảnh tự mình tạo ra hai hướng văn chương có cái thú vị riêng - tiếp tục cuộc chơi của mình với các độc giả đồng thời đeo vào một chiếc mặt nạ - nhưng nó cũng khơi lại một giấc mơ xưa mà nhiều người từng có trước anh: được tái sinh làm một con người khác.

Sống nhờ vào những mảnh cuộc đời khác với cuộc đời của bản thân đã là số phận mỗi ngày của tiểu thuyết gia. Lần này, phương pháp phân thân chỉ là diễn ra theo một khía cạnh khác và ở quy mô lớn hơn.

Từ năm 1998 đến cuối 2002, anh đã viết được ba cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Anh và cất chúng trong ngăn kéo đợi thời điểm thích hợp để xuất bản. Anh chưa từng nói với em về ý định này khi chúng ta bên nhau, Fantine ạ. Vì sao ư? Có lẽ là vì anh ý thức rõ rằng có quá nhiều hợm hĩnh trong phương pháp này. Với Émile Ajar, Vernon Sullivan hay Sally Mara, những người khổng lồ của văn học đã thành công trước anh trong việc sáng tác hai hướng văn chương. Vậy thì bắt chước họ để làm gì? Có lẽ là để trả thù. Nhưng trả thù cái gì và trả thù ai?

Fantine

Biết tin vợ mang thai, Romain đột ngột cắt đứt mối quan hệ của chúng tôi. Cha mẹ anh chia tay ít lâu sau khi anh ra đời. Anh chưa bao giờ biết mặt cha và thiếu thốn này ám ảnh anh suốt

cuộc đời. Để mang đến môi trường gia đình vững chắc cho con trai, anh quyết định làm mọi thứ để tạo ra cơ hội thứ hai cho hai vợ chồng. Tôi nghĩ lý do chính là anh kinh hãi trước viễn cảnh rằng nếu đổ vỡ, Almine sẽ không cho phép anh chứng kiến con trai lớn lên trong những điều kiện tốt.

Khi Romain rời bỏ tôi, tôi chìm sâu trong khu rừng tối tăm của bệnh trầm cảm. Suốt nhiều tháng tôi quan sát sự sụp đổ bên trong con người tôi với tư cách khán giả, không thể làm gì để ngăn mình lún sâu hơn nữa.

Vai trò mà tôi phải miễn cưỡng thực hiện trong đoạn kết của chuyện tình chúng tôi, trì hoãn thời điểm Romain nói chuyện với vợ anh, khiến cho vết thương trong lòng tàn phá tôi mãi không khép miệng. Thân thể tôi nằm dài trên đất, trái tim tôi hấp hối, linh hồn tôi tan vỡ. Đưa cuộc đời sang trang mới là việc tưởng như không thể vượt qua. Tôi thấy xa lạ với chính mình. Cuộc đời tôi không còn ý nghĩa, không còn ánh sáng, không còn tương lai.

Giai đoạn đó, tôi làm trợ lý biên tập bản thảo của một nhà xuất bản nằm trên phố Rue de Seine. Văn phòng của tôi là một phòng áp mái nhỏ xíu cách âm kém nằm trên tầng cao nhất một tòa nhà có mặt tiền màu xám nhạt. Khoảng không gian nơi tôi phải tranh đấu lũ bồ câu và hàng trăm bản thảo chất đống dưới sàn nhà, cao đến tận mặt bàn làm việc, tạo thành chiếc thang ngắn để trèo lên giá sách và đôi khi còn cao đến tận trần nhà.

Nhà xuất bản nhận hơn hai nghìn bản thảo mỗi năm. Nhiệm vụ của tôi là thực hiện lựa chọn vòng một các bản thảo. Đó loại

bỏ những thể loại mà nhà xuất bản không phát hành (tư liệu, thơ, kịch) và đưa ra nhận xét ban đầu về các bản thảo thuộc thể loại hư cấu. Tiếp đến, tôi chuyển nhận xét của mình cho các biên tập viên kinh nghiệm hơn. Tôi từng có rất nhiều mơ mộng đối với vị trí này, nhưng sau một năm làm nghề, tôi đã mất hết mọi ảo tưởng.

Đó là thời kỳ lạ lẫm. Mọi người đọc ít đi và viết nhiều lên. Ở Los Angeles, ai cũng có một kịch bản trong USB của mình, từ nhân viên trạm xăng vừa bơm đầy bình cho bạn đến cô gái làm bồi bàn trong một hộp đêm. Ở Paris, mỗi người đều có một bản thảo cát trong ngăn kéo hoặc một ý tưởng tiểu thuyết trong đầu. Nói thật lòng, một nửa số bản thảo tôi nhận được cực kỳ tệ hại: lỗi viết nghèo nàn, cú pháp lung tung, không văn phong, lời kể lộn xộn. Nửa còn lại thì chán ngán, không có chút gì thú vị, nằm giữa những người phụ nữ tự coi mình là Duras và những gã đạo văn Dan Brown (Mật mã Da Vinci khi ấy vừa phát hành ở Mỹ và đã sản sinh ra những tạo vật hư cấu kinh khủng)... Chưa bàn đến kiệt tác hay câu chuyện hấp dẫn, tôi chưa từng nhận được một tiểu thuyết nào mà bản thân có thể coi là yêu thích.

Và rồi đến cái ngày cuối tháng Chín đó. Tôi đến văn phòng nhỏ bé lạnh ngắt của mình lúc tám giờ ba mươi. Tôi bật máy sưởi (nó chỉ khạc ra luồng hơi âm ỉ), cắm máy pha cà phê (chỉ phun ra thứ nước loãng toẹt) và khi ngồi vào bàn làm việc tôi nhìn thấy nó: một phong bì bằng giấy kraft nằm trên sàn, thò ra một nửa từ đằng sau chiếc tủ. Tôi đứng dậy để nhặt. Có lẽ nó rơi xuống từ chiếc bàn bằng gỗ ép bị sập dưới đồng bản thảo.

Tôi đang sắp sửa bỏ nó lên chồng bản thảo lung lay thì nhận ra nó được gửi đích danh cho mình. Tôi, người không là ai cả trong nghề, rất xúc động vì sự quan tâm đó, tôi hình dung tác giả đã tìm kiếm trên các diễn đàn Internet hoặc ở đâu đó tên một người có thể sẽ thực sự để tâm đến tác phẩm của mình. Và tôi mở chiếc phong bì. Bên trong là một bản thảo đánh máy và được viết bằng tiếng Anh.

Bằng tiếng Anh, chết tiệt... Con người ta quả là chẳng ngại điều gì.

Tôi đang định ném thẳng nó vào thùng đựng bản thảo từ chối thì nhan đề câu chuyện thu hút trí tò mò của tôi. *The Girl in the Labyrinth*. Tôi lơ đãng đọc trang đầu tiên, vẫn đứng nguyên trước tủ. Rồi hai trang tiếp theo. Tôi ngồi lại vào bàn để đọc chương đầu tiên. Rồi hai chương tiếp theo, rồi... Đến trưa, tôi bỏ bữa để đọc tiếp và khi giở đến trang cuối cùng, trời đã tối.

Tim tôi đập dồn dập. Tôi bị sốc, chấn động, nụ cười nở trên môi, như thể tôi đã yêu. Vậy là, sau cùng tôi cũng có được bản thảo chạm đến tim mình. Cuốn sách khác biệt này không giống bất kỳ cuốn nào tôi từng đọc trước đây. Một cuốn sách đặc biệt, không thể phân loại, đã chộp lấy tôi, tóm tôi vào tấm lưới của nó. Một làn gió tươi mới, khác hoàn toàn với cái giới nhỏ bé trì trệ này.

Tìm trong phong bì, tôi thấy một bức thư gửi kèm viết khá ngắn gọn:

Paris, ngày 2 tháng Hai năm 2003. Thưa cô, tôi gửi kèm trong đây bản thảo tiểu thuyết của tôi, *Cô Gái trong Mê cung*, có lẽ nhà

xuất bản Kỳ Lân sẽ thấy hứng thú. Khả năng tài chính của tôi có hạn, tôi gửi bản thảo này cho duy nhất nhà xuất bản của cô và xin cảm ơn nếu cô hồi đáp trong thời hạn thích hợp và xin gửi trả bằng chiếc phong bì đính kèm nếu nó không phù hợp với nhà xuất bản. Trân trọng, Frederik Andersen.

Phần chữ ký làm tôi ngạc nhiên - suốt lúc đọc, tôi đã hình dung tác giả là phụ nữ - nhưng ý muốn gặp Andersen trong tôi càng tăng gấp bội. Bức thư có ghi địa chỉ, phố Lhomond, kèm một số điện thoại. Tôi gọi ngay không chần chừ. Bức thư để ngày gửi cách đây đã hơn sáu tháng, nên hy vọng là tác giả đã không nản lòng vì chờ đợi và không gửi bản thảo cho nhà xuất bản khác. Nhưng kể cả trường hợp đó, tôi vẫn còn cơ hội nếu không nhà xuất bản nào phát hiện ra bản thảo trước tôi, vì nó viết bằng tiếng Anh. Không ai trả lời và tôi cũng không để lại được lời nhắn.

Tôi về nhà mà không nói với ai về phát hiện của mình. Ngay khi đọc xong, bất chấp sự háo hức muốn chia sẻ niềm phấn khởi, tôi vẫn giữ cái đầu lạnh và sự im lặng. Ở Kỳ Lân, tôi là bóng ma trên lầu sáu. Quý cô Trong Suốt. Rất ít người tôn trọng công việc của tôi và phần lớn không biết đến sự tồn tại của tôi. Tôi là “cô gái của các bản thảo”, “nữ trợ lý”. Thực ra, tôi căm ghét những kẻ ngu ngốc cổ lỗ sĩ đó cùng những mục đàn bà học đòi sang chảnh suốt ngày tiệc tùng chè chén với nhau. Tại sao phải dâng bản thảo này cho họ? Tại sao phải tặng họ *Cô gái trong Mê cung* của tôi? Dẫu sao nó cũng được gửi cho riêng tôi cơ mà. Tôi gọi lại cho Frederik Andersen vào lúc bảy giờ tối và cứ một tiếng một

lần cho đến nửa đêm. Vì không nhận được hồi đáp, tôi gõ tìm tên ông ấy trên Google và kết quả tìm được khiến tôi rụng rời.

Khu Val-de-Grâce: thi thể một người đàn ông được tìm thấy trong căn hộ bốn tháng sau khi chết

Le Parisien, 20 tháng Chín năm 2003

Tấn bi kịch về sự cô độc đang diễn ra ngày càng thường xuyên tại thủ đô và vùng ngoại ô một cách đáng buồn. Thi thể ông Frederik Andersen đã được tìm thấy vào thứ Năm vừa qua trong căn hộ nhỏ của ông ở quận V. Một đôi vợ chồng trẻ hàng xóm, vừa trở về sau chuyến du lịch dài ngày ở Nam Mỹ, đã báo cho lực lượng cứu hộ khi họ thấy có mùi lạ và thư báo chất đông trong hộp thư. Đầu giờ tối, lực lượng thuộc Đội Cứu hỏa số 3 đã dựng thang trên phố Lhomond đến tận ban công căn hộ. Lính cứu hỏa đập vỡ một cửa sổ kính để tiếp cận nơi ở của nạn nhân. Cùng với cảnh sát, họ phát hiện ra thi thể đang trong tình trạng phân hủy. Không có dấu hiệu bị bẻ khóa và cửa ra vào được chốt từ bên trong. Tất cả hướng tới suy nghĩ đây là cái chết tự nhiên, nhưng khám nghiệm tử thi vẫn được yêu cầu để loại trừ chính thức hướng điều tra hình sự. Bác sĩ pháp y cũng sẽ xác định thời điểm chính xác người đàn ông sáu mươi bảy tuổi này tử vong. Theo các chi tiết thu thập tại chỗ, cái chết xảy ra vào đầu tháng Năm, các tờ báo được dừng lấy khỏi hòm thư từ thời điểm đó.

Là người không kết hôn, Frederik Andersen luôn sống một mình, và chi trả phần lớn các hóa đơn bằng thanh toán tự động. Là người có nhiều vấn đề về sức khỏe, từ vài năm nay thầy giáo

về hưu này di chuyển bằng xe lăn và rất ít khi ra khỏi nhà. Việc ông không xuất hiện những tháng gần đây không đặc biệt gây ngạc nhiên cho những người hàng xóm mà ông vốn cũng ít tiếp xúc.

Trong phố, mọi người nhớ đến ông là người dè dặt và sống xa cách, hay suy tư và rất thích ở trong nhà. “Không phải lúc nào ông ấy cũng cất lời chào khi mọi người gặp ông ấy ở thang máy”, Antonia Torres, bà gác cổng của tòa nhà, kể. [...]

Fantine

Tôi không ngủ đêm đó, tôi thấy mình như bị bản thảo này ám. Tôi không muốn để mất nó vì bất cứ thứ gì trên đời. Cuốn tiểu thuyết này là dành cho tôi. Chính vì những thứ như thế mà tôi muốn làm nghề này: để khám phá ra một bản thảo hay một tác giả. Tôi thấy khó mà tin nổi một người đàn ông sáu mươi bảy tuổi lại viết được một tiểu thuyết hiện đại đến vậy, rồi tôi nhớ về những buổi học triết và vị giáo sư lớp dự bị luôn trích dẫn Bergson: “Chúng ta không thực sự thấy bản chất của mọi thứ; thường thì ta chỉ tự giới hạn mình ở việc đọc nhãn dán trên chúng.” Trong cơn mất ngủ, một kế hoạch điên rồ bắt đầu nảy mầm trong tâm trí tôi, nhưng nó cần một cuộc điều tra thực sự.

Ngày hôm sau, tôi gọi điện cho nhà xuất bản để nói rằng tôi thấy khó ở và xin phép không đến văn phòng. Sau đó tôi tới phố Lhomond. Tôi chưa bao giờ tới đây. Sáng sớm, con phố lớn dẫn xuống khu mua bán của phố Mouffetard không mấy nhộn nhịp và có cái vẻ yên ắng của một thị trấn. Tưởng như một tập phim

Maigret cũ trên đài France Televisions đang được phát lại. Tòa nhà nơi Frederik Andersen đã kết thúc đời mình là một trong những góc xấu nhất của khu phố. Một trong vô số tòa nhà “hiện đại” với mặt tiền màu nâu nhạt bằng bê tông mà thập niên 1970 đã để lại. Đầu tiên tôi tưởng sẽ không có người gác cổng, nhưng hóa ra khỏi nhà này được hợp thành từ ba tòa nhà khác nhau và phòng của người gác cổng nằm ở tòa nhà bên cạnh.

Tôi gõ cánh cửa phòng bà - người phụ nữ tên Antonia Torres mà bài báo đã nhắc đến - và nói rằng mình đang đi tìm một căn hộ nằm trong khu này. Tôi nói với bà là tôi đã đọc tờ *Le Parisien* tuần trước và tôi tự hỏi căn hộ của ông Andersen đã có người thuê chưa. Antonia thao thao bất tuyệt về chủ đề này. Ban đầu xác nhận với tôi rằng Federik Andersen không còn liên hệ với gia đình. Không ai xuất hiện kể từ khi ông ta chết. Chủ nhà cho thuê đã dọn sạch se căn hộ và để tạm đồ đạc của ông ta vào một buồng chứa lớn ở tầng hai dưới hầm trong lúc chờ một công ty đến lấy chúng. Bà ta còn cho tôi biết Andersen từng là giáo viên một trường cấp ba ở quận XIII, nhưng vì sức khỏe yếu nên ông ta đã nghỉ hưu sớm. “Ông ấy là giáo viên tiếng Anh à? - Có lẽ vậy” Antonia trả lời.

Tôi đã biết đủ để thực hiện thứ gì đó. Tôi dành toàn bộ thời gian còn lại của buổi sáng ngồi ở một quán cà phê trên phố Mouffetard để xới đảo trong đầu mọi giả thiết. Tôi tin rằng cuộc đời đang trêu đùa mình. Rằng các hành tinh sẽ không nằm thẳng hàng với nhau như thế thêm lần nào nữa. Mặc dù có những rủi ro, chắc chắn rồi, và khoảng thời gian thuận lợi là rất

eo hẹp, nhưng chuyến phiêu lưu này chợt mang đến ý nghĩa lần nữa cho sự tồn tại của tôi.

Một cơn dông kéo đến vào giờ ăn trưa. Tôi trở lại phố Lhomond và tranh thủ cơn mưa để đi theo sau một chiếc ô tô xuống tầng hai hầm đỗ xe của tòa nhà. Có nhiều ngăn đóng, nhưng duy ba ngăn trong số đó có cửa vào lớn hơn nhiều, hay như bà gác cổng gọi là “buồng chứa lớn”. Trong ba buồng này, một buồng trống, buồng thứ hai có một chiếc ô tô đỗ. Buồng thứ ba khóa bằng một cái khóa to. Loại thường thấy dùng để khóa xe tay ga hoặc xe mô tô. Tôi đứng hồi lâu trước cánh cửa, nhìn chòng chọc vào ổ khóa. Vậy là hết. Tôi sẽ không bao giờ bẻ được cái khóa này. Tôi không có dụng cụ, cũng không đủ sức khỏe để làm việc đó.

Trong đầu tôi, các ý nghĩ bắt đầu nảy ra với tốc độ hàng trăm cây số trên giờ. Tôi rời phố Lhomond và đội mưa đi đến hãng Hertz trên đại lộ Saint-Michel. Tôi thúc ngay chiếc ô tô đầu tiên có thể thuê và chạy quãng đường gần một trăm cây số ngăn giữa Paris và Chartres. Tôi có một người em họ ở đó - Nicolas Gervais tức “Nico béo” tức “Ngốc béo” tức “Chim quả ớt” dù không vằn chút nào - hiện đang là lính cứu hỏa. Cậu ta không phải đứa tinh ranh nhất vùng Eure-et-Loir và cũng rất lâu rồi tôi không tới thăm cậu ta, nhưng Nico rất hay giúp đỡ và dễ điều khiển. Dù cả thế giới có nghĩ ngược lại, thì thực sự tôi không hề tốt bụng và khoan dung. Tôi rất đố kỵ, hay ghen tức, hiếm khi thấy thỏa mãn. Nguyên do có lẽ tại mặt tôi trống có duyên và chừng mực, nên họ nghĩ tôi bình thản, thật ra tôi luôn thấy bứt rứt. Họ nghĩ

tôi hiền lành, thật ra tôi rất tàn nhẫn. Họ nghĩ tôi ngây thơ, thật ra tôi rất nham hiểm. Romain Ozorski là người duy nhất thật sự hiểu tôi. Anh đã tìm ra con bọ cạp nấp trong đóa hồng. Nhưng anh vẫn yêu nó.

Tôi tìm được Nico ở nhà mẹ cậu. Tôi vào vai cô gái tuyệt vọng và nhờ cậu giúp đỡ để mở cánh cửa một hầm để xe mà bạn trai cũ của tôi nói là đã tống hết đồ đạc của tôi vào trong đó. Cậu ta cần cậu, rất vui vẻ được đóng vai người bảo vệ. Gần sáu giờ chiều, tôi trả xe trên đại lộ Courtille ở Chartres, và khi Nico vênh vào đón tôi trên chiếc 4x4, cậu đã lấy một chiếc kim cắt dài hơn sáu mươi phân mà lính cứu hỏa dùng để phá ổ khóa trong trường hợp khẩn cấp. Ổ khóa trên phố Lhomond không thể chống cự nổi. Tôi cảm ơn Ngọc bèo vì đã giúp đỡ rồi đuổi cậu ta về, không cho cậu ta cơ hội hỏi sâu hơn hay hiểu chuyện gì đã xảy ra với mình.

Tôi dành gần như cả đêm trong ngăn đựng xe này, kiểm kê đồng đồ đạc tìm được trong căn hộ của Frederik Andersen với chiếc đèn pin thó từ chiếc 4x4. Vài món đồ gỗ nội thất, một chiếc ghế xoay, một máy chữ chạy điện Smith Corona, hai va li to bằng vải trắng nhựa đựng đĩa vinyl và đĩa CD trải dài từ Tino Rossi đến Nina Hagen, Nana Mouskouri và Guns N'Roses. Tôi tìm thấy cả những số báo *The New Yorker* cũ và trong ba thùng các tông là bản in đầu một số tiểu thuyết tiếng Anh: nhà xuất bản Penguin Classics, các tiểu thuyết trình thám *paperback*, có ghi chú của Thư viện Hoa Kỳ. Hầm để xe còn thú vị bởi thứ mà nó không chứa: không có ảnh, không có thư từ trao đổi. Và nhất là,

trong một chiếc tủ sắt có nhiều ngăn kéo, tôi tìm thấy thứ mà mình thậm chí không dám tưởng tượng ra: hai bản thảo đánh máy mới. *The Nash Equilibrium* và *The End of Feelings*. Bồn chồn, tôi đọc những trang đầu của chúng trong lo sợ. Đây hoàn toàn không phải bản nháp, mà là những tiểu thuyết đã hoàn thành, và những trang tôi đọc cũng xuất sắc hệt như *The Girl in the Labyrinth*.

Tôi rời phố Lhomond lúc năm giờ sáng. Tôi vẫn còn nhớ những cảm giác của mình vào buổi sáng hôm đó khi bước đi dưới mưa, ướt đầm từ đầu đến chân, kiệt sức nhưng vui sướng, ôm chặt vào ngực cả hai tập bản thảo mới.

Những tiểu thuyết của tôi...

Romain

Từ: Romain Ozorski

Đến: Fantine de Vilatte

Tiêu đề: Sự thật về Flora Conway

[...] Những tháng sau cuộc chia tay của chúng ta là những tháng ngày vừa đẹp đẽ nhất vừa đau đớn nhất của đời anh. Đẹp đẽ nhất vì nó trùng với thời điểm Théo xuất hiện và niềm hạnh phúc được làm cha. Kinh khủng nhất vì không được gặp em nữa là một nỗi đau dai dẳng. Nỗi nhớ em làm anh thao thức suốt đêm và thổi bùng lên mọi con quỷ trong anh. Chính là để tiếp tục được làm điều gì đó cùng em mà anh nảy ra ý tưởng gửi cho em bản thảo cuốn *Cô gái trong Mê cung*. Như một món quà, như một lời xin em thứ lỗi. Nhưng để cuộc phiêu lưu được mỹ mãn,

thì nó phải đáng tin, và anh biết em sẽ không dễ bị lừa. Anh dựng lên một nghìn kịch bản, nhưng không có cái nào anh thấy đứng vững. Ý tưởng nảy ra vào giờ ăn nhẹ buổi chiều, giữa hàng dài những người đứng đợi ở cửa hiệu bánh ngọt gần quảng trường Contrescarpe. Những vị khách nữ đứng trước anh nói về xác một người đàn ông được tìm thấy nhiều tháng sau khi ông ta qua đời tại căn hộ của mình trên phố Lhomond. Anh kiên nhẫn lắng nghe chi tiết vụ việc này. Andersen là một người đàn ông sống tách biệt, ốm yếu, không con cái cũng không có quan hệ xã hội. Một cựu giáo viên nhỏ bé, nhợt nhòa và cô độc, sống trong thế giới nhưng không để lại nhiều dấu vết. Con người hoàn hảo để hóa thân làm một nhà văn chết trong sự vô danh.

Như thể đang xây dựng tình tiết cho một cuốn tiểu thuyết, anh chuẩn bị một cú chọc bóng bi a ba băng đầy tham vọng. Tòa nhà trên phố Lhomond do OPAC, Phòng Quản lý Cư trú thành phố Paris, quản lý. Điều này nghĩa là không chỉ căn hộ của Andersen sẽ không bị để trống lâu, mà những đồ đạc của ông ấy, cất trong một ngăn dưới gầm để xe, cũng sẽ không ở đó mãi mãi. Anh bẻ khóa ngăn để xe đó, rồi, để tạo niềm tin cho phiên bản một ông Andersen thành thạo hai thứ tiếng, anh rải vài manh mối giả dưới dạng những tạp chí Mỹ và tiểu thuyết viết bằng tiếng Anh. Anh để lại cả chiếc máy chữ mà anh đã dùng để soạn các bản thảo cùng hai bản thảo *The Nash Equilibrium* và *The End of Feelings*. Sau cùng, anh khóa cửa bằng một ổ khóa mới - cũng dày như ổ khóa cũ để không làm nhiệm vụ của em trở nên quá đơn giản - rồi chuyển sang bước hai của kế hoạch.

Trước đây, đã có vài lần anh tới đợi em trên phố Rue de Seine. Anh biết văn phòng em ở đâu. Anh biết những cảm xúc trái ngược mà em nuôi dưỡng với giới xuất bản. Để vào được trong tòa nhà, anh đồng ý nhận một cuộc hẹn với chủ nhà xuất bản. Rất đơn giản: về phương diện nghề nghiệp, anh đã có những năm tháng rực rỡ và vào thời gian đó, mọi nhà xuất bản đều nuôi hy vọng thu hút được “tác giả được yêu thích nhất nước Pháp”. Anh ngồi lại cuộc hẹn tới một giờ mười lăm phút chiều, rồi khi họ tiễn anh ra thang máy, anh đã lên tầng trên cùng thay vì xuống dưới sảnh. Vào giờ đó, hành lang hoàn toàn vắng lặng. Em đang nghỉ ăn trưa và văn phòng em không khóa: bọn trộm hiếm khi lấy các bản thảo... Anh đặt chiếc phong bì bằng giấy kraft sau một chiếc bàn thấp làm sao để nó thò ra và đổ nghiêng.

Anh đã xếp đặt mọi thứ vào vị trí. Giờ thì, Fantine ạ, đến lượt em tham gia cuộc chơi.

Fantine

Cha mẹ tôi, bạn bè tôi, ông bà tôi, Nico ngốc: tôi vay tiền của tất cả mọi người để thành lập nhà xuất bản riêng. Vài đồng chỗ này, vài đồng chỗ kia. Tôi bỏ kế hoạch tiết kiệm mua nhà, thanh lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ và ký giấy vay nợ. Cả thế giới coi tôi là một con mụ gàn dở và đã phao cả tin đồn về thất bại được báo trước của tôi. Những cuốn sách không thay đổi được thế giới, nhưng *Cô gái trong Mê cung* đã thay đổi cuộc đời tôi. Nhờ tiểu thuyết này, tôi đã trở thành người phụ nữ khác, tự tin hơn, quyết đoán hơn. Và ngọn lửa mới này, tôi có được nó còn nhờ

bản sao của tôi: Flora Conway. Nhân vật tôi đã tạo ra để gánh vác bản thảo của Frederik Andersen. Tôi nhào nặn cô ấy theo những ước muốn của tôi. Flora Conway, đó là tác giả mà tôi hằng mơ được đọc sách. Xa khỏi cộng đồng những kẻ bốc mùi ở Saint-Germain-des-Prés và những mối quan hệ loạn luân của những tên trùm giới văn chương, tôi tạo ra cho cô ấy một tuổi thơ ở xứ Wales, một tuổi trẻ nổi loạn ở New York, một quá khứ làm phục vụ bàn ở quán Mê cung, một căn hộ trên tầng cao nhất một tòa nhà ở Brooklyn với tầm nhìn hướng ra sông Hudson.

Flora, là định nghĩa của tôi về tự do: một linh hồn được giải phóng không chèo kéo để bán sách, người xem thường các phương tiện truyền thông, người mà về căn bản sẽ nói các phóng viên cúp đi. Một người phụ nữ không sợ gì cả, người sẽ ngủ với bất cứ ai cô ấy muốn khi cô ấy muốn, người sẽ không ve vuốt những bản năng thấp kém của độc giả, mà là trí thông minh của họ, người không che giấu sự khinh bỉ với các giải thưởng văn học, nhưng vẫn giành được chúng. Flora ra đời như thế, từng nét nhỏ một, trong lúc tôi dịch các bản thảo của cô sang tiếng Pháp và về sau, theo những thành công văn chương của cô, dần dà đến lượt, tôi ngồi sau bàn phím để trả lời các lời mời phỏng vấn qua thư điện tử. Khi phải tìm một khuôn mặt cho Flora, tôi chọn một bức ảnh thời trẻ của bà tôi. Một bức ảnh ưa nhìn trên đó cô ấy trông giống tôi. Flora ở trong đầu và trong ADN của tôi. Flora Conway, là tôi.

Tôi ở phiên bản tốt hơn.

Romain

Từ: Romain Ozorski

Đến: Fantine de Vilatte

Tiêu đề: Sự thật về Flora Conway

[...] Anh phải thú nhận là em làm anh ngạc nhiên. Thật sự. Anh đã viết những bản thảo đó trong vui sướng và thậm chí thỉnh thoảng còn là một dạng hứng khởi, điều đã không xảy ra với anh từ lâu lắm rồi. Khi anh là bản sao đó, ma lực của nghề viết lại hiện ra.

Anh nghe nói về Flora Conway lần đầu tiên khi các nhà xuất bản trên khắp thế giới háo hức với cuốn tiểu thuyết của cô ấy ở hội chợ sách Frankfurt. Cả giới xuất bản xôn xao về việc em lập hẳn một nhà xuất bản dành riêng cho sự xuất hiện mới này. Anh thán phục đầu óc kinh doanh của em, nó đã khiến em biến ông lão giáo viên có phần mờ nhạt mà anh áp đặt cho em thành nữ tiểu thuyết gia bí ẩn làm việc trong một quán bar ở New York.

Ban đầu, anh thật sự thấy mừng. Đột nhiên, một sự nghiệp mới đã bắt đầu. Tác phẩm của anh cuối cùng cũng được gỡ cái mác. Anh trải qua sự đón nhận này như một cuộc tái sinh, một nhiên liệu mới cho cuộc đời sáng tác của mình. Như thể được yêu một lần nữa vậy! Anh ném mùi sự bất nhã trong vài hoàn cảnh. Trong một chương trình về văn chương, một nhà phê bình liên tục công kích cuốn sách mới nhất của anh và nịnh hót cuốn của Flora. Vài tuần sau, một tờ nhật báo đề nghị anh viết một bài nhận xét về *Cô gái trong Mê cung*. Trái ngược hoàn toàn

với những gì mọi người nói, anh đưa ra một ý kiến tiêu cực và cả thế giới kết tội chắc chắn là anh đang ghen tức! Ban đầu anh rất vui vì việc làm táo bạo này, nhưng niềm vui không kéo dài lâu. Trước tiên, anh không có ai để chia sẻ nỗi. Tiếp đến, mặc dù bản thảo của Flora Conway là của anh, nhưng cô ta lại là nhân vật sáng tạo của em. Anh không phải người duy nhất giật dây mọi chuyện. Và, nói thật lòng, anh thậm chí không điều khiển được thứ gì nữa.

Sau nhiều năm, cuối cùng Flora Conway đã hoàn toàn thoát khỏi anh và khiến anh khó chịu. Cứ mỗi lần họ nói với anh về cô ta, mỗi lần anh đọc được một bài báo về cô ta hoặc khi người ta hát những lời ca ngợi cô ta trước mặt anh, anh cảm thấy một nỗi thất vọng mà, theo thời gian, nó biến thành sự tức giận. Đã nhiều lần anh muốn tiết lộ bí mật của mình và hét lên với cả thế giới: “Lũ ngu, Flora Conway chính là tôi!”

Nhưng anh vẫn đứng vững trong cuộc chiến mỗi ngày chống lại sự kiêu căng này.

Vào một trong những thời điểm đau đớn nhất cuộc đời anh, mùa thu đông năm 2010, khi vợ cũ tìm cách tước quyền nuôi con của anh và anh cảm thấy mình bị tất cả xa lánh và bỏ rơi, anh đã muốn hé lộ cho em bí mật của câu chuyện đó. Chỉ riêng em. Vì không biết phải làm sao để nói lại với em, anh làm điều duy nhất mà anh biết cách thực hiện: anh cố gắng kể cho em sự thật bằng một cuốn tiểu thuyết. Một cuốn tiểu thuyết có Flora Conway và Romain Ozorski. Tạo vật và kẻ sáng tạo, nhân vật nổi loạn chống lại nhà văn “của mình”. Một cuốn tiểu thuyết mà em sẽ là độc giả

duy nhất. Cuốn tiểu thuyết này, anh đã khởi động viết, mùa đông năm đó, nhưng anh không bao giờ hoàn thành được.

Bởi vì Flora không phải nhân vật đơn giản.

Bởi vì anh đã có một lời hứa và chưa bao giờ anh viết thêm một dòng nào.

Và có thể cũng bởi câu chuyện này chỉ có thể đi đến hồi kết ở ngoài đời thực. Bởi, như câu nói của Miller mà em rất thích trích dẫn: “Những cuốn sách còn để làm gì nếu chúng không dẫn ta về với đời thực, nếu chúng không thể làm ta khao khát được uống thêm?”

Bệnh viện Bastia

Khoa tim mạch - Phòng 308

22 tháng sáu năm 2022

Giáo sư Claire Giuliani (*bước vào phòng*): Ông định sửa soạn như thế để đi đâu?

Romain Ozorski (*khóa chiếc túi*); Đến nơi tôi cho là tốt.

Claire Giuliani: Không nên như thế, ông trở lại giường ngay lập tức đi!

Romain Ozorski: Không, tôi biến đây.

Claire Giuliani: Ông hãy thôi bày trò đi, ông không phải đưa trẻ lên tám.

Romain Ozorski: Tôi không thể ở đây thêm một giây nào nữa. Nơi này toàn mùi chết chóc.

Claire Giuliani: Ông dễ chịu hơn khi người ta cáng ông đến đây với những mạch máu tắc nghẽn đấy.

Romain Ozorski: Tôi chẳng yêu cầu ai hồi sinh cho mình.

Claire Giuliani (*đứng chắn trước tủ để ngăn Romain lấy áo bu đông*): Khi thấy ông thế này, tôi tự nhủ đáng nhẽ khi đó tôi nên tự đặt cho mình nhiều câu hỏi hơn, thật sự là như vậy.

Romain Ozorski: Bà tránh ra!

Claire Giuliani: Tôi làm điều gì tôi muốn. Tôi đang ở nhà mình!

Romain Ozorski: Không, bà đang ở nhà tôi. Những đồng thuế tôi nộp là để trả lương cho bà và cho phép xây dựng bệnh viện này! Claire Giuliani (*đứng dịch ra*); Khi đọc những cuốn sách của ông, người ta hình dung ông là người dễ mến, nhưng thật sự ông là lão già ngu ngốc đáng khinh.

Romain Ozorski (*khoác áo bu đông vào*): Toàn bộ phép lịch sự của tôi đã hết, tôi biến đây.

Claire Giuliani (*cố nói ngọt*): Ông không được đi trước khi viết xong lời đề tặng lên sách của ông cho tôi. Để tôi không cứu mạng ông một cách vô ích, ít nhất là như vậy.

Romain Ozorski (*viết nguệch ngoạc lên một trang trong cuốn tiểu thuyết mà vị bác sĩ chìa cho mình*): Đây, bà vừa lòng chưa?

Claire Giuliani: Nghiêm túc thì, ông định đi đâu?

Romain Ozorski: Đến nơi sẽ không ai làm tôi tức phọt cứt.

Claire Giuliani: Thật nhã nhặn làm sao. Ông nên biết là, nếu không có chăm sóc y tế, ông sẽ chết đấy.

Romain Ozorski: Ít nhất tôi cũng sẽ tự do.

Claire Giuliani (*nhún vai*): Tự do thì được ích gì nếu ta chết?

Romain Ozorski: Sống thì ích gì nếu bị cầm tù?

Claire Giuliani: Chúng ta không có cùng định nghĩa về sự cầm tù.

Romain Ozorski: Chào bà, bác sĩ.

Claire Giuliani: Đợi thêm năm phút nữa đi. Mặc dù không phải giờ vào thăm nhưng có một người muốn gặp ông.

Romain Ozorski: Đến thăm ư? Ngoài con trai tôi, tôi không muốn gặp ai.

Claire Giuliani: Con trai ông, con trai ông, ông chỉ có mỗi từ đó trên môi. Hãy để cậu ấy được sống chút đi!

Romain Ozorski (*nóng lòng muốn đi*): Ai muốn gặp tôi?

Claire Giuliani: Một người phụ nữ. Cô ấy tên là Fantine. Cô ấy nói là rất thân với ông. Nào, ông muốn tôi đưa cô ấy lên không, có hay không?

Lần cuối tôi gặp Flora

Romain Ozorski

1.

Một năm sau

Hồ Como, Ý

Phòng ăn khách sạn mang lại cảm giác như đang lặn dưới hồ. Giữa mái vòm bằng đá cổ, bàn ghế bằng gỗ sáng màu và những vách kính lớn, phong cách tối giản của nơi này tương phản với sự tối giản của những ngôi nhà lớn theo kiểu tân cổ điển ở xung quanh.

Bảy giờ sáng, mặt trời còn chưa lên. Những chiếc bàn đã được bày ra, chờ đợi các vị khách trong cái im lặng trước trận chiến.

Tôi ngồi xuống một chiếc ghế đầu bên quầy bar. Tôi dụi mắt xua đi cơn mệt mỏi trong lúc ở phía sau quầy những tia phản chiếu màu lam phơn phớt của mặt hồ nhảy múa trên những phiến đá lát *ceppo di gre* lớn. Tôi gọi một cốc cà phê từ người phục vụ mặc bộ đồ smoking màu trắng đã rót cho tôi tách nhỏ rượu mật hoa nồng êm phủ một lớp kem tươi mịn.

Từ nơi quan sát của mình, tôi có cảm tưởng như đang ở trên một mũi thuyền. Vị trí lý tưởng để ngắm thế giới thức dậy. Đây

là thời điểm của những điều chỉnh cuối cùng: người dọn bể kết thúc việc dọn rửa bể bơi, người làm vườn tưới nước cho các bồn hoa và người lái thuyền đánh bóng chiếc du thuyền Riva thuộc sở hữu của khách sạn buộc trên bến.

– *Signore, vuole un altro ristretto?*

– *Volentieri, grazie.**

Tiếng Ý trong nguyên bản:

– Thưa ông, ông có muốn một chút cà phê ristretto nữa không?

– Rất vui lòng, xin cảm ơn.

Trên mặt quầy bằng gỗ hồ đào, một chiếc iPad cho phép lướt xem báo điện tử hằng ngày, nhưng đã từ lâu tôi trở nên vô cảm trước những nỗi đau của thế giới.

Tuy nhiên, từ một năm nay, cuộc sống đã vượt lên. Thậm chí đôi lúc có cảm tưởng tôi đã tìm lại được mạch sống sau một thời kỳ thiếu vắng mọi sự hiện diện và mọi mối lo ngoại trừ hạnh phúc của Théo. Cuộc đời thường lấy lại màu sắc khi nó được chia sẻ. Fantine đã trở về bên tôi và tôi cũng trở về bên cô ấy. Tôi rời đảo Corse không mấy tiếc nuối và chúng tôi đã mua lại căn nhà gần vườn Luxembourg, rốt cuộc căn nhà cũng giống với điều tôi hy vọng về nó. Théo, giờ đã học năm thứ hai trường Y, đến chỗ chúng tôi khá thường xuyên. Mùa đông kinh hoàng năm 2010 đã trôi rất xa. Với gần mười tám năm chậm trễ, Flora Conway, nhân vật sáng tạo của tôi - sáng tạo chung của chúng tôi, Fantine sẽ phản đối như thế -. cũng quây quần với chúng tôi.

Bất chấp vẻ đẹp của địa điểm và cảnh quan nơi này, chuyến đi cuối tuần tràn ngập tình yêu dưới chân dãy Alps ở phía nước Ý

của chúng tôi đã không khởi đầu suôn sẻ. Tôi tỉnh giấc người đầm mồ hôi lúc hai giờ sáng, một cánh tay tê cứng, tim đập dồn dập. Tôi đắp nước lên mặt, uống một viên thuốc và mạch tôi dần đập chậm lại, nhưng tôi không ngủ lại được. Những cơn mất ngủ này xảy ra ngày càng thường xuyên: Không hẳn là ác mộng, mà đúng hơn chúng là những câu hỏi ám ảnh cứ trở lại đục khoét tôi nặng nề. Và một trong số đó là: Flora đã ra sao?

Suốt nhiều năm tôi bỏ mặc cô ta như người đã chết, nhưng cô ta có chết thật không? Cô ta có nắm bàn tay mà tên người thổ chìa ra để lao xuống khoảng không cùng hắn? Hay cô ta đã vùng thoát khỏi sự chi phối của gã vào giây cuối?

Flora Conway, chính là tôi...

Tôi chưa bao giờ quên điều đó. Nhưng tôi sẽ làm gì khi ở vị trí cô ta? Flora và tôi là những kẻ giả vờ yếu đuối. Tức là, những người thật ra rất cứng rắn. Phải, đó là điều chúng tôi biết làm giỏi nhất: chịu đựng*. Khi họ nghĩ chúng tôi đã bị dìm xuống đáy, chúng tôi sẽ tìm trong mình sức mạnh để đạp chân trở lại mặt nước. Ngay cả khi bị quật ngã trên chiến trường, chúng tôi cũng luôn có những kế hoạch dự phòng để phút cuối ai đó sẽ đến cứu. Điều đó ở trong người chúng tôi, những tiểu thuyết gia. Bởi vì viết văn hư cấu chính là nổi loạn chống lại số mệnh được sắp đặt sẵn của thực tại.

Tác giả chơi chữ, trong tiếng Pháp, cứng rắn là *dur*, chịu đựng là *endurer*, có chứa từ *dur*.

Khoác lác? Những lời hão huyền? Quả là tôi dừng viết đã lâu, nhưng không viết nữa không có nghĩa không còn là nhà văn. Và

khi nghĩ kỹ, tôi thấy chỉ có một cách để biết chuyện gì đã xảy ra với Flora. Đó là viết nó ra.

Tôi mở khóa chiếc máy tính bảng đặt trước mặt và kiểm tra xem nó có cài đặt ứng dụng soạn thảo văn bản không. Đây không phải thiết bị viết ưa thích của tôi, nhưng nó cũng được việc. Sẽ là sai lầm khi nói tôi không sợ. Hơn mười năm nay, tôi đã thực sự giữ lời hứa không viết nữa được đưa ra trong một buổi tối giá lạnh tháng Một tại một nhà thờ Chính thống giáo, và các vị chúa không thích chúng ta lật lọng với lời hứa của mình. Nhưng những thứ tôi đang nghĩ trong đầu chỉ là một sự bội ước nhỏ xíu đối với giao kèo ấy. Chỉ là chút ngông cuồng. Tôi chỉ muốn biết tin tức về một trong những nhân vật của mình. Tôi gọi cốc cà phê thứ ba và mở ứng dụng. Thật sung sướng khi lại cảm nhận thấy cơn rừng mình khe khẽ chạy ngược sống lưng trước khi nhảy vào vùng xa lạ.

*Hai voluto la bicicletta? E adesso pedala!**

Tục ngữ Ý trong nguyên bản: Anh muốn có cái xe đạp này mà? Vậy giờ thì đạp đi thôi!

Đầu tiên là những mùi hương. Những mùi hương làm hiện lên những hình ảnh. Những mùi hương xa xôi từ thời thơ ấu và những chuyến nghỉ mát. Mùi hương của kem chống nắng có...

2.

Đầu tiên là những mùi hương. Những mùi hương làm hiện lên những hình ảnh. Những mùi hương xa xôi từ thời thơ ấu và

những chuyến nghỉ mát. Mùi hương của kem chống nắng có dầu monoi, mùi hương hoài niệm trên râu của bố, của bánh waffle và táo xiên bọc kẹo bơ. Mùi hương dầu mỡ nhưng gây nghiện của *onion rings*, của *sausage pizza*. Mỗi người một chiếc bánh madeleine, một xứ Combray, một bà cô Léoniet* của riêng mình. Rồi tiếng kêu của lũ mòng biển, tiếng reo của bọn trẻ con, tiếng sóng biển, tiếng sóng dội ngược trở lại, tiếng nhạc dân gian trong các chợ phiên.

Những liên tưởng tới tác phẩm *Bên phía nhà Swann* của Marcel Proust.

Tôi bước trên lối đi dạo bằng gỗ của một bãi tắm nhỏ men dọc đại dương. Một bên tàu, một bờ biển cát trắng, và đằng xa, hình dáng một vòng đu quay cùng tiếng ồn ào nhức óc của một hội chợ phiên. Những tấm biển quảng cáo dọc theo *boardwalk* khiến không còn chỗ cho nghi ngờ: tôi đã hạ cánh xuống... Seaside Heights ở New Jersey.

Thời tiết dễ chịu, mặt trời đang lặn ở đường chân trời và sắp sửa khuất hẳn, nhưng mọi người vẫn nán ná trên bãi cát. Tôi bước xuống bãi biển. Một đứa bé trai làm tôi nghĩ đến Théo hồi còn bé. Một bé gái chơi với nó gọi về đứa con gái tôi từng mong sẽ có nhưng sẽ không bao giờ có. Bầu không khí thân thiện, có vẻ như nằm ngoài thời gian, mọi người chơi bóng chuyền, quần vợt bãi biển, họ ăn bánh mì kẹp xúc xích, tắm nắng vừa nghe Springsteen hay Billy Joel

Vài thân hình lộ ra dưới áo tắm, trong sự đau khổ, tội lỗi hay thờ ơ. Một số khác thu hút những ánh nhìn. Còn tôi, tôi quan sát

kỹ những khuôn mặt, hy vọng trông thấy Flora, nhưng tìm kiếm vô ích, tôi không thấy cô ấy. Trong đám đông còn lại vài người đọc sách. Như một cái máy, tôi đọc kỹ những cái trên tên bìa những cuốn sách: Stephen King, John Grisham, J.K. Rowling... Những người ở vị thế cao suốt nhiều thập kỷ. Không rõ vì sao, một bìa sách nhiều màu sắc thu hút sự chú ý của tôi. Tôi bước thêm vài bước trên cát để lại gần tấm đệm bơm hơi có quyển sách đặt bên trên.

Life After Life của Flora Conway.

- Tôi có thể mượn cuốn sách của cô một chút được không?
- Vâng, được chứ! nữ độc giả đó trả lời tôi, một người mẹ đang thay đồ cho đứa con sơ sinh. Ông cứ cầm đi, tôi đọc xong rồi. Cuốn sách rất hay, dù tôi không chắc mình hiểu rõ phần kết.

Tôi xem hình minh họa. Trong một New York cách điệu vào mùa thu, một phụ nữ trẻ với mái tóc đỏ, hai chân chơi vơi giữa không trung, đang níu vào mép một cuốn sách khổng lồ. Tôi lật cuốn sách lại để xem nhanh phần tóm tắt:

Đôi khi, không biết sẽ tốt hơn...

“Hoàng hốt, tôi gặp màn hình máy tính xuống làm phát ra một tiếng cạch cộc lốc. Ngồi trên ghế, trán nóng bừng, cảm giác rùng mình chạy khắp châu thân. Mắt tôi cay cay, một cơn đau buốt khiến vai và cổ tôi tê cứng. Chết tiệt, đây là lần đầu tiên một nhân vật gọi tôi trực tiếp giữa lúc tôi đang viết một cuốn tiểu thuyết!”

Câu chuyện của tiểu thuyết gia Romain Ozorski khởi đầu như thế. Giữa lúc đổ vỡ về tình cảm và gia đình, cũng là khi đang viết những chương đầu tiên của cuốn tiểu thuyết mới, một trong những nữ nhân vật chính của ông đã xâm nhập vào cuộc đời ông. Cô tên là Flora Conway. Con gái cô đã mất tích sáu tháng trước đó. Và Flora vừa hiểu ra ai đó đang giật dây cuộc đời cô, rằng cô là con mồi của một kẻ thao túng, một nhà văn làm tan nát trái tim và cuộc đời cô không thương tiếc.

Vì vậy, Flora nổi loạn. Khởi đầu một cuộc đối mặt nguy hiểm giữa hai người.

Nhưng ai thật sự là nhà văn và ai là nhân vật?

Là nữ tiểu thuyết gia nổi tiếng, giành Giải Kafka cho toàn bộ tác phẩm của mình, Flora Conway đã mất cô con gái nhỏ ba tuổi trong một tai nạn bi thảm. Trong cuốn tiểu thuyết đầy xúc động này, cô sẽ cho chúng ta một lời kể độc nhất vô nhị về sự tang tóc cùng lời ngợi ca quyền lực cứu chuộc của việc viết.

Tôi choáng váng mất một lúc khi phát hiện ra nếu trong thực tại của tôi, Flora là một nhân vật trong tiểu thuyết của tôi, thì trong thực tại của cô ta, tôi lại đóng vai đó và trở thành con rối của cô ta.

Thực tại... Hư cấu... Suốt cuộc đời tôi đã đi tìm ranh giới rất mờ hồ giữa chúng. Không gì gần với cái thật bằng cái giả. Và không ai nhầm lẫn hơn những người tưởng mình chỉ sống trong thế giới thực, bởi khi con người coi một hoàn cảnh nào đó là thực tế, thì sau đó chúng sẽ trở thành thực tế.

3.

Tôi lên cầu thang để trở lại lối đi dạo bằng gỗ chạy men bờ biển. Hội chợ cuốn hút tôi như một người tình. Mùi thơm tỏa ra từ những sạp bán khoai tây rán tra tấn tôi, cảm giác đói cồn cào đi theo những chuyến ghé thăm Flora chiếm trọn lấy tôi. Tôi đi dọc các quán bán đồ lưu niệm và kiếm tìm nơi bán một chiếc bánh mì kẹp xúc xích, rồi vào lúc ít ngờ tới nhất, tôi trông thấy Mark Rutelli. Đang ngồi ở bàn ngoài hiên một nhà hàng trên bờ biển, ông vừa uống nốt cốc espresso vừa ngắm biển. Vị cựu cảnh sát trông thật khó nhận ra, như thể thời gian đã trôi ngược: dáng người dong dỏng, khuôn mặt nhẵn nhụi, ánh mắt dịu dàng, trên người mặc bộ đồ thể thao.

Lúc tôi chuẩn bị đi đến chỗ ông, có ai đó gọi Rutelli:

– Xem con tìm được gì này, bố ơi!

Tôi quay đầu nhìn về hướng có giọng trẻ con. Một cô bé tóc vàng bảy hoặc tám tuổi ôm một con gấu bông khổng lồ chạy lại từ gian hàng bắn súng. Tim tôi thắt lại khi thấy Flora Conway đi sau cô bé.

– Hoan hô Sarah! Rutelli reo lên và bắt trúng cô bé trước khi nhắc bóng để đặt cô bé lên vai.

Tất nhiên, đó không phải Carrie. Tất nhiên, sẽ không ai thay thế được Carrie, nhưng khi chứng kiến cả ba người họ rời mái hiên, tôi cảm nhận một niềm vui sâu sắc. Hai con người đau khổ này, giống như tôi, đã tìm lại được cuộc sống. Thậm chí đã mang đến cho đời một đứa bé.

Khi đang bước đi trên *boardwalk* và mặt trời tỏa những tia nắng cuối cùng, Flora ngoái nhìn về phía tôi. Trong một thoáng, ánh mắt chúng tôi gặp nhau và cả hai trào dâng lòng biết ơn.

Rồi tôi búng tay và biến mất vào bầu không khí lúc chiều tối.
Như một nhà ảo thuật.

Thứ Bảy ngày 10 tháng Sáu, 9 giờ 30 sáng

Tiểu thuyết hoàn thành.

Tôi trở về đời thực.

Georges SIMENON,

Khi tôi già đi